



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Đồng Trực
Thư ký: ĐĐ. Thích Chúc Thiền
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: Vĩnh Hào
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Vĩnh Hào
Hình bìa: picstopin.com

LIÊN LẠC:

- **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com
- **Quảng cáo/Phát hành:**
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **CẦU NGUYỆN, CỨU TRỢ NẠN NHÂN BẢO HAIYAN** (GHPGVNTNHNK), tr. 7
- ♦ **LÀM ĐẸP THÂN TÂM** (Thích Chúc Đại), trang 8
- ♦ **GƯƠNG SÁNG KIỆU ĐÀM DI** (thơ Thăng Hoan), trang 9
- ♦ **TÁNH KHÔNG LUẬN LÀ GÌ?** (Tuệ Sỹ), trang 10
- ♦ **NHƯ NHIÊN, BÊN BỜ...** (thơ Phù Du), trang 12
- ♦ **THIỆN VÀ ÁC LÀ GÌ?** (Tuệ Uyển dịch), trang 13
- ♦ **THẢ HƯƠNG LÊN TRỜI** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 14
- ♦ **MỘT CƠ HỘI ĐẸN ƠN ĐÁT NƯỚC PHI** (Trần Trung Đạo), trang 15
- ♦ **LỄ GIỖ TÒ LIÊU QUÁN & CHUNG THẤT ĐLHT THÍCH CHÍ TÍN**, trang 16
- ♦ **NẮNG HAI BỜ BIÊN GIỚI** (Tuệ Như), trang 18
- ♦ **LỤC BÁT BA CÂU** (thơ Nguyễn Tôn Nhan), trang 19
- ♦ **CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC** tt (Thích Trí Chơn dịch), tr. 20
- ♦ **HÀU THẦY VÀO CỘI VỎ DỪ NIẾT BÀN** (Nguyễn Siêu), trang 24
- ♦ **TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ** (Huỳnh Tấn Lê), trang 26
- ♦ **DIỆT NGAY LỤC TẠC NGOÀI ĐỜI** (thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao), trang 27
- ♦ **TÔ MẠN THỦ** (Toại Khanh), trang 28
- ♦ **LẠC NẸO ĐỜI, CỘI RIÊNG** (thơ Quỳnh Dao), trang 30
- ♦ **CÓ HAY KHÔNG ÔNG GIÀ NOEL** (Lê Bích Sơn sưu tầm), trang 31
- ♦ **NỤ CƯỜI** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ **TÂM XÃ** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ **QUAN SÁT CẢM THỌ** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 35
- ♦ **ĂN CHAY VÌ LÒNG TỪ BI** (Tâm Diệu), trang 36
- ♦ **CÓ PHẢI, NẮNG MÙA, MÂY MÙA** (thơ Huyền Vũ), trang 37
- ♦ **MÙA THU, NHỮNG KHẮC KHOÀI RỂO GỌI** (Cư sĩ Liên Hoa), trang 38
- ♦ **NHẠC SĨ NGHIÊM PHÚ PHÁT VỚI ĐỒNG NHẠC MỚI** (Cư sĩ Nguyên Giác), trang 41
- ♦ **BUÔNG XÃ** (thơ Minh Lương Trương Minh Sung), trang 42
- ♦ **TÁNH KHÔNG** (Hoang Phong dịch), trang 47
- ♦ **BIẾN ĐỜI PHÔI PHA...** (thơ Kha Nguyệt), trang 51
- ♦ **TẶNG MỘT VÀNG TRẮNG** (Phạm Huệ dịch), trang 54
- ♦ **CHÙM THƠ CUỐI THU** (thơ Mặc Phương Tử), trang 55
- ♦ **NẮNG, GIÓ VÀ CỬA-KHÔNG-CÁNH-CỬA** (Huệ Trân), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: KHOAI TÂY XÀO** (Diệu An), trang 57
- ♦ **CHUYỆN HAI NGƯỜI QUÉT RÁC** (Đào Văn Bình), trang 58
- ♦ **GIÒNG SÔNG, CÁNH THIÊN THẦN** (thơ Yên Chi), trang 59
- ♦ **HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SỰ LẦN VII** (Thích Minh Tuệ), trang 60
- ♦ **DỊ ỨNG THỰC PHẨM** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 66
- ♦ **TRÊN ĐÓA SEN HỒNG** (thơ Thích Hạnh Tuệ), trang 67
- ♦ **TÁNH KHÔNG** (Nguyễn Trung Hiếu), trang 68
- ♦ **CẦU ĐƯỢC ƯỚC THẤY VÓN XỬA NAY...** (Tịnh Minh soạn dịch), tr. 69
- ♦ **SAY THƠ MÙA ĐÔNG** (thơ Lê Phương Châu), trang 70
- ♦ **THE STORY OF SOREYYA** (Daw Mia Tin), trang 71
- ♦ **A BIGGER BUDDHIST CENTER FOR MORE PEACE OF MIND** (Mackenzie Reiss/OC Register), trang 72
- ♦ **KẾ Ở NGƯỜI ĐI** (H.A.), trang 74
- ♦ **KHÔNG ẮN HẠN** (Vĩnh Hữu), trang 75

Báo Chánh Pháp số 25, tháng 12 năm 2013, do Chùa Trúc Lâm (Chicago) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

BẤT SINH

Lá đã úa màu trên cây. Cũng có những lá đã vàng, khô, rơi lác đác trên thảm cỏ xanh, và trên những con đường dẫn quanh khu xóm. Trời bắt đầu lạnh. Từ lúc trời sẩm tối cho đến buổi sớm hôm sau, sương giăng dày đặc khiến cho ngọn đèn đầu đường chỉ có thể tỏa ra một vùng sáng nhỏ, lòe nhòa.

Khi mùa thu chuẩn bị qua đi, mùa đông chớm đến.

Thực ra thì mùa đông đã có trong mùa thu. Mùa thu đã có trong mùa hạ. Mùa hạ đã có trong mùa xuân. Mùa xuân đã có trong mùa đông.

Cái này luôn có mặt trong cái khác, và ngược lại.

Nếu cái này có một thực thể, một thực tánh nhất định thì không cái gì khác có thể làm duyên hay kết hợp với nó, và ngược lại.

Như vậy, nhờ không có thực tánh nhất định mà tất cả mọi sự vật đều có thể nương vào nhau mà sinh khởi, cũng nương vào nhau mà thay đổi và hủy diệt.

Triết lý nhà Phật nói sát-na sinh-diệt: nếu cái sinh ra không diệt đi ngay trong sát-na ấy thì nó sẽ sanh mãi không ngừng.

Thực ra thì không có cái gì sanh mãi. Nếu sanh mãi thì đất rộng trời cao này, không gian vũ trụ kia, có chỗ đâu mà dung chứa những con người, muôn thú và sự sự vật vật!

Cho nên dù thế nào, tất cả những gì có thể nắm bắt, thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm nhận được, đều phải sinh-diệt.

Mong đợi hay trốn chạy, nó vẫn như thế, vẫn đến trên những chập chùng có-không, mộng-thực; vẫn đến lưng chừng chập chập như con ốc sên bò qua vùng cỏ rói, như lá xanh chuyển màu thơ mộng trên những hàng cây, hay cuồng nộ thân tóc như bả lũ cuốn

trôi những con người, làng mạc và ruộng đồng...

Chúng ta sáng tạo, diễn tả, hân thưởng cuộc sống của chính chúng ta và muôn loài muôn vật trên giòng thời gian chuyển biến và trong không gian đôi đời ấy. Vẽ trên mặt cát những ước mơ thật đơn giản đến ngây ngô, cho đến những giấc mộng hảo huyền vĩ đại không bao giờ trở thành hiện thực. Những ước mơ và giấc mộng ấy có khi là thảm họa dài lâu cho đồng loại.

Vậy mà, đâu đó quanh ta, vẫn có những con người dường như không hề hay biết gì về những thống khổ bất an của kẻ khác. Vẫn có những con người loay hoay một đời, chuẩn bị cho mình nơi chốn an thân, nhàn nhã; mặc tình cơn bão lốc vô thường có thể quét qua những lâu đài thần thoại cổ tích, cuốn đi những dinh thự kiên cố hiện đại, hoặc phui sạch những dự án mơ hồ ngày mai...

Và cũng đâu đó quanh ta, có những kẻ nghịch thường, đi ngược dòng đời, như thế đang đi tìm một cái gì trường cửu bất diệt.

Có chăng một cái gì bất diệt? — Đó là cái chưa từng sinh. Đó là cái bất sinh. Cái đó không thể tìm (vì chưa bao giờ mất); không thể sở hữu (vì luôn hằng hữu). Vậy mà vẫn tìm kiếm. Cũng không phải là tìm kiếm, mà thực ra là lên đường, trở về cội nguồn xưa.

Trần gian trôi mãi trong giòng cuồng lưu biến-dị vô cùng. Con đường trở về cũng dài bất tận, bởi lẽ, nó chưa từng được sinh ra, chưa từng được vẽ vời hay sáng tạo bởi bất cứ ai trong cõi trời, cõi người.

Và trong khi những con thú đông-miền chuẩn bị tìm nơi an ổn cho giấc ngủ dài, từ nơi băng tuyết, vươn lên những loài dị thảo.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

MIỄN ĐIỆN: Vũ Hội Voi tại thị trấn Kyaukse

Ngày 18-10-2013, cư dân thị trấn Kyaukse (vùng Mandalay) tổ chức Vũ Hội Voi để đánh dấu sự kết thúc Mùa Chay của Phật giáo.

Người dân thị trấn đã làm khoảng 20 con voi lớn như voi thật từ khung tre, giấy bồi và vải sa tanh đen để dự thi giải vũ điệu voi hay nhất và voi được trang trí đẹp nhất.

Lễ hội này gắn liền với một truyền thuyết địa phương có từ thế kỷ thứ 6, khi Vua Miễn Điện Anawaratha muốn tôn trí một xá lợi răng Phật.

Nhà vua quyết định để cho đàn voi hoàng gia của mình chọn vị trí tốt lành nhất cho xá lợi này. Khi đàn voi dừng chân gần 2 ngọn núi Thar Lyaung và Kha Yway, vua cho xây chùa trên 2 đỉnh núi này và tôn trí xá lợi tại chùa Shwe Thar Lyaung.

Để tôn vinh đàn voi hoàng gia, hàng năm người ta tổ chức một lễ hội tại chân núi Thar Lyaung.

(Buddhist Art News - October 22, 2013)



Voi dự thi Vũ Hội Voi & khán giả địa phương và ngoại quốc thưởng lãm vũ hội- Photos: Zarni Mann

ẤN ĐỘ: Một triệu Phật tử Dalit (tầng lớp khốn cùng) tập trung tại địa điểm Cải đạo sang Phật giáo đầu tiên ở Nagpur

Hàng năm, một triệu người Dalit tập trung tại địa điểm Cải đạo sang Phật giáo đầu tiên tại thành phố Nagpur, Ấn Độ. Kể từ năm 1956 hàng triệu người Dalit đã đáp lời kêu gọi của Tiến sĩ Ambedkar để theo đạo Phật và thoát khỏi hệ thống giai cấp.

Ngày nay tại hàng nghìn làng mạc và phố thị, bàn thờ trong nhà của người Dalit tôn trí hình ảnh của Đức Phật và Tiến sĩ Ambedkar - một người mà họ tôn kính như một vị Bồ tát. Vào tháng 10 hàng năm, trên một triệu Phật tử Dalit đến Nagpur để tập trung tại địa điểm cải đạo ban đầu này.

Dù nghèo đói và thiếu thốn về giáo dục và nguồn lực, những Phật tử Dalit mới đang làm việc để tạo ra một xã hội công bằng và phát triển sự hiểu biết về đạo pháp của họ. Tại nhiều nơi, họ đã phát triển chùa chiền, trung tâm thiền và dự án xã hội, và các thể hệ Phật tử trẻ đang hoạt động để thực hiện tầm nhìn của Tiến sĩ Ambedkar về công bằng xã hội và phát triển cá nhân dựa trên giáo lý lâu đời của Đức Phật.

(The Buddhist Channel - October 24, 2013)



Phật tử Dalit tập trung tại thành phố Nagpur—Photo: Dishka Bhumi

PHI LUẬT TÂN: Phật tử cầu nguyện cho hòa bình tại Clark

Clark Freeport, Phi Luật Tân - Ngày 25-10-2013, các vị lãnh đạo Chùa Saifukuji thuộc Phật phái Chơn ngôn ở Kagoshima, Nhật Bản, đã cử hành một lễ cầu nguyện hành hương vì hòa bình thế giới tại Quan Âm Bình an Điện ở Clark Freeport.

Các vị lãnh đạo Hồi giáo, linh mục Công giáo và mục sư của các nhóm Cơ đốc giáo khác đã gửi thông điệp hòa bình trong cuộc hành hương này.

Từ năm 1998 đến 2012, sư trụ trì Ekan Ikeguchi của chùa Saifukuji là vị chủ lễ của cuộc cầu nguyện hành hương vì hòa bình thế giới tại đây.

Năm nay có khoảng 100 người Phi luật Tân và Nhật Bản tham gia các nghi lễ do 2 nhà sư Gosen Ikeguchi và Yumyo Sameshima chủ trì. Đền Quan Âm tọa lạc tại Đồi Lily, còn gọi là nơi sinh của máy bay cảm tử Thần phong (Kamikaze) và từng được xem là xương sống của Hải - Lục quân Nhật Bản tại Thái Bình dương thời Thế chiến II.

(Big News Network - October 27, 2013)



Quan Âm Bình an Điện tại Clark Freeport, Phi Luật Tân
Photo: commons.wikimedia.org

THÁI LAN: Đức Tăng thống của Phật giáo Thái Lan viên tịch

Ngày 24-20-2013, Đức Tăng thống Somdet Phra Nyanasamvara cuat Thái Lan đã viên tịch ở tuổi 100 tại Bệnh viện Chulalongkorn ở Bangkok, nơi ngài được điều trị kể từ khi nhập viện cách đây hơn một thập kỷ.

Là người đứng đầu Phật giáo Thái Lan với hơn 90% dân số là Phật tử, Đức Tăng thống có thẩm quyền pháp lý để giám sát các phái Phật giáo khác nhau.

Đức Tăng thống phát huy Phật giáo và đứng đầu Hội đồng Tăng đoàn Tối cao, vốn giám sát chư tăng của tất cả các giáo phái Phật giáo tại Thái Lan. Công việc của hội đồng là bảo đảm rằng tăng sĩ làm theo lời Phật dạy và không vi phạm các qui tắc do hội đồng lập ra.

(ABC News/AP)



Đức Tăng thống Somdet Phra Nyanasamvara của Thái Lan



Phụ nữ Thái cầm ảnh Đức Tăng thống bên ngoài Bệnh viện Chulalongkom, Bangkok, vào ngày 25-10-2013 (Photos: AFP & France 24)

HÀN QUỐC: Phục hồi Chùa Hwangryongsa (Hoàng Long Tự)

Gyeongju, Hàn quốc - Chùa Hwangryongsa được xây theo lệnh Vua Jinheung (540 - 576), là người muốn xây ngôi chùa lớn nhất chưa từng có tại Cao Ly, với diện tích đất chiếm hơn 71.500 m2. Nhưng toàn bộ khu phức hợp này đã bị quân xâm lược Mông Cổ phá hủy vào năm 1238.

Cục Di sản Văn hóa Hàn quốc và Thành phố Gyeongju đã chung tay thành lập Viện Nghiên cứu Hwangryongsa để phục hồi ngôi chùa, như một phần của chương trình nhằm làm cho Gyeongju trở thành thành phố lịch sử và văn hóa hàng đầu của quốc gia.

Trung tâm Nghiên cứu Hwangryongsa mới được thành lập là một tòa nhà 2 tầng có diện tích hơn 2.865 m2 với kinh phí 13

triệu USD, bao gồm các phòng quan hệ công chúng, cơ sở nghiên cứu, lưu trữ v.v. "Cho đến ngày chùa Hwangryongsa được phục hồi hoàn toàn, Trung tâm Nghiên cứu Hwangryongsa sẽ cung cấp cho nhân dân thông tin về di tích lịch sử này, và tiếp tục việc nghiên cứu khảo cổ học của chúng tôi", Cục Di sản Văn hóa Hàn quốc cho biết.

(BTN - October 28, 2013)



Ý tưởng hội họa về ngôi chùa Hwangryongsa được phục hồi
Photo: Emi Hailey Hayakawa

HOA KỲ: Triển lãm tranh Phật giáo của nữ họa sĩ Hedy Kline-man

Nhà Tây Tạng (tọa lạc tại 22 West 15th Street, thành phố New York) giới thiệu cuộc triển lãm tranh mang tên "Phật Trong Vườn" - một triển lãm cá nhân gồm hơn 50 bức tranh của nữ họa sĩ Hedy Klineman. Triển lãm sẽ được trưng bày từ ngày 3-10 đến 18-12-2013.



Tranh Phật giáo của nữ họa sĩ Hedy Klineman—Photos: Tibet House US

Các tác phẩm tôn giáo với tông màu sáng của Klineman được trình bày bằng tranh trên sợi vải acrylic và in lụa lên vải và giấy.

Tác phẩm của nữ họa sĩ Klineman đã từng xuất hiện tại các bảo tàng Whitney, Rubin, Hood và Vizcaya và trong triển lãm cá nhân của cô tại các địa điểm khác. Tranh của Klineman hiện có mặt tại một số tổ chức quốc tế và trong các bộ sưu tập cá nhân của Richard Gere, Uma Thurman, Patrick McMullan, Shelley và Donald Rubin...

(Tibet House US - October 15, 2013)

NAM PHI: Liên hoan Phim Phật giáo Quốc tế lần thứ nhất tại Cape Town

Liên hoan Phim Phật giáo Quốc tế lần thứ nhất tại châu Phi do tổ chức Phim Tịch hiểu Ý thức giới thiệu đang diễn ra tại Rap Labia ở khu Gardens, thành phố Cape Town của Nam Phi từ ngày 15 đến 27-10-2013.

Liên hoan mở màn với 2 phim của nữ đạo diễn Victress Hitchcock là "Công đức: Chư ni tại Tsoknyi Nangchen của Tây Tạng" và "Khi Chim Sắt Bay: Phật giáo Tây Tạng đến phương Tây".

Do diễn viên Richard Gere thuyết minh, phim thứ nhất tìm hiểu căn rễ hệ thống tu viện Phật giáo Tây Tạng, đặc biệt là về vai trò thay đổi của chư ni Tây Tạng, và phim thứ hai tìm hiểu sự tương tác phức tạp giữa Phật giáo Tây Tạng và văn hóa Tây phương.

(barathron - October 16, 2013)



Nữ đạo diễn Victress Hitchcock và các ni cô ở đông Tây Tạng - trong phim "Công đức".
Photo: Theresa Smith

HOA KỲ: Tổ chức Phật giáo Cứu trợ Toàn cầu (BGR) cổ vũ hành động nhân Ngày Lương thực Thế giới

Nhân ngày Lương thực Thế giới 16-10, tổ chức BGR (có trụ sở tại Sparta, New Jersey) đã thông báo 'đang tham gia hoạt động của Oxfam America và Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc là thúc đẩy các hệ thống lương thực bền vững - như là phương tiện để bảo đảm an ninh lương thực và dinh dưỡng - những chủ đề vốn hướng dẫn tất cả các dự án của BGR.

Hướng đến mục tiêu đó, BGR đã tổ chức các cuộc Đi Bộ để Cho Người Đói Ăn tại các thành phố khác nhau cho đến ngày 8-12-2013. Và từ 17-10 và 'tuần lễ hành động' sau đó, BGR khuyến khích các hoạt động gồm chia sẻ một bữa ăn; thảo luận về vấn đề nạn đói thế giới và cam kết thực hiện hành động; tham gia vào một trong những cuộc Đi Bộ để Cho Người Đói Ăn; viết thư, gọi điện thoại hoặc đến viếng các đại diện chính trị địa phương, tiểu bang hoặc quốc gia để hỏi họ về những hành động cụ thể gì mà họ đang thực hiện để giải quyết các vấn đề về lương thực.

(Buddha Dharma - October 17, 2013)



Lễ qui nạp 2 tượng môn thần Nio tại bảo tàng Rijks ở Amsterdam, Hòa Lan—Photo: Jun Nojima

HÒA LAN: 2 tượng môn thần Nio của Phật giáo Nhật Bản tại bảo tàng quốc gia Rijks ở Amsterdam

Amsterdam, Hòa Lan - Ngày 13-10-2013, tại bảo tàng Rijks vừa được tu sửa, các nhà sư Nhật Bản từ Kyoto đã thực hiện một nghi lễ Phật giáo cho 2 tượng môn thần Nio có niên đại từ thế kỷ 14.

Đến từ ngôi chùa Daikakuji được thành lập vào năm 876 (ở Kyoto), các nhà sư đã tụng Tâm Kinh để đánh dấu lễ qui nạp chính thức của 2 tượng thần canh giữ lối vào chùa này.

Rijks, bảo tàng quốc gia Hòa Lan, mở cửa lại vào tháng 4-2013 sau một dự án cải tạo 10-năm. Ban quản lý bảo tàng đã mua lại 2 tượng môn thần nói trên từ Kyoto.

Nổi tiếng vì vẻ mặt dữ tợn, 2 tượng môn thần theo truyền thống được tôn trí bên trái và bên phải của cổng chùa.

(Buddhist Art News - October 19, 2013)



Một cuộc Đi Bộ để Cho Người Đói Ăn do BGR tổ chức
Photo: Buddhist Peace Fellowship

BANGLADESH: Phật tử bản địa mừng lễ Probarana

Ngày 19-10-2013, Phật tử bản địa tại Bandarban bắt đầu kỷ niệm ba ngày lễ Probarana Purnima, lễ hội lớn thứ hai của Phật giáo. Được gọi là Wagai Poye theo địa phương, đây là một trong những lễ hội tôn giáo lớn nhất tại Chittagong Hill Tracts, nơi sinh sống của nhiều cộng đồng dân tộc.

Trong lễ kỷ niệm kéo dài ba ngày này, các Phật tử bản địa sẽ hành lễ cúng dường nền (Pradeep Puja), tổ chức các chương trình văn hóa truyền thống, thực hiện các nghi lễ, tổ chức lễ hội làm bánh, kéo xe ngựa trong thị trấn, và vào buổi tối thả hoa đăng (Fanush). Mỗi năm nhiều khách du lịch từ trong và ngoài nước tập trung tại Bandarban để thưởng lãm các lễ hội truyền thống do những người bản địa của khu vực này tổ chức.

(Buddhist Door – October 20, 2013)

NHẬT BẢN: Cổng Sanmon của Chùa Chionin mở cửa cho công chúng vào ban đêm

Kyoto, Nhật Bản – Tòa nhà cổng Sanmon khổng lồ có trang trí công phu tại chùa Chionin sẽ mở cửa vào ban đêm cho khách tham quan từ ngày 1-11 đến 1-12-2013.

Cổng Sanmon được xây vào năm 1621, và Chùa Chionin – ngôi chùa chính của Phật phái Tịnh Độ – có từ thế kỷ thứ 13.

Trong suốt một tháng mở cửa bảo vật quốc gia này, các tượng và tranh Phật giáo bao gồm tượng Đức Phật, các tượng 16 La hán và các tranh vẽ trên trần của những họa sĩ nổi tiếng trường phái Kano sẽ được thắp sáng để công chúng chiêm ngưỡng rõ hơn.

Cũng vào buổi tối ngày 1-11-2013, đèn bắt đầu chiếu sáng các phần khác của khuôn viên, chẳng hạn như tháp chuông Daishoro nổi tiếng về tiếng chuông gióng vào đêm Giao thừa Năm mới, đại sảnh Amidado và những cây thích.

(Asahi Shimbun – November 2, 2013)

Bên trong tòa nhà cổng Sanmon được thắp sáng vào ban đêm - Photo: Noboru Tomura

-->

PAKISTAN: Những tác phẩm Phật giáo khắc trên đá cần được bảo vệ

Các nhà khảo cổ học và hoạt động văn hóa nói rằng những tác phẩm Phật giáo khắc trên đá tại quận Swat của tỉnh Khyber Pakhtankhwa ở Pakistan đang mòn đi nhanh chóng và cần một chiến lược bảo tồn với sáng kiến tốt của Sở Khảo cổ học để bảo vệ chúng khỏi sự phá hoại.

Những tác phẩm khắc đá này có niên đại từ nền văn minh Gandhara, được xem là một cái nôi của Phật giáo, vốn kéo dài từ đầu thiên niên kỷ thứ nhất BC đến thế kỷ 11 AD tại bắc Pakistan và đông Afghanistan ngày nay. Hầu hết các tác phẩm khắc đá nói trên mô tả Đức Phật hoặc những nhân vật xuất chúng trong Phật giáo cổ đại. Phần còn lại được xem là những kiệt tác của nghệ thuật và lịch sử, có thể thu hút du khách và các học giả từ khắp nơi trên thế giới.

Tuy nhiên, chúng đang gặp nguy cơ bị hủy hoại do thời tiết, bị bỏ mặc hoặc do những kẻ phá hoại.

(tipitaka.net – November 2, 2013)



Tượng Phật giáo khắc trên đá tại Pakistan - Photo: Fazal Khaliq



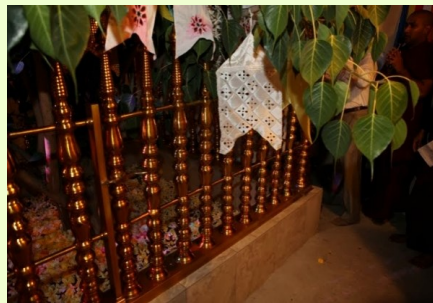
HOA KỲ: Hàng rào bằng vàng bao quanh cây bồ đề tại Tịnh xá Sambuddhaloka

California, Hoa Kỳ - Vào ngày 12-10-2013 tại Tịnh xá Sambuddhaloka ở thành phố Moreno Valley, một hàng rào bằng vàng đã được dựng lên quanh cây bồ đề của chùa này. Cây bồ đề còn được gọi là "Cây Trí tuệ" vì Đức Phật đã đạt giác ngộ dưới bóng mát của một cây bồ đề rất đẹp tại Bồ đề Đạo tràng, Ấn Độ.

Lễ khánh thành hàng rào bằng vàng diễn ra với các nghi lễ Phật giáo và sau đó là một cuộc thảo luận về giáo lý.

Cây bồ đề nói trên được trồng tại Tịnh xá Sambuddhaloka cách đây 10 năm, khi Sư trưởng Wathogala Saranasori thành lập chùa này. Tịnh xá có tổ chức các lớp học vào Chủ nhật và lớp dạy tiếng Sinhala cho trẻ em, các buổi thảo luận đạo pháp hàng tháng và các lớp thiền định hàng tuần.

(Tipitaka Network – November 3, 2013)



Hàng rào bằng vàng của cây bồ đề tại Tịnh xá Sambuddhaloka Phật tử dự lễ khánh thành hàng rào bằng vàng Photos: Sri Express

MIỀN ĐIỆN: Tượng Phật thế kỷ 11 trở về cố quốc sau 2 thập kỷ ở nước ngoài

Vào năm 1989, 4 tác phẩm điêu khắc cổ bị lấy đi từ một ngôi chùa gần Bagan, một thành phố ở miền trung Miến Điện vốn nổi tiếng về các công trình kiến trúc và cổ vật tôn giáo thuộc thế kỷ thứ 11. Một trong những tác phẩm điêu khắc nói trên - một tượng Phật bằng sa thạch cao gần 2 feet đã bị hỏng - được nhiều học giả xem là một phần quan trọng của di sản Phật giáo Miến Điện.

Tượng này sau đó được một người buôn tác phẩm nghệ thuật tại San Francisco nhập khẩu Hoa Kỳ vào năm 1990. Về sau, tượng bị FBI tịch thu tại thành phố New York, được triển lãm tại một trường đại học ở Illinois trong vài

năm, và vào năm 2012 được gửi đến Paris theo lệnh của đại sứ Miền Điện tại Pháp.

Nhưng gần đây tượng đã trở về Miền Điện và hiện nay được tôn trí trên một bệ ở tầng trên của bảo tàng quốc gia.

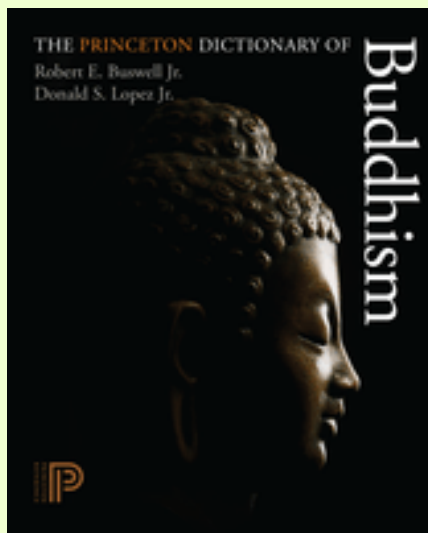
(Buddhist Art News – November 6, 2013)

HOA KỲ: Princeton University Press xuất bản Từ điển Phật giáo Toàn thư

Sau hơn một thập kỷ thực hiện, ngày 4-11-2013 Từ điển Phật giáo Princeton đã được phát hành. Với sự nỗ lực hợp tác giữa 2 học giả Phật giáo có uy tín là Robert E. Buswell Jr. và Donald S. Lopez, cuốn từ điển dày 1.300 trang này được nhà xuất bản mô tả là “từ điển Phật giáo toàn diện và có thẩm quyền nhất từng được xuất bản bằng tiếng Anh”.

“Nó cũng là cuốn đầu tiên bao gồm những thuật ngữ từ tất cả các ngôn ngữ và truyền thống Phật giáo kinh điển: tiếng Phạn, Pali, Tây Tạng, Trung quốc, Nhật Bản và Hàn quốc,” phần mô tả tiếp tục. “Không giống các tác phẩm tham khảo vốn chỉ tập trung vào một ngôn ngữ hoặc trường phái Phật giáo, Từ điển Phật giáo Princeton là cầu nối các truyền thống Phật giáo lớn để cung cấp lượng tài liệu bách khoa về những thuật ngữ, khái niệm, văn bản, tác giả, thần thánh, trường phái, tu viện và địa danh quan trọng nhất từ khắp lịch sử của Phật giáo”.

(Shambhala Sun – November 7, 2013)



Từ điển Phật giáo Princeton
Photo: Buddha Dharma



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A.
Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

Phật Lịch 2557

Số 22/HĐĐH/TT/CT

THÔNG TƯ

Về Việc Cầu Nguyện, Lạc Quyền Cứu Trợ Nạn Nhân Bão Haiyan tại Phi Luật Tân

Kính gửi: Chư Tôn Trưởng Lão, Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, và quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTNHNK,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTNHNK,

Sau năm 1975, vì không chịu đựng được chế độ độc tài toàn trị Cộng Sản Việt Nam chà đạp quyền sống và quyền làm người của người dân, một làn sóng vượt biên tị nạn Cộng Sản đã diễn ra trên khắp đất nước và tràn qua các quốc gia vùng Đông Nam Á. Đáp ứng lời kêu gọi của Liên Hiệp Quốc, chính quyền và người dân Phi Luật Tân đã hết lòng hết dạ giúp đỡ cho hàng trăm ngàn thuyền nhân Việt Nam trên tất cả mọi mặt, từ nơi ăn chốn ở đến việc học hành ngoại ngữ và các nghề nghiệp chuyên môn chuẩn bị cho người tị nạn vốn liếng trước khi được sang định cư tại đệ tam quốc gia. Đó là ân nghĩa lớn lao mà hàng trăm ngàn đồng bào Việt Nam tị nạn đã từng trực tiếp tiếp nhận, và hàng triệu thân nhân của những thuyền nhân này được gián tiếp cảm nhận phải luôn luôn khắc ghi tạc dạ.

Thật không may, hiện nay, đất nước giàu tình nghĩa nhân loại Phi Luật Tân này đang bị tàn phá khốc liệt bởi cơn bão Haiyan vào các ngày đầu tháng 11 mà sự thiệt hại nhân mạng lên đến nhiều ngàn người và thiệt hại vật chất được ước lượng lên tới 19 tỉ Mỹ kim, với hàng trăm ngàn ngôi nhà bị phá hủy, nhiều ngôi làng bị xóa sổ, hàng triệu người sống trong cảnh màn trời chiếu đất.

Trước thảm họa thiên tai kinh hoàng này của một đất nước và dân tộc đã từng mở rộng vòng tay nhân ái cứu mang hàng trăm ngàn thuyền nhân Việt Nam, chúng ta cần thể hiện lòng tri ân và báo ân đối với đất nước và dân tộc Phi Luật Tân bằng những hành động cụ thể.

Chính vì vậy, thay mặt Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK, chúng tôi thành tâm khuyến thỉnh chư Tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ thành viên Giáo Hội tùy hoàn cảnh sở tại thiết lễ cầu nguyện cho các nạn nhân bão Haiyan tại Phi Luật Tân và Miền Trung Việt Nam kẻ còn người mất được an triêm công đức, và vận động đồng hương Phật tử quyền góp tình tài để cứu trợ cho các nạn nhân bão Haiyan tại Phi Luật Tân và Việt Nam đang cần sự trợ giúp khẩn cấp.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ thành tâm chia sẻ sự mất mát lớn lao do cơn bão Haiyan gây ra cho đất nước Phi Luật Tân và cầu nguyện cho các nạn nhân quá cố được sinh về miền vĩnh phúc, các nạn nhân còn sống sót sớm phục hồi sinh hoạt bình thường.

Kính thông tư,
Santa Ana, ngày 11 tháng 11 năm 2013,
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK
Chủ tịch,
(ấn ký)
Sa môn Thích Tín Nghĩa

LÀM ĐẸP THÂN TÂM

Thích Chúc Đại



Sự kết hợp của hai yếu tố thân và tâm xây dựng nên thân ngũ uẩn của một con người. Rồi từ con người đó, trong suốt quá trình sống, con người có thể thực hành thiện pháp, sống với thiện nghiệp khiến cho thân tâm vị ấy được an lạc, hạnh phúc và cho đến giải thoát. Nhưng cũng từ con người này, họ cũng có thể gây ra biết bao điều bất thiện dẫn đến thân tâm phải chịu nhiều khổ đau và bất hạnh. Vậy đâu là nguyên nhân của vấn đề? Làm thế nào để chúng ta có được đời sống trọn vẹn trong niềm hỷ lạc của kiếp người? Đây là câu hỏi lớn mà con người luôn trăn trở. Cùng với nỗi trăn trở ấy, chúng tôi quay về lời dạy của bậc Đạo Sư để tìm ra lời giải đáp cho những mê mờ của chính mình, đồng thời hy vọng được chia sẻ cùng bạn đọc.

Trong hệ thống thánh điển A Hàm, “kinh Tăng Nhất A Hàm” quyển 21, phẩm An lạc, kinh số 2⁰¹, đức Phật đã giảng dạy cho các học trò của mình về bốn hạng người xuất hiện trên thế gian này. Những gì là bốn? — Thứ nhất, hạng người thân vui tâm không vui; thứ hai, hạng người tâm vui thân không vui; thứ ba, hạng người tâm cũng không vui, thân cũng không vui; thứ tư, hạng người thân cũng vui tâm cũng vui.

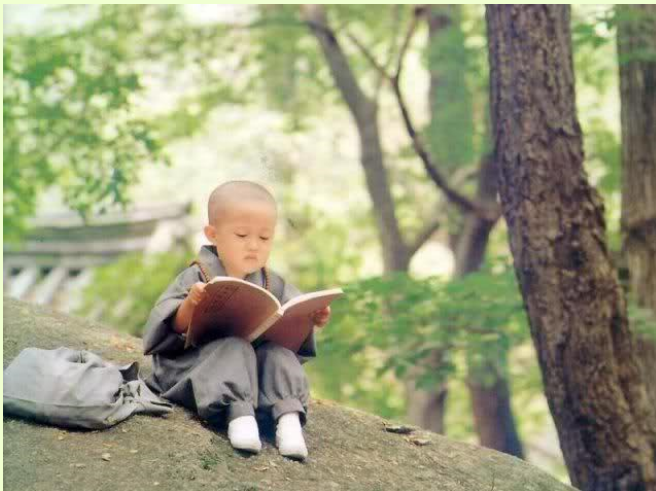
Để làm sáng tỏ những lời dạy của mình, Thế Tôn đã luận giải như sau:

Thứ nhất, hạng người thân vui tâm không vui

Những người nào thân vui tâm không vui? Ở đây, người phạm phu tạo phước, đối với bốn sự cúng dường như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, không gì thiếu thốn; nhưng không thoát các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng lại không thoát khỏi trong ác thú. Đây gọi là người thân vui tâm không vui.

Thứ hai, hạng người tâm vui thân không vui

Những người nào tâm vui thân không vui? Chỉ những



vị A-la-hán không tạo công đức. Ở đây, trong bốn sự cúng dường, tự mình không thể tự lo xong, không bao giờ có được. Chỉ thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Giống như Tỳ-kheo La-hán Duy Dự.⁰² Đó gọi là người này thân vui tâm không vui.

Thứ ba, hạng người tâm cũng không vui, thân cũng không vui

Những người nào thân cũng không vui, tâm cũng không vui? Là người phạm phu không tạo công đức, không thể có được bốn sự cúng dường như y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, lại không thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đó gọi là người này thân cũng không vui, tâm cũng không vui.

Thứ tư, hạng người thân cũng vui tâm cũng vui

Những người nào thân cũng vui, tâm cũng vui? Chỉ cho các A-la-hán tạo công đức, bốn sự cúng dường không gì thiếu thốn như y phục, đồ ăn thức uống, giường chiếu, thuốc men trị bệnh. Lại thoát khỏi các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Từ luận giải của kinh văn, chúng ta có thể nhận ra có sự khác biệt về nỗi khổ và an lạc của thân và tâm. Hay nói cách khác, bất luận từ hàng phạm phu cho đến thánh giả A-la-hán đều có sự tồn tại của hai vấn đề khổ đau và hạnh phúc liên quan trực tiếp đến thân thể và tâm thức, mà được cụ thể hóa qua bốn trạng thái sau:

Thứ nhất, trong đời sống này, nếu chúng ta biết tạo phước đức, biết làm việc chân chánh, có đầy đủ cơm ăn, áo mặc, giường chiếu và thuốc thang, nói chung mọi vật dụng đều đầy đủ. Đây là chất liệu tạo nên sự an vui của thân. Nhưng nếu chúng ta chỉ biết tham đắm vào trong vật chất mà không biết tích tập thiện nghiệp, không biết tu tập chuyển hóa thì chúng ta sẽ rơi vào trạng thái khổ đau của tâm, và hệ quả tất yếu dẫn đến thọ khổ nơi ác thú. Điều này trong cuộc sống chúng ta vẫn thường thấy có biết bao người tuy giàu có về tiền bạc, danh vọng, quyền uy thế lực, nhưng không biết chuyển hóa những tâm niệm tham lam, sân hận, tham đắm dục lạc dẫn đến hậu quả khổ đau như tù tội, đánh chém lẫn nhau... Đây chính là thông tin đầu tiên mà chúng ta học được từ kinh văn.

Thứ hai, nếu chúng ta không làm phước, không thực hành chánh nghiệp, thì chúng ta sẽ không có đầy đủ bốn thứ vật dụng cần thiết như trên đã nói, với sự thiếu thốn này làm cho thân chúng ta khổ đau. Tuy nhiên, nếu chúng ta biết tu tập, biết chuyển hóa và diệt trừ những tâm niệm tham lam, sân hận, si mê thì chúng ta vẫn có thể không tạo

nhân khổ đau của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh... mà trái lại sẽ có niềm vui nơi tâm thức. Có thể nói, sự khác biệt của phàm phu và thánh nhân là chỗ này, với bậc thánh luôn hướng cầu tịch tịnh, để tâm được an tịnh, còn phàm phu luôn hướng về vật chất, để trao chuốt thân này được an lạc. Ngoài ra, ở đây chúng ta cũng có thể liên hệ điều này đến đời sống thường nhật, có biết bao người không đầy đủ vật chất, nhưng biết tiết độ trong tiêu dùng, biết sống đời sống thanh cao, sống có đạo đức, sống với tâm hướng thiện, với đời sống như vậy, sẽ dẫn đến sự an lạc nơi tự tâm. Đây không phải là điều mà chúng ta cần xây dựng trong đời sống này sao?

Thứ ba, nếu chúng ta không tạo phước thiện, không có nỗ lực với chánh mạng, thì chúng ta sẽ không đầy đủ về vật chất, đây cũng chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến khổ đau của thân. Bên cạnh đó, chúng ta cũng không biết gieo trồng hạt giống thiện pháp, không nỗ lực tu học, để cho những tâm niệm bất thiện xâm chiếm vào tâm này, thì con đường dẫn đến khổ đau của tâm là hệ quả tất yếu.

Thứ tư, nếu chúng ta làm việc với chánh nghiệp, giặt hái được những thành công về vật chất, để khi lạnh có áo mặc, khi đói có cơm ăn, khi bệnh có thuốc uống, khi ngủ nghỉ có nơi bình yên. Đây là tư lương để chúng ta có được sự an lạc của thân. Nhưng giá trị của đời sống không chỉ dừng lại ở vật chất, mà chúng ta phải thực tập đoạn tận những khổ đau của tâm. Nguồn tâm vốn dĩ thanh tịnh và chứa đầy hạt giống an lạc. Nhưng số dĩ, chúng ta không có sự an lạc là bởi phiền não doanh vây, các ác pháp trói chặt... Đứng trước nỗi khổ đau của tâm, chúng ta phải tự mình tu tập, đoạn trừ phiền não, khi phiền não vắng lặng, thì hạnh phúc hiện hữu.

Từ những lời dạy vô giá của Thế Tôn, chúng ta có thể nhận chân được rằng, cuộc sống này do chính mình tạo ra, nếu mình biết chế tác bằng chất liệu của thiện pháp, tưới tắm hạt giống chánh hạnh mỗi ngày thì sự an lạc của thân và tâm luôn hiện hữu với chính mình. Ngược lại, kết quả khổ đau sẽ đến với ta khi trong ta đầy ắp những tâm niệm bất thiện của tham, sân, si, tham đắm nhiễm trước với các pháp bất tịnh.

Không thể có thân thể khỏe mạnh trong một tâm hồn đau khổ, cũng khó có được tâm hồn an lạc trong một thân thể bệnh tật. Chính vì thế để làm đẹp thân và tâm, chúng ta phải biết nỗ lực xây dựng, làm thăng hoa đời sống này bằng chất liệu của sự tu tập, chuyển hóa những nghiệp nhân bất thiện, sống với thiện pháp, thực hành chánh hạnh. Với đời sống như vậy, hạnh phúc sẽ luôn đồng hành với chúng ta từ đời này cho đến kiếp sống kế tiếp.

(1) Nguyên bản Hán văn 《增壹阿含經》卷21, (29 苦樂品), (第2經) (T02, p.656 a6-28).

Đôi chiếu Việt dịch: Thích Đức Thắng; Hiệu đính & Chú thích: Thích Tuệ Sỹ “Kinh Tăng Nhất A Hàm”, quyển 21, phẩm 29 khổ lạc, kinh số 2.

(2) Tác giả chưa tìm được điển tích về Ngài Tỳ-kheo La-hán Duy Dụ.



Prince Siddhartha with Mahaprajapati Gotami

GIỜ SÁNG KIỀU ĐÀM ĐI

*Trăng trí tuệ muôn đời tỏ rạng
Kiều Đàm Di gương sáng còn đây
Mặc thời gian dù có đổi thay
Người biểu tượng hương đầy Ưu Bát
Lập chí nguyện đắp xây bờ giác
Hương nẻo chân vượt thoát trần ai
Chón cung vàng điện ngọc mành chi
Ngôi hoàng hậu ra đi phải sạch
Quyết tâm Đạo sá gì ngăn cách
Bước chông gai thử thách gian lao
Phận quân thoa mong đạt Pháp mầu
Làm ngọn đuốc nghìn sau mở lối.
Chị em hỡi cùng nhau tiếp nối
Dấu chân xưa kết hội hoa đăng
Độ chúng sanh thế giới ba ngàn
Thuyền Bát Nhã quay sang bến mộng.*

thơ THẮNG HOAN

TÁNH KHÔNG LUẬN LÀ GÌ?

Tuệ Sỹ

(trích lại từ *Tư tưởng - Viện Đại học Vạn Hạnh, bộ mới năm thứ ba, số 1, ngày 1/5/1970, tr. 113-121*)

(I)

Wenn am Sommertag der Falter sich auf die Blume niederlasst und, die Fluegel geschlossen, mit ihr Wiesenwind schwing...

(Martin HEIDEGGER, *Aus der Erfahrung des Denkens*)

Có thể vay mượn những lời như vậy để khởi đầu cho sự chờ đợi tiếng vọng đáp ứng của những gì đó đang ẩn mình trong bóng tối. Những lời được vay mượn ấy không nhất thiết phải là đồng thanh với những cái sắp đáp ứng. Sự tự thành của những cái đáp ứng này sẽ không xuất hiện trong những tiếng động náo nhiệt. Đây là sự tự thành của một cơn mưa như thác lũ, khi cơn bướm mùa hè đã chịu khép lại đôi cánh mỏng để lắng nghe trong thẳm lặng hơi thở của cỏ nội. Chờ đợi; kiên trì và dừng lại trong sự bế tắc của một thời chỉ có ánh sáng vnh cửu của mặt trời. Kiên trì và dừng lại để chờ đợi trong sự bế tắc là liêu lĩnh thác

mình cho một cuộc chơi ngoạn mục của thiên diễn, là liêu lĩnh đứng lại giữa lòng thác đổ của vạn hữu. Đó là một thái độ bướng bỉnh, không chịu *tiệm tiệm* từng bước vững chắc như những đợt nhảy của con chim hồng: nhảy bên bờ nước, nhảy đến tầng đá, nhảy trên đất cạn, nhảy lên cành cây, nhảy lên gò cao và cuối cùng bay trong thương khung để lòng cánh làm đẹp cho bầu trời. (1) Chờ đợi trong sự bế tắc là những bước thụt lùi của con chim hồng, từ trên cành cây rơi trở xuống đất cạn (2). Từ trên cành cây rơi trở xuống đất cạn để chấp chững như cưu mang một cái gì đó có vẻ ngược ngạo; đó là sự tiến tới bằng những bước thụt lùi, bởi vì thuận theo sự bế tắc. (3)

Mượn một kinh nghiệm tư tưởng để nói về một kinh nghiệm tư tưởng, đó là một sự vay mượn nghịch lý ngang ngược; vay mượn đã là một điều bất khả, mà nói về lại cũng là điều bất khả. Bất khả cho nên bế tắc. Bế tắc cho nên không tìm thấy một lối trung chính để vào tư tưởng (4).

Như thế là đã khởi đầu bằng một sự bất chính. Đẳng sau sự bất chính này không có che dấu một ẩn nghĩa nào hết để biện minh cho nó. Nhưng, Tánh Không luận là gì? "*Khi cơn bướm mùa hè dừng lại trên đóa hoa, khép lại đôi cánh, và đóng đũa theo cơn gió của cỏ nội hoa ngàn...*"

(II)

Im Denken Wird jeglich Ding einsam und langsam.
(M. HEIDEGGER)

Từ khi Nagārjuna (Long Thọ) xuất hiện ở miền Nam Ấn độ, đến nay đã 18 thế kỷ qua, và suốt một vòng cung ba phần tư của toàn bộ Á châu, Tánh Không luận (Sūnyavāda) đã trở thành một thứ khí giới vô cùng sắc bén được trang bị cho một nền triết lý chuyên môn phá hoại. Với những kẻ chống đối nó, phá hoại là phá hoại. Nhưng những kẻ tán thưởng nó thì nói phá hoại tức là thiết lập. Với cả hai, phá hoại là điều đáng sợ và nên tránh. Chính thực, Nagārjuna đã cố ý binh vực cho một chân lý nào bằng khí giới Tánh Không luận? Người ta đã từng nghĩ, chính Tánh Không (Sūnyatā) là chân lý đó. Bởi vì, người ta có thể tìm thấy, với bằng chứng vô cùng xác thực của văn nghĩa, rằng chính Nagārjuna đã coi phương tiện và cứu cánh là một. Nói cách khác, chính chân lý của Tánh Không tự bảo vệ lấy nó, tự binh vực cho chính nó, không một cái gì khác.

Những học giả hiện đại chuyên môn về Tánh Không luận với những đại biểu có thẩm quyền như T. R. V. MURTI, Ed. CONZÉ, J. MAY, và có thể kể thêm những vị ở ngoài lãnh vực chuyên môn này nhưng cũng được coi như là có thẩm quyền như STCHERBATSKY, J. TAKAKUSU, vân vân, đều đồng thanh công nhận Tánh Không luận như là Biện chứng pháp (dialectique). Những người đi sau, bám chặt vào danh từ này - Biện chứng pháp - để hiểu Tánh Không luận. Đó quả là một sự vay mượn vô cùng thận trọng. Người ta đã tìm được cho Tánh Không luận một sự đồng thanh tương ứng. Như vậy là "*Nghìn tâm gởi bóng tùng quân, (5) tuyết sương che chở cho thân cắt đắng.*"

Ed. Conze nói đến sự táo bạo của những hiền triết Đông phương là tự tưởng bằng mâu thuẫn. Bởi vì, chính luật mâu thuẫn cho phép người ta nói: phương tiện là cứu cánh, cứu cánh là phương tiện. Phá hủy trong phương tiện, nhưng lại là thiết lập trong cứu cánh. Phá hủy và thiết lập là một. Như thế hình như mâu thuẫn đối chọi với đồng nhất. Đây là lý lẽ mà người ta hay dựa vào đó để phân biệt tính cách dị biệt của tư tưởng Đông phương và tư tưởng Tây phương. Người ta thường lý luận theo một tiêu thức điển hình nhất như sau: với Tây phương, *ce qui est*



est, ce qui n'est pas n'est pas (của Parménid), đó là tư tưởng trên nguyên tắc đồng nhất; với Đông phương thì, *Đạo khả đạo phi thường Đạo, danh khả danh phi thường danh* (của Lão Tử), đó là tư tưởng trên nguyên tắc mâu thuẫn. Bởi vì, nguyên tắc mâu thuẫn như thế là dung nạp tất cả mọi tương phản, tất cả mọi cái không phải là nó, cho nên người ta nghĩ nếu công nhận rằng Đông phương luôn luôn tư tưởng trên nguyên tắc này thì tư tưởng Đông phương lúc nào cũng có thể dung nạp được tư tưởng Tây phương với tất cả những dị biệt của chính nó. Và ngược lại; vì nguyên tắc đồng nhất không dung nạp những tương phản. Nguyên tắc đồng nhất đưa đến chỗ đòi hỏi sự nghiêm xác của khái niệm. Merleau-Ponty: "Có cái gì đó không thể thay thế trong tư tưởng Tây phương: (...) sự nghiêm xác của khái niệm,..." (6)

Hình như chúng ta vừa đưa ra một tràng, ngắn, những lý luận có vẻ rất mạch lạc. Nếu nói cho chỉ lý, thì kiểu lý luận này là điều tối kỵ của các nhà Tánh Không luận, kể từ Aryadeva, xuống Buddhapalita, qua Bhavaviveka cho đến Candrakīrti (những truyền nhân của Nagārjuna). Nhưng nói vậy cũng không được. Vì đó cũng chỉ một cách nói áp dụng luật mâu thuẫn một cách mạch lạc. Như vậy, chính mâu thuẫn đã phối trí thành một trật tự mạch lạc để cho mâu thuẫn là mâu thuẫn. Tức là, mâu thuẫn chỉ được thừa nhận như là mâu thuẫn thực sự khi người ta có thể tìm được mạch lạc của nó trong một trật tự nào đó. Bởi vì, nếu không có sự mạch lạc giữa những mâu thuẫn và không mâu thuẫn, làm thế nào ta nhận biết đó là mâu thuẫn?

Vậy thì, Tánh Không luận là gì? "*trong tư tưởng, mọi sự trở thành cô liêu và lững lững.*"



(III)

Những vay mượn đã không thể tránh và những thành kiến nặng như chì cũng chưa thể từ bỏ được. "Những con cá lớn trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới nhỏ này, dầu chúng có nhào vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ nơi đây." (7) Người học về Tánh Không cũng như kẻ học bắt rắn bằng hai tay không.

Nagārjuna là ai?

Những thiên tài lớn đều xuất hiện trong cơn thịnh nộ. Héraclite trong bình minh của Hy Lạp với cơn thịnh nộ như những ngọn lửa tàn bạo; ông đã muốn tống cổ Homère ra khỏi những cuộc chơi chung bởi vì lời cầu nguyện của Homère muốn cho mỗi bất hòa giữa các thần linh và loài người hãy chấm dứt. Zarathoustra xuống núi, cùng với sự xuất hiện của Siêu nhân, sau khi đã nổi cơn thịnh nộ với mặt trời. Những con sâu con ngù suốt cả một nửa đông để chờ đợi những tiếng sấm đầu tiên của tiết kinh trập tháng hai. Nhưng, "*Một khi sinh ra, họ muốn sống để rồi chịu đựng sự chết, hay để rồi đi tìm sự yên nghỉ. Và họ để lại những con cháu cùng chia xẻ số phận như vậy.*" (Héraclite) Những con sâu con chỉ trở mình trong giấc ngủ triền miên, còn phải đợi bao giờ cỏ cây nứt vỏ sau tiếng sấm của kinh trập rồi mới trời dậy: giải chi thời đại hi tai! "*Thiên địa giải nhi lôi vũ tác. Lôi vũ tác nhi bách quả thảo mộc giai giáp tích. Giải chi thời đại hi tai!*" (quẻ Lôi Thủy Giải, Kinh Dịch).

Nagārjuna xuất hiện như một con voi dữ trong truyền thống Phật học và tư tưởng triết học Ấn Độ. Đường thời, đối với các nhà hiền triết Ấn, Nagārjuna được xếp vào hàng những tư tưởng gia Phật học lỗi lạc bậc nhất. Nhưng ngay trong hàng ngũ này. Nagārjuna lại được kính trọng như một tên phá hoại đáng sợ. Người sợ đầu tiên có lẽ chính cao đệ của ông là Aryadeva. Ngay trong tên gọi đã có sự trái ngược. Cái tên Nagārjuna ám chỉ cho một thứ rắn dữ. Bởi vì Nagā có nghĩa là rắn dữ. Nhưng Aryadeva lại hàm ý là một thiên thần thánh thiện. Hai thầy trò này, một con khủng long và một vị thiên thần, phải chăng là hai nếp gấp tư tưởng: *Huyền chi hựu huyền.*

Nhiều huyền thoại đã được dựng lên chứng tỏ rằng đã có nhiều phép lạ hiện ra để hạ bớt thái độ ngông cuồng của Nagārjuna, khi ông quyết định bỏ cả núi cao, cả rừng rậm và cả đất liền để xuống biển cư ngụ cùng loại rắn dữ (8). Như vậy người ta mới có đủ lý do để xác nhận rằng ông quả là một tư tưởng gia Phật học khi ông chịu nghe theo lời khuyến cáo của vua rắn mà trở lại đất liền. Ông quả thực là một tư tưởng gia Phật học chính thống. – Bởi vì chính thống cũng hàm ý là ngoan ngoãn mặc dù lối xử sự của ông đôi khi có vẻ ngược ngạo.

Từ lúc mà Nagārjuna trở lại đất liền, nhiều vấn đề trong truyền thống Phật học và nền minh triết Ấn Độ được đặt lại: Tánh Không luận là gì?

Đường như có một sự lững lơ và bất khả nào đó; lững lơ như chính đời sống và bất khả như chính tư tưởng, Nagārjuna từ sương mù của bình minh và nắng quái.

Yathā māyā tathā svapno gandharva-nagaram yathā tathospāda tathā sthānam tathā bhanga udāhritah.

Như quáng nắng, như giấc mộng, như thành phố giữa sa mạc: tất cả sự hiện khởi, tồn tục và biến mất đều như vậy. (9)

(IV)

Trong Đại tạng kinh Trung hoa, được ấn hành dưới sự điều khiển của J. TAKAKUSU, một học giả Phật học người Nhật, có một tác phẩm dứt đoạn mang tựa đề là Lão tử hóa Hồ kinh, được xếp vào loại những tác phẩm ở bên ngoài Phật học (Ngoại

giáo bộ, DTK. 2139; tập 54; tr. 1266 và tiếp). Tác phẩm đứt đoạn này nói Lão tử cười trâu bò xứ Trung hoa đi về phía Tây bắc và giáo hóa cho những giống dân man di ở phương này. Môn đệ lớn nhất của ông là Thích ca. Đó là một sự lừng lờ của huyền sử và cũng là một điều bất khả của tư tưởng. Nhưng, mười thế kỷ sau, một người vì kính trọng Nagārjuna mà phải từ bỏ quê hương của mình để sang cư ngụ và chết ở Trung hoa. Đó là Kumarajiva. Cái tên này lại ám chỉ cho sự trường thọ của trẻ thơ.⁽¹⁰⁾ Có lẽ Nagārjuna hóa thân làm Lão Tử tại đất Tàu để nói cho một phân nửa Á châu nghe lại cái điều chỉ “huyền chi hựu huyền” trong câu hỏi “Tánh Không Luận là gì?”

Và như thế, trước câu hỏi “Tánh Không luận là gì?”, những vay mượn đã không để gì tránh khỏi và những thành kiến cũng chưa để gì từ bỏ được:

“Cũng ví như một người đánh cá lành nghề hay người học đánh cá vung lưới trên mặt hồ nước nhỏ này với một tấm lưới có mắc lưới sít sao. Người ấy nghĩ: Những con cá lớn trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, đầu chúng có nhay vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ nơi đây.”

Đó là những lời kết luận của kinh Brahmajāla-sutta. Và kinh chấm dứt như thế này:

Imasmim ca pana veyyākaranasim bhanna-mane sahasi loka-dhātu akampitthāti. “Trong khi kinh này được truyền thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.”

TUỆ SỸ

- 1) Thứ tự của sáu hào trong quẻ Phong Sơn Tiệm của Kinh Dịch: sơ lục, hồng tiệm vu can; lục nhị, hồng tiệm vu bản; cửu tam, hồng tiệm vu lục; lục tứ, hồng tiệm vu mộc; cửu ngũ, hồng tiệm vu lưỡng; thượng cửu, hồng tiệm vu quì.
- 2) Hào cửu tam và hào lục tứ của quẻ Phong Sơn Tiệm đảo ngược thành hào lục tam và cửu tứ của Thiên Địa Bĩ.
- 3) Quẻ Thiên Địa Bĩ: lục tam, bao tu; cửu tứ, hữu mệnh.
- 4) Quẻ Thiên Địa Bĩ: Bĩ chi phi nhân (...) Thiên địa bất giao nhi vạn bất thông dã.
- 5) Và đây cũng là một đồng thanh tương ứng: “Đời vốn như thế. Ban đầu vào cuộc sống, chúng ta giàu, giàu nhiều, giàu nữa; trong bao năm, chúng ta trồng cây tía hạt, nhưng ngày tháng trôi, năm sâu lại: thời gian phá vỡ mắt công trình; cây rừng bị chặt; bạn hữu từng người rơi rụng xuống. Bóng tùng quàn nghìn tầm xiêu đổ, cái con người trở trụ sẽ còn nghe rõ trong ho-ang liêu mỗi ngậm ngùi xuân xanh xa mắt.” (Saint-Exupéry, Cõi Người Ta, Bùi Giáng dịch).
- 6) “Il y a quelque chose irremplaçable dans la pensée occidentale: (...), la rigueur du concept, ...” (MP. Signes, Gallimard, p. 174)
- 7) Trương bộ kinh, kinh phạm võng (Brahmajāla. Sutta); T.T. Minh Châu dịch.
- 8) Viết phỏng theo “Long Thọ Bồ Tát truyện” của Kumarajiva D.T.K. 2047; tập 50, tr. 184 và tiếp.
- 9) Nagārjuna, Madhyamika – Kārikā, VII, 34.
- 10) Đồng Thọ, cũng mừng tượng như chữ Lão Tử.



NHU' NHIÊN

*về ngang hôm trước hoa còn nở
quay lại hôm nay rụng cả rồi
đầu tường rêu ướt hoa khô bám
gờ vội bông hoa đi về thôi.*

BÊN BỜ

*bến nước bao năm vắng tiếng đò
ngược xuôi thuyền máy sóng lộ xô
một chiều thu lạnh, bên bờ dốc
ông lão ôm cần, câu giắc xưa.*

TÌNH VÔ

*mưa tình gọi ướt cả màu tình
ướt sũng thân tôi nổi lãng quên
ướt đầm cả đời chưa thấm lạnh
con tim lúi cúi xuôi ngày đêm.*

VÔ THỦY VÔ CHUNG

*những nẻo đường đi, những chốn về
những tôi trưa nắng, những tôi khuya
vòng tròn xoắn ốc xoay nguồn cội
quay mãi
vô biên chặt chỗ lia.*

PHÙ VÂN

*tôi càng đi lại thấy càng xa
chẳng hiểu đường xa hoặc tuổi già?
chập chững bỗng nhiên thành chạng choạng
bóng chiều lơ lửng áng mây nhòa.*

thơ PHÙ DU

THIỆN VÀ ÁC LÀ GÌ?

Tác giả: **YOSHIFUMI UEDA**

Chuyển ngữ: **Tuệ Uyên**



Hình tượng Đức Phật Thích Ca và ngài Thân Loan tại viện bảo tàng Ryukoku Museum Nhật Bản

Nhiều người đã từng nghe thú nhận của Thân Loan, 'tôi không biết hai chữ, tốt và xấu, ý nghĩa thật sự là gì' (Tannisho - Thần Di Sao, Epilogue). Ở đây Thân Loan lấy cố là mờ mịt về bản chất của thiện và ác. Điều ấy có nghĩa là ngài đã sống trong một thế giới mà ở đấy ngài đã không biết thiện và ác thật sự là gì.

Chúng ta không thể biểu hiện chức năng như một thành viên của xã hội ngoại trừ chúng ta có một khái niệm nào đó về thiện và ác. Chúng ta phải biết điều gì là đúng và sai, tốt và xấu, ngay cả những hành vi đơn giản nhất hàng ngày. Khi chúng ta gặp ai đấy vào buổi sớm mai chúng ta nói, 'buổi sáng tốt lành' (good morning) và khi chúng ta chia tay một người chúng ta nói, 'tạm biệt tốt lành' (good bye). Chúng ta không nên đi học trễ, hay thất hứa. Như những con người được yêu cầu hành động trong những cung cách nào đó, nếu không thì chúng ta được mang tiếng là thiện hay ác, xấu hay tốt. Chúng ta được dạy những thái độ thích đáng khi còn là những đứa trẻ: chúng ta phân biệt giữa đúng và sai, tốt và xấu khi khi chúng ta trở thành những người lớn. Không có một cảm nhận về đạo đức, xã hội con người không thể tồn tại.

Thân Loan cũng tiếp nhận một sự giáo dục thông thường của thời đại ngài và học hỏi điều gì đúng và sai. Ngài là một đứa trẻ mồ côi, vào tu viện Phật Giáo vào lứa tuổi mười mấy, chịu nhận những quy điều và thực hành khắc nghiệt trong 20 năm. Vì thế, khi ngài nói, 'tôi không biết thiện và ác nghĩa là gì', ngài không đang nói rằng ngài bối rối hay mù mịt về những gì con người bình thường biết về thiện và ác. Ngài đang liên hệ với điều gì khác. Điều thiện và ác mà ngài nói ngài không biết gì không phải ý

nghĩa đạo đức thiện và ác thông thường, được hình dung với tâm điểm sự quan tâm của bản ngã con người với những xã hội và thời đại khác nhau.

Nhưng nếu Thân Loan không đang nói về đạo đức thiện và ác thông thường, thì ngài đang liên hệ đến điều gì? Loại thiện ác khác gì ở đấy? Chúng ta hiểu khi nghĩ đến thiện và ác khác hơn những gì của quy ước thế gian được dạy dỗ bởi xã hội, nhưng từ những gì Thân Loan nói, như được phản ánh trong sự thừa nhận của ngài liên hệ đến cái thiện và ác của si mê, ngài quan tâm đến một loại thiện và ác khác. Ngài biết gì, và biết nó như thế nào?

Thân Loan đã biết về một loại thiện và ác qua niệm Phật (nembutsu), Nam mô A Di Đà Phật (Namu Amida Butsu). Đây là ngài có thể nói về việc không biết điều thiện và ác qua niệm Phật như tuệ trí được ban cho ngài bởi Đức Phật Di Đà. Điều này gọi là hồi hướng [Eko], tuệ trí trực tiếp và được trao truyền đến tất cả chúng sanh bởi Đức Phật Di Đà. Những châm ngôn thông thường như 'tuệ trí của tín tâm', 'tuệ trí của nguyện lực' hay 'tuệ trí niệm Phật' nói đến sự kiện rằng Thân Loan đã cảm nhận đến một không gian sâu sắc về nhận thức của con người. Đây là một loại thiện và ác không thể được biết qua cảm nhận, luận lý, triết lý hay khoa học thông thường. Nó chỉ có thể được biết qua những từ ngữ, 'Nam mô A Di Đà Phật' và qua tâm tư được thức tỉnh bởi tín tâm. Một cách chính xác hơn, những từ ngữ được chọn lựa đã làm chúng ta tỉnh thức về thiện và ác như vậy là 'Nam mô A Di Đà Phật' và tâm tư được chọn lựa cho sự tỉnh thức giác ngộ của chúng ta là tâm thức đúng đắn, thật sự và chân thành là tín tâm. Qua thực tại tâm linh được gọi là A Di Đà Phật và tuệ trí được ban cho Thân Loan qua niệm Phật, ngài nhận ra rằng ngài không biết gì về thiện và ác trên mức độ tương đối mà ngài cảm thấy ngài không biết thiện chân thật hay ác thật sự. Trong thực tế, niệm Phật như tuệ trí làm cho ngài nhận ra rằng đạo đức thiện và ác cả hai đều sai lầm, có gốc rễ trong một hình thức sâu xa hơn của cái xấu nền tảng, sự quan tâm của bản ngã vị kỷ. Ngài có thể thấy nền tảng xấu ác này trong cốt lõi của cả đạo đức thiện và ác bởi vì đã tỉnh giác về một loại thiện và ác khác.

Bởi vì đạo đức lương thiện trên bình diện tương đối bị nhiễm ô bởi sự quan tâm của bản ngã vị kỷ thì làm thế nào nó có thể là điều thiện đúng đắn và chân thật? Ngay cả một hành vi tốt lành bị nhiễm ô bởi vị ngã, nó không là thiện mà là ác, một điều ác vô cùng thâm sâu mà nó làm là 'thiện' thông thường là một biểu hiện của cái ác. Thân Loan gọi điều ấy là 'ngiệp ác', nói lên những gốc rễ sâu xa của nó trong quá khứ và hiện tại. Tuệ trí từ A Di Đà trực tiếp đến ngài là những gì làm cho một sự tỉnh giác như vậy có thể hiện hữu.

Ngay cả trong ý nghĩa thông thường, bình diện đạo đức, một người có suy nghĩ có thể dễ dàng thấy một động cơ giả dối, một sự quan tâm vị kỷ, đằng sau một hành vi được gọi là thiện. Nhưng chúng ta không lên án nó là xấu ác; chúng ta vẫn xem nó là 'tốt'. Nếu chúng ta phải lên án bất cứ một hành vi lương thiện nào bị nhiễm ô bởi chủ nghĩa vị kỷ như xấu ác, thì chúng ta sẽ không thể tìm ra bất cứ điều tốt lành nào ở bất cứ đâu. Nói một cách đơn giản, điều này có nghĩa là nếu chúng ta chấp nhận đạo đức như chúng ta biết nó, thì nó không thể vượt lên trên sự quan tâm vị kỷ.

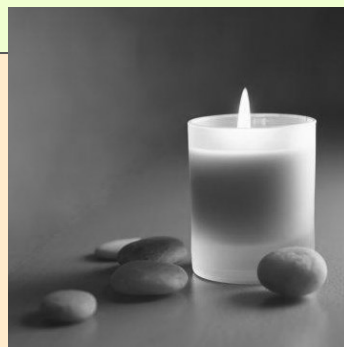
Tuy nhiên, qua niệm Phật, Thân Loan đã giác ngộ với điều thiện trong một ý nghĩa đúng đắn và

chân thật, không bị nhiễm ô bởi sự vị kỷ của loài người. Ngài nhận ra rằng điều thiện tối thượng cho phép ngài thấy luân lý lương thiện như vốn là bị nhiễm ô và xấu ác. Sự tỉnh giác của ngài hiện hữu bởi công đức và hoạt động của A Di Đà Đại Nguyên Nguyên Sơ, chỉ đạo và ban cho ngài trong hình thức của niệm Phật. Nền tảng xấu ác mà ngài có thể nhận ra là quá sâu rộng rằng nguyên tắc xấu ác không thể ngay cả so sánh với nó. Trên bình diện tinh thần, những gì chúng ta gọi là xấu ác có không gian để nhận ra đối lập của nó, điều thiện (thiện và ác là tương đối), nhưng nền tảng xấu ác được soi chiếu bởi điều thiện là đúng đắn, thật sự, và chân thành (điều thiện tuyệt đối) là vô cùng sâu sắc làm cho tinh thần lương thiện phơi bày bộ mặt thật sự của nó như xấu ác (điều ác tuyệt đối). Nền tảng xấu ác này là vô cùng sâu rộng mà ngay cả Thân Loan cũng không biết chiều sâu của nó (vì thế được gọi là 'nghiệp ác'), làm cho phát sanh những lời tuyên bố như 'Dưới sự tác động của nghiệp quá khứ của chúng ta, con người chúng ta sẽ làm bất cứ điều gì'. (Tannisho XIII). Điều này có nghĩa là chỉ bởi vì một người không làm điều xấu ác thì không có nghĩa là người ấy lương thiện; nhưng chỉ bởi vì sự tác động của nghiệp quá khứ chưa trở quả.

Mặc dù Thân Loan đi đến biết điều thiện đúng đắn, thật sự và chân thật qua niệm Phật, điều ấy không nghĩa là ngài biết chính tự điều thiện thật sự hay biết toàn bộ về điều thiện chân thật. Ngài chỉ đơn thuần có một tư tưởng khái quát về nó qua niệm Phật như được nói lên trong sự thừa nhận của ngài rằng 'Tôi có thể nói tôi biết về điều thiện là gì, nếu tôi biết một cách hoàn toàn và trọn vẹn như Phật tánh' (Tannisho, Epilogue). Chỉ có Đức Phật mới có thể biết điều thiện đúng đắn, thật sự và chân thật. Tuy thế, đã có một cái nhìn khái quát về điều thiện thật sự qua niệm Phật, Thân Loan nhận ra rằng con người không thật sự biết điều thiện là gì và điều ác là gì.

Chúng ta có thể hỏi, tại sao, nếu Thân Loan đã biết bản chất của điều thiện và ác qua niệm Phật, thì ngài có nhận ra bản chất tốt lành chân thật của chính ngài chứ? Lý do, ngài thừa nhận, là bởi vì ngài không là gì cả mà cũng chính là con người vị kỷ: 'Trong chúng sanh ngu ngơ đầy dẫy đam mê mù quáng này, sống trong thế giới vô thường này, giống như một căn nhà lửa, tất cả mọi thứ là trống rỗng và hư ảo; vì thế, không thật' (Tannisho Epilogue). Mặt khác bạn có thể hỏi xa hơn, ngài có đầy dẫy chủ nghĩa vị ngã không, ngay cả ngài có một cái nhìn khái quát về điều thiện chân thật như thế nào? Và câu trả lời là bởi vì Thân Loan hoàn toàn không thể thấy điều thiện chân thật, Đức Phật Di Đà, với lòng thương cảm và quan tâm, ban cho ngài tuệ trí thật sự qua niệm Phật. Nhưng cho đến khi ngài vẫn là một con người của nghiệp ác, ngay cả năng lực của Phật Di Đà cũng không thể ban cho ngài sự thể nhập vào điều thiện hoàn toàn đúng đắn, thật sự và chân thành.

Trong khi Thân Loan tự xem ngài không là gì mà chỉ là một con người ngu ngơ trống rỗng, hư ảo, và không thật thì ngài được ban cho sự thâm nhập vào điều thiện đúng đắn, thật sự và chân thành bằng hành hoạt của Đức Phật A Di Đà. Sự thâm nhập ấy cho phép ngài sống trong thế giới phản ánh chân thật của thiện và ác. Đó là tại sao Thân Loan có thể sống cuộc đời của ngài căn cứ trên tuệ trí của tín tâm hay tuệ trí của niệm Phật và không phải trên giá trị của trần gian hay đạo đức của con người.



THẢ HƯƠNG LÊN TRỜI

*Trông ra đất địa ta bà
Nguôn tâm biển hiện mưa và núi sông
Xuân xanh ấm áp nắng hồng
Vô biên là thể dung thông thánh phàm
Thủy phong miên viễn trôi tràn
Càn khôn gõ một tiếng đàn thiên thu.*

*Ngõ nào về với thái hư
Nghe hơi gió lộng vọng từ tha phương
Phát tâm trăm lạy cúng dường
Cỏ cây bất chợt thả hương lên trời
Quay đầu võ sóng mà chơi
Thơ ai đang rót về nơi muôn trùng.*



LÝ THỪA NGHIỆP

Vì thế, Thân Loan có thể nói, 'Trong sự giao phó chính chúng ta cho Đại Nguyên Nguyên Sơ, không hình thức thiện nào là cần thiết, vì không có điều thiện nào vượt lên trên niệm Phật' (Tannisho I). Điều này có nghĩa là Thân Loan đồng thời sống trong thế giới của xấu ác nền tảng, là điều đúng đắn và thật sự vô biên. Điều ấy cũng nói rằng, đối với ngài cả thiện thật sự và ác thật sự biểu hiện những gì đúng đắn, thật sự và chân thành. Mọi thứ trên thế gian mà Thân Loan sống phát ra mọi hình thức hoàn toàn của vọng tưởng; và con người, sự vật, và chính sự tồn tại của ngài được biểu hiện chân thật. Qua niệm Phật và tín tâm, thế giới đúng đắn, thật sự và chân thật, vô biên giới trong không gian và thời gian, tỏa khắp đời sống của Thân Loan, cho dù trong hướng của thiện hay hướng của ác. Thân Loan dâng hiến cuộc đời của ngài để làm cho chúng ta tỉnh thức về thế giới chân thật này qua những rắc rối mà ngài đã gặp phải (trong trường hợp này, thiện và ác) và sử dụng mọi phương tiện có thể. Điều hấp dẫn là Thân Loan duy trì điều này cho chúng ta ngày nay từ thế giới đúng đắn, thật sự và chân thật đã tồn tại từ chiều sâu bên trong cuộc sống của ngài. Tuệ trí và bi mẫn của ngài tuôn chảy từ một thế giới mời gọi chúng ta hướng về ngài không ngừng.

Ấn Tâm Lô ngày 11/2/2013
www.nembutsu.info/ueda_evil.htm

CỨU GIÚP NẠN NHÂN BÃO HAIYAN, MỘT CƠ HỘI ĐỂ ĐỀN ƠN ĐẤT NƯỚC PHI

Trần Trung Đạo

Bataan là thành phố chính của đảo Luzon, Philippines, dân số khoảng trên 600 ngàn người. Lịch sử của thành phố chỉ hai biển cổ được thế giới biết đến nhiều, một lần trong đệ nhị thế chiến và lần thứ hai trong làn sóng người tỵ nạn Cộng Sản vùng Đông Nam Á. Trong chiến tranh, trận phòng thủ Bataan là trận đánh cuối cùng trước khi liên quân Mỹ-Phi rút lui và trong làn sóng tỵ nạn, Bataan là nơi dừng chân của 300 ngàn người tỵ nạn, nhiều nhất đến từ Việt Nam. Ngoài ra, đảo Palawan với Làng Việt Nam nhiều huyện thoại cũng là nơi dừng chân của nhiều chục ngàn người Việt.

Đất nước chúng ta đang trải qua thời đen tối. Một thời, từ những cửa biển Đà Nẵng, Sài Gòn, Vũng Tàu, Cam Ranh, Nha Trang sau cơn bão lửa Cộng Sản 1975, hàng triệu người Việt Nam đã phải bỏ lại sau lưng những gì trân quý nhất để ra đi tìm tự do trên những chiếc thuyền gỗ nhỏ. Vùng biển Đông mệnh mông trở thành một nấm mồ nước sâu thăm thẳm. Nơi đó, mẹ lạc cha, vợ xa chồng, anh mất em. Nơi đó, tiếng niệm Phật, lời cầu kinh cũng chẳng còn ai nghe thấy. Nơi đó, chỉ còn lại những thân thể trần truồng, máu me nhầy nhụa, chỉ có tiếng rên của những con chim nhỏ Việt Nam bắt hạnh trước bầy điều tặc. Nơi đó, chỉ có đói khát và lo âu, chỉ có những đứa bé hấp hối trong bàn tay thương yêu nhưng tuyệt vọng của mẹ.

Trong giờ phút đó, nếu không có chiếc ghe đánh cá người Phi dừng lại, không có Cap Anamur đang chờ ngoài vùng biển Philippines, không có tàu hải quân Phi từ vịnh Manila, hải quân Mỹ từ Subic Bay ra can thiệp, số phận của hàng trăm ngàn người Việt lênh đênh trên đường tìm tự do sẽ trôi dạt về đâu. Năm tháng trôi qua nhưng những địa danh Palawan, Bataan, Subic Bay sẽ không

bao giờ phai mờ trong ký ức của những người Việt sống sót trên đường tìm tự do.

Theo thống kê của Liên Hiệp Quốc, mỗi thuyền tỵ nạn trong hải trình từ Việt Nam vào vịnh Thái Lan đã bị hải tặc tấn công trung bình 3.2 lần. Cao Ủy Liên Hiệp Quốc ghi nhận 881 vụ hãm hiếp. Đồng bào đến các trại Phi là những người may mắn. Trong khi bãi san hô Koh Kra trở thành vết đen trong lòng nhân ái của dân tộc Thái, chúng ta có thể không nghe một tình trạng hải tặc cướp bóc hay hãm hiếp do các tàu đánh cá người Phi gây ra. Và khi hầu hết các trại tỵ nạn Đông Nam Á đã trở thành lịch sử, mãi cho đến năm 2012 vẫn còn dấu chân người Việt Nam tỵ nạn ở Phi. Đất nước bao dung này đã đối xử với chúng ta như một người chị, một người em ruột thịt không khác gì truyền thống chị ngã em nâng của văn hóa Việt. Ngoài ra, trước hiểm họa bành trướng của Trung Cộng, hai dân tộc Việt Nam và Philippines, trong tương lai chắc chắn sẽ kề vai, sát cánh nhau để bảo vệ chủ quyền của hai đất nước, bảo vệ quyền tự do hàng hải trên biển Đông và sẽ chứng tỏ cho bá quyền Trung Cộng biết một nước nghèo không có nghĩa là một nước nhược tiểu và một nước nhỏ không có nghĩa là một nước chỉ biết cúi đầu.

Như một con người tỵ nạn đã từng sống trong các trại tỵ nạn Philippines, như một người Việt Nam tỵ nạn dù không ở các trại Phi và như một người Việt Nam có lòng nhân ái, chúng ta mắc nợ đất nước Philippines một món nợ vô cùng to lớn. Nhiều

trong số chúng ta vẫn mong có cơ hội để đền đáp, có dịp để tỏ bày lòng biết ơn đến người dân Phi, những người đã đến với chúng ta trong giờ phút khó khăn nhất, hay nói như nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng, họ là tin vui giữa giờ tuyệt vọng của một đời người Việt Nam tỵ nạn.

Hôm nay, như chúng ta đều biết, theo ước lượng của các cơ quan thiện nguyện quốc tế nhiều chục ngàn người dân Phi tại các đảo miền trung Philippines đã chết do cơn bão Haiyan gây ra. Chỉ riêng đảo Leyte Island đã có 10 ngàn người chết. Theo ước lượng của cơ quan National Disaster Risk Reduction and Management Council (NDRRMC) thuộc chính phủ Phi, khoảng 9.5 triệu người bị ảnh hưởng và hiện có 630 ngàn người đang lâm cảnh màn trời chiếu đất. Với sức gió 175 dặm một giờ số thiệt hại nhân mạng và tài sản cuối cùng sẽ còn cao hơn ước tính rất nhiều.

Trong điều tàn đổ nát do siêu bão Haiyan gây ra những hạt giống tình thương đang được gieo trồng. Hàng trăm tổ chức từ thiện khắp thế giới đang đổ về Philippines không chỉ với thuốc men, áo quần, thực phẩm mà cả nhân lực để góp phần hàn gắn vết thương. Đối với người Việt chúng ta đây là một cơ hội để trả ơn. Một cơ hội để chính phủ Philippines biết dù hôm nay đang sống trong tự do no ấm chúng ta vẫn không quên những mái lá đơn sơ ở trại tỵ nạn, cơ hội để góp phần xoa dịu nỗi khó khăn của hàng triệu nạn nhân cơn bão Haiyan và ngoài ra cũng là cơ hội để giúp chính chúng ta với đi mặc cảm quên ơn vốn từ lâu đè nặng trong lòng.



**LỄ GIỖ TỔ LIỄU QUÁN & CHUNG THẤT TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH CHÍ TÍN
TẠI CHÙA PHẬT ĐÀ, SAN DIEGO, CALIFORNIA, NGÀY 03.11.2013**



Lễ Giỗ Tổ Liễu Quán & Chung Thất Trưởng Lão HT Thích Chí Tín 03/11/2013 - Hoavouu.com



Lễ Giỗ Tổ Liễu Quán & Chung Thất Trưởng Lão HT Thích Chí Tín 03/11/2013 - Hoavouu.com



Lễ Giỗ Tổ Liễu Quán & Chung Thất Trưởng Lão HT Thích Chí Tín 03/11/2013 - Hoavouu.com



Lễ Giỗ Tổ Liễu Quán & Chung Thất Trưởng Lão HT Thích Chí Tín 03/11/2013 - Hoavouu.com



LỄ GIỖ TỔ LIỄU QUÁN & CHUNG THẤT TRAI TUẦN CỔ TRƯỞNG LÃO HT THÍCH CHÍ TÍN
Ngày 02-03/11/2013 tại Chùa Phật Đà, San Diego, California, Hoa Kỳ



Lễ Giỗ Tổ Liễu Quán & Chung Thất Trưởng Lão HT Thích Chí Tín 03/11/2013 - Hoavouu.com



Lễ Giỗ Tổ Liễu Quán & Chung Thất Trưởng Lão HT Thích Chí Tín 03/11/2013 - Hoavouu.com



Lễ Giỗ Tổ Liễu Quán & Chung Thất Trưởng Lão HT Thích Chí Tín 03/11/2013 - Hoavouu.com



Lễ Giỗ Tổ Liễu Quán & Chung Thất Trưởng Lão HT Thích Chí Tín 03/11/2013 - Hoavouu.com



Nặng hai bờ biên giới

TUỆ NHƯ

"Chi khi nào nặng đốt
Từ phía lòng người thôi!"

Cùng đi với người bạn thân niên, có nhiều đồng cảm, nhưng đã từ lâu phiêu bạt vì chuyện áo cơm, nay có duyên gặp lại trông dáng người cũng lấm dày dạn phong sương nhưng vẫn hiền vui và nhanh nhẹn như thuở nào. Chúng tôi cùng vượt qua biên giới Việt-Miên, tham quan bằng chiếc Vespa xuôi về hướng Gò Dầu. Bấy giờ mới hơn 1 giờ chiều, nên ánh nắng còn gay gắt, nhưng với tốc độ xe khoảng 50 - 60km giờ cũng đủ mát cho người đi lại trên quốc lộ. Dọc hai bên đường từ Trảng Bàng đến Gò Dầu, trông cánh đồng bắp xanh mướt đã vào mùa thu hoạch, từng thúng, từng bao, một số đã được nấu chín, hương bắp bốc lên thơm phức bên cạnh những đồng bắp sống, người bán luôn có lời mời gọi cảm với khách qua đường, người mua trông cũng hối hả thời gian.

Đường xá bây giờ trông thoáng dẽng lăm, nên việc lưu thông cũng được dễ dàng. Khi đến thị trấn Gò Dầu chợ có cảm giác lạ, vì cách nay gần bảy năm, tôi thường có dịp lên xuống khu vực này, cảnh quan bây giờ trông ra sầm uất trù phú hơn xưa nhiều, mọi thứ gần như thay đổi, từ đường phố, khu chợ, khu giải trí, v.v... đều tạo nên nhiều nét mỹ quan sau thời gian đầu thế kỷ, thể hiện phần nào sạch đẹp văn minh. Chúng tôi hướng xe về cầu Gò Dầu, cây cầu xưa cũ nhỏ hẹp nay không còn nữa, nay đã thi công xong cây cầu mới mà lòng cầu thì khá rộng, bên kia là đường Xuyên Á cũng mới vừa làm xong, bên đường đã dựng lên mô hình qui hoạch tổng thể, cọc phân lô nhú lên trắng phếu, ống dẫn nước, cáp quang điện đã được lắp đặt.

Rẽ vào trung tâm huyện Bến Cầu, một huyện biên giới đang đưa vào công trình xây dựng, ngoài những cơ quan chủ lực của huyện, phần còn lại đang thi công và những cơ sở hạ tầng khác, nhịp sống chỉ nhón lên phần lớn ở khu vực trung tâm, có điều ở đâu rồi cũng thấy lượng người bán vé số khá đông, phải chăng trong thời

buổi này, đa số con người mong vào sự may mắn (Thần tài gõ cửa). Đặc biệt ở đây là một huyện biên giới có những loại xe thô vừa công kênh vừa nặng nề bởi những hàng hóa được đưa sang qua lại từ hai phía Việt-Miên.

Khi qua cửa khẩu Mộc Bài độ hơn 500 mét, thấy vẻ đẹp kiến trúc có một nét riêng từ cổng tam quan cửa khẩu cũng như những công trình khác của đất nước xứ chùa tháp (Campuchia), với sức nặng gay gắt chang chang của xứ gần đường xích đạo, con người cũng phải đối lấy bao nhiêu công sức, mồ hôi đổ ra để kiếm lấy miếng sống, trang trải chuyện áo cơm, nhà cửa... Hình ảnh ấy ở đâu cũng thế, đi một đôi xa hơn thì đến khu chợ B'Wach, trông cái cảnh như chìm vào không gian lặng lẽ và ánh nắng xé bên thêm. Mấy cô bán hàng ngồi chống cằm nhìn ra với ánh mắt đầy vẻ đăm chiêu như mơ khách đến mua hàng; có người nghèo đầu lim dim tựa vào thành ghế gỗ hoặc ghế nhựa. Bên một quán cà phê giải khát đối diện có năm ba người đàn ông lớn có, nhỏ có đang phi phà điều thuốc trông vẻ mơ màng đến việc gì. Nơi góc chợ phía bên cạnh là bến xe "ôm"; mấy bác tài dáo dác đưa mắt tìm khách, có lúc thả hồn theo sự khó thuộc mong manh luôn trong màn bụi mỏng khi có cơn gió nhẹ đi qua bên đường. Có người đàn bà đứng tuổi trên vai nặng gánh rau câu, có người với gánh chè, gánh trái cây đủ loại, tiếng leng keng của người đẩy chiếc xe cà rem, chiếc xe bánh mì, v.v... Tất cả đều toát ra một cảnh sinh hoạt của những lớp người nghèo, bình dân giữa đời thường: họ cũng cảm nhận những vui tươi hạnh phúc và bao nỗi nghiệt ngã buồn bã khổ đau thất vọng mất mát trong cuộc sống, cũng biết chấp nhận và từ chối, cũng biết tham muốn và giận hờn của một kiếp người.

Mặt trời đã treo nghiêng đầu ngọn cây xa và sắc nắng đã ngả màu thời gian, chúng tôi quay

trở về lại cửa khẩu, nghe như có khoảng cách khác lạ của cảm giác tâm hồn giữa bên đây và bên kia bờ biên giới...

Lại thêm một lần nữa, ngồi bên quán cốc giải khát mà phát sinh dòng suy tưởng đến lời Phật dạy:

"Cười gì, hân hoan gì
Khi đời mãi bị thiếu
Bị tối tăm bao trùm
Sao không tìm ngọn đèn"
(PC. 146)

Lan man từ một kiếp sống con người, dù ở đâu hay bất cứ một giai cấp nào đi nữa rồi cũng phải chịu một qui luật chung của "Sanh, già, bệnh, chết, sầu bi khổ ưu não" rồi cũng tranh đấu giựt giành vì miếng sống hay sự sống. Nếu như con người mãi miết tìm kiếm sự bình yên ích kỷ cho riêng mình ở bên trong thế gian này thì họ vẫn phải đối kháng với bao điều phía trước và quanh họ, cho dù có được một chút lợi đắc danh xưng, một chút thỏa mãn của dục cảm bọt bèo. Nếu sự tìm cầu hạnh phúc mà không đúng nghĩa tích cực của nó, thì cũng chính là sự cuộn tròn trở lại trong vòng lẩn quẩn tham ác trở buộc khổ đau để rồi phải chấp nhận vui chịu bao tội lỗi hành phạt, làm tiêu mòn đi nguồn năng lực giác ngộ nơi cuộc đời vô thường mong manh này. Thay vì, Phù Dung Thiền sư bảo rằng "Ngộ thanh, ngộ sắc như thạch thượng tài hoa, Kiến lợi, kiến danh như nhãn trung trước tiết" (Khi nghe tiếng hay, thấy sắc đẹp trên đá, thấy lợi, thấy danh như rác bụi dính vào mắt). Như vậy, những lạc thú hạnh phúc trần gian chỉ là ảo ảnh như bóng mây mù, càng rượt đuổi, ta lại càng xa rời nó, thế nhưng càng xa rời thì ta lại càng rượt đuổi, kiếm tìm vô vọng, những điều ấy cốt để làm giàu cho thế giới ác ma huyền ảo.

Thế rồi, bên đây cửa khẩu Việt, bụi đường vẫn tung mỏng lên bởi những cơn gió mang đến từ những cánh đồng xa. Những chiếc ô tô đủ loại đưa đón khách qua lại từ cửa khẩu, không biết bao nhiêu lượt người ngược xuôi trong ngày; những chiếc xe "ôm" chở một chở hai cũng lao vội bên đường lẫn với những xe đạp thô, ba bánh thô, thô những hàng hóa công kênh nặng nề dưới ánh nắng hãy còn sức gay gắt cắt ngang mặt người.

Họ qua lại biên giới với những hàng thô thích hợp hay không hợp

LỤC BÁT BA CÂU

thơ NGUYỄN TÔN NHAN

- *ngôi trong bốn vách nhà tranh
nhìn ra thiên hạ cà nanh mực cười
hỏa tâm chưa bốc đã lui.*
- *tay còn một đoá sen vàng
giơ lên cho chín mươi ngàn cùng coi
không ai mím chút môi cười.*
- *cát sen vô lại túi bầu
có gì động đập trong đầu phải chăng
thì ra diệu để không bằng.*
- *ra đường gặp chín thiên tài
hiềm hoi mới có được vài thằng ngu
thảo nào hiền thánh đành bù.*

- *lờ rong chơi với lão trang
nên chưa rời nổi cái làng rỗng không
lòng như trời trống mênh mông.*
- *thánh hiền hiềm ghét anh ngu
bắt không biết nói trơn tru hoa hoè
cảm ơn trời đất chớ che.*
- *gầm gào sóng vỗ chân mây
con thuyền chao đảo như quay trở về
bờ này là giác hay mê.*
- *qua đi. qua đi. qua đi.
độ nhau bằng cái chớp mi cuối cùng
thế là có đủ thần thông.*



(tựa do Chánh Pháp đặt cho các trích đoạn từ thi phẩm Lục Bát Ba Câu của cố thi sĩ Nguyễn Tôn Nhan do Thư Quán Hương Tích xuất bản)

lệ, khi đi cũng như lúc trở về. Cùng một cách nghĩ ấy, chúng ta đến với cuộc đời này, sự có mặt trong cuộc đời, ta cũng chờ đợi bởi những kiện hàng “duyên nghiệp, tội phước, vay trả ân oán, hạnh phúc hay đau khổ” từ bao đời, nó cũng thích hợp hay không thích hợp khi chúng ta thò đến (sanh thân) hoặc lúc chúng ta thò đi (mạng chung), để rồi mãi mãi thênh thang trong cõi tử sinh vô cùng.

Sự hân hoan của một trạng thái cảm thọ nhất thời từ một kết quả nào đó do lòng tham muốn (dục niệm) mà có được, nhưng họ có biết đâu rằng: Đó chỉ là một trạng thái khoái lạc thỏa mãn giả tạm giữa đời thường của chúng sanh. Một khi cuộc đời của một đời người càng kéo dài sự tham cầu bất chính, thì khi ấy lại càng tăng dần thêm bao thiêu đốt, bào mòn tâm linh tánh giác của chính mình, giống như con vật càng kéo lê thùng xe phía sau thì bánh xe càng in dài vết lằn của của cái bánh xe bấy nhiêu. Có điều nếu chúng ta không còn chạy theo những ước muốn tham cầu dung dưỡng bởi những lạc thú thường

trong thế gian, không bắt tay vào những việc bất chính, phi nhân, phi nghĩa, đánh mất đi nguồn mạch đạo đức nhân luân, là một gánh nặng xã hội con người, khi ấy chúng ta không còn tạo tác những nghiệp ác xấu quấy nhiễu “Thân, Khẩu, Ý” nữa; những nỗi bất an, lo âu và sợ hãi sẽ không có lý do nào sanh khởi nơi tâm hồn của chính mình và cho cả mọi người. Chúng ta hãy nghe lời của Đạo Sư Thích Thiên (Shantideva) Ngài cho biết “*Phật, đừng luôn nói lên sự thật, đã dạy rằng: Tất cả những nỗi lo sợ cùng vô lượng thống khổ đều nơi TAM mà sinh ra*” (Nhập Bồ Tát Hạnh, 6. 56).

Trở lại vấn đề, biên giới là chỉ cho hai quốc gia liền ranh với nhau, chia nhau hai vùng để kiểm soát, bởi vì nó có hai sở hữu, hai chủ quyền, hai tổ chức chính trị, hai ý thức truyền thống tập tục văn hóa khác nhau, v.v... Thế nhưng, với cái nhìn đại thể trong cộng đồng nhân loại của những nhà đạo đức tâm linh, của những bậc Thánh đi vào đời thì chúng ta thấy rằng, không những nó siêu vượt tầm nhìn về

biên giới mà còn trải rộng mành hạt yêu thương cho những cánh hoa thời gian và không gian mãi mãi thắm tươi và truyền đi ngàn hương sắc.

Trong thế gian này, ở đâu mà không có sự sống chết, hạnh phúc và đau khổ, ấm lạnh và buồn vui, thành công và thất bại, giàu và nghèo, cao sang hay thấp hèn, bất công và lẽ phải. Nếu có sự chấp nhận hay khước từ do lực chiều cảm từ dòng nghiệp thức hoặc đẩy ra, thì đây cũng chính là mỗi chúng ta tự chuyên chờ đến hay đi bởi những nghiệp thiện hay bất thiện. Sự đốt cháy nghiệt ngã của dòng đời thiết nghĩ nó đâu đủ sức tuyệt đối đánh ngã chúng ta rơi vào vực sâu của tội lỗi, tham ác hận thù, chỉ sợ rằng chính ta lại là những chất liệu “bồi” để tự đốt cháy nơi mình mà thôi! Sự đốt cháy ấy mới là điều đáng lo ngại hơn bao giờ hết.

*“Chỉ khi nào năng đốt
Từ phía lòng người thôi!”*

Bấy giờ, cả hai chúng tôi lên xe trên đường trở về, ngoảnh lại trông ánh nắng vẫn còn mênh mông ở giữa hai bờ biên giới.

CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHÂN HẠNH PHÚC

Nguyên tác: “THE BLUEPRINT OF HAPPINESS” by Ven. ANOMA MAHINDA

Người dịch: HT. Thích Trí Chơn

(tiếp theo kỳ trước)

TIN TƯỞNG NƠI CHÍNH MÌNH

Vì đức Phật dạy các đệ tử của Ngài rằng họ đã tạo nên hoặc phá hủy chính hạnh phúc của họ, cho nên chúng ta cần phải nương vào sự tinh tấn của mình, và không thể mong tìm sự giải thoát tới đấng siêu nhân hay thần linh (Thượng Đế). Hiện tại, con người cần nương tựa nơi chính mình; vì mong tìm sự cứu giúp và ân huệ bằng hành động cầu nguyện là nhu nhược. Thay vì cầu xin, đức Phật dạy chúng ta nên thiền định và phát triển tâm linh ngõ hầu chúng ta có thể đương đầu với những khó khăn trong cuộc sống và khắc phục chúng.

Không có sự đau khổ cũng như hạnh phúc nào là vĩnh cửu. Chỉ cần có chút ít kiên nhẫn và chịu đựng chờ đợi mọi việc đổi thay. Nhận thức này giúp ích lớn lao cho người Phật Tử, vì họ không đánh mất (xa lìa) thực tại trong những lúc hạnh phúc, cũng như không tuyệt vọng khi gặp phải điều bất hạnh. Người Phật Tử hiểu rằng cuộc sống được điều hành bởi những định luật quân bình tự nhiên; và sự cầu nguyện chỉ có thể bày tỏ ước muốn rằng những luật lệ này sẽ thay đổi cho lợi ích của cá nhân mình; hoặc chúng ta mong cầu những gì chúng ta không tạo được hay chưa có. Nếu luật tự nhiên có thể đánh đổ bằng sự cầu nguyện, chúng ta sẽ thu nhận được mọi điều bằng cách làm hại đến những kẻ khác.

Đức Phật không giữ im lặng trước vấn đề các thần linh có quyền năng tạo tác hay điều khiển vận mạng con người, Ngài không những chỉ giải thích bản thể chân thật của sự vật mà còn chê cười cái ý tưởng về đấng Thượng Đế toàn năng. Đức Phật còn tiến xa hơn và trình bày cho chúng ta thấy rằng những đức tin mê tín đó thật là tai hại, nếu con người nương tựa vào thần linh để chỉ thực hiện những điều mà chính họ có thể làm.

Chúng ta không bị bắt buộc phải chấp nhận tin rằng vũ trụ được tạo nên từ hư không hay thần linh thực hiện được cả điều không thể có. Vật chất, chúng ta biết ngày nay, không thể hủy diệt và không thể sinh ra từ cái không có. Trải qua bao thế kỷ, con người đã nghiên cứu về sự bắt đầu và chấm dứt của cuộc sống và vũ trụ; mặc dù đó là những vấn đề vượt ngoài ý niệm của tâm thức con người. Đức Phật đã khuyên chúng ta đừng tham dự vào công việc khảo cứu vô ích này, bởi vì chúng thuộc những vấn đề mà chúng ta không thể tìm thấy câu giải đáp; và chúng không giúp ích gì cho cuộc sống đạo đức, và sự đạt tới cảnh giới Niết Bàn (*Nibbana*) của chúng ta.

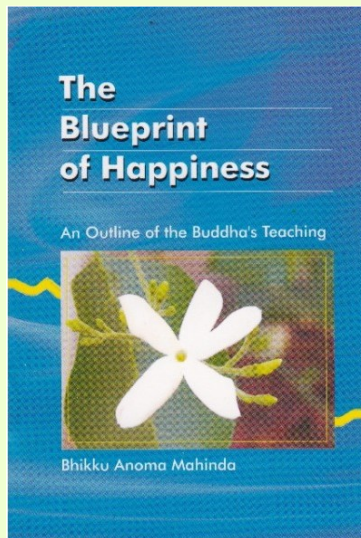
CONFIDENCE IN ONESELF

Because the Buddha taught his followers that they themselves make or mar their own happiness, it becomes necessary for us to rely on our own efforts and not seek salvation from a deity or supernatural being. Now if man must rely on himself, it is weakness to seek aid and favors by praying. Instead of prayer, He taught us to meditate and develop the mind so that we would be able to face the difficulties of life, and overcome them.

Neither suffering nor happiness is permanent. It only requires a little patience and fortitude to wait for things to change. The Buddhist is at a great advantage with this knowledge, because he does not lose sight of reality during the happy moments and he does not give way to despair in the face of misfortune. The Buddhist knows that existence is controlled by balanced natural laws and prayer can only be to express a desire that these shall change for one's individual benefit, or that we wish for something we have not earned or are entitled to. If natural laws could be upset in this way we would be obtaining things at the expense of someone else.

The Buddha was not silent on the matter of deities possessing creative power or controlling the destiny of men. He not only explained the real nature of things but derided the idea of the all-powerful Creator. He went further and showed us that such superstitious beliefs were harmful if people relied on gods to do what only they could do for themselves.

We are not asked to accept that the universe was created from nothing or that a deity had achieved the impossible. Matter, we know today, cannot be destroyed and cannot be produced from nothing. For centuries, men have speculated about the beginning and end of life and the universe, although they are matters beyond the conception of the human mind. The Master advises us not to participate in this useless speculation because they are problems to which we cannot find the answer, and which have nothing to do with the moral life or helping us to the goal of *Nibbana*.



Trong thực tế, đối với các tôn giáo lớn trên thế giới, những tín đồ đòi hỏi cần phải có "đức tin", vì nhiều giáo lý và học thuyết không phù hợp với lý trí. Phật Giáo (*Dhamma*) hoàn toàn trái ngược trong vấn đề này. Đức Phật dạy niềm tin cần xây dựng trên sự hiểu biết và lý trí. Hành động tin theo mù quáng không lợi ích cho cá nhân, vì nó không đòi hỏi sự hiểu biết sâu xa là điều đã giúp cho đức tin có giá trị hay phục vụ như người hướng dẫn chân chính trên đường Đạo. Quan niệm rộng rãi này thực là một trong những lý do giải thích tại sao hiện nay chúng ta thấy ở Tây Phương đã có nhiều người sẵn sàng trở lại theo Phật Giáo.

Không có những giáo điều, tính điều, tính ngưỡng hay đức tin (mù quáng) trong Phật Giáo. Không một tín đồ nào được yêu cầu phải chấp nhận tin bất cứ điều gì cho đến khi họ sẵn sàng hành động như thế, và cũng không có sự (bắt buộc) thừa nhận một tín ngưỡng hay tín điều nào.

Đức Phật, trong nhiều trường hợp, đã nhấn mạnh đến việc người ta cần phải nhận xét và tìm hiểu cẩn thận trước khi chấp nhận (tin theo điều gì). Cho nên, trong Phật Giáo không thấy có nơi nào ghi chép đạo Phật đã cưỡng ép người ta phải cải đạo trước hòng sủng hay dưới sự đe dọa của khủng bố. Mọi người chỉ có thể trở thành đệ tử chân thành của đấng Giác Ngộ, khi họ nhận thức được sự cao siêu của giáo lý đức Phật như là một phương pháp sống, vượt hơn các tôn giáo khác. Ngài không bao giờ khuyến khích một niềm tin cuồng nhiệt hay nặng tình cảm đối với Phật Pháp (*Dhamma*). Nếu thấy ai sẵn sàng tin tưởng như vậy, đức Phật khuyên họ nên dành nhiều thì giờ hơn để xem xét kỹ lưỡng vấn đề.

Trong lịch sử Phật Giáo có ghi lại một câu chuyện đáng chú ý sau đây. Kinh sách chép rằng, vào thời đức Phật còn tại thế, có một Đại Tướng của bộ tộc Ly Xa (1), tên Siha (2), là tín đồ theo đạo Kỳ Na (3). Đây là đạo giáo xuất hiện cùng thời với Phật Giáo. Siha thảo luận với vị giáo chủ Nataputta (4) của mình về ý định ông muốn viếng thăm đức Phật. Nataputta không thích ý kiến đó, và cố gắng ngăn cản việc đến thăm đức Phật của Siha. Ông ta không muốn để mất một vị bảo trợ giàu sang và có thể lực như Siha, và cũng mong rằng không có dịp nào cho Siha thực hiện điều ấy. Tuy nhiên, bất chấp lời khuyên của Nataputta, đại tướng Siha đã quyết định tự mình sẽ đi gặp đức Phật để tìm hiểu giáo lý mà Ngài đang thuyết giảng.

Hôm sau, Siha gặp đức Thế Tôn và thỉnh vấn Ngài. Khám phá đầu tiên mà ông ta (Siha) biết được là những tín đồ đạo Kỳ Na (Jains) đã trình bày cho ông ta hiểu một cách sai lạc về giáo pháp của đức Phật, và ngay sau khi Siha nghe được giáo lý chân chính, ông ta thấy rằng ông đã khám phá ra triết lý mà ông đang đi tìm. Khi nghe đức Phật trình bày những điều căn bản của cuộc sống siêu việt hơn, Siha hiểu rằng đây chính là bậc Thầy trong các đấng Tôn Sư.

Siha nhận thức rõ điều ấy, nên đã thỉnh cầu Ngài chấp nhận cho ông ta làm đệ tử tại gia, quy y theo đức Phật và Giáo Pháp, trong khoảng đời còn

In practically every one of the great religions of the world, 'faith' is required of the followers, because many of the teachings and doctrines are incompatible with reason. The Dhamma strikes a great contrast in this respect. The Buddha asked only for the confidence, based on understanding and reason. Blind acceptance is of no use to an individual because it does not require the depth of knowledge which makes it of value or serve as a guide on the Path. This broad outlook is probably one of the reasons why it is now finding so many ready converts in the West.

There are no dogmas or articles or creed or faith in Buddhism. No disciple is asked to accept anything until he is ready to do so and there are no confirmations of beliefs or creeds to recite.

The Master, on many occasions, stressed the need for one to consider and carefully investigate, before acceptance. That is why, in Buddhism, there are no records where it has sought converts at the point of a gun or under the threat of torture. People can only become good followers of the Enlightened One when they are convinced of the superiority of the Buddha Sasana, as a way of life, over all other systems. He never encouraged hysterical or emotional acceptance of the Dhamma. If people appeared too ready to do so, He advised that they took more time to carefully consider the matter.

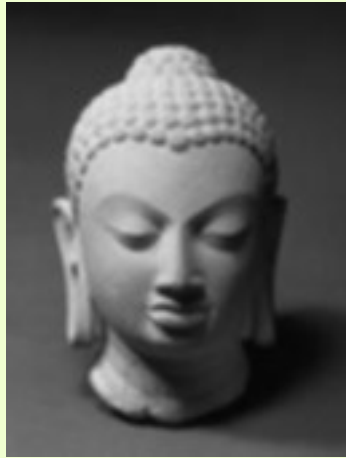
There is a notable example of this in Buddhist history. It is recorded, that during the time of the Buddha's ministry, there was a certain General of the Licchavis, named Siha, who was a follower of the Jains. This was a sect which existed about the same time as

Buddhism. Siha discussed his intention of visiting the recluse Gotama, with Nataputta, their leader. Nataputta did not favour this suggestion and tried to discourage Siha from making the visit. He did not wish to lose a wealthy and influential supporter like Siha and wished to take no chances of doing so. However, in spite of Nataputta's advice, the General decided he would go and see Gotama for himself and find what He was teaching.

The next day he saw the Enlightened One and questioned Him. The first discovery he was to make was that the Jains had given him a distorted account of the Buddha's Dhamma, and as soon as he heard the real doctrine he knew that he had found the philosophy he had been seeking. As the Master unfolded the fundamentals of the Higher Life, His listener knew that here was a Teacher among Teachers.

Siha responded to this realization by asking the Buddha to accept him as a layfollower, to take refuge in Him and the Dhamma, for the remainder of his life. The Exalted One's reply came as great surprise to Siha when He tried to discourage him from accepting after so short a discussion. The Lord pointed out the position and responsibility of Siha in the community, and in the case of well-known and important citizens, it was advisable to make a thorough investigation before embracing a new teaching.

This, however, only increased Siha's enthusiasm



lại của ông. Câu trả lời của đức Thế Tôn khiến cho Siha vô cùng ngạc nhiên, khi Ngài cố gắng chối từ sự quy y của ông, sau một cuộc thảo luận quá ngắn ngủi. Đức Phật nêu lên địa vị và trách nhiệm của Siha trong cộng đồng; và trường hợp của một nhân vật quan trọng và danh tiếng, Ngài đã khuyên ông nên suy nghĩ kỹ trước khi theo một tôn giáo mới.

Dù vậy, điều ấy chỉ làm tăng thêm niềm tin của Siha nơi đức Phật. Ông hiểu rằng, trường hợp này mà đổi ngược lại, nếu Siha từ bỏ đức Phật để theo đạo Kỳ Na (Jains), họ không những chỉ chấp nhận liền cho ông ta không chút do dự; mà họ còn tuyên bố rộng khắp về hành động cải giáo của ông nữa. Đức Phật, sau ba lần lặp lại lời khuyên trên, nhưng Siha đã kiên cố giữ vững ý định của mình.

Tuy vậy, sự việc không ngừng ở đây. Đức Phật còn dạy rằng, Siha và gia đình của ông từ lâu là những người đã hỗ trợ cho đạo Kỳ Na (Jains), và cho dù nay ông không thích theo triết lý của tôn giáo đó, ông vẫn nên tiếp tục cúng dường cho các tu sĩ đạo Kỳ Na.

Đây, một lần nữa, Siha biết rằng lời giáo huấn này, ông chưa bao giờ được nghe nói đến nơi đạo giáo mà ông mới vừa từ bỏ, và niềm tin của ông nơi đức Phật lại càng tăng trưởng hơn nữa.

Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ giáo thêm cho Siha, dạy về giới luật và mục đích của nó; những phiền não gây ra do thú vui của các giác quan, cùng sự lợi ích của hành động chế ngự được chúng. Rồi Ngài dạy cho Siha bản chất của sự khổ, nguồn gốc, sự diệt trừ và con đường (dẫn đến chấm dứt sự khổ). Bằng cách ấy, đại tướng Siha đã trở thành một trong những tín đồ của đấng Giác Ngộ.

Trong vấn đề trên, chúng tôi thấy nên trích dẫn thêm lời dạy của đức Phật cho dân chúng Kamalas (5) ở xứ Kesaputta (6), khi những người này bảo rằng tất cả vị đạo sư nào cũng khen ngợi, tán dương ý tưởng của mình, và nói rằng duy nhất chỉ có giáo lý của các ngài mới là chận chính. Điều này khiến người dân Kamalas lầm lẫn và họ không biết làm cách nào để phân biệt được ai đúng ai sai.

Sau khi giải thích rằng họ có quyền nghi ngờ nếu thực sự họ chưa hiểu rõ, đức Phật dạy:

"Đừng nên chấp nhận điều gì do người khác nói lại, những tin đồn, hay truyền dạy bởi tập quán. Chớ vội tin điều gì vì nó được tụng đọc ở kinh sách, hay bởi luận lý và suy diễn như vậy; cũng đừng tin vào điều mà mình đã sẵn có định kiến, hay do vị thầy mình kính trọng nói ra. Chỉ khi nào các con tự biết rằng những lời dạy này là thiện, chúng được chấp nhận bởi các bậc thiện tri thức; và khi thực hành những điều ấy không dẫn đến sự thiệt hại hay khổ đau, thì các con nên làm theo".



for the Buddha. He knew that if the position had been reversed, and he had left the Buddha to follow the Jains, they would not only have accepted him without hesitation, but proclaimed his new discipleship far and wide. Three times the Lord repeated this advice but Siha had firmly made up his mind.

This, however, was not the conclusion. The Enlightened One pointed out, that Siha and his family had for a long time been supporters of the Jains, and even though

he may not wish to follow their philosophy, he should continue to give alms to any of them that asked.

Here again Siha knew that this was not the instruction he would have received from the sect he had just left and his confidence in the Master rose higher and higher.

Then the Lord instructed Siha further, discussing morality and the goal; the perils from the pleasures of the sense and the advantages of conquering them. Then He taught him the nature of suffering, its cause, its cure and the Path. In this manner did Siha, the General, become numbered among the followers of the Enlightened One.

At this stage, we must quote the instructions given by the Buddha to the Kalamas of Kesaputta, when they pointed out that all teachers extol and magnify their own views, claiming that their doctrine is the only right one. This only left them confused and they did not know how to judge the true from the false.

After explaining that they did right to doubt if they did not properly understand, He said:

"Do not go by what is reported by others, what is hearsay or taught by tradition. Do not go by proficiency in reciting the scriptures or by mere logic and inference; nor because it fits in with views already held; nor out of respect for your teacher. It is only when you know for yourselves that these teachings are good, they are acceptable by the wise, that when practised they do not conduce to loss or suffering; then only must you accept them."

(to be continued...)

CHÚ THÍCH CỦA DỊCH GIẢ:

1. **LY XA** (P; S, *Licchavi*): Là một trong tám bộ tộc tạo nên liên bang (confederation) của tiểu quốc Vajji vào thế kỷ thứ 6-7 trước tây lịch thời đức Phật còn tại thế. Xứ Vajji bấy giờ nằm về hướng đông nước Mạt La (Mallas) và phía bắc vương quốc Ma Kiệt Đà (Magadha) với kinh đô đóng tại thị trấn Tỳ Xá Ly (P, *Vesali*; S, *Vaisali*). Thời ấy, dân chúng Ly Xa của Vajji theo chính thể Cộng Hòa và có tinh thần đoàn kết rất cao. Nếu trong làng có một người bị ốm đau thì nhiều người khác sống nơi đó đều đến thăm.

Theo tài liệu ghi chép ở các kinh sách Phật Giáo, dân chúng Ly Xa có thân hình đẹp đẽ, thích dùng quần áo màu sắc lộng lẫy và đi trên các xe ngựa được trang hoàng rực rỡ. Họ là những Phật Tử rất thuần thành, ngoan đạo, và hết lòng kính thờ ngô Tam Bảo. Ngay cả các em thiếu niên, tay mang cung tên đi trên đường, khi gặp đức Phật đang ngồi ở gốc cây nào, chúng liền bỏ vũ khí xuống đất, chạy lại chấp tay đứng quanh để lắng nghe Ngài thuyết pháp.

Xứ Vajji, quê hương của bộ tộc Licchavi (Ly Xa) thời xưa, ngày nay là thành phố Besarh trong quận Muzzaffapur, tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ.

2. **SIHA:** Tên một vị đại tướng thuộc bộ tộc Ly Xa ở thành Tỳ Xá Ly (Vesali), môn đệ của *Nigantha Nataputta* (Ni Kiền Tử), giáo chủ đạo Kỳ Na (Jainism), sinh cùng thời với đức Phật. Một hôm, đức Thế Tôn đến hoằng pháp tại Tỳ Xá Ly, Siha nghe uy danh đức độ của Ngài, dự tính muốn đến thăm, nhưng Ni Kiền Tử ngăn cản, bảo rằng đức Phật không xứng đáng để ông tới gặp. Cuối cùng, Siha vẫn hướng dẫn một đoàn 500 cỗ xe đến yết kiến Ngài. Sau khi thỉnh vấn, tìm hiểu giáo pháp của đức Thế Tôn, Siha mới nhận biết rằng lâu nay giáo lý của Ngài đã bị Ni Kiền Tử cố tình xuyên tạc và diễn đạt sai lầm nhằm làm hạ uy tín đức Phật. Ngay lúc ấy, Siha liền nhận thấy rằng chánh pháp của đức Như Lai thực là cao siêu mẫu nhiệm, và ông ta phát nguyện muốn quy y Tam Bảo, trở thành đệ tử của Ngài.

Đức Phật hoan hỷ chấp thuận với điều kiện là Siha vẫn nên tiếp tục ủng hộ, cúng dường cho các sa môn theo đạo Kỳ Na. Qua cách đối xử đầy lòng khoan dung của đức Thế Tôn với các môn đồ theo Ni Kiền Tử (*Nigantha Nataputta*), một lần nữa khiến Siha càng nhận thấy đức Phật là đấng giác ngộ, từ bi vô lượng xứng đáng cho ông tin theo, kính lễ và tôn thờ.

3. **KỶ NA; 4. NATAPUTTA:** Đạo Kỳ Na (Jains hay Jainism) là tôn giáo do Nigantha Nataputta (Ni Kiền Tử), một trong sáu lục sư ngoại đạo sáng lập tại Ấn Độ vào thế kỷ thứ sáu trước tây lịch. Danh từ "Jain" hay "Jaina" xuất phát từ ngữ căn tiếng Phạn (Sanskrit) "Ji" có nghĩa là "chinh phục" (to conquer) hay là "Jina" là "kẻ chiến thắng" (the conqueror).

Nigantha Nataputta (tiếng Pali) còn có tên gọi là Vardhamana Mahavira. Vardhamana (599-527 trước tây lịch) sống cùng thời với đức Phật (623-543 trước T. L.), được xem như vị chiến thắng (victor), thánh nhân (saint) hay "tirthankara" thứ 24 và cuối cùng của Kỳ Na Giáo (Jainism). Nghĩa đen chữ "tirthankara" là "người đã vượt qua bờ kia" (one who makes the River crossing) hàm ý chỉ cho các vị tu hành đặc đạo, vượt thoát bể khổ sông mê, không còn luân hồi sinh tử.

Theo kinh sách Kỳ Na Giáo, vị thánh nhân, giáo chủ, (tirthankara) đầu tiên của tôn giáo này là Rishabhha, ra đời trước Vardhamana 84,000 năm và vị thứ 23 là Parsvanatha giảng sinh trước ông ta khoảng 250 năm. Đạo sư Vardhamana sinh năm 599 trước tây lịch tại Kundagrama, ngoại ô thành Vesali (Tỳ Xá Ly), nay là thành phố Besarh trong quận Muzzaffapur, tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ. Thân sinh ông là Siddharatha, tù trưởng của thị tộc Jnatikas thuộc giai cấp Sát Đế Lợi (Kshatriya); và mẹ là Trisala, chị của hoàng tử Chetaka, trị vì bộ tộc Licchavi (Ly Xa) của xứ Vajji tại Vesali. Lớn lên,



Vardhamana lập gia đình với Yasoda và sinh được một cháu gái tên Anoja.

Sau khi song thân qua đời vào năm 30 tuổi, ông bỏ nhà đi tu. Vardhamana ròng rã trong suốt 12 năm chuyên ngồi thiền định và tu ép xác khổ hạnh đến nỗi ông từ chối luôn không mặc quần áo, lỏa thể đi tầm đạo khắp nơi. Đến năm thứ 13, sau một thời gian dài nhịn ăn; vào ngày 10 tháng Vaisakha (khoảng tháng 5 dương lịch), Vardhamana ngộ đạo, tìm ra chân lý đang lúc ngồi thiền định tại gốc cây Sa La (Sala) cạnh bờ sông Rijupalika, bên ngoài thành phố Jrimbhikagrama (nay gần Giridih trong quận Hazaribagh, tiểu bang Bihar, miền đông bắc Ấn Độ). Lúc ấy, ông được 43 tuổi. Do sự đạt đạo, giải thoát mọi khổ đau phiền não, Vardhamana bấy giờ được người đời tôn xưng như đấng "Mahavira" nghĩa là "Đại Anh Hùng" (Maha: đại; Vira: anh hùng) hay "Jina" (người chiến thắng diệt trừ hết dục vọng) và tín đồ của ông ta được gọi là "Niganthas" (Pali) hay "Nirgranthas" (Sanskrit) có nghĩa "Đã giải thoát mọi khổ đau triền phược" (free from fetters or bonds). Tiếp đến, suốt thời gian 30 năm sau đó, Mahavira đi hoằng pháp, thuyết giảng khắp nơi tại các vương quốc Magadha (Ma Kiệt Đà), Kosala (Kiều Tát La) và các xứ kế cận. Mahavira mất năm 527 trước tây lịch vào lúc 72 tuổi tại thành phố Pava (nay là Kasia, trong quận Gorakhpur, tiểu bang Uttar Pradesh, miền bắc Ấn Độ).

5. **KALAMA; 6. KESAPUTTA:** *Kalama* (tiếng Pali) là tên một bộ lạc nhỏ sinh sống tại Ấn Độ vào thời vua Tần Bà Xa La (Bimbisara) và đức Phật còn tại thế khoảng thế kỷ thứ 7-6 trước tây lịch. Kesaputta (Pali) là tên một quận, thủ đô của bộ lạc Kalama. Theo tài liệu ghi chép trong bộ kinh Tăng Nhứt A Hàm (Anguttara-Nikaya), Cuốn 1, cho biết Kesaputta là một quận huyện của xứ Kosala (Kiều Tát La), một trong 16 tiểu quốc của Ấn Độ thời xưa. Ngày nay Kosala là quận Oudh, thuộc tiểu bang Uttar Pradesh, miền bắc Ấn Độ.

Bộ Lạc Kalama chiếm một vị thế quan trọng trong lịch sử Phật Giáo, vì ông Alara-Kalama, thầy của đức Phật trước khi ngài chứng đạo, là dân của bộ lạc Kalama. Và, thời gian Bồ Tát Tất Đạt Đa đi tầm sư học đạo, ngài gặp và kết thân với ông Bharan-du-Kalama (cũng là người bộ lạc Kalama); lúc ấy, cả hai cùng ở chung một tu viện và là học trò của đạo sĩ Alara-Kalama. Khi còn tại thế một hôm đức Thế Tôn đến thăm Kesaputta, và tại đây, Ngài đã thuyết cho dân chúng *Kalama* nghe kinh *Kesaputtiya* trong bộ Tăng Nhứt A Hàm (Anguttara-Nikaya).

HẦU THẦY VÀO CẢNH VÔ DƯ NIẾT BÀN

Nguyễn Siêu

*Con kính lạy Giác Linh Thầy tha
thiết
Tiển đưa Thầy cách biệt sơn khê
Ngọn đời Trại Thủy trắng thề
Sớm đưa gió thoảng chiều quê
sương chùng*

*Chùa Long Sơn chấn động
Đôi Trại Thủy bồi hồi
Thầy đi cách biệt xa xôi
Trong giờ nhập Tháp xé đôi cõi
lòng*

7:00 giờ sáng nay, Lễ Cung
Tống Kim Quan Thầy nhập Bảo
Tháp, trên đôi Trại Thủy, sau cốc
Ôn Trí Nghiêm.

Quý Ôn Trí Nghiêm, Ôn Trùng
San, Ôn Đồng Minh đều nhập Bảo
Tháp nơi đây. Ngắm ra, chốn này
lại là nơi dừng chân hóa độ khi
công viên quả mãn của chư bậc
Thạch Trụ Tông Lâm của tỉnh
Khánh Hòa, Nha Trang.

Có lẽ tỉnh Khánh Hòa hiền
lành như ý nghĩa và tên gọi của
nó, cho nên quý Ôn từ phương xa
về làm Phật sự và dừng chân luôn
ở nơi này, dưới mái chùa Long Sơn
từ thuở khai sơn, khi còn là ngôi
chùa làng bé nhỏ.

Ôn Trí Nghiêm người tỉnh Phú
Yên, Tuy Hòa. Ôn Đồng Minh
người Bình Định, Quy Nhơn. Ôn
Trùng San, tuy là người địa
phương nhưng ở trên thành, Diên
Khánh, và Thầy từ Huế vào. Vì
nhân duyên hóa độ mà Thầy dừng
chân lại nơi này, từ thuở làm điệu,
sơ tâm xuất gia cho đến ngày
thành bậc Trưởng Lão Hòa
Thượng. Thầy sống nơi đây và
cũng viên tịch nơi đây. Cũng như
Quý Ôn từ thời trước đến nay, quý
Ôn, quý Thầy dừng chân đứng lại
dưới mái chùa Long Sơn. Cốc Tre
Vàng của Ôn Đồng Minh. Am Mây
Bạc của Ôn Trí Nghiêm. Cốc Bình
Minh của Ôn Giải An. Ngay cả Ôn
Đức Minh cũng thế. Người tử xứ
đến ở mảnh đất an lành Khánh
Hòa làm nên Phật sự. Ngay cả
Phật Học Viện Hải Đức Nha Trang
cũng vậy.

Khánh Hòa đất lành, người

hiền, hiểu khách nên mời gọi,
tiếp đón tất cả - Đất lành chim
đậu - như xứ Trầm Hương, lời
của nhà thơ Quách Tấn, hay Hoa
Khê Lưng Đồi, nhà văn Võ Hồng
diễn tả. Địa linh thì có nhân kiệt.
Đất của Già Lam, Phạm Vũ nên
có Thánh Tăng, Bồ Tát ẩn tu.

Đất Khánh Hòa un đúc khí
thiên vương tú mà sinh ra Bồ
Tát Thích Quảng Đức thời đó.
Chứng ấy không thời cũng đủ
thấy được rằng đạo Phật ở tỉnh
Khánh Hòa thấm sâu vào nếp
sống tâm linh người dân, Phật tử
nhuần nhuyễn để cùng làm lợi
ích cho đời cho đạo, nên các bậc
hóa thân Bồ Tát, Tổ Đức Thiền
gia mới tùy duyên trú ngụ để
hành Phật sự trên mảnh đất ven
bờ biển xanh, cát trắng, thường
được gọi là miền Thủy Dương cát
trắng nên thơ.

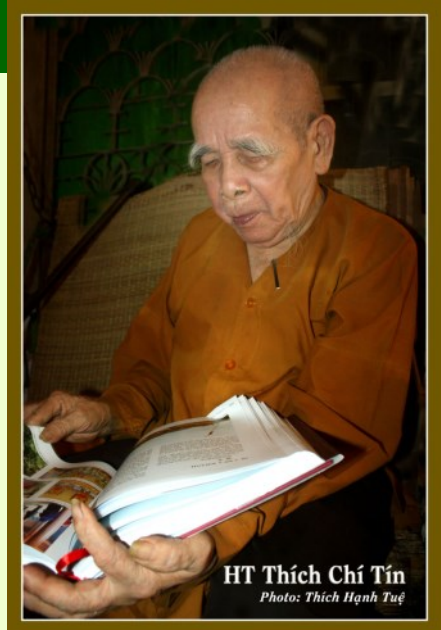
Kính Bạch Giác Linh Thầy,
Nhớ khi xưa, thuở còn làm
điệu, Thầy cho con đi học với các
chú Cầu, chú Chỉnh, chú Hảo,
chú Bình, chú Hường... nhưng vì
chúng điệu đông, không đủ
phòng ốc nên đêm đêm các chú
ôm chăn mùng, chiếu gối lên
chánh điện chùa ngủ nghỉ.

Thời gian cứ thế trôi qua,
ngày thì ăn cơm bằng cà-mèn do
bà Ba, bà Cả nấu, quét rác, tưới
cây, đi học mà lớn dần theo năm
tháng bên cạnh Thầy, cạnh người
Cha hiền lành, bình dị, mộc mạc,
đơn sơ.

Nhớ lại thời Pháp nạn 63,
trước cửa chùa, nơi tam cấp đi
xuống, tầng trên là bàn thờ của
chư Tôn Đức Tăng Ni, Phật tử đã
vị pháp thiêu thân, đã hy sinh
cho pháp nạn ấy, Thầy đã cùng
quý Ôn lo mọi chuyện, cơm ăn,
nước uống và nhiều Phật sự khác
nữa, khi ấy con cũng nhỏ như
các chú điệu khác có biết gì đâu.

Giờ đây, hồi tưởng lại những
gì đã có trong thời của Thầy và
quý Ôn thì nay đã không còn
nữa, tất cả đều ra đi.

Cả một thế hệ quý Ôn thuở



ấy, giờ chẳng còn mấy ai, người
mất quá nhiều, không làm sao bù
đắp kịp.

Thầy lo Phật sự, Thầy làm
việc người, Thầy chăm sóc từ con
ong cái kiến, dường như chẳng từ
nan việc gì. Thầy không giặt áo,
Thầy chẳng phơi Y. Việc tự thân
Thầy chẳng nhờ. Cứ mỗi lần con
vào nhà Thiền, nơi Thầy tiếp
khách với cái giường nhỏ Thầy
ngồi nơi đó. Chung quanh, từ trên
xuống dưới có đủ mọi thứ, Thầy
đã không cho con dọn phòng, mà
còn nói:

"Đồ để đó, ai tới xin thì mình
có sẵn mà cho họ, khỏi mất công
tìm kiếm."

Chai dầu cạo gió, hộp bánh
bích quy, sữa bột trẻ con, tiền lẻ...
Bề bộn vật dụng để dành sẵn cho
người cần. Hạnh của Thầy là thế
đó, giống như Hàn San, Thập Đắc
hai vị Bồ Tát tu hạnh đầu đà, ăn
cơm thừa canh cặn của chúng
Tăng, tối kéo nhau vào xó bếp
ngủ.

Nhìn chiếc xích đu bên hiên
chùa, nơi Thầy ngồi hơn ba mươi
năm qua thì mọi người cũng thấu
hiểu vật dụng thường ngày của
Thầy là những gì rồi. Nếp sống
đơn giản, không lệ thuộc vào vật
chất bề ngoài, chỉ với chiếc áo
tràng đà mỗi khi Thầy bước chân
xuống tam cấp nhà Thiền, đi ra
sân trước, bách bộ quanh chùa,
lên cốc Ôn Trí Nghiêm, Ôn Đồng
Minh mới mặc, nhưng điều đặc
biệt là Thầy chỉ mặc có một tay
trái, còn tay áo bên phải buông
thống, chẳng xỏ tay vào, ngoại
trừ khi lễ lộc, tiếp khách hoặc đi
ra ngoài, xuống phố thăm nuôi
bệnh nhân và đám sấm.

Con liền tưởng đến chư vị

hóa thân Bồ Tát, Thiền Sư nghịch hạnh có lắm chuyện kỳ đặc, nghịch đời mà có lẽ Thầy là một trong những vị Bồ Tát kỳ đặc, nghịch đời ấy. Kỳ đặc, nghịch đời ở chỗ, mặc dù quanh năm suốt tháng Thầy chẳng tắm, Y Hậu, áo quần chẳng giặt, chẳng phơi, ấy vậy mà chẳng có mùi hôi. Phải chăng Thầy thuộc hàng "nội bí Tinh văn, ngoại hiện Bồ Tát" nên những thứ phạm tình chúng sinh ấy đều biến mất. Để rồi hôm nay, bao người nghĩ về Thầy, viết về Thầy, nói về Thầy cũng có cùng nhận xét giống như con vậy. Ai ai khi nhắc đến Thầy cũng đều cảm nhận được nếp sống dung dị, đơn sơ của Thầy, người chỉ biết lo cho tha nhân mà quên cả thân mình. Một đời sống phạm hạnh của bậc Thánh giả. Nhưng bạch Thầy, Thầy là bậc Thánh giả đến không vướng mắc, đi chẳng câu nệ có không, mất còn, nhưng chúng con chưa có được cái tâm an nhiên, tự tại như Thầy.

Giờ này, chỉ còn chiếc xích đu lơ lửng bên thềm chùa, không còn bóng dáng Thầy ngồi đó như ngày nào. Không có Thầy để tiếp quý Thầy, quý Phật tử nơi ấy nữa, để cho mỗi người một xâu chuỗi, một quyển kinh, một bức hình Kim Thân Phật Tổ, hay tấm hình cảnh chùa Long sơn... nghĩ đến đây lòng con quặn thắt, bồi hồi.

Kính bạch Thầy,

Chỉ cần nhìn thấy Thầy còn ngồi nơi chiếc ghế xích đu ấy, không làm gì hết, nhưng ấy là linh hồn, là sức sống linh thiêng, màu nhiệm của chùa Long Sơn, của bao thế hệ người đã qua và còn bao thế hệ người sau sẽ đến.

Thầy ngồi nơi chiếc xích đu, thời gian như một nửa đời người, trông như bóng Cha già che chở cho đàn con. Như cội tùng cổ thụ sớm che nắng, chiều hứng mưa cho bao loài chim muông, cỏ cây tươi thắm. Chiếc ghế xích đu ấy giờ chắc cũng buồn lắm, biết có ai còn để ý đến nó không? Chiếc ghế xích đu mất Thầy như chúng con đã mất Thầy. Chỉ mong có người lưu tâm đến nó, cất giữ lại nơi ấy như một bảo vật, để kỷ niệm như bảo tòa Kim Cương, Thầy đã ngồi để làm Bồ Tát hạnh.

Ngày xưa, Đức Thế Tôn ngồi trên bảo tòa Kim Cang dưới cội Bồ Đề mà thành đạo. Bây giờ Thầy ngồi trên ghế xích đu mà thị tịch, thật bất khả tư nghị cho hạnh nguyện của bậc Đại sĩ.

Mỗi lần nhìn Thầy trong bức hình thờ nơi phòng làm việc của

con, nhìn thấy đôi chân mày quắc thước, dài râu, bạc trắng hiền từ như Tiên ông, nhưng Thầy là bậc Đạo sư chứ không phải Tiên ông, Thầy đeo nơi cổ xâu chuỗi 108 hạt, và thêm xâu chuỗi 18 hạt cầm trên đôi tay chấp lại. Thấy Thầy như thấy Phật chung quanh Thầy, từ cổ đến tay đâu đâu cũng là Phật.

Sáng nay, trên chánh điện chùa Long Sơn hương trầm lan tỏa, hòa quyện vào vách chùa, mái chùa, ngàn cây, kẽ lá, vào lòng người như muốn lưu lại hình ảnh Thầy. Từng bước chân của Thầy, từng lời nói của Thầy, từng hình bóng của Thầy như tỏ sâu, in đậm nơi đây, nơi chiếc ghế nhà Thiền, nơi gổ quý chánh điện, nơi Trại đường với chừ Tăng và nơi in dấu cuối cùng của chiếc xích đu lễ bái. Ấy là ước muốn của con người, của sự vật, nhưng giờ đã đến ba hồi chuông trống Bát Nhã trầm hùng, thanh thoát để tiễn đưa Thầy vào cõi Vô Dư.

Trước sân chùa, nơi tôn trí Kim quan Thầy, hàng ngàn chừ Tăng Ni, Y hậu chỉnh tề, trang nghiêm chấp tay thành kính. Hàng hàng lớp lớp đệ tử tại gia cũng như Gia Đình Phật Tử ... lắng tâm mật niệm bái biệt Thầy, trong nỗi đau của người con mất Cha. Lư trầm, hương án, bệ, tích, long... có Tứ Thiên Vương che lọng hầu Thầy. Đoàn âm công thỉnh Kim Quan Thầy lên vai, bắt đầu lên dốc đôi Trại Thủy.

Cũng con đường mòn ấy. Cũng những cây xanh, lá hoa núi rừng ấy, nhưng sáng hôm nay, cảnh vật như quạnh hiu, buồn thảm, héo sầu... như thấy mình mất mát một cái gì quá to lớn mà gần một thế kỷ qua mình đã có ở nơi đây. Có những con đường mòn lên xuống, những khóm trúc, bụi tre, những giàn thanh long, những hàng phượng vĩ, những vách đá sau chùa. Có tất cả, được xông ướp hình bóng Thầy như hương sen ngào ngọt.

*Núi rừng đôi Trại Thủy
Chìm lắng lặng miên man
Vách chùa rưng rưng khúc
Sân chùa giọt lệ tràn.*

Ngàn người tiễn đưa, và hàng ngàn người cúi đầu thắm niệm Nam Mô... cánh cửa Bảo Tháp được mở ra, Kim quan Thầy được tôn trí nơi đó, giữa cảnh núi rừng tịch mịch, cây cao

bóng cả, rợp mát đất trời thiên nhiên màu nhiệm.

Câu niệm Phật cuối cùng: "Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật."

Thầy Thượng Phẩm Thượng Sanh.

Cánh cửa Bảo Tháp khép lại. Thầy nằm bất động thiên thu giữa núi rừng trắng sao, sương đêm và gió sớm.

Đầy chỉ là nhục thân, tứ đại của Thầy, còn Giác Tánh trạm nhiên, cái linh minh đồng triệt thì Thầy đã trở về Pháp thân, chân như. Thầy tiếp tục con đường hóa độ chúng sinh.

Di ảnh Thầy thờ sau Hậu tổ, mọi người đều đã ra về.

Cảnh chùa vắng lặng!

Một cảm giác trống vắng lạnh lùng, bàng khuâng, thiếu thốn...

Mất Thầy như mất cả hình ảnh từ hòa, dung dị. Mất cả tấm lòng từ bi, chăm sóc, yêu thương.

Con ngồi đây nghĩ về Thầy, về một cảnh đời 50 năm qua, giờ như bóng câu cửa sổ. Bao lớp người trước đã đi qua, bao lớp người sau rồi lại đến. Những tiếp nối vô cùng của cuộc tử sinh.

Ba tiếng chuông gia trì nhẹ nhàng, trầm ấm, quỳ trước di ảnh Thầy, cảm nên hương nhất tâm cầu nguyện để hầu Thầy vào cảnh Vô Dư Niết Bàn.

Kính nguyện Thầy Cao Đăng Phật Quốc.

Chùa Phật Đà, 26/9/2013

Đệ tử

Thích Nguyên Siêu





TU SĨ VÀ LUẬT DI TRÚ TẠI HOA KỲ

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC (tiếp theo)

Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTNHK thực hiện

HUỲNH TẤN LÊ biên soạn

Trong bài viết hôm nay chúng tôi xin tiếp tục đưa lên đây một số câu hỏi mà hằng ngày quý Tăng Ni, các chùa thường hay hỏi và cũng là thắc mắc chung của hầu hết mọi người.

Câu hỏi 14. Chùa tôi đã có giấy phép nonprofit của liên bang và tiểu bang, năm rồi khai thuế phần thu có hơn 10,000, tôi có thể bảo lãnh Tăng Ni từ ngoại quốc được không?

Trả lời: xin thưa là được vì khi mình xin lần đầu tiên Sở Di Trú (SDT) sẽ đến chùa để xét, họ sẽ căn cứ trên nhiều khía cạnh khác nhau để lượng giá chùa mình. Lợi tức của chùa chỉ là một trong những yếu tố quan trọng mà thôi, không phải là yếu tố quyết định. Mỗi năm sau này nên deposit tất cả tiền mặt vào trương mục của chùa để hằng năm số thu của chùa sẽ lớn hơn và dĩ nhiên chùa có bề thế hơn. Khi đã là tổ chức nonprofit, họ chỉ muốn biết mình thu bao nhiêu thôi chứ không phải đóng thuế, nên cố gắng khai rõ ràng và có bao nhiêu khai bấy nhiêu ngay cả phần thu và chi bằng tiền mặt.

Câu hỏi 15. Mỗi chùa có thể xin được tối đa bao nhiêu Tăng Ni?

Trả lời: SDT không quy định số lượng tối đa và tối thiểu cho mỗi chùa nhưng họ có lời khuyên là những chùa lớn cùng một lúc có hồ sơ trên SDT tối đa là năm người. Có hồ sơ ở đây là hồ sơ I-129, I-360 và I-485. Họ muốn nói đến hồ sơ chưa có thẻ xanh. Nếu xin nhiều hơn thì họ sẽ không nói mình đã xin nhiều người nhưng họ có thể yêu cầu mình bổ túc vấn đề tài chánh và một số vấn đề khác liên hệ đến chùa và cá nhân Tăng Ni. Sự thật là sau khi một vị có thẻ xanh rồi, vị đó không nhất thiết phải làm việc cho chùa mình nên trường hợp cần nhân viên là thông thường. Khi khai số Tăng Ni đang làm việc nên khai đúng với số lượng Tăng Ni mà mình đang có và đã xin giấy tờ cho họ, nhiều vị trụ trì sợ SDT biết được nên khai đúng với số lượng mà mình đã xin mặc dù nhiều vị không còn làm việc tại chùa mình nữa. Đó là điều không nên làm, chỉ khai đúng số lượng mà mình đang có.

Câu hỏi 16. Tôi bảo lãnh một vị đến chùa tôi theo diện R1, bây giờ họ di chuyển đi làm việc tại chùa khác, tôi có cần phải báo cáo lên SDT là họ đã đi rồi để không còn trách nhiệm?

Trả lời: SDT không bắt buộc phải báo cáo khi một người rời chùa mình đi làm việc tại một chùa khác. Việc báo cáo thay đổi địa chỉ là việc của cá nhân Tăng Ni. Mình báo cáo linh tinh chỉ gây sự nghi ngờ của SDT cho chùa mình mà thôi. Mình có thể cấp giấy chứng nhận cho người đó đã làm việc cho mình trong thời gian từ ngày mới đến tới bây giờ. Làm như vậy là đúng với nguyên tắc mà SDT đòi hỏi. Khi họ tự khai là thời gian vừa qua tôi có làm việc tại chùa A nhưng chùa A từ chối không cấp cho tôi giấy chứng nhận thì SDT sẽ có điểm dị nghị ở

chùa mình. Điều đó không hay cho cá nhân đương sự và cho chùa cũ mà họ đã làm việc.

Câu hỏi 17. Thời gian chờ đợi sau khi nộp I-485 quá dài đã sắp hết hạn trong R1 và tôi chỉ còn hạn trong thẻ làm việc mà thôi. Tôi có cần gia hạn R1 không?

Trả lời: Rất cần vì nếu khi mình quyết định trở lại VN hay nhờ chùa khác xin giấy tờ, việc hay nhất để chứng minh là giấy tờ R1. SDT cũng không bao giờ từ chối khi mình xin gia hạn R1 và cho phép mỗi lần đến Hoa Kỳ được gia hạn tối đa 5 năm.

Trong lần sau sẽ tiếp tục câu hỏi thứ 18. Mọi sự phê bình, bổ túc, căn hỏi thêm và đề tài đề nghị xin liên lạc Tòa Soạn Báo Chánh Pháp hay điện thư drlehuynh@gmail.com hoặc gửi thư về Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo số 1612 N. Spurgeon Street, Santa Ana, CA 92701.



thơ

DIỆT NGAY LỤC TẶC NGOÀI ĐỜI

“Lục căn” là sáu cơ quan
Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi và Thân, Ý người
Qua đây mà cảnh bên ngoài
Nhập vào quấy nhiễu phá hoại thân tâm
Rất nhiều cảnh vật cõi trần
Tựa như bụi bân gieo mầm nguy tai.

MẮT nhìn muôn vật, hình hài
Màu mè, sắc tướng phô bày vây quanh
Dễ thương, quyến rũ, đẹp xinh
Ngắm hoài say đắm trở thành u mê.

TAI nghe các tiếng vọng về
Du dương giọng hát, tí tê lời người
Ngọt ngào, êm dịu, lả lơi
Nghe hoài đắm đuối, mê toi tâm hồn.

MŨI khi ngửi đắm mùi thơm
Nhang trầm, cây trái, hoa vườn ngát hương
Phấn son thân thể nồn nường
Thế là mê mẩn, vẩn vương cõi lòng.

LUỖI khi nếm phẩm vật xong
Nhâm nhi mùi vị ướp trong miệng mình
Đậm đà, ngon ngọt, thơm lành
Thế là ham muốn quấn quanh khó rời.

THÂN khi tiếp xúc vờ người
Lâng lâng khoái lạc suốt đời khó quên
Làn da nóng ẩm dịu mềm
Khơi nguồn tham dục, xa miên chân tu.

Ý là nghĩ ngợi, suy tư
Trong lòng tơ tưởng điều ưa thích hoài
Còn đâu nhận thức đúng sai
Mê mờ chân tánh, xa rời thiện tâm.

Ngẫm ra qua nẻo “lục căn”
Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi và Thân, Ý người
“Lục trần” sáu đám bụi đời
Từ ngoài xâm nhập phá hoại thân tâm
Giống như trộm cướp dữ dằn
Gọi tên “Lục tặc” sáu quân giặc này.

Sáu tên giặc mãi ra tay
Nhập vào quấy nhiễu cướp ngay pháp lành,
Phá tan công đức tu hành
Thiện căn tôn giám, tịnh thanh mất rồi
Giặc gieo đau khổ mãi thôi
Khiến ta đày đọa sống đời trầm luân
Luân hồi sinh tử xoay vần
Cho nên “Lục tặc” ta cần diệt đi!
Diệt ngay sáu giặc cận kề
Giữ cho an lạc trọn bề thân tâm!

Tâm Minh **NGÔ TẶNG GIAO**
(1-2013)



Tô Mạn Thù

(1884-1918)

TOẠI KHANH biên dịch

Nghiện xì-gà Manila, thích ăn ngọt (đặc biệt mê món hạt dẻ rang tẩm đường, kem, kẹo và món thạch Yokan của Nhật), từng tự cạy răng vàng đem đổi kẹo ăn và sau cùng, ở tuổi 34 đã bị bội thực vì trong một lúc vui đã đánh cuộc với bạn bè là có thể ăn hết 60 miếng há-cào. Có người có nhiều nét riêng kỳ cục đó chính là học giả Tô Mạn Thù (thê danh Tô Huyền Anh, ngoại hiệu Tô Tử Cốc) sinh năm 1884 tại Hoàn Tân (Yokohama) - Nhật Bản, tốt nghiệp đại học Tokyo (du học từ năm 1903), thông thạo nhiều ngoại ngữ, cùng lúc là một họa sĩ, thi sĩ, ký giả, văn sĩ, tu sĩ và một học giả Phật giáo uyên thâm. Đời sau vẫn xem ông là một chuyên gia về Trung Luận. Ở Việt Nam, nhà thơ Bùi Giáng là người có cảm tình đặc biệt với thầy Tô Mạn Thù qua bản dịch cuốn tự truyện Đoạn Hồng Linh Nhận Ký mà ông sửa lại thành Nhà Sư Vương Luy in thành sách trước 1975. Năm 2002 Saigon cũng vừa tái bản lại.

Thân phụ thầy Tô Mạn Thù là người Quảng Đông tên Tô Kiệt Sanh (Su Jiesheng) (1846-1904), ông nội là Tô Thụy Văn (1817-1897), cả hai đều là thương gia làm ăn bên Nhật Bản. Hai năm trước khi thầy Tô chào đời, cha thầy có một tiệm trà lớn ở Hoàn Tân. Ông Jiesheng vốn đã có vợ họ Hoàng bên Quảng Đông, nhưng khi ở Nhật ông cưới thêm một người thiếp Nhật Bản tên Kaisen. Em gái của cô Kaisen là Kai Yoko là một thiếu nữ đẹp, đã từ làng quê lên Yokohama phụ giúp công việc với chị. Ông Kiệt Sanh mềm lòng trước sắc đẹp của Yoko và tìm cách gả gởi. Kết quả là Yoko có mang với ông, năm ấy nàng vừa 17 tuổi và sau đó sinh ra Tô Mạn Thù vào ngày 9 tháng 10 năm 1884. Sinh con được ba tháng thì Yoko bị cha bắt về quê, bỏ đứa bé Tô Huyền Anh (tức thầy Tô) lại cho người chị chăm sóc. Thế là từ bé thầy Tô đã có một hoàn cảnh tình cảm không bình thường, cộng thêm công việc

buôn bán cứ buộc ông Kiệt Sanh phải thường xuyên xa con, tuổi thơ của thầy Tô từ đó có những vết hằn mà về sau thầy đã đem chúng phổ vào từng câu chữ thơ văn như một nỗi oan khiên khó giải. Ai từng thấy qua những bức tranh của thầy, chẳng hạn bức Thu Tứ Đờ (T.K có thấy qua bức tranh này) cũng phải nhận ra một sắc màu hiu hắt cô quạnh khó tả.

Năm thầy Tô được 6 tuổi (năm 1890) thì được người vợ chánh thất của cha mang về Quảng Đông. Hai năm sau thầy được giao cho ông đồ Su Rouquan ở một ngôi trường tư nội trú để vừa học vừa được chăm sóc thuốc thang đặc biệt vì thể chất thầy Tô từ bé đã còm cõi yếu đuối cần có một chế độ sinh hoạt riêng. Năm thầy Tô 12 tuổi thì ngày kia lâm trọng bệnh, gia đình tưởng không còn cứu được, lại thêm nỗi mê tín nên đem thầy bỏ vào nhà củi chờ tắt thở sẽ đem chôn. Cũng may một người chị dâu của thầy có lòng trắc ẩn đã tận tình chạy chữa đưa em chồng đã bắt đầu thoi thóp tím ngắt. Nhờ đó thầy Tô khỏi bệnh và ngay sau đó quyết định xin vào tu ở chùa Lục Dung (Liurong) ở Quảng Châu. Nhưng thầy Tô chỉ ở đây được ít lâu thì bị chùa đuổi vì đã lên bắt chim bồ câu nướng ăn. Thầy nản nỉ bà Hoàng (vợ lớn của cha) cho lên Thượng Hải đi học. Tại đây do hoàn cảnh đẩy đưa thầy đã theo học tiếng Tây Ban Nha với một người thầy cũng người Y-Pha-Nho trong suốt hai năm liền. Năm 15 tuổi thầy Tô qua Nhật sống với người cậu và đi học tại Hoàn Tân. Thấy có về làng của mẹ ruột là Yoko sống một thời gian. Trong thời gian này thầy đã yêu một cô hàng xóm người Nhật và vì gia đình bên gái cực lực phản đối, nàng thiếu nữ kia đã chết vì thất tình. Thầy Tô quá đau lòng bèn bỏ Nhật về Tàu xin tu lại ở chùa Pujian ở Quảng Châu. Có chút lãng mạn hoang đàng



苏曼殊 Su Manshu

nhưng thầy Tô vẫn là một người trượng nghĩa và hào khí. Do bất mãn với triều Thanh trước đó, cộng thêm tình bạn đối với những người duy tân, thầy đã trở thành đối tượng truy sát của phe bảo hoàng. Đại nạn này của thầy phần lớn vẫn là vì người hơn là vì mình. Những người quen biết vẫn nhận xét thầy là một nghịch hạnh Bồ tát, đại lượng vị tha, có lòng tu nhưng cho đến lúc dứt hơi vẫn chưa một ngày làm được ông thầy tu thanh tịnh. Các tài liệu tiếng Anh viết về thầy vẫn dùng chữ Half-monk để gọi con người lãng tử ấy.

Từ chỗ trốn tránh kẻ thù, thầy Tô đã ngẫu nhiên đưa chân vào một cuộc đời chìm nổi luân lạc. Nhờ chút kiến thức cầm tay, thầy viết báo để sống và lưu lạc khắp cõi Á Châu, không dưới mười nước: Nhật, Ấn, Thái, Tích Lan, và cả Việt Nam. Tiền thì ở lại ít lâu, nếu không cũng đôi hôm quét lá lể Phật rồi cơm hàng cháo chợ, trôi giạt vô chừng...

Bên trong thầy Tô luôn là những mâu thuẫn thường trực, tâm huyết một thanh niên trí thức khiến thầy muốn duy tân Trung Hoa nhưng mắt tuệ của một thầy tu cứ buộc thầy nhìn đâu cũng là mù sương. Mọi tranh đấu chỉ là giải pháp tạm thời để hướng tới những mục đích ngắn hạn. Đó là chưa kể trò đời ngang trái thường xui nên những trái khoáy: Đại sự phải do người tài làm nên, việc xong lại thấy kẻ đột ngồi sẵn trên ngai cứu trùng. Dẫu chẳng có dạ



tranh giành nhưng ngấm đến cảnh thiên hạ tiếp tục lăm than từ hôn quân này đến bạo chúa khác thì lòng nào không nản. Nếu thiên hạ may mắn có được minh quân thì giai đoạn vàng son này cũng là một thoáng phù vân để tiếp nối sau đó vẫn là những canh bạc, ván cờ đầy bất trắc.

Bên cạnh nỗi niềm ưu thời mãn thế và một lý tưởng Bồ tát đạo ngất trời, thầy Tô chẳng may lại có một trái tim đa cảm. Đến chết vẫn độc thân nhưng đời ông luôn lẩn khuất những bóng hồng trên người. Tương truyền thầy Tô có nhiều giai nhân thân quen trên mức bình thường, đủ cả sắc tộc: Nhật Bản, Tây Ban Nha và Anh quốc. Ông là khách viếng thường xuyên của nhiều trà đình tửu quán nổi tiếng ở Thượng Hải và Nam Kinh, trong đó có kỹ phường Tái Kim Hoa nổi tiếng với các cô Geisha người Nhật. Thầy Tô từng làm rất nhiều thơ tình để tặng cho họ. Trong đó phải kể đến các cô Kim Phụng tử bến Tần Hoài ở Nam Kinh, Thoại Tiết Nam và Tố Trinh tử Thượng Hải, Sen Yuko từ Nhật đến. Cô gái Nhật này là một nhạc sĩ chơi đàn có tiếng. Chẳng hiểu những chuyện cơ mật này thiên hạ đã từ đâu biết được, ngấm mà ngán !

Trước sau thầy Tô đi về Nhật Bản mười một lần, tính ra hai phần năm cuộc đời của thầy là sống tại Nhật. Thầy từng là giáo sư giỏi của hơn mười ngôi trường trung học tại Tô Châu, An Huy ở Trung Quốc, trường Long Hoa ở

Bangkok và trường Nouban ở Java. Ở Nhật, thầy Tô đứng lớp dạy nhiều môn Toán, Hội Hoạ, Anh văn, Hán ngữ và là một chuyên gia Sanskrit tại Tokyo. Thường xuyên xê dịch nhưng thầy vẫn dành nhiều thời gian để biên soạn, viết văn, in sách và dịch sách (thầy đặc biệt chọn dịch các tác phẩm của Goethe, Byron, Shelley và nhất là Victor Hugo). Thầy Tô xài tiền không đếm và chuyện nợ nần không phải hiếm hoi, có lúc ở Nhật thầy phải sống bằng cách ôm bắt khất thực (nhà sư khất thực ở Nhật được quyền đội nón rộng vành và mang gậy hay giày nhưng ít khi đi một mình).

Từ năm 1903, lúc đang du học ở Nhật, thầy Tô là một đảng viên trung kiên của Quốc Dân Đảng. Ông thường sắp xếp những cuộc gặp gỡ giữa các sinh viên Trung Quốc với ông Liễu Trọng Khải, nhân vật thứ hai sau Tôn Văn và còn dành thời gian đi Oumoli để tập bắn súng. Trong các năm 1903, 1907 và 1912 thầy Tô đã lần lượt thành lập các tờ Dân Báo, Quốc Dân Nhật Nguyệt, Thái Bình Dương để kêu gọi lòng ái quốc và xác lập quan điểm chính trị. Bác sĩ Tôn Văn dùng lễ bệ bạn đối xử với thầy Tô và đổi lại, thầy là một chiến hữu trung liệt. Trước lúc nhắm mắt xuôi tay ở Thượng Hải, thầy còn thều thào hai câu, một câu nhắc đến mẹ già ở Nhật và một câu nhắc đến trọng trách của mình tại Quảng Đông. Trong số những người bạn quý của thầy Tô phải kể đến Tôn Văn, Lý Thúc Đồng, Phùng Tự Do, Tưởng Giới Thạch, Thái Triết Phu, Lưu Sư Bồi, Trần Ứng Thời,... nhưng thân thiết nhất lại là Trần Độc Tú, người lập nền tảng cho Đảng Cộng Sản Trung Quốc sau đó !

Ngày 02 tháng 05 năm 1918 thầy Tô bị bệnh rồi mất ở Thượng Hải. Thi hài thầy Tô đã được bạn bè đưa về an táng trên núi Cô Sơn cạnh Tây Hồ, Hàng Châu, và bác sĩ Tôn Trung Sơn là người đứng ra gánh vác mọi phí tổn cho tang lễ tương đối tốn kém này. Nghĩ lại mà thương cho cụ Thiệu Chửu, sư Thiện Chiếu của Việt Nam. Xứ mình gì cũng có, chỉ thiếu một Tôn Trung Sơn.

Chuyện thầy Tô bị bội thực do đánh cuộc với bạn bè đến nay vẫn chỉ là chuyện vui chưa thể kiểm chứng, kể cả những giai thoại truyền kỳ về đời tư có phần quá quắt của thầy cũng thế. Xưa

nay người Tàu vẫn hiếu sự và với một người phóng khoáng như thầy Tô làm sao tránh nổi những thị phi thêm thắt đôi khi có nội dung chết người kiểu ấy!

Sau khi thầy Tô Mạn Thù từ trần được hai năm thì hai người bạn của thầy là Lý Căn Nguyên và Thái Triết Phu đã gom góp 22 bức tranh của thầy vẽ bằng mực tàu rồi in thành một sưu tập tên là Mạn Thù Di Mặc để tặng cho thân hữu. Bốn chữ này trên cuốn sưu tập là thủ bút của Tôn Trung Sơn. Sau này ông Liu Zazi và con trai là Liu Wuji đã bỏ công tìm thêm tất cả tác phẩm thư pháp và những thủ bút của thầy Tô Mạn Thù rồi in chung với bộ tranh Mạn Thù Di Mặc và giao cho nhà xuất bản Tân Bắc ấn hành.

Từ lâu, bạn bè và người ái mộ đã sưu tầm tất cả những bản dịch, bài viết, thư từ, những bài thơ rơi rớt đâu đó, trong các hình thức viết tay, đánh máy của thầy Tô Mạn Thù. Tất cả đều được in thành sách, tính đến nay tổng số đếm được là 92 cuốn, trong đó có những cuốn tái bản 6 lần. Sau đây là bảng phân loại:

- 100 bài thơ, 100 bức tranh,
- Sáu cuốn tiểu thuyết cùng truyện ngắn,
- Hơn 100 lá thư với thủ bút của thầy Tô.
- Bản dịch hai cuốn tiểu thuyết ngoại quốc (Trà Hoa Nữ của Alexandre Dumas de Fils và Những Ké Khốn Cùng của Victor Hugo)
- 10 bài thơ dịch, vô số ghi chú và bản nháp.
- Đặc biệt 8 cuốn bản thảo thầy viết bằng chữ Sanskrit, bốn cuốn văn pháp chữ Phạn.
- Hai công trình biên khảo về nguyên tác Trung Luận (Madhyamika-kàrika) và tập truyện thần thoại Cổ Ấn Sakuntala.
- Một cuốn biên khảo địa danh Phật Giáo.
- Một biên khảo về hành trình thám hiểm Tây Dương của Trịnh Hoà đời Minh cùng các bản đồ hải hành của nhân vật này.
- Một sưu tập danh nhân Nhật Bản.
- Công trình nghiên cứu về tôn giáo cổ đại Ai Cập.
- Tự điển Hán- Anh
- Tự điển Quảng Đông- Anh ngữ.
- Tự điển Anh-Hán.
- Ba trăm bài thơ không đề.
- Bản dịch cổ thi Trung Quốc sang tiếng Anh.



Tô Mạnh Thù là một học giả mà cũng là một nghệ sĩ đa tài. Thơ ông hay, tranh ông đẹp và các công trình biên khảo đều thâm hậu, đặc dụng. Đời ông ngắn ngủi, nhưng ông sống nhiều và sẽ bất tử trong nền văn học Trung Quốc. Trong vòng hai mươi năm sau ngày thầy Tô ra đi, ở Trung Quốc bỗng dấy lên làn sóng Niềm Đam Mê Mạnh Thù, chữ dùng của nhà văn Lỗ Tấn. Người ta đã đổ xô tìm đọc tất cả những gì được cho là của thầy Tô hay nói về thầy Tô. Trong hai mươi năm, cuốn hồi ký Đoạn Hồng Linh Nhận Ký của ông được tái bản ít nhất mười tám lần, người ta đã viết hàng chục cuốn biên khảo kể cả tiểu thuyết về nhân vật Tô Mạnh Thù, soạn hẳn một biên niên sử về cuộc đời ngắn ngủi của ông để ghi dấu từng bước chân trầm luân của con người thiên tài đó. Ở đây ta có thể kể vài cuốn tiểu thuyết mô phỏng chuyện đời Tô Mạnh Thù như Nhân Gian Địa Ngục, Hận Hải Cô Chu Ký, đều bán đắt như tôm tươi. Thầy Tô đã trở thành con người của truyền kỳ huyền thoại chỉ vì sự nghiệp của ông để lại quá lớn và đó lại là dấu chân để đời của một cánh chim hồng nhạn đã đi qua cuộc đời này trong một thời gian quá ngắn ngủi.

Nhiều nhà nghiên cứu hôm nay đã nhận rằng qua những di cảo để lại, thầy Tô rõ ràng là một học giả uyên bác nhất thời Thanh mạt. Ông là một trong ba dịch giả hàng đầu của Trung Quốc trong giai đoạn đầu thế kỷ 20 đã giới thiệu văn học tư tưởng ngoại quốc cho người Trung Hoa. Thầy Tô đã may mắn thông thạo những ngoại ngữ đặc dụng cho sự nghiệp của mình. Thầy thông thạo ít nhất năm thứ tiếng Phạn, Nhật, Anh, Pháp, Tây Ban Nha. Các sử gia cho rằng Phật giáo Trung Quốc từ đại lục đến hải ngoại từ sau đời Đường chưa hề có một học giả Phạn ngữ nào uyên bác như thầy Tô. Ông là người đầu tiên dịch tác phẩm Duyên Hải Độc Cư của Sahlo từ tiếng Sanskrit sang Anh ngữ, dịch ra chữ Hán những bi ký A- Dục tại các Phật tích Ấn Độ và giới thiệu cho giới học Phật Trung Quốc phương cách tiếp cận nguyên tác kinh điển từ bản gốc thay vì lệ thuộc các bản dịch.

Văn học Trung Quốc chắc chắn sẽ khá hơn hiện tại rất nhiều nếu từ đầu thế kỷ 20 có được nhiều người như thầy Tô. Ông đã có công phiên dịch các tác giả Tây phương thời thượng với hi vọng giúp người Tàu hiểu được tư tưởng

Lạc Nẻo Đời

*Phố thị bây giờ thay đổi quá,
Thềm xưa nhà cũ vẫn không còn.
Người thân nay đã thành thiên cổ,
Sau những năm buồn chuyện nước non...
Ta đứng lặng nhìn trông xa lạ,
Giữa chốn trần gian lạc nẻo đời.
Nhà cũ không còn người cũ ở,
Đường xưa lạc dấu thấy chơi vơi.
Người về chân bước nghe đá nát,
Vàng cũng phai theo những đợt chèo.
Năm tháng ngậm ngùi thương tiếc cũ,
Trái lòng gom hết nỗi bơ vơ
Ta đem tất cả vào thương nhớ,
Dấu kín trong tim những ngậm ngùi.
Ta đứng bên dòng sông nước chảy,
Gửi lòng theo con nước trôi xuôi ...*

Cõi Riêng

*Trà khuya bên chái hiên nhà,
Gió hiu hắt thổi trắng tà mái tây.
Kể từ vào giữa chốn này,
Phong ba mây độ buồn lây lất lòng.
Thăng trầm bao nỗi long đong,
Mây trôi bèo dạt theo vòng tử sinh.
Góc riêng ta chỉ một mình,
Ngâm câu lục bát nhớ hình bóng xưa.
Trắng tàn tiếng vạc xa đưa,
Thoảng nghe hơi lạnh đêm mưa gợi buồn.*

xứ ngoài. Chỉ tiếc về lý tưởng này, người Nhật đã đi trước và đi xa hơn người Trung Quốc với một khoảng cách khó lường.

Tính đến nay, các tác phẩm của thầy Tô đã được dịch sang các thứ tiếng Anh, Nhật, Nga, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ả Rập,... Tên tuổi của ông đã được nhắc đến trong vô số sách báo và công trình quan trọng: The Biographies of Famous Chinese People in the Time of PC, The Twentieth Century's World Literature Encyclopedia, Dictionary of Oriental Literature, Dictionary of Chinese Names,...

Các sử gia, học giả Đông Tây như giáo sư Gulik của Hàn

Lâm Viện Tiệp Khắc, nhà sử học Triều Tiên Hung-Yok-Ip đều công nhận ông là một thiên tài của Trung Quốc về cả tục học lẫn đạo học. Riêng Phật giáo Nhật Bản đã xây dựng một ngôi đền lưu niệm Tô Mạnh Thù ngay tại sinh quán Yokohama của ông và vào năm 1934 học giả Sato đã viết một chuyên luận về thầy Tô và đăng trên chuyên san The Times of Literature and Arts. Cũng trong năm này, tiến sĩ Izzuka của Nhật đã bảo vệ thành công luận án của ông về đề tài Tô Mạnh Thù dày trên hai trăm trang.

Toại Khanh



thơ

QUỲNH DAO

CÓ HAY KHÔNG, ÔNG GIÀ NOËL?

Bài báo được in lại nhiều nhất trong lịch sử Báo chí Hoa Kỳ

Người dịch: KHUYẾT DANH

"Thưa ngài chủ bút!
Em là một bé gái tám tuổi.
Vài người bạn của em cho rằng
không có ông già Noel.
Ba nói với em rằng: "nếu con
đọc thấy điều đó trên tờ The Sun
thì nó đúng là như vậy".
Vậy làm ơn cho em biết sự
thật: có ông già Noel không?"
Virginia O'Hanlon.

Lá thư được gửi đi ngay trước
Noel 1897. Trả lời thư cho bé Vir-
ginia là một bài báo viết vội ngay
vào lúc tờ báo chuẩn bị lên khuôn
cho số Giáng sinh. Dưới tựa đề:
"Có chứ, Virginia. Có ông già
Noel" (Yes, Virginia, there is a
Santa Claus). Bài báo viết:

"Virginia, những bạn bè nhỏ
của em đã nói sai. Các bạn ấy đã bị
ảnh hưởng bởi chủ nghĩa hoài nghi
của một năm hoài nghi. Các bạn
không tin trừ khi đã thấy. Các bạn
nghĩ rằng không gì có thể bởi đầu
óc nhỏ bé của các bạn không thấu
lĩnh được. Tất cả mọi đầu óc, Vir-
ginia, dù là người lớn hay trẻ em,
đều nhỏ bé. Trong vũ trụ rộng lớn
này, trí óc con người chỉ là một côn
trùng, một con kiến so với thế giới
vô cùng bên ngoài nó, nhỏ bé như
khả năng trí tuệ của con người
trong nắm bắt toàn bộ sự thật và
kiến thức.

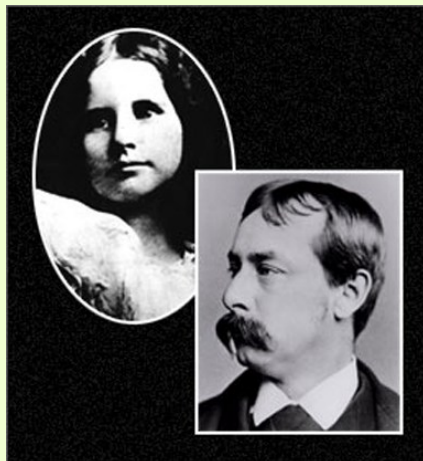
Có chứ, Virginia, có ông già
Noel. Ông hiện diện cũng chắc
chắn như tình yêu, sự rộng lượng
và lòng thành tâm đang tồn tại, và
em biết rằng chúng đây đây, sẽ
mang cho đời sống của em cái đẹp
và niềm vui cao quý nhất. Chao ôi,
thế giới này sẽ ảm đạm biết bao
nếu không có ông già Noel. Và thế
giới cũng buồn như thế nếu không
có những bé Virginia. Lúc đó sẽ
không có niềm tin trẻ thơ, thơ ca
và sự lãng mạn làm cho sự tồn tại
này có thể chịu đựng được.

...Không ai thấy ông già Noel ra
sao. Nhưng không có bằng chứng
nào cho thấy không có ông già
Noel cả. Những điều thật nhất trên
thế giới này chính là những điều
mà cả người lớn và trẻ em đều

không thể thấy. Có bao giờ em
thấy những bà Tiên nhảy múa
trên thảm cỏ xanh chưa? Dĩ nhiên,
chưa, nhưng đó không phải là
bằng chứng rằng họ không có mặt
trời đó. Không ai có thể nhận thức
hoặc tưởng tượng ra được tất cả
những điều kỳ diệu không thể
thấy được trong thế giới này.

...Em phá tung cái lúc lắc trẻ
thơ để tìm ra cái gì làm nên tiếng
động bên trong nó, nhưng có một
tấm mạng che thế giới chúng ta
không thấy được mà không một
người mạnh nhất hoặc thậm chí
một sức mạnh liên kết của một
nhóm những người mạnh nhất
từng sống có thể xé tan nó được.
Chỉ có lòng tin, trí tưởng tượng,
thơ ca, tình yêu, sự lãng mạn có
thể đặt qua một bên bức màn đó
để chiêm ngưỡng và vẽ nên cái
đẹp và sự huy hoàng bên ngoài
nó. Liệu nó có thật hay không? Ôi,
Virginia, trong cả thế giới này
không có gì khác thật sự và vĩnh
cửu. Không có ông già Noel.
Nhưng, nhờ trời, ông sống, và
sống mãi. Hàng nghìn năm tới
nữa, không, Virginia, hàng chục
lần của hàng nghìn năm sau nữa,
ông vẫn sẽ tiếp tục là niềm vui
của những trái tim trẻ thơ".

Tác giả của lá thư tòa soạn trả
lời bé Virginia chỉ được công bố



Is There a Santa Claus?

We take pleasure in answering at once
and thus prominently the communication
below, expressing at the same time our
great gratification that its faithful author is
numbered among the friends of THE SUN.

"DEAR EDITOR: I am 8 years old.
"Some of my little friends say there is no
Santa Claus.
"Papa says 'If you see it in THE SUN it's
so.'
"Please tell me the truth, is there a Santa
Claus?"

"VIRGINIA O'HANLON.
"115 WEST NINETY-FIFTH STREET."

VIRGINIA, your little friends are
wrong. They have been affected by the
scepticism of a skeptical age. They do not
believe except [what] they see. They
think that nothing can be which is not
comprehensible by their little minds. All
minds, Virginia, whether they be man's or
children's, are little. In this great universe
of ours man is a mere insect, an ant, in his
intellect, as compared with the boundless
world about him, as measured by the
intelligence capable of grasping the whole
of truth and knowledge.

Yes, VIRGINIA, there is a Santa Claus.
He exists as certainly as love and
generosity and devotion exist, and you
know that they abound and give to your
life its highest beauty and joy. Alas! how
dreary would be the world if there were
no Santa Claus! It would be as dreary as
if there were no VIRGINIAS. There would

be no childlike faith then, no poetry, no
romance to make tolerable this existence.
We should have no enjoyment, except in
sorrow and sighs. The eternal light which
childhood fills the world would be
extinguished.

Not believe in Santa Claus! You might
as well not believe in fairies! You might
get your papa to hire men to watch in all
the chimneys on Christmas Eve to catch Santa
Claus, but even if they did not see Santa
Claus coming down, what would that
prove? Nobody sees Santa Claus, but that
is no sign that there is no Santa Claus. The
most real things in the world are those that
neither children nor men can see. Did you
ever see fairies dancing on the lawn? Of
course not, but that's no proof that they are
not there. Nobody can conceive or imagine
all the wonders there are unseen and
unseeable in the world.

You tear apart the baby's rattle and see
what makes the noise inside, but there is a
veil covering the unseen world which not
the strongest man, nor even the united
strength of all the strongest men that ever
lived, could tear apart. Only faith, fancy,
poetry, love, romance, can push aside that
curtain and view and picture the superreal
beauty and glory beyond. Is it all real?
Ah, VIRGINIA, in all this world there is
nothing else real and abiding. No Santa
Claus! Thank GOD! he lives, and he lives
forever. A thousand years from now,
Virginia, may, ten times ten thousand years
from now, be still continue to make glad
the heart of childhood.

The above editorial, by Francis P. Church, first appeared in The (New York) Sun.

tên thật sau khi Ông mất. Đó là
cây bút bình luận của tờ The Sun:
Francis Pharcellus Church, lúc
ấy 57 tuổi. Theo Bảo tàng Báo chí
ở Arlington (tiểu bang Virginia):
Bài viết này được in lại nhiều nhất
trong lịch sử Báo chí Hoa Kỳ.
Francis Pharcellus Church qua đời
năm 1906, còn Virginia O'Hanlon
Douglas cũng đã mất năm 1971 ở
tuổi 81, sau một cuộc đời cống
hiến cho trẻ tật nguyền. Hành
trang cho sự nghiệp giáo dục của
bà Virginia là lá thư phúc đáp của
Church mà Bà cho biết đã mang
theo mình suốt cả cuộc đời.

Hơn 100 năm đã trôi qua kể từ
lá thư hoài nghi của cô bé Virginia,
nhưng lý lẽ của Church vẫn tiếp
tục sống. Bởi nó không chỉ là bài
báo trả lời về việc có hay không
ông già Noel. Trên tất cả, nó là
thống điệp của lòng tin vào những
giá trị nhân loại cao quý.

Lê Bích Sơn sưu tầm

* Thời sinh viên, chúng tôi sưu
tập bài dịch trên và truyền nhau
chép tay vào "Sổ Tay Báo Chí
Sinh Viên" (gần 10 năm về
trước). Vì vậy không rõ tên dịch
giả. Nếu ai biết tên dịch giả của
bài viết trên, xin quý vị vui lòng
thông báo cho chúng tôi theo
email: lebichson@gmail.com
(để điều chỉnh tên dịch giả). Chân
thành tri ân!

<—

Chân dung Virginia O'Hanlon
và ký giả Francis Pharcellus Church

NỤ CƯỜI

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Huynh trưởng bốn phương,

Chúng ta thường nhắc nhau sống trong chánh niệm, tinh thức và luôn giữ nét mặt vui vẻ như đang mỉm cười:

*"Thở vào tâm tĩnh lặng
Thở ra miệng mỉm cười
An trú trong hiện tại
Giờ phút đẹp tuyệt vời."*

Tục ngữ có câu "Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ" thật không sai. Nụ cười không chỉ có tác dụng đem lại sức khỏe, an lạc cho bản thân mình mà còn có thể gây ra một tình bạn với người đối diện nếu ta mỉm cười với họ, ta có thể thu ngắn khoảng cách giữa ta với người ấy và gây được thiện cảm với người chung quanh. Có một tác phẩm của Saint Exupéry — tác giả của nhiều truyện nổi tiếng như "Vol de Nuit" (Chuyến Bay Đêm), Le Petit Prince (Hoàng Tử Bé) — mang tên là "Nụ Cười" kể một câu chuyện hết sức cảm động và có vẻ thần thoại.

Saint Exupéry đã từng là phi công tham gia chống phát xít trong Đệ nhị Thế chiến. Chính từ

những năm tháng này ông đã viết ra tác phẩm "Nụ cười" này. Trong truyện, Saint Exupery là một tù binh bị đối xử khắc nghiệt và ông biết nay mai có thể bị xử bắn như nhiều người khác. Ông kể:

"Tôi trở nên quẫn trí. Bàn tay tôi giật giật, cố gắng rút trong túi áo một liều thuốc. Nhưng tôi lại không có diêm. Qua hàng chắn song nhà giam, tôi trông thấy một người cai tù. Tôi gọi: "Xin lỗi, anh có lửa không?"... Anh ta nhún vai rồi tiến lại gần. Khi rút que diêm, tinh cờ mắt anh nhìn vào mắt tôi. Tôi mỉm cười mà chẳng hiểu tại sao mình lại làm thế. Có lẽ vì khi muốn làm thân với ai đó, người ta dễ dàng nở một nụ cười. Lúc này dường như có một đốm lửa bùng cháy nhanh qua khe hở giữa hai tâm hồn chúng tôi, giữa hai trái tim con người. Tôi biết anh ta không muốn, nhưng do tôi đã mỉm cười nên anh ta phải mỉm cười đáp lại. Anh ta bật que diêm, đến gần tôi hơn, nhin thẳng vào mắt tôi và miệng vẫn cười. Giờ đây trước mặt tôi



không còn là viên cai ngục phát xít mà chỉ là một con người. Anh ta hỏi tôi: "Anh có con chứ?" Tôi đáp: "Có" và lôi từ trong ví ra tấm hình nhỏ của gia đình mình. Anh ta cũng vội rút trong túi áo ra hình những đứa con và bắt đầu kể về những kỳ vọng của anh đối với chúng. Đôi mắt tôi nhòa lệ. Tôi biết mình sắp chết và sẽ chẳng bao giờ gặp lại được người thân. Anh ta cũng bật khóc. Đột nhiên, không nói một lời, anh ta mở khóa và kéo tôi ra khỏi phòng giam. Anh lặng lẽ đưa tôi ra khỏi khu vực thị trấn chiếm đóng, thả tôi tự do rồi quay trở về. Thế đó, cuộc sống của tôi đã được cứu rỗi chỉ nhờ một nụ cười".

Thưa Anh Chị Em,

Không biết câu chuyện này có thực hay hư cấu nhưng cũng đáng cho Anh Chị Em chúng ta suy gẫm về một nụ cười, về tình người, về Phật tánh có sẵn trong tâm của mỗi con người — anh lính Đức cai tù kia cũng là một chúng sanh, cũng có chúng tử Phật và một khi Phật tánh được hiển lộ thì anh ta cũng thực hiện được những việc "cứu độ" thần kỳ như của một vị Bồ Tát vậy, có phải không các bạn?

Thân kính chúc Anh Chị Em luôn sống trong chánh niệm để Phật tánh /Pháp thân thường được hiển lộ — dù chỉ trong từng khoảnh khắc, ví dụ khi cắm hoa với tâm tinh thức làm đẹp cho cuộc đời:

*"Trang nghiêm Tịnh độ
Nơi cõi Ta Bà
Đất Tâm thanh tịnh
Hiển lộ Pháp thân"*

Trân trọng,
BBT





TÂM XẢ

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Để thay đổi không khí, hôm nay Nhóm Áo Lam xin giới thiệu với ACE một trích đoạn trong cuốn tự truyện “**Dấu Chân Trong Tuyệt**” của Đại Sư Thánh Nghiêm (Trần Ngọc Bảo dịch) kể lại cuộc đời truyền bá Thiển Trung Hoa của Ngài ở phương Tây. Đây là đoạn kể lại ngài đã đến New York, USA và học cách sống “không nhà” như thế nào.

Thân kính chúc ACE có được nhiều bài học quý giá về việc tự rèn luyện tâm Xả cho bản thân và ý nghĩa chân thật của 2 chữ “Tự do”.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam

DU TẶNG

Sau khi tôi từ nhiệm chức vụ Viện Chủ ở Đài Loan, Tiến sĩ C.T. Shen (đồng sáng lập Hội Phật Giáo Hoa Kỳ) đưa tôi trở lại New York để truyền bá giáo pháp ở đây. Tuy nhiên trong chuyến trở về này tôi không trở lại chức vụ hồi trước. Ở Tu viện Đại Giác Ngộ không còn phòng cho tôi vì có các sư cô ở rồi. Tôi tạm trú ở villa của ông Shen, gọi là Nhà Bồ Đề ở Long Island, và đi đi về về thành phố. Nhưng tôi muốn ra đi vì ở như thế là quá cách xa mấy người học trò của tôi. Ông Shen nói, “Nếu thầy ra ngoài thì con không thể nào săn sóc thầy cho tốt được.” Tôi nói, “Không sao, không sao, ta sẽ sống lang thang cũng được.”

Tôi không có tiền thuê nhà cho nên tôi ngủ trước các nhà thờ hoặc trong các công viên. Tôi học cách sống như thế từ ba người học trò cổ kính nghiệm sống trên đường phố. Họ dạy cho tôi cách tìm trái cây và bánh mì người ta vứt đi sau các cửa hàng bán thức ăn chế biến sẵn và chợ thực phẩm. Họ chỉ cho tôi cách thức để kiếm chút ít tiền bằng cách làm những việc vặt như quét tước các cửa hàng hay trông nom quầy bán bánh kẹo. Tôi học cách gửi đồ đạc trong ngăn tủ ở nhà Ga Trung

Tâm và giặt áo quần ở một máy giặt tự phục vụ. Các học trò chỉ cho tôi những quán bán thức ăn nhanh mở cửa suốt 24 giờ, và họ bảo tôi có thể nghỉ qua đêm ở đó bằng cách ngồi uống cà-phê.

Tôi lang thang khắp thành phố, trở thành một du tăng, trong bộ đồ cũ kỹ, ngủ trước các bậc thềm nhà, gặt đầu chào những người vô gia cư nghỉ qua đêm trong quán cà-phê, lục lọi thùng rác để kiếm trái cây và rau thừa. Tôi đang ở độ tuổi năm mươi, không còn trẻ trung gì, nhưng có ánh sáng rọi chiếu trong tôi, đó là hạnh nguyện đem giáo pháp đến phương Tây. Ngoài việc đó ra thì không có gì quan trọng nữa. Những bài học Dongchu đã dạy tôi rằng chẳng có gì khác biệt dù là ngủ trong một căn phòng lớn hay trong phòng nhỏ hay trong hành lang của một nhà thờ.

Một số người có thể thương hại tôi, nhưng tôi không cảm thấy thương hại cho mình. Tôi không cảm thấy mình là người kém may mắn. Một số khác thì sợ và lo là tôi sẽ xin tiền hay nhờ cậy giúp đỡ. Tôi quyết định không gọi cho ai mặc dù nếu có ai tình nguyện giúp đỡ thì tôi cũng nhận. Đôi khi tôi cũng nghỉ đêm ở nhà Phật tử. Đại Đức Hao-lin mời tôi đến ở tu viện của thầy ở Chinatown. Nhưng tôi không muốn ở lâu vì tôi không biết có đền đáp ơn huệ của thầy ấy được không. Tôi thích sống lang thang hơn.

Có thể các bạn cho rằng đó là một thái độ kỳ cục vì một người bạn đồng tu như thầy lại để cho tôi rời tu viện để sống trên đường phố. Nhưng thật tình chỗ ở của thầy Haolim quá chật và thầy cũng không có được cúng dường gì nhiều. Nếu tôi ở đó sẽ là một gánh nặng cho thầy. Nếu thầy ấy có một chỗ ở rộng rãi và cuộc sống đầy đủ hơn thì tôi cũng không ngại ở lại.

Tôi nghĩ sống trên đường phố cũng là một điều tốt vì nó dạy cho tôi không nhờ cậy ai và tự

tìm chỗ để truyền bá giáo pháp. Các vị Bồ tát có truyền thống đi vào những nơi gian khổ để hoằng hóa. Đức Phật Thích Ca cũng dạy rằng là một hành giả, một vị Bồ Tát không tìm cầu hạnh phúc và an toàn cho bản thân mà chỉ đem lại hạnh phúc cho chúng sinh. Ở Ấn Độ, các tu sĩ phải du hành qua những vùng không có Phật giáo và gặp sự chống đối. Khi họ đến Trung quốc thì Lão giáo và Khổng giáo giữ địa vị thống trị, và các nho sĩ muốn xua đuổi các tín đồ, nhất là tu sĩ đạo Phật. Đức Phật Thích Ca dạy rằng nếu chúng ta vượt qua khó khăn thì chúng ta sẽ đem lại niềm hứng khởi cho người khác và ảnh hưởng tốt đến tâm trí họ. Người bình thường cầu mong cho cuộc đời êm trôi, không có rắc rối. Nhưng hành giả đạo Phật có thái độ khác. Họ sẵn sàng chấp nhận khó khăn khi họ làm việc để phục vụ chúng sinh.

Làm thế nào để chúng ta vượt qua gian khổ? Đại Sư Mã Tổ dạy rằng cần phải có tâm xả. Điều này có nghĩa là luôn luôn duy trì sự bình tâm, không để cảm xúc chi phối. Khi thành công bạn không nghĩ rằng do chính mình tạo ra. Bạn cũng không phần khích hay tự hào. Thành công hay không là do nhiều người và hoàn cảnh. Nếu bạn gắng sức làm gì đó mà thấy có quá nhiều trở ngại thì có thể ngưng. Trong trường hợp đó, bạn cũng không cần phải thất vọng. Điều kiện chưa chín muồi cho việc ấy. Có thể tình hình sẽ thay đổi, có thể không. Việc ấy không phải là sự thất bại của bạn. Thất vọng chỉ mang lại khổ đau.

Giữ sự bình tâm không phải là thụ động hay không làm gì. Bạn cũng cần phải hoàn thành các nhiệm vụ của mình. Đại sư Hư Vân nói, “Dù việc hoằng truyền giáo pháp cũng giống như rắc hoa lên trời, chúng ta cũng nên làm không nghĩ. Mặc dầu những nơi tu tập (như tu viện, trung tâm tu tập) cũng giống như bóng trắng trong nước (hư ảo và vô thường) chúng ta cũng cứ xây đắp ở bất cứ nơi nào mình đi tới.” Điều này có

nghĩa là những việc ấy dù cuối cùng cũng là hư ảo, chúng ta cũng cần phải làm. Chúng sinh cũng là hư ảo, nhưng chúng ta cũng nên cứu độ họ. Nơi tu tập cũng là giả tạm như bóng trắng trong nước, chúng ta vẫn xây tu viện để có nơi cứu độ chúng sinh. Đây là nhiệm vụ của chúng ta. Chúng ta phải cố gắng hết sức để hoàn thành, mà không dính mắc vào sự thành công hay thất bại.

Các thiền sư áp dụng tâm xả trong mọi lúc của cuộc sống. Nếu không thì họ không phải là thiền sư. Trong thời gian sống lang thang tôi luôn giữ tâm xả. Tôi không nghĩ rằng tôi là một kẻ không nhà. Tôi nhớ tới Đại Sư Hám Sơn [1546-1623] sống trên núi Thiên Thai. Ngài lấy bầu trời làm mái nhà, đất làm giường, mây làm chăn, đá làm gối, suối làm bồn tắm. Có rau ngải ăn rau, có cơm ăn cơm, không có thì ăn lá cây và rễ củ. Lòng ngài thanh thản và ngài thốt ra những vần thơ đẹp như sau:

*Bên vách núi một mình ta sống,
Mây trắng suốt ngày bay cuộn
cuộn,*

*Chòi tranh tia nắng chiếu xuyên
mờ
Tâm tịch tịnh vắng bật lặng yên
Trong mơ màng ta vượt hoàng
môn
Tâm quay về lúc băng qua cầu
đá
Mọi gánh nặng đời thõng tay
buông xuống
Bát treo trên cành kêu lách cách
lạnh canh.*

Khi ta không có gì ta được tự do. Khi ta sở hữu một vật gì ta bị ràng buộc với nó. Tôi cảm thấy hạnh phúc. Tôi không hề cảm thấy rằng tôi không có tương lai. Quả thật tôi thấy tương lai rất giàu có vì tôi có học trò. Tôi còn có công việc để làm. Tôi chỉ không biết rằng tới nay ngủ ở đâu. Nhưng tôi biết rằng tôi khá giả hơn những người vô gia cư, những người thật sự không có gì và không có tương lai. Và tôi biết rằng tôi sẽ không lang thang mãi mãi.

Cuộc đời của tôi bây giờ đã khác. Tôi đã gặp những nhà lãnh đạo của thế giới và thuyết pháp ở Đại Sảnh Hội Nghị Hoa Kỳ. Trong số đệ tử của tôi có những

viên chức cấp cao Đài Loan. Có khi tôi được đưa rước bằng đoàn xe công vụ như VIP ở Trung Hoa lục địa và ở Thái Lan. Tôi được các Phật tử tôn kính. Họ cho rằng nếu không cư xử với tôi thế này thế nọ thì không đúng, nhưng đối với tôi chẳng có gì quan trọng dù người ta đối xử thế này hay thế khác. Ngày nay tôi có tiếng tăm nhưng ngày mai khi tôi không còn làm công việc tôi đang làm thì tôi cũng đi vào cõi lãng quên. Có bao nhiêu người có tên trong lịch sử rồi? Tiếng tăm, cũng giống như tài sản và quyền thế cũng chỉ là ảo ảnh. Thế cho nên tâm xả luôn cần trong mọi hoàn cảnh.

Có một câu ngạn ngữ Trung Hoa như thế này, "Sau khi trải qua giàu sang và quyền lực rất khó trở về cuộc sống nghèo nàn." Điều này đúng nếu người ta không có tâm xả. Nếu bạn duy trì được sự bình tâm thì dù hoàn cảnh thế nào chẳng nữa bạn cũng được tự do.

Trần Ngọc Bảo dịch bài *The Wanderer* (từ tạp chí *Tricycle* số mùa đông 2008)

NHẮN TIN CHUNG QUÝ VĂN THI HỮU:

Đón mừng năm mới, Nguyệt san Chánh Pháp sẽ phát hành Giai phẩm Xuân Giáp Ngọ 2014 (số 26) vào tháng 01.2014. Hạn cuối nhận bài là ngày 15 tháng 12 năm 2013. Rất mong sự đóng góp bài vở và hình ảnh của quý vị. Những bài đến trễ sẽ được đăng nơi số Tân Niên (số 27, tháng 02.2014).

Trân trọng cảm ơn.
TM Ban Biên Tập
VĨNH HẢO





Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

QUAN SÁT CẢM THỌ

Thưa Anh Chị Em Lam viên bốn phương,

Anh Chị Em còn nhớ câu chuyện “bà già mu khóc” hay không? — Có một bà già hay khóc, bị bà con chọc quê là “bà già mu khóc”; trời mưa bà cũng khóc, trời nắng bà cũng khóc. Một ngày kia một người khách hàng tò mò đứng lại hỏi: Bà cụ ơi! tại sao lúc nào cũng thấy bà khóc cả vậy? Bà già đáp: tôi chỉ có 2 cô con gái, cô chị bán giày vải và cô em bán dù; hễ trời nắng thì đâu có ai đến mua dù, tôi lo cô con gái thứ 2 của tôi sẽ đói còn trời mưa thì đâu có ai đến mua giày vải làm gì, tôi lại lo cô con gái đầu của tôi không có thu nhập, tôi khổ quá đi!

Người khách hàng nói, đó là tại bà cụ suy nghĩ tiêu cực mà thôi! Bà thử đổi lại, suy nghĩ như thế này: khi trời nắng, cô chị sẽ rất đắt hàng còn khi trời mưa thiên hạ sẽ đổ xô vào mua dù của cô em! Như vậy, trời nắng hay trời mưa gì, bà cụ cũng khỏi lo lắng khóc lóc chi cho mệt! Bà già nghe thích quá, từ đó bà không khóc nữa, trái lại cười tươi và vui vẻ suốt ngày.

Thưa Anh Chị Em, Tất cả chúng ta đều có thể là “bà già mu khóc” mà không tự biết đấy thôi! Đó là chúng ta luôn có những suy nghĩ, cách nhìn rất tiêu cực, luôn đổ thừa cho hoàn cảnh, cho những người chung quanh đã làm hại chúng ta chứ không bao giờ ý thức được rằng chính chúng ta tự làm hại mình chứ không ai khác! Nay nhà, khi chúng ta buồn bực, giận hờn, sân si v.v... thì những trạng thái ấy của Tâm luôn kéo theo những phản ứng vật lý của Thân: mặt đỏ hay tái đi, tim đập mạnh, hơi thở không điều hoà, giọng nói và lời nói không còn tự chủ được v.v... Tại sao? — Xin thưa, tại vì ngay khi chúng ta gặp một điều bất như ý bên ngoài (tác động lên Tâm) thì một cảm thọ khó chịu (khổ thọ) xuất hiện ngay trên Thân và SẮN chính là phản ứng chống lại cảm giác khó chịu đó. Nếu chúng ta học được cách làm thế nào để quan sát

những cảm thọ trên Thân này với thái độ bình thản hay buông xả, không phản ứng lại, chúng ta sẽ giải thoát mình ra khỏi thói quen cũ là dùng dùng nổi giận, đập bàn đập ghế, la hét om sòm (sân). Những thói quen cũ chúng ta thường gọi là những “tập khí” không chỉ gồm sân hận mà cả khi vui mừng thái quá, nhảy nhót vì sung sướng, hạnh phúc, thắng lợi v.v... cũng không hay! Chúng ta phải học phương pháp và thực tập quan sát mọi cảm thọ cả dễ chịu lẫn khó chịu (vui-buồn, hay-dở, tốt-xấu, thương-ghét v.v...) một cách khách quan vô tư, giữ được thái độ buông xả và sự hiểu biết rằng các cảm thọ đó rồi sẽ qua đi vì mọi cảm thọ đều có bản chất vô thường, sanh diệt trong từng sát na; không có bất cứ một cảm thọ nào tồn tại mãi mãi được.

Những điều này tất cả anh chị em chúng ta đều đã biết và đã thực hành nhiều hay ít—vì đó chính là sự thiền tập, giữ gìn chánh niệm, tinh thức hay quán chiếu thân tâm, tự soi rọi lại mình v.v... chúng ta gọi bất cứ tên gì cũng được; đó là những thực tập từ đơn giản đến tỉ mỉ, từ thô đến tế, mà chúng ta đã thực hành và trao truyền cho

những thế hệ đàn em; đó cũng là Thiền trong đời sống 24/24 từ lúc:

*Thức dậy miệng mỉm cười
Hăm bốn giờ tỉnh khô
Nguyên sống cho trọn vẹn
Mắt thương nhìn cuộc đời*

rồi:
*Đánh răng và súc miệng
Cho sạch nghiệp nói năng
Miệng thơm lời chánh ngữ
Hoa nở tự vườn Tâm*

Hay:
*Chén trà trong hai tay
Chánh niệm nâng tròn đầy
Thân và Tâm an trú
Bây giờ và ở đây
v.v...*

Cứ như vậy, nếu tiếp tục duy trì việc quan sát các cảm thọ một cách buông xả, chúng ta sẽ thấy rằng sự giận dữ nổi lên càng ngày càng yếu đi và một ngày nào đó, Tâm chúng ta không còn nuôi dưỡng cảm giác giận dữ nữa; đó chính là cách tốt nhất để giải thoát bản thân mình ra khỏi những chất độc hại “giết người” (Tham, Sân, Si là 3 loại thuốc độc, không phải sao?)

Kính chào tinh tấn!
BBT



ĂN CHAY VÌ LÒNG TỬ BI

Tâm Diệu

Trong các kỳ trước chúng tôi đã đề cập đến nhiều nguyên nhân và mục đích khác nhau thúc đẩy người ta từ bỏ việc ăn thịt chúng sinh mà chuyển qua ăn thực phẩm rau đậu. Những nguyên nhân gần và những nguyên nhân xa. Gần như bảo vệ sức khỏe cho chính bản thân người ăn chay, giúp người ăn chay ít bệnh tật hơn như khoa học ngày nay đã chứng minh. Xa hơn là để bảo vệ môi trường sống, giúp cho hệ sinh thái, nguồn nước và không khí trở trong lành hơn và giảm thiểu quả địa cầu ấm nóng gây bão lụt xảy ra hàng năm ở Việt Nam và trên thế giới.

Trong kỳ này, chúng tôi đề cập đến một lý do khác thúc đẩy người ta ăn chay. Lý do ăn chay này không những chỉ có mặt trong cộng đồng Phật giáo mà còn có mặt ở khắp mọi nơi, mọi cộng đồng không phân biệt tôn giáo và sắc tộc. Đó là ăn chay vì tôn trọng sự sống, không gây tổn thương đến mạng sống của các loài vật hữu tình và nhất là vì muốn làm giảm bớt đi những nỗi khổ đau và chết chóc không cần thiết mà con người, một sinh vật thông minh hơn, gây ra cho chúng.

Điển hình như tổ chức bảo vệ súc vật PETA ở Mỹ có mục đích bảo vệ loài vật tránh sự ngược đãi bạo hành của con người. Các thành viên của tổ chức, tình nguyện ủng hộ tiền tài, nhân lực và tự nguyện ăn chay vì lý tưởng của tổ chức. Họ cho biết không thể nào nhân tâm hay vô cảm trước nỗi khổ đau của con vật, không thể nào ăn thịt chúng khi thấy chúng đầy dựa trên các dây chuyền xẻ thịt và biến chế thực phẩm.

Cũng như một bác sĩ người Pháp - Bs. Jérôme Bernard-Pellet, người chuyên đi thuyết trình kêu gọi mọi người nên ăn chay. Khi được hỏi "Ông là một bác sĩ, vậy vì lý do gì mà ông ăn chay?", ông đã trả lời một cách thật trịnh trọng như sau: "Bà có biết không, gia đình cha mẹ tôi làm nghề chăn nuôi súc vật để giết thịt. Tôi đã thấy quá nhiều máu chảy và sự đau đớn. Tôi không còn ăn thịt được nữa."

Một trường hợp khác, thi hào Pháp thuộc thế kỷ XIX tên là Al-

phonse de Lamartine đã ăn chay từ khi còn rất nhỏ, ông ăn chay vì một hôm "...theo mẹ đi ngang một lò sát sinh, ông thấy máu chảy lên láng ra đến tận đường đi, mùi tử khí và mùi máu hôi tanh không chịu nổi. Khi về đến nhà thì ông xin mẹ được ăn chay." [1]

Như vậy, có một tầng lớp ăn chay vì lòng nhân tử hay nói rộng hơn là vì lòng tử bi của họ đối với loài vật hữu tình. Họ không ăn thịt bởi vì họ tin tưởng loài vật có quyền được sống và được đối xử như con người. Loài vật không thể là thức ăn cho con người. Loài vật là một loại chúng sinh tình thức đều có bản năng ham sống và sợ chết như con người. Nếu như chúng bị tổn thương hay bị giết hại đều sinh khởi sự sợ hãi, thống khổ, sinh khởi sự phẫn nộ, oán hận và chống trả. Ví như con người giết hại lẫn nhau, đôi bên sẽ tạo thành kết thù, kết oán, mưu hại lẫn nhau.

Đối với những người Phật giáo, ngoài việc giữ giới cấm sát sinh như giới luật nhà Phật qui định, ăn chay còn là một phương thức tu tập hằng ngày, gieo trồng hạt giống tử bi và phát triển tâm tử bi đến với muôn loài chúng sinh từ gần đến xa, từ lớn đến nhỏ [2]. Một số người Phật

giáo quá khiêm nhường khi cho rằng họ "ăn chay cũng giống như bò ăn cỏ, ăn chay chẳng phải là tu". Họ nói vậy thôi, thực sự với người Phật giáo, thức ăn chay, mặc dù chỉ là rau, đậu, quả, củ (xét về phương diện vật chất),

nhưng chính là thực phẩm (xét về phương diện tinh thần) nhắc nhở hằng ngày nuôi dưỡng tâm Tử bi và tâm Từ bi lại chính là mảnh đất màu mỡ giúp cho Trí tuệ nảy mầm và phát triển.

Ăn chay, một phần nhỏ là để cứu vớt những con vật vô tội, còn phần lớn là để phát triển tâm tử bi đối với những con vật đang bị hành hạ và chịu đau đớn diễn ra hàng ngày ở mọi nơi. Hãy xem những thước phim video được quay lên trong các trại chăn nuôi và trong các lò sát sinh mới thấy rằng những nơi đó là một trời địa ngục. Người ta thúc đẩy, đánh đập từng con bò, hết con này rồi tới con khác tiến vào lò sát sinh, hoặc hàng trăm hay hàng ngàn con gà đang bị đẩy vào máy để cắt cổ và nhỏ lông...

Trong các cơ sở chăn nuôi súc vật công nghiệp, gà mái đẻ phải chịu những nghiệt ngã nhất của đời sống. Từ ba đến năm con gà được nhốt giữ trong một hộp lưới hình chữ nhật có kích thước khoảng hai gang tay bề rộng và ba gang tay bề dài (12 inches x 18 inches) mà chung quanh bằng giây kẽm; những hộp như vậy được sắp chồng lên nhau. Đèn điện được thắp sáng trung bình 20 giờ một ngày để chúng ăn nhiều, đẻ nhiều. Hầu hết gà đều bị cắt mỏ để không cho chúng cắn lộn nhau vì bị căng thẳng thần kinh do sống



trong một môi trường chật hẹp. Khoảng 95 phần trăm trứng được sản xuất bởi các nhà máy gà đẻ này. Gà làm thịt (broiler chickens) được sản xuất bởi các cơ sở tương đối khá hơn gà mái đẻ nếu trên. Sau khi nở, gà được chuyển đến xưởng chăn nuôi mà mỗi xưởng có thể chứa đến nhiều ngàn con. Khi gà con lớn dần, sự khủng hoảng tinh thần cũng gia tăng theo vì không đủ chỗ để xoay trở. Nhiều chú ở giữa một đám gà ngàn con thường bị chết vì ngộp thở. Gà được nuôi khoảng bốn tháng tức cân nặng chừng 3.5 pound là được chuyển đến lò sát sinh để làm thịt bán ra thị trường. Mỗi năm Hoa Kỳ nuôi và giết khoảng 7 tỷ con gà để làm thức ăn cho con người.

Heo cũng được nuôi giữ trong những điều kiện chật hẹp tương tự. Họ nuôi chúng với kỹ thuật mới về di truyền tính (genetic engineering), làm cho heo thật mau lớn với phí tổn thật ít. Thực phẩm của chúng thường trộn đủ loại thuốc. Heo cái chịu đựng thể thảm nhất; chỉ năm ngày sau khi sanh ra heo con, mẹ con chúng bị tách rời khỏi nhau ngay, để heo mẹ được cho thụ tinh nhân tạo, tiếp tục chu kỳ đẻ mới. Heo con được nuôi khoảng năm đến sáu tuần là bị giết để chế tạo món thịt ba chỉ (bacon), một số khác nuôi đến 18 tuần là bị giết để chế thành món ham ăn sáng và pork chop.

Cũng như heo, bò con vừa sinh ra là bị tách rời ngay ra khỏi mẹ, nhiều khi không có cơ hội ngậm vú mẹ lấy một lần trong cuộc đời, bò mẹ cũng không có cơ hội âu yếm liếm lên mình đứa con bé bỏng, đáng thương mà nó đã mang nặng đẻ đau, đưa vào cuộc đời. Bò con cái nuôi riêng để thành những máy đẻ mới, còn bò con đực, ta thường gọi là bê, được nuôi trong những chuồng rất hẹp bề ngang để bê không thể nhúc nhích được vì người tiêu thụ muốn thịt mềm. Chúng bị nhốt trong bóng tối suốt 100 ngày và được cho ăn bằng các thực phẩm lỏng nhân tạo không có chất sắt cốt để cho con bê thiếu máu, khi hạ thịt chúng có màu hơi tái tái mà nhiều người thích ăn. Cũng chỉ vì chiều cái ý thích này của thực khách mà cuộc sống của những con bê trở nên khôn khổ, tù tội và tiêu chảy suốt đời, do ăn loại thực phẩm lỏng đặc biệt để thịt được mềm.

Còn bò sữa cũng vô cùng đau đớn vì thường xuyên bị chích thuốc kích thích tố BGH (bovine

CÓ PHẢI...?

*Ngồi nhìn lá rụng, mây...bay
Giật mình chim hót còn say trên ngàn,
Đôi khi phải chầm,
xuống hàng,
Bởi vì cuối hạ hoa tàn-thu sang.*

NẮNG TRƯA

*Nắng trưa buồn hiu hắt
Mây trời nhạt sắc thu
Hàng cây nghiêng bóng đổ
Thương nhớ lời mẹ ru.*

MÁY MÙA...

*Năm này nữa đã mấy thu
Mây mùa lá rụng xa mù
Nhớ mẹ đông đây tâm khảm
Sông tiền sông hậu... màu thu.*



thơ

HUYỀN VŨ

growth hormone) nhằm sản xuất thật nhiều sữa để cho con người uống. Kích thích tố BGH tạo nên sức ép lớn từ cảm giác đến cơ thể, các bộ phận bị ép lớn và rộng thêm ra, từ chân cẳng đến bầu sữa, bầu vú sữa lớn đến nỗi họ phải dùng những túi nâng vú để nâng đỡ sức nặng và để cho vú khỏi chạm đất. Năm 1930 trung bình một con bò vắt sữa sản xuất được 12 pounds sữa, đến năm 1988 sự sản xuất gia tăng đến 39 pounds và ngày nay 49 pounds một ngày.

Nỗi đau khổ khi sống của những con gà, con heo, con bò nói trên không diễn tả hết được thì khi chết cũng khó mà diễn tả được nỗi thất đảm của chúng. Những con bò khi bị chuyển lên xe tải đưa về lò sát sinh là chúng đã bắt đầu sợ hãi. Có những con không chịu lên hay xuống xe tải nên bị kéo bằng giây cable, trông rất là thảm thương, chúng cứ ghì lại, nước mắt ứa ra như là có linh cảm sắp lên đoạn đầu đài. Đã thế, trong chuyến đi cuối cùng trước khi sang thế giới bên kia, những con vật khốn khổ này còn bị bỏ đói vì với khoảng 24

giờ đồng hồ, thực phẩm chúng ăn chưa kịp chuyển thành thịt, không đem lợi nhuận về cho chủ nó.

Như ngày nay khoa học đã chứng minh, hầu hết súc vật đều có bộ não và hệ thống thần kinh như con người. Chúng cũng có những cảm giác, biết nóng lạnh, sợ hãi và giận dữ như chúng ta. Khi sợ hãi chúng cũng giống như con người là nhip tim đập mạnh, áp suất máu lên cao, hơi thở hỗn hển. Chúng đều muốn sống như chúng ta. Vậy có nên vì ngon miệng mà chúng ta đẩy biết bao sinh mạng vào hoàn cảnh khốn khổ như vậy suốt cả cuộc đời chẳng?

[1] Hoang Phong, "Đi nghe buổi thuyết trình về ăn chay của bác sĩ Jerom Bernard Pellet".

[2] Kinh Từ Bi.

Mùa Thu, những khắc khoải réo gọi

CƯ SĨ LIÊN HOA

*Thắp sáng lên ngọn lửa
bồng bềnh lá vàng rơi
ấp ú lời réo gọi
chập chùng bóng em về*

*áo em màu vàng lưa
giữa bốn mùa thay lá
mưa rơi rồi lại nắng
màu áo lại vàng thêm*

*đôi mắt còn bỏ ngó
từng phiến đá chân thường
ánh lên màu hương sắc
ta nhật vội nên hương*

*bàn tay ai sờ hững
có phải màu áo phai
nên em cười bên lên
gió lặng nằm cô đơn*

Ồ lá vàng rơi. Có những chiếc lá màu xanh đậm, có lá còn xanh non, hoặc nõn nà màu xanh nhạt của lá chuối non... lìa rời khỏi cành, chờ vờ đậu trên nền đất, run rẩy như còn nuôi tiếc cho một mảnh đời vừa rời xa. Tôi nghe thoảng đâu đây những lời tự tình vừa dâng lên, như giọng hát mượt mà ca tụng thu về. Sao không gọi là thu đến mà gọi là thu về, nếu bốn mùa tuần tự trôi qua, tiếp nối như định luật tuần hoàn của vũ trụ, thì nơi nào gọi là đến hay đi, chỗ nào là khởi đầu hay chấm dứt... Có phải chúng ta đã vô tình cưỡng ép để gọi là... thời gian.

Gió có thoảng qua đây, trời hanh hanh lạnh, nụ cười êm dịu của gió như đùa vui quét từng chiếc lá đong đưa, lẫn mình theo gió. Những tia nắng bay lượn, tinh nghịch chạy nhày, vui cùng, réo vang lời gọi những mảnh đời ngủ gật gù, vui đâu trong nắng hạ vừa qua.

Hãy dậy đi ta ơi. Hãy ngẩng đầu lên vũ trụ ơi... lá vàng đây, thu là đây, sắc vàng ửng lên như màu đất, nơi con người mòn đời dẫm chân đến khi xuất hiện trên trần gian này. Chúng ta thường ca tụng vẻ đẹp của thu khi có lá vàng rục rờ, hoặc ôm ấp những mộng tưởng của ngày qua, dìm mình trong nội kết của quá khứ, bám chặt vào những tư liệu do mình sáng tạo, tạo ra những bi kịch khổ đau hay hạnh phúc... quên rằng vô thường là nét đẹp kỳ diệu của vũ



trụ, nơi đó, chúng ta bắt gặp cả thiên thu réo gọi, có những chất liệu đến từ quá khứ, có những hạt giống của tương lai, có những hiện thực nhiệm màu bùng sáng theo từng hơi thở.

Không có hơi thở, chất liệu tối quan trọng của cuộc đời, của con người, của trời đất...thì chúng ta đã dây chết trong khoảnh khắc khi thu chưa chớm, lá chưa đủ vàng và nụ hoa chưa lộ dạng...

Thu đâu phải chỉ màu vàng trong một khoảng không thời gian nào đó. vậy chứ đất là gì? Màu của đất có phải chẳng là màu vàng, màu hoàng thổ, màu của tâm, màu đã nuôi các loại sắc màu khác nhau, và nơi đó xuất hiện dấu chân con người, muôn loại trong bao nhiêu thời gian qua từ vô thủy... và như người cùng tử bước trở về mái nhà xưa, tìm lại gia bào đã vô tình đánh mất trong tâm. Sao ta lại không ca tụng đất?

Đã bao nhiêu người ca tụng vẻ đẹp của thu ư uẩn, lãng mạn, trầm mặc, đầy sắc vàng khoát áo màu vàng trải dài cho vũ trụ một khoảng không thời gian nào đó, thật đẹp. Chúng ta đi dưới hàng cây, vài cơn gió thoảng qua... Trên cây, lá run mình ca hát, những giọt mưa lá rơi nhẹ, buông mình tươi tắn rớt trên vai, trên tóc của khách bộ hành, cho từng mảnh đất...

*Áo vàng, em thay lá
Ôi hương sắc mạn mà
Tay cầm tay chưa nói
thời gian là đà qua
đáng em về mộng寐
màu mắt hoa vừa nở
suối tóc vội thả bay*

*vũ trụ ngẩn ngơ nhìn
người bước đi trên lá
từng bản nhạc hồn thơ
vô tình ai chép được
nghe chiếc lá cười đòn.....*

Đã từ lâu, vì là con người sống nhiều về nội tâm, cảm xúc với những gì khổ đau hay hạnh phúc của đời người, và luôn cố thực tập để chuyển hoá tâm mình trong những biến động của cuộc sống, lấy chính mình với những gì mình chưa được, chưa có hoặc là những ước vọng thật đẹp nuôi dưỡng v.v... có thể ích lợi cho con người, tôi thường viết ra để dâng hiến cho cuộc đời như một tấm lòng.

Tôi rất sợ mình có thể cảm xúc với nụ cười của gió, tiếng hát của mưa, lời ru của nắng, tâm tình của thu hoặc giả là tiếng thì thầm vô ngôn của sự tĩnh lặng ... nên tránh làm thơ tình cảm dù làm thì cũng chỉ dở tệ, không vần điệu, không luật thơ, thiếu hồn thơ...nên đành lui cui tập làm thơ có một chút mùi đạo vị, dù cũng chỉ là vô vị, nhạt nhẽo, chỉ đỡ đỡ một chút...vì tôi sáng tác để cho chính mình thưởng thức mà, chứ sợ rằng ai đọc thơ của tôi cũng đều cười ...không phải để khen, mà chêNgười đọc thơ tôi mà không hiểu, thì nói là "Ôi chao, hay quá, nhưng không hiểu thơ muốn nói gì..." Còn người đọc thơ nếu hiểu một chút, thì chột khen rằng "Ái chà, thơ thật tuyệt, vậy mà cũng bày đặt làm thơ...", nhưng dù chê hay khen cũng không sao, vì có đọc đến là được rồi, nên nói có nhận xét...

Nào, chúng ta hãy cùng bước vào thu với những đoạn đường... Nếu cuộc đời có nhiều đoạn đường thẳng, dốc, gập ghềnh hay trơn tru... ví như một bản nhạc, được nối kết từng nốt nhạc để làm thành một bản nhạc vui buồn, sầu đau, hạnh phúc hay bi thương... đều do chính con người là tác nhân, là nhạc sĩ của chính lòng mình.

*Đêm,
Ngày đi rơi nắng
Đêm đổ tối về
Nhìn nhau một thoảng
Trăm lời thơ không...*

Theo thu từ đêm về khi nắng đã bị rơi rụng trên lối ngõ nào đó, trước cửa đêm tối, nói lời từ giả chỉ một thoáng thôi thì lại im bất, không cần lời. Thường thức thu, nhìn vẻ đẹp của thu, lắng nghe hơi thở của thu... có cần chăng lời nói...dù có ngàn lời hay vạn lời, chỉ là nói về thu chứ không phải sống với hay cảm nhận về thu.

Sao,
Sao nheo con mắt
Lấp lánh bầu trời
Bàn tay ngàn cánh
Tình nghiêng sóng sánh
nụ cười chân phương..

Kìa bạn, có thấy chăng khi thu nheo con mắt chào một cách tình tứ như những vì sao trên bầu trời, chỉ có những bàn tay ngàn cánh mới mở được gương mặt thu để đi sâu vào tâm thức, dù tình có nghiêng ngả, tâm có sóng sánh như say khuớt của rượu không cồn, nhưng tâm vẫn mỉm cười nơi bến bờ hư không, nơi chốn tình chân phương.

Bàn tay ngàn cánh là hoá thân của từ lực, của từ tâm, của lời quán âm, tâm quán âm, niệm quán âm và từ tự tánh trong miền trường dẫn thân, thể nhập để mỗi người đi về trở thành là Quán Âm. Những hành giả của lời niệm Quán Âm là những người đang sống thực, đang chuyển hoá và đang thể nhập với chính dòng sống vì diệu của tự tâm, trở thành vị Bồ tát của Lăng nghe- Chia sẻ- Cứu giúp, nơi làm nên tất cả mọi trạng thái của tâm, để nhận ra cuộc sống thực...

Trăng,
Trăng đẹp quá vì trăng
không xiêm áo
Cho ta về mơ mộng mãi vầng
trăng
để đêm đêm, ta ngóng với
đợi chờ
rồi vội vã làm ngàn thơ ca
tụng



Hồ tâm đã mở cửa, gương tâm đã soi tỏ, để cho hăng hà sa số ánh trăng lóng lánh xuất hiện trong từng hồ nước, như "*thiên giang hữu thiên giang nguyệt..*", ồ thật là tuyệt đẹp Trăng tâm có sáng, có vàng rực, có tỏ rõ nguồn cơn của suối nguồn, đi vào cõi sâu thẳm của tấm, của tấm lòng, khi trăng không mảnh xiêm y trên bầu trời ... Một vẫn bụi cũng làm cho trăng mờ ảo, một chấm mây cũng làm trăng ố màu. Trăng là lời nói chân thật, chân ngôn, thực tại khi sống thực bằng những tâm tình không che đậy, lời vọng ngôn không còn, chỉ còn là một trời tâm mở rộng.

Từ nơi cõi vắng này, nguồn thơ lai láng, không phải là dòng thơ ướt át, không phải lời thơ là lời, nhưng thơ đến đi nơi cõi tâm chỉ là những mảnh tấm lòng chân thật, vì nếu không có tấm lòng, không có chân tình... thì cũng như trăng còn vương vấn với mây ngàn, còn ôm ảo tưởng nào đó, không sống thực trong những sát na hiện tại, trong lành, tinh khiết... Đó là hạnh phúc có mặt trong đau khổ, đó là nơi bình an giữa cơn sóng gió cuồng si, nơi ngủ yên lành trong hổ lửa của oán thù, nơi mỉm cười tha thứ với những bất hạnh, dù chính mình sáng tạo hay ai đó cho mình... để cho chúng ta...

Đi về,
Ngàn xưa ra đi
Trăm năm lỗi hẹn
Dùng dằng giữa bến
vọng chân đời chờ...

Đường về đẹp quá, áo xưa vẫn còn, màu xanh vàng của vũ trụ vẫn ươm tình từng lúc, từng khoảnh khắc thời gian để nuôi sống muôn loài. Gọi là đường về vì chúng ta quan niệm có ra đi, nhưng sự ra đi và trở về, đâu là điểm gặp... vì tự tánh của vũ trụ vẫn như như, không sanh diệt. Chỉ chúng ta cảm giác sanh diệt theo vọng tưởng, luân hồi thiết tơ tưởng, rồi vướn mình trên trời cao đất rộng, gọi khoảng này là thời gian, chốn nọ là không gian, tạo thành môi mắt mũi miệng cho một khuôn mặt nhân sinh, nhưng không biết rằng "bộ mặt thật muôn đời" vẫn đẹp như lời thơ, hồn nhiên như nụ cười em bé, hiền từ như đôi mắt của đức Phật.

Hãy trả lại vẻ đẹp tự nhiên để chúng ta có thể thường thức, đừng kéo về một bên theo quan niệm, biên kiến của mình, biết bao nhiêu là pháp môn trong

giáo Pháp của đức Phật như lá trong rừng, có xanh có vàng có đỏ muôn sắc màu... nhưng chưa từng bao giờ chống trái lẫn nhau, mà chỉ như phương thuốc thần dược tùy căn cơ, tùy thể lý, tùy theo căn bệnh mà đem cho người bệnh được lợi lạc...

"*Trong hạnh phúc, trong phiền não, lúc thăng lúc trầm, lúc vinh lúc nhục.....ta hãy giữ tâm như đất. Cũng như trên đất, ta có thể vút bật lượn vật gì dầu chua, dầu ngọt, dầu sạch, dầu dơ....đất vẫn thân nhiên, một mực vẫn trở trở. Đất không giận cũng không hờn..."* (Kinh Tâm Địa Quán).

Màu vàng của đất, màu vàng lá, màu của thu vàng....đâu có chỗ nào là bến bờ ngăn cách cho cuộc trở về. Có ai nghe chẳng tiếng thu rơi là lướt, để nhắc nhở, vô tình đưa bước chân đi vào thu, ta chợt nhìn thấy được tâm, màu vàng đất, nơi *Địa Đại-* nơi tan rã thân xác khi nắm bắt động, từ từ khi mà rời xa cõi đời theo một hành trình mới, của Sắc uẩn, rồi vào thân trung ấm hoặc tái sanh vào cảnh giới nào đó. Sắc đã nuôi nấng, che chở cho con người trong suốt cuộc đời có mặt, từ thuở bé sơ sinh đến khi trưởng thành, già nua, chết và tan rã.

Muốn thấy được Thu, muốn đi sâu vào tâm của thu... không phải là Thu sâu, Mùa thu chết, Thu lang thang, Mùa thu trên tóc ai... đầy bụi bặm?... mà phải vượt, vượt qua... những sắc thanh hương vị xúc pháp, thấy Sắc uẩn cũng là không, và để đến thẳng nơi mầm đất hiện sinh dưới ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai Đại Nhật, sáng rực khắp mọi nơi trong Pháp Giới Thể Tánh Trí, nơi không ngăn mé, nơi hổ thẳm, không còn biên giới giữa có và không, vượt khỏi sự phân hai, chia cách để trở về im lặng....

Trong kinh Hoa Nghiêm có nói rằng: "*Nhược nhân dục liễu tri. Tam thể nhất thiết Phật. Ứng quán pháp giới tánh. Nhất thiết duy tâm tạo*" (tạm dịch: Một người muốn biết được ba đời chư Phật thì hãy thể nhập vào tánh của Pháp giới, nhận thức được tất cả đều do tâm tạo".

Chúng ta chỉ thấy thu với vẻ đẹp của màu, chỉ thấy "chiếc áo cổ đơn" với sắc hoàng thổ... để mà ca tụng, quý trọng... nhưng quên rằng, thu đã sống không phải chỉ thời gian của tháng này, nhưng thu là chuỗi ngày của bốn mùa trôi qua, làm cho chúng ta không biết nơi nào là thu có mặt.

Khi Xuân có hoa tươi xinh



đẹp, có tiếng chim líu lo ca hát, có những tâm hồn thơ thổi yêu đời... có phải là thu chẳng?

Khi Hạ về réo rắc lời nóng, khô môi, bốc hoả, hồi hả bay nháy trong cuộc đời, và nơi nào thu ở?

Khi Đông lạnh lẽo trở về, đốt lên ngọn lửa hồng để sưởi ấm, ánh lửa lung linh soi rõ từng gương mặt cổ đơn, lạnh giá bên cạnh nhau. Tuyết rơi, hơi lạnh, đường trơn vấp ngã, phì phà hơi thở khói, tìm thu nơi đâu?

Chiếc áo cô đơn màu vàng đã tạo ra những vành đai ruộng phước, nơi giới nơi định, nơi huệ nuôi dưỡng và sống thực, để cho màu vàng của chiếc áo bao phủ nhân sinh như tấm lòng vàng của thu, che chở đồng đều trong các khổ nạn, bất hạnh...

*Trong em, ta thấy luân hồi
Nhìn ta, chợt thấy cuộc đời
vong thân
Nơi nào lời nói lời im
chỗ nào lặng lẽ, cõi lòng tịch
liêu...*

Chúng ta có thấy chẳng là thu đã đi xuyên suốt qua bao chặng đường của cuộc đời, khi trở về với đất linh, nơi chôn vùi bao vọng tưởng điên đảo...Thu luôn luôn chịu đựng, gánh vác và chưa bao giờ vắng mặt trên đời.

Trong hơi thở của gió (Phong), trong quán tưởng đi về (Hoà) trong tự tưởng trầm mặc, vắng lặng (Thúy), vừng vàng trên tấm thân (Địa)... Trong suốt cuộc

đời, có khi nào ta xa người yêu này, xa cái thân vô thường, nơi đại địa tượng hình, nơi thu vàng có mặt xuyên suốt qua bao cảnh giới.

Phải có ánh sáng của trí tuệ mới mở cửa vào Thu, nhìn thấy rõ được tâm, thấy được đất, từng sơ thịt của đất nuôi sinh vũ trụ và từ đó khởi lên lòng từ bi cúng dường ...

" Khi con thấy Phật, xin cho muôn loài, có được cặp mắt trí tuệ để nhìn rõ được tâm mình" (Nhược đặc kiến Phật. Đương nguyện chúng sinh. Đặc vô ngại nhãn. Kiến nhất thiết Phật)...

Thưa bạn, miên man chia sẻ với thu, nói về thu, thu hưởng hương vị thu...chúng ta đã biến mình để đi cùng và sống với thu trong thường thức, trong cảm nhận bằng chính tâm mình. Nếu chúng ta chỉ thấy thu như các mùa để yêu thích, ca tụng, làm thơ văn... thì có lẽ, mình đã phụ lòng của thu, vì thu luôn ước muốn chúng ta lắng lòng suy nghĩ lại....

Thu đã thọ giới Tâm Bồ Đề để bao thời gian qua, vẫn sống tịch liêu của các giới như luôn luôn cõi tâm uế trước, thu hút những dưỡng khí trong lành ban cho trái đất (*niếp luật nghi giới*), vẫn đem cho những gì trong lành, tốt đẹp (*niếp thiện pháp giới*) và vẫn âm thầm làm những gì có ích cho muôn loài để được sống trong hạnh phúc (*niều ích hữu tình giới*).... Và

thu mời gọi chúng ta hãy tiếp tay khi cảm nhận được tấm lòng chân chất, bao dung của thu dâng hiến cho con người và trái đất này.

Có bao giờ bạn nghĩ rằng rồi đến một ngày nào đó, thu sẽ không còn có mặt trên cõi đời này hay chẳng? Lòng người hỗn loạn, tâm trí rã rời, đầy lo toan...đưa đến cuộc sống vội vã, bỏ rơi lý tưởng đẹp .. Tài nguyên thiên nhiên bị soi mòn theo đục vọng, sông ngòi khô cạn, núi lở đất trôi, cây rừng bị tàn phá, san bằng. Môi sinh ô nhiễm, chiến tranh ngày càng tàn bạo, cướp đi bao mạng sống của con người... Vũ khí ngày một tinh vi hơn để chiu theo tham vọng, trao đổi, tính toán, thiếu sự chia sẻ chân thật v.v... Các loài vật bị hy sinh theo những bữa tiệc chất chồng, chết tức tưởi đốn đầu không được thương xót, theo nhu cầu khoái khẩu, dĩ nhiên, sẽ có ngày các loài sẽ tuyệt chủng... rồi nhân loại sẽ đi về đâu?

Trở về với thu với tiếng nói sâu thẳm của cõi lòng, cũng là trở về tánh giác của chính mình, trong đại địa của thân, mở ánh sáng mặt trời trí tuệ (Như Lai Đại Nhật) để đem những gì có thể từ chính tánh Phật của mình bằng bất cứ hình thức nào, để làm cuộc thức tỉnh nhân sinh trước thảm họa luôn luôn có mặt này...

*Em như giọt sương mai
ngủ trên chiếc lá vàng
sợ nắng về vội vã
em tan vào hư vô*

*mong em là cơn mưa
tươi mát cho cuộc đời
những tâm hồn khô nứt
mưa tràn về, xanh tươi...*

Với sự hiểu biết kém cỏi, với suy tư non nớt, với lời văn thơ thô kệch vô hồn... bản thân còn nhiều khiếm khuyết, đầy hi vọng ỏi... nhưng vì là người con Phật, trong tâm tình "đối cảnh sanh tâm", tự quán thấy có những vầng mây nổi lên, chấp chờn trong tâm, tương thành nhiều hình thái, biến đổi... nên cũng muốn xin được nói vài điều, viết ra để chia sẻ.. theo các kiến thức hạn hẹp của mình, thì dù bạn *có đồng ý hay không*, cũng mong nhận nơi đây một tấm lòng kính dâng...trong thân phận con người.

Xin cảm ơn bạn,
(Những phút giây xúc động
nhân khi nhìn thấy bóng
dáng thu...)

NHẠC SĨ NGHIÊM PHÚ PHÁT VỚI DÒNG NHẠC MỚI

Cư Sĩ Nguyên Giác

Kinh Phật nào ngắn nhất?
Đó là khi Đức Phật im lặng.
Ca khúc Phật Giáo nào ngắn nhất?

Đó là khi Đức Phật im lặng.
Chúng ta có thể hình dung ra những câu vấn đáp trên, khi đọc lại Kinh Phật và suy nghĩ về cách hoằng pháp của Đức Phật.

Khi dùng ngôn ngữ, Kinh Phật đã ghi lại những bản kinh dài, kinh vừa, kinh ngắn. Nhưng quen thuộc nhất với giới học giả và quần chúng Tây Phương là Kinh Pháp Cú (The Dhammapada), ghi lại theo thể thơ, có khi chỉ bốn dòng, hay dài hơn.

Thậm chí, có một lúc Đức Phật còn nói rằng Đức Phật trọn đời hoằng pháp chưa từng nói một lời...

*

Một trường hợp kiêm lời khác: bản kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa gồm 24 tập 600 quyển được cô đọng vào 260 chữ. Truyền thuyết ghi rằng Ngài Long Thọ là tác giả bản tiếng Bắc Phạn (Sanskrit), nhưng bản kinh phổ biến hằng ngày tại các chùa Việt Nam là dựa vào bản Hán dịch của ngài Tam Tạng Trần Huyền Trang.

Như thế, chúng ta thấy truyền thống sử dụng ngôn ngữ là tùy, khi cần nhiều lời là sẽ nhiều lời, khi cần ngắn gọn vẫn là không có bao nhiêu chữ.

Về âm nhạc Phật Giáo cũng thế, khi cần có những trường ca, đã thấy có những nhạc sĩ như Phạm Thế Mỹ, Võ Tá Hân...

Và bây giờ, trong dòng âm nhạc Phật Giáo kiêm lời – nghĩa là ngắn gọn, nghĩa là ít lời, nghĩa là trực chỉ tâm người – đã thấy có nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát.

*

Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát -- người nổi tiếng với âm nhạc Phật Giáo từ khi dạy ở Trường Bồ Đề được Hòa Thượng Thích Quảng Liên bổ nhiệm vào chức vụ phụ trách mọi chuyện về văn nghệ cho hệ thống trường này -- từ năm 1965 đã dạy ở trường Bồ Đề

và trường Lasan Taberd (của Dòng Lasan, Thiên Chúa Giáo). Cũng nên nhắc rằng, nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát là người sáng lập Nhóm Hương Thiên gồm một số ca sĩ, nhạc sĩ – nhóm đã trình diễn tại Quận Cam qua ba chương trình nhạc về Phật Giáo.

Khi Hòa Thượng Thích Quảng Liên trao nhiệm vụ hướng dẫn văn nghệ Gia Đình Phật Tử, hỏi rằng làm sao xây dựng dòng nhạc Phật Giáo thích nghi nhanh chóng cho thanh thiếu niên... nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát trả lời rằng cần cả trăm năm nữa, văn nghệ của trường Bồ Đề mới theo nổi văn nghệ của trường Tabert."

Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát kể lại như thế, khi trình bày với hai người bạn đạo về những suy nghĩ của ông, rằng cần có một dòng nhạc ngắn gọn, vui tươi, và mang Phật tính thích nghi đặc biệt cho thanh thiếu niên Phật tử hải ngoại, những em tiếng Việt rất là kém. Đó là lý do thời gian gần đây, nhạc sĩ họ Nghiêm đã tập trung sáng tác các ca khúc ngắn như thế.

Thực tế là các phụ huynh, các huynh trưởng Gia Đình Phật Tử đều thấy: những ca khúc bắt

tử truyền thống của Phật Giáo đều không dạy nổi cho các em, vì tiếng Việt các em quá kém. Những ca khúc như Lòng Mẹ của Y Vân, hay Bông Hồng Cài Áo của Phạm Thế Mỹ, và ngay cả các bài nghi lễ truyền thống như Phật Giáo Việt Nam của Lê Cao Phan, hay Trầm Hương Đốt của Bửu Bác... chỉ có vài em hát và thuộc lời.

Tình hình cũng y hệt như thế: chúng ta đã trao tiền vào túi các em, nhưng các em không xài được, vì đã qua cõi khác rồi. Nếu chỉ dùng nhạc Hương Đạo tiếng Việt hay tiếng Anh, tuy ngắn và dễ thuộc hơn, thì Phật Pháp lại không trao truyền được.

Chỉ có cách, thế hệ chúng ta phải có dòng nhạc Phật Giáo ngắn, dễ nhớ... cho các em hát. Và đã có khoảng hơn chục ca khúc như thế vừa do nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát sáng tác, nhưng chưa có cơ duyên phổ biến được. Nhạc sĩ họ Nghiêm đã mở cho Cư sĩ Tâm Diệu và người viết xem các tờ đã kẻ xong khuôn nhạc, viết lời nhạc – như các ca khúc Cúng Hương, Mừng Vu Lan, Tiếng Từ Bi, Hiện Pháp Lạc Trú, Tìm Đầu Lối Vào, Tứ Diệu Đế, Bất Chánh Đạo, Mừng Đản Sanh, Tu Là Chuyển Nghiệp...

Vấn đề là, dòng nhạc Phật Giáo kiểu ngắn gọn lại kén ca sĩ, vì chúng sinh cõi này (nhất là với ca sĩ nổi tiếng) không ưa thích những gì ngắn gọn, những gì cô đọng, những gì dễ hiểu – đó cũng một phần là lý do nhiều Phật Tử không để ý tới Kinh Pháp Cú (chưa cần nhắc tới mấy bài Kinh Im Lặng của Đức Phật).

*



Từ phải: Diệu Trang, Bùi Đường, Nghiêm Phú Phát, Phan Tấn Hải tại Tòa soạn Việt Báo.

Thực ra, các ca khúc ngắn vẫn được thế giới ưa chuộng từ lâu, và các thiên tài âm nhạc cũng thường khi không ưa dài dòng.

Trong các ca khúc ngắn nổi tiếng nhất trong giới âm nhạc cận và hiện đại có bài "Her Majesty" (Chúc Mừng Nữ Hoàng Anh), khi ban nhạc The Beatles trình diễn trực tiếp chỉ dài có 26 giây đồng hồ.

Ca khúc "Her Majesty" do nhạc sĩ Paul McCartney sáng tác, ghi âm vào ngày 2 tháng 7-1969, nằm một phần trong đĩa nhạc Abbey Road, phát hành ra thị trường ngày 26-9-1969. Trong Lễ hội mừng Nữ Hoàng Anh 50 năm trên ngai vàng (Golden Jubilee of Elizabeth II) vào năm 2002, đích thân McCartney trình diễn ca khúc này trực tiếp ở cung điện Buckingham Palace. Ca khúc chỉ dài có 23 giây đồng hồ.

Ca khúc này được nhiều người đưa vào YouTube, có thêm vài khung giới thiệu, nên dài thêm vài giây đồng hồ. Có thể nghe ở đây: <http://www.youtube.com/watch?v=eoC9DuZZKF0> dài 24 giây.

Nói như thế để thấy rằng ca khúc ngắn vẫn được cả các giới hoàng gia, trí thức, quần chúng Tây Phương trân trọng. Cũng nên ghi rằng, ban nhạc thiên tài The Beatles còn một số ca khúc ngắn khác, thí dụ:

- Ca khúc Maggie Mae, dài 40 giây đồng hồ, đăng trong đĩa nhạc Let It Be.

- Ca khúc Dig It, dài 49 giây đồng hồ, trong đĩa nhạc Let It Be.

- Ca khúc Wild Honey Pie, dài 52 giây đồng hồ, trong đĩa nhạc The Beatles, còn có tên là The White Album.

- Ca khúc Mean Mr. Mustard, dài 1 phút 6 giây, trong đĩa nhạc Abbey Road.

Tất cả các ca khúc ngắn trên đều được ghi rõ trong Tự Điển Bách Khoa Wikipedia, và đều nghe được ở YouTube. Nên lên trường hợp các ca khúc ngắn này để hy vọng làm giảm sự kỳ thị (nếu có) từ nhiều người, từ nhiều ca sĩ, từ nhiều tầng ni đối với nhu cầu ca khúc ngắn.

*

Một vấn đề là, nếu chúng ta cứ chuyên sáng tác các ca khúc dài và chữ nghĩa khó hiểu, số người nghe tất phải giảm, may ra thỉnh giả chỉ còn một số vị bô lão. Trong khi đó, ngay các em trung niên ở hải ngoại, khả năng tiếng Việt cũng kém rồi; với các em trung niên, thuộc được ca khúc Bông Hồng Cài Áo cũng đã là một kỳ công - và thực tế, không mấy em thuộc nổi.

Nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát nói rằng, nhạc sĩ hiện cần rất nhiều hỗ trợ để đưa dòng nhạc này tiếp cận với các em Phật Tử -- đặc biệt là hỗ trợ từ các nhạc sĩ, các ca sĩ, quý tăng ni tự viện, các huynh trưởng Gia Đình Phật Tử.

Khi liên lạc, xin email về nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát: phatphunghiem@yahoo.com hay điện thoại (714) 852-2777.

Lời cuối nơi bài này, xin nhắc rằng Đức Phật đã rất nhiều lần nói các bản Kinh ngắn, rất ít lời. Và do vậy ca khúc ngắn cho thanh thiếu niên Phật Tử vẫn nằm trong truyền thống của Kinh Phật.



BUÔNG XẢ

Cuộc đời này vô thường

Thân xác rồi hủy hoại

Tài sản cũng mất tiêu

Người yêu đành phải mất!

Thân người là giả tướng

Do tứ đại hợp thành

Hết duyên thân ta rã!

Dù các bậc tài danh...

Sống vui - không bám víu

Tất cả không thường còn

Không chấp ngã, chấp pháp

Cuộc đời hạnh phúc hơn.

Không mong cầu danh lợi

Chỉ làm khổ thân người

Vạn pháp không tồn tại

Mãi biến đổi trên đời.

Càng bám víu càng khổ

Buông bỏ thấy nhẹ nhàng.

Không gì tồn tại mãi!

Ra đi nhẹ hành trang.

Chết không phải là hết!

Nghiệp báo mang kiếp sau.

Nên tu tâm bố thí!

Luật nhân quả luân hồi.

Sống vui trong hiện tại

Không nhớ chuyện buồn đau

Tương lai không ai biết!

Đừng lo lắng mai sau.

Buông bỏ tham, sân, si...

Cuộc đời này bớt khổ.

Chúng sinh còn u mê

Đức Phật đã giác ngộ.

thơ

MINH LƯƠNG TRƯƠNG MINH SUNG

Cali . 11 / 11 / 2013



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ - CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ IV

**BAN TỔ CHỨC
CHÙA PHẬT ĐÀ**

4333 30th Street, San Diego, CA 92104 - ĐT: (619) 283-7655
Email: chuaphatdasd@yahoo.com - Website: Hoavouu.com



THÔNG BÁO SỐ 1

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

*Kính bạch: Chư Tôn Đức Tăng - Ni,
Kính thưa: Quý Học viên Phật tử,*

Mấy nghìn năm qua, kể từ khi Đức Thế Tôn thị hiện vào đời, rồi xuất gia, thành Đạo, vận chuyển bánh xe Pháp lan rộng khắp mọi nơi. Từ đó, con người được học hỏi Phật Pháp, được tu tập cho chính mình và thâm nhuần ân sủng Pháp làm tịnh lạc, thanh lương cho một đời sống tâm linh cao thượng.

Đức Phật dạy: "Giáo Pháp mà Như Lai đã chứng ngộ quả thật thập thâm, vi diệu, có đầy đủ tính chất giác ngộ, giải thoát cao siêu. Con người đến để thấy, để nghe, để tu tập, để chứng đắc quả Thánh. Giáo Pháp ấy cho con người, cho các bậc Thiện Trí, làm phương tiện để đạt Phật tánh."

Hôm nay, Ban Tổ Chức kính Thông Báo đến quý vị thiện hữu tri thức, quý Học viên Phật tử về Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ IV, được tổ chức tại:

**Địa điểm: Town and Country Resort Hotel
500 Hotel Circle North, San Diego, CA 92108**

Thời gian: Từ ngày 29 tháng 5 đến ngày 02 tháng 6 năm 2014

Kinh nghiệm cho thấy, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ III đã cung ứng cho tất cả quý học viên Phật tử một không khí tươi mát, thoải mái kể cả nơi ăn, chốn ở, phòng học, trại đường, chánh điện... Do vậy, Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Lần Thứ IV trân trọng kính mời quý Học viên Phật tử sắp xếp thời gian, công việc gia đình để cùng tham dự Khóa Tu Lần Thứ IV năm tới - 2014 được đông đảo, thể hiện tinh thần quý trọng Pháp Bảo hiện có mà chúng ta có được phước duyên để tu học.

Kính chúc quý Học viên Phật tử thân tâm thường an lạc, Bồ đề tâm kiên cố để nỗ lực thăng tiến trên lộ trình giác ngộ, giải thoát.

Chùa Phật Đà, ngày 05 tháng 9 năm 2013
Trưởng Ban Tổ Chức



(Signature)
Ty Khèo Thích Nguyên Siêu

TÁNH KHÔNG

John Blofeld

HOANG PHONG *chuyển ngữ*

Lời giới thiệu của người dịch:

Theo dòng lịch sử tất cả các tôn giáo lớn đều tiến hóa, biến đổi để trở thành ngày càng đa dạng và cũng có thể là phức tạp hơn, Phật Giáo không phải là một ngoại lệ. Tuy nhiên cũng nên lưu ý là Giáo Huấn hay Đạo Pháp của Đức Phật - còn gọi là *Dhamma* (tiếng Pa-li) hay *Dharma* (tiếng Phạn) - từ nguyên thủy không hẳn là một "tôn giáo" mang ý nghĩa như ngày nay. Dù sao thì trong quá trình phát triển Đạo Pháp cũng đã uyển chuyển biến đổi để thích ứng với các dân tộc và các nền văn hóa khác nhau cũng như với trí "thông minh" và những "xúc cảm" của con người, và từ đó đã làm phát sinh ra nhiều tông phái và học phái mang ít nhiều tính cách "thiên liêng" và "thần bí" gần với một "tôn giáo" hơn. Trong nhiều trường hợp thì một số hình thức lễ lạc và các nghi thức màu mè phản ánh từ các "tín ngưỡng" dân gian còn được ghép thêm vào Đạo Pháp.

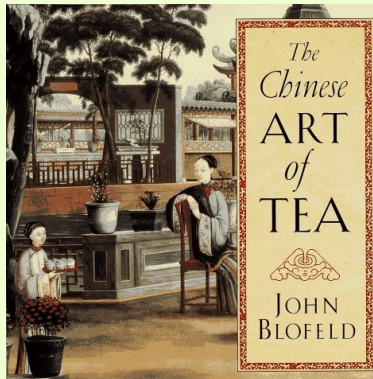
Nếu các phương pháp tu tập, song song với sự hình thành của các tông phái và học phái, ngày càng trở nên phong phú và đa dạng thì một số khái niệm và giáo lý căn bản trong Đạo Pháp theo đó cũng đã được triển khai sâu rộng hơn và đồng thời cũng đã được suy diễn với ít nhiều khác biệt. Nếu khái niệm về tánh không được Đức Phật nêu lên như một phép luyện tập chính xác, cụ thể và thực dụng, như đã được thuyết giảng trong hai bài kinh *Culasunnata-sutta* và *Mahasunnata-sutta*, thì tánh không cũng đã được các tông phái và học phái sau này triển khai sâu rộng hơn bằng nhiều cách diễn đạt phức tạp hơn. Tiêu biểu nhất cho các cách giải thích "mới" về tánh không là bộ kinh đồ sộ *Prajnaparamita-sutra*, dịch âm là "*Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa*", có nghĩa là "*Kinh về sự hiểu biết Siêu Nhiên*", và còn được gọi vắn tắt là *Tâm Kinh*.

Theo truyền thuyết thì chính Đức Phật đã thuyết giảng Kinh này vào lần chuyển Pháp Luân thứ hai trên đỉnh Linh Thứu ở Vương Xá Thành (Rajagaha), và chỉ dành riêng cho các vị tỳ kheo, a-la-hán và bồ-tát nào hội đủ khả năng lĩnh hội. Theo Kinh Hoa Sen (*Diệu Pháp Liên Hoa Kinh / Saddharmapundarikasutra*) thì phần lớn các vị này đã bỏ ra về trước khi buổi thuyết giảng chấm dứt vì họ vô cùng kinh hoàng bởi không hiểu gì cả khi nghe giảng về tánh không, chỉ có một số các vị đệ tử cao thâm của Đức Phật là còn lưu lại cho đến hết buổi giảng. Theo Phật Giáo Ấn Độ và Tây Tạng thì các đệ tử của Đức Phật thời bấy giờ tuy đã được hấp thụ giáo huấn trong lần chuyển Pháp Luân thứ nhất thế nhưng vẫn chưa hội đủ khả năng để có thể lĩnh hội được giáo huấn trong lần chuyển Pháp Luân thứ hai trên đây. Vì thế giáo huấn này - tức là bộ *Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa* - đã được giao phó cho các vị thánh nhân gìn giữ và sẽ

chỉ được đưa ra đúng vào các thời điểm thích nghi sau này. Một phiên bản gồm 100.000 tiết được giao cho Long Xà (Naga) gìn giữ, một phiên bản 25.000 tiết được giao cho con người gìn giữ, một phiên bản 10.000 tiết do các thiên nhân (deva) gìn giữ, một phiên bản 8.000 tiết do một vị Hộ Pháp là Bắc Phương Thiên Vương (Vaisravana) gìn giữ. Cách biện bạch này cũng có thể chỉ là để giải thích về sự xuất hiện muộn của *Kinh Bát Nhã*.

Theo lịch sử và qua công trình nghiên cứu của các học giả Tây Phương thì một phiên bản của bộ kinh này gồm 8.000 tiết bằng tiếng Phạn đã được liên tục trước tác trong khoảng thời gian từ năm 50 trước Tây Lịch đến năm 150 sau Tây Lịch. Sau đó lại thấy xuất hiện một phiên bản khác mới hơn và cũng dài hơn, và được trước tác trong khoảng thời gian từ thế kỷ thứ II đến thứ IV. Các phiên bản ngắn tóm lược bộ kinh này lại còn xuất hiện muộn hơn nữa, tức trong khoảng thời gian từ thế kỷ thứ IV đến thứ VII.

Trong khoảng thời gian hình thành thật dài ấy của bộ *Kinh Bát Nhã* người ta nhận thấy có hai sự kiện lớn đã xảy ra. Trước hết vào khoảng thế kỷ thứ II có một vị đại sư là Long Thụ (Nagarjuna) đã trước tác nhiều tập luận nhằm triển khai và bình giải về tánh không nêu lên trong *Kinh Bát Nhã*, và vị này cũng đã thành lập một tông phái mới là Trung Quán Tông. Tập *Trung Quán Luận Tung* (*Madhyamakakarika*) và tập *Thất Thập Không Tín Luận* (*Sunyatasaptati*) của ông trình bày và bình giải về tánh không là hai tập luận căn bản nhất của tông phái này. Sự kiện thứ hai xảy ra vào thế kỷ thứ IV, khi một vị đại sư của Trung Quán Tông là Vô Trước (Asanga) trước tác tập *Hiện Quán Trang Nghiêm Luận* (*Abhisamayalankara*) nêu lên con đường của người Bồ-tát dựa theo *Kinh Bát Nhã*, thế nhưng lại đưa ra một cách giải thích mới hơn về tánh không và đồng thời vị này cũng đã thành lập thêm một tông phái mới nữa là Duy Thức Tông. Sau đó quan điểm về tánh không của hai tông phái này lại được các vị đại sư khác tiếp tục triển khai và giải thích thêm suốt trên dòng phát triển của lịch sử Phật



Giáo.

Sở dĩ nhắc đến một vài chi tiết như trên đây là để cho thấy khái niệm về tánh không do Đức Phật nêu lên qua các kinh sách "nguyên thủy" bằng tiếng Pa-li đã được liên tiếp triển khai sau đó và đã trở nên vô cùng phức tạp, đa dạng, đồng thời lại mang ít nhiều tính cách trừu tượng và bao quát hơn. Bài viết ngắn của John Blofeld được chuyển ngữ dưới đây sẽ giúp chúng ta hình dung ra phần nào các cách mô tả tánh không trên đây của Đại Thừa Phật Giáo nói chung.

John Blofeld (1913-1987) là một Phật Tử người Anh và cũng là một học giả Phật Giáo uyên bác, đã sống phần lớn cuộc đời mình tại các nước Á Châu như Trung Quốc, Mông Cổ, Tây Tạng, Thái Lan... Ông đã từng tiếp xúc và học hỏi với rất nhiều vị thầy lỗi lạc tại khắp các quốc gia này, và cũng đã qua đời tại Thái Lan. John Blofeld viết bài dưới đây vào thập niên 1960 và bài này đã được bà Odette Germain dịch sang tiếng Pháp và đưa lên một trang

web Phật Giáo khá uy tín là Buddheline (<http://www.buddhaline.net/La-Vacuite,109>).

Trong bài viết đôi khi tác giả cũng nêu thêm một vài ghi chú (được đặt trong hai dấu ngoặc) nhằm giải thích thêm một số sự kiện do chính tác giả đưa ra. Người dịch cũng mạn phép góp thêm một vài lời ghi chú khác với hy vọng có thể giúp người đọc dễ theo dõi bản gốc hơn. Các lời ghi chú này cũng được đặt trong hai dấu ngoặc nhưng bằng chữ nghiêng. Sau phần chuyển ngữ cũng có thêm một vài lời ghi chú mang tính cách tổng quát hơn của người dịch về bài viết này của John Blofeld.

Nếu căn cứ vào sự lý luận lô-gic (sự hữu lý) thì sẽ không thể có bất cứ một thứ gì vừa trống-không lại vừa không-trống-không được, tuy nhiên ngược lại thì bắt buộc chúng ta phải chấp nhận có một thứ gì đó có thể mang hai thể dạng khác nhau. Phật Giáo đưa ra khái niệm về tánh không hầu giúp chúng ta hình dung ra, hay đúng hơn là cảm nhận được, thể dạng phi-nhi-nguyên (non-duality) và đây cũng chính là cốt tủy của tánh không (nhi-nguyên là tính cách đối nghịch giữa chủ thể và đối tượng, tức là giữa người quan sát và đối tượng được quan sát, dù đối tượng ấy là một vật thể hay một sự kiện thuộc ngoại cảnh hay là các tư duy và xúc cảm bên trong tâm thức. Thể dạng phi-nhi-nguyên là một thể dạng cảm nhận của tâm thức khi nó đã loại bỏ được sự đối nghịch giữa chủ thể và đối tượng. Thật ra thì đây cũng là cách định nghĩa đặc thù của Duy Thức Học về tánh không).

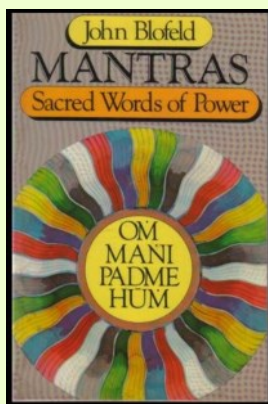
Tánh không (tiếng Phạn là *sunyata*) là cả một sự huyền bí lớn lao, và có thể xem đây là khái niệm nòng cốt của toàn bộ giáo huấn Đại Thừa. Thật thế tánh không đã từng là đề tài cho không biết bao nhiêu tập luận giải. Các bài Kinh cũng đầy ắp những câu gợi ý về tánh không. Thế nhưng tương tự như tất cả những đối tượng cảm nhận mang tính cách màu nhiệm khác, tánh không là một khái niệm mà ta không thể nào mô tả hay định nghĩa được bằng ngôn từ. Thật thế, gần như hầu hết những gì có thể nói ra được đều không mang một giá trị nào cả (đấy chỉ là những quy ước để hiểu ngầm với nhau). Chỉ có một số thật hiếm hoi các nhà thông thái Tây Phương đã tỏ cho thấy là họ có thể hiểu được (trên mặt lý thuyết) ý nghĩa của tánh không là gì. Ngay cả trong các quốc gia Phật Giáo, chỉ trừ một số thật hiếm hoi các nhà thần bí (tức là các vị tu hành cao thâm) là đã từng trực diện được với tánh không trong những lúc họ lắng sâu vào thiền định, ngoài ra thì cũng không có mấy ai đạt được một ý niệm nào về tánh không với ít nhiều chính xác. Đối với số người ít ỏi này nếu họ đã từng đạt được sự hiểu biết phần nào về tánh không thì đấy cũng là nhờ vào khả năng trực giác bẩm sinh của họ, phối hợp thêm với một số kiến thức uyên bác mà họ đã từng học hỏi được từ Kinh Sách (Sutra).

Riêng đối với trường hợp của tôi thì còn lâu tôi mới có thể theo kịp được các vị tu hành thần bí, vì thế khi viết lên những dòng này để nói về họ thì đây cũng chỉ đơn thuần là những sự phỏng đoán mà thôi. Tuy nhiên cũng có hai lý do đã khiến tôi đánh liều

chấp nhận mọi sự rủi ro có thể bị sai lầm. Lý do thứ nhất là nhờ vào một số vốn liếng hiểu biết dù còn thật ít ỏi mà tôi đã góp nhặt được qua các vị thầy Trung Quốc và Tây Tạng đã từng truyền dạy cho tôi, và thật ra thì các sự hiểu biết ấy cũng chỉ giúp tôi vạch ra một vài đường hướng suy tư nhằm mang lại một vài ý nghĩa nào đó dù còn thiếu sót về những gì mà kinh sách muốn trình bày khi đề cập đến tánh không.

Lý do thứ hai khiến tôi phải nói lên là vì tôi nghĩ rằng có một số người Tây Phương đã sai lầm khi họ kết án Phật Giáo là yếm thế, tuy nhiên tôi vẫn tin rằng đây chẳng qua là vì họ đã nhầm lẫn giữa "tánh không" và sự "trống không" giản dị và đơn thuần (tức là không hàm chứa gì cả) - với một ý nghĩa tiêu cực phản ảnh thể dạng hư vô - và cũng chính vì thế nên họ đã cho rằng niết-bàn đồng nghĩa với sự tắt nghỉ (và đây là một sự xúc phạm đến những người Phật Giáo) (đây có thể là một phản ứng vô tình vì sai lầm không hiểu được Phật Giáo một cách đúng đắn, nhưng cũng có thể là hậu ý của một số học giả và của một vài vị tu hành thuộc một vài tín ngưỡng lâu đời của Tây Phương nhằm chống lại Phật Giáo bằng cách bôi nhọ Phật Giáo chủ trương hư vô, khi tôn giáo này đặt chân vào thế giới Tây Phương vào thế kỷ XIX. Đây cũng là lý do thúc đẩy tác giả đã mạnh dạn viết lên bài này để bênh vực cho Phật Giáo. Cũng xin nhắc thêm là tác giả đã viết bài này cách nay nửa thế kỷ, và ngày nay thì tình hình đã khác hơn xưa nhiều). Dù sao tôi cũng không thể khẳng định được rằng tôi đã hoàn toàn thấu triệt đúng những gì các vị thầy tôi đã giảng dạy cho tôi và những gì tôi đã học hỏi được trong Kinh Sách, và hơn nữa trong những lúc thiền định thì tôi cũng chưa bao giờ tiếp cận được với tánh không. Vì thế thiết nghĩ [người đọc] cũng nên giữ một phong cách thận trọng nào đó về những gì tôi viết ra nơi đây, vì đây cũng chẳng khác gì những điều mà một người mù suy đoán ra nhờ vào một người cận thị mô tả cho mình.

Bài Tâm Kinh ngắn (tức là bản kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa tóm lược chỉ gồm vài mươi câu) mà hàng triệu người Phật Giáo Đại Thừa trì tụng hằng ngày bằng tiếng Hán, tiếng Tây Tạng hay tiếng Phạn (có nghĩa là các Phật Tử khắp nơi ở Á Châu tụng niệm hằng ngày) hàm chứa một câu thật chủ yếu, đấy là câu nêu lên thật rõ ràng rằng: "Hình tướng là tánh không và tánh không là hình tướng; hình tướng không khác với tánh không và tánh không cũng không khác với hình tướng". Mặc dù ý nghĩa thâm sâu và đích thật của câu này có thể không được diễn tả một cách thật minh bạch đi nữa, thế nhưng nó cũng đủ để nêu lên cho ta thấy là tánh không là một thứ gì đó hoàn toàn không phải là một thể dạng hư vô đơn thuần. Các lời bình giải thường thấy [từ trước đến nay] về ý nghĩa của câu này không hề có một sự phân tách chính đáng nào giữa sự tuyệt đối và tương đối, giữa hiện thực và những biểu hiện bên ngoài của các hiện tượng, giữa cội nguồn và vũ trụ (chẳng hạn như "người sáng tạo" và những gì đã "được sáng tạo"). Nếu cho rằng không có một sự hiện hữu nào có thể độc lập và mang tính cách tự tại được (tức phải nhờ vào hiện tượng tương liên và tương tạo mà có) thì sẽ chẳng có bất cứ gì là thật cả, đấy chẳng qua là những hiện tượng mang tính cách tạm thời

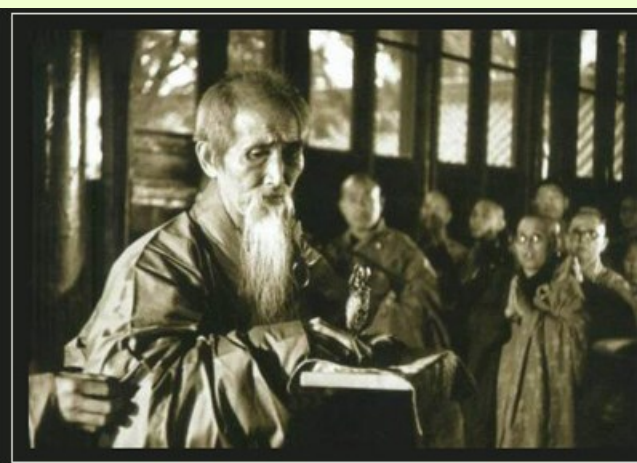


(bởi vì mỗi hiện tượng cũng chỉ là một sự kết hợp của hàng triệu hiện tượng khác và các hiện tượng này thì cũng phù du hơn cả chính nó): thế nhưng tất cả lại hiện ra rất thật. Tóm lại nếu hiểu đây chỉ là những biểu hiện của sự hiện hữu [nói chung] và không hề mang một thuộc tính [cá biệt] nào thì chúng cũng sẽ chỉ là những thứ gì đó không thể nào nắm bắt được (*tức có nghĩa là không thể định nghĩa hay quy định chúng một cách rõ rệt và cố định được, bởi vì chúng luôn chuyển động, hiện ra rồi mất đi, sự chuyển động đó - còn gọi là vô thường - chỉ là biểu hiện bên ngoài và tạm thời của hiện thực*).

Chúng ta hãy thử nêu lên một thí dụ thật thô thiển, chẳng hạn như các gợn sóng trên mặt biển: chúng không hề mang tính cách trường tồn, cũng không hề hàm chứa một sự hiện hữu nào, mà luôn biến đổi trong từng khoảnh khắc một, chúng hoà lẫn vào nhau và biến mất ngay sau đó - thế nhưng có ai dám bảo rằng không có một thành phần nào của các gợn sóng sẽ còn tiếp tục hiện hữu, khi mà biển cả vẫn còn đây? Sự so sánh trên đây không phải là không có kẻ hở, bởi vì một gợn sóng dù xảy ra vào một thời điểm nào thì nó vẫn chỉ là biển cả, dù không phải là toàn bộ biển cả thế nhưng cũng là thành phần của biển cả. Trong khi đó nếu nói đến tánh không thì sẽ chẳng có gì liên hệ với bất cứ một thứ gì nằm trong sự chi phối của các quy luật liên quan đến không gian (*một gợn sóng lệ thuộc vào biển, thế nhưng tánh không thì không liên quan gì đến không gian, dù đây là không gian "trống không"*) vì thế dù chỉ là một hạt "vi thể" thế nhưng nó vẫn có thể biểu trưng cho sự toàn diện ("*một chút*" tánh không hay "*toàn thể*" tánh không thì cũng chỉ là "*tánh không*", "*một chút*" hiện thực cũng là toàn bộ "*hiện thực*", một "*hạt cát*" cũng là toàn thể "*vũ trụ*", các hiện tượng cũng chỉ là những biểu hiện bên ngoài và tạm thời của một sự "*hiện hữu*" chung). Chính vì thế mà những người Trung Quốc (nên hiểu là các vị đại thiền sư Trung Quốc trong quá khứ) thường chọn cách so sánh hình ảnh mặt trời phản chiếu trong nước chứa trong các chậu, bình, hay ao hồ khác nhau. Huai-Hai (Huệ Hải - còn gọi là Đại Châu Huệ Hải - một vị đại thiền sư Trung Quốc, 720-814) có nói rằng: mỗi chậu, bình hay ao hồ đều chứa đựng một mặt trời (*mặt trời phản ảnh trong nước*), mỗi [hình ảnh] mặt trời ấy đều nguyên vẹn và giống [như đúc] với mặt trời trên không trung..., thế nhưng mặt trời trên không trung lại không hề bị sút mẻ (*giảm bớt đi*) một chút nào".

Vị thiền sư nói lên câu trên đây cũng đã từng đề cập đến sự Giác Ngộ và xem đây như là "sự thực hiện được thực thể của hình tướng và cả tánh không" (*quán nhận được bản chất của hình tướng và cả của tánh không chính là sự Giác Ngộ*). Thế nhưng trong một đoạn khác thì vị này cũng lại cho biết là có hai thứ tánh không khác nhau: một thứ liên hệ đến những gì "không-tánh-không" và một thứ khác là "tánh-không-tối-hậu" vượt lên trên tính cách nhị nguyên giữa tánh-không và không-tánh-không (*non-emptiness* / *non-emptiness*). Thật hết sức hiển nhiên: tánh không mà một vị thần bí (*một người tu tập cao thâm*) nhận biết trước hết qua kinh nghiệm cảm nhận của mình là thứ tánh không thứ nhất trong hai thứ tánh không trên đây (*tức là thể dạng không-tánh-không*), bởi vì vị này đã đạt được tánh không đó bằng một thể dạng tri thức "thông thường" tức là thể dạng thường xuyên chi phối bởi "không-tánh-không" (*tức là thể dạng tri thức nhận biết được hình tướng hay những biểu hiện bên ngoài của mọi hiện tượng, nói cách khác là một thể dạng tri thức luôn hiện ra chủ thể và đối tượng*), và sau khi đã thực hiện được những kinh nghiệm cảm nhận thần bí (*giúp mình cảm nhận được "tánh-không-tối-hậu"*) thì vị ấy mong đợi sẽ có thể tìm trở lại được thể dạng trước đó (*tức là thể dạng không-tánh-không do tri thức "thông thường" cảm nhận được trong giai đoạn trước khi cảm nhận được tánh không đích thật*). Vậy làm thế nào vị ấy có thể tránh khỏi không so sánh thể dạng tánh-không (*tối hậu đạt được bằng thiền định*) với thể dạng không-tánh-không xảy ra trước đó vẫn còn tiếp tục theo đuổi vị ấy? Dù sao nếu kinh nghiệm cảm nhận của vị ấy đủ sâu xa thì vị ấy cũng có thể vượt lên trên cả sự thiền định của mình để đạt được một thể dạng thật cao siêu mang lại một niềm tin tuyệt đối rằng tánh-không và không-tánh-không không phải là một sự [hiển hiện] luân phiên (*chuyển tiếp từ thể dạng này sang thể dạng khác*), bởi vì cả hai thể dạng ấy chẳng những cùng kết chặt với nhau mà còn hoàn toàn giống hệt như nhau (*cách biện luận của John Blofeld thật tinh tế, giúp chúng ta liên tưởng đến tính cách "Đa Dạng" và "Nhất Nguyên" hay "Hình Tướng" và "Tánh Không" của hiện thực, tất cả những thứ này cũng chỉ biểu trưng cho hiện thực đơn thuần và bất khả phân, không phải là một sự hoán chuyển từ thể dạng này sang thể dạng khác*).

[Thế nhưng] chính ở điểm ấy tính cách lô-gic đã phản bội lại chúng ta. Nếu căn cứ trên phép lý luận lô-gic thì không thể nào lại có thể có sự trống-không và không-trống-không trong cùng một lúc được, nếu không thì trên một khía cạnh nào đó phải chấp nhận có một thứ gì đó có hai thể dạng khác nhau. Người Tây Phương thường được rèn luyện theo cách lý luận lô-gic, vì thế nên họ rất dễ bị rơi vào tình trạng hiểu biết mang tính cách nhị nguyên nhiều hay ít. Dù cho họ có sẵn sàng chấp nhận trên phương diện trừu tượng là sự trống-không và không-trống-không thật sự chỉ là một thứ như nhau đi nữa, thế



"The Venerable Hsu Yun, abbot of Nan Hua Monastery in North Kwangtung, China, who was believed to be well over a hundred years old, though still able to walk as much as thirty miles a day. He was renowned all over China as the greatest living Master of Zen."

~ John Blofeld, from "The Wheel of Life."

nhưng nền giáo dục mang nặng tính cách lô-gic mà họ được thừa hưởng đã tạo ra nhiều gò bó trong sự suy nghĩ khiến cho họ khó tránh khỏi phải hình dung ra hai thể dạng khác nhau của hiện thực - đấy là tánh-không và không-tánh-không - và dù nếu chúng có tách rời nhau thì đấy cũng chỉ có tính cách tạm thời và chỉ ở vào một mức độ nào đó mà thôi. Một người A Đông bình thường cũng vẫn có thể gặp phải các khó khăn này, bởi vì kinh nghiệm cảm nhận của người này trong thể dạng "thần bí" (tức đạt được tánh không bằng thiền định) khác với kinh nghiệm cảm nhận của mình trong thể dạng "thông thường" (tức cảm nhận được thể dạng không-trống-không): thế nhưng người này nhờ vào khả năng suy luận ít bị nhào nặn bởi nguyên tắc lô-gic của người Tây Phương hơn nên cũng sẽ có thể chấp nhận dễ dàng hơn rằng sự trống-không và không-trống-không, trên phương diện trí thức, cũng chỉ là một thứ như nhau và cùng hiện hữu chung với nhau: nhờ đó đến khi luyện tập để thực hiện sự cảm nhận thần bí về tính cách nhất nguyên của hai thể dạng (trống-không và không-trống-không) thì người này cũng sẽ gặp ít khó khăn hơn.

Người ta có thể bảo rằng Huệ Hải, vị thiền sư mà tôi đã nói đến trên đây, cũng đã rơi vào sự sai lầm nhị nguyên khi vị này cho rằng có hai thứ trống-không: thế nhưng tôi vẫn tin rằng trường hợp của Huệ Hải không giống như như trường hợp của các người khác, bởi vì không thể nào có thể nghĩ rằng vị ấy lại có thể phạm vào một lỗi lầm quá ư thô thiển đến thế (tuy nhiên biết đâu ông ta cũng có thể là một nạn nhân của sự sai lầm đó?). Dù sao thì cũng thật hết sức rõ ràng khi Huệ Hải nêu lên sự phân biệt ấy (tức là có hai thứ tánh không) thì đây cũng chỉ là một hình thức chủ quan nào đó: bởi vì tánh-không chỉ tương kết với không-tánh-không trong tâm thức của những người hội đủ khả năng hoán chuyển được cả hai thể dạng là: thể dạng tri thức nhận thức được tất cả là không-tánh-không và thể dạng tri thức nhận thức được tất cả là tánh-không, thế nhưng cùng một thứ tánh-không ấy dưới thể dạng đích thật của nó (tức là tánh không đúng nghĩa hay đích thật) thì nó luôn độc lập với phương cách mà nó được cảm nhận (như là một đối tượng) cũng như đối với người đã cảm nhận được nó (như là một chủ thể), và lúc nào nó cũng vượt lên trên mọi sự phân biệt giữa "trống-không" và "không-trống-không" (câu này có nghĩa là tánh-không và không-tánh-không do Huệ Hải nêu lên chỉ mang tính cách chủ quan trong tâm thức ông, tánh không đích thật vượt lên trên cả hai thể dạng này).

Dù chỉ hiểu được giáo lý về tánh không một cách thật mơ hồ đi nữa - chỉ cần không hiểu sai là được! - thì cũng đủ để giúp chúng ta không đánh giá Phật Giáo như một tín ngưỡng yếm thế (có nghĩa là Phật Giáo không hề chủ trương hư vô). Làm thế nào mà cái chết và sự tắt nghỉ lại có thể khiến gây ra một sự đau buồn khi mà tuyệt nhiên chẳng có bất cứ một thứ gì [hiện hữu thật sự] để mà chết hay bị hủy diệt? Cho đến khi nào chúng ta vẫn khẳng định rằng chúng ta thực sự là những thực thể mang tính cách cá biệt, đang gánh chịu sự sinh, sự tăng trưởng, sự suy thoái và cái chết, thì khi đó chúng ta cũng sẽ có đầy đủ lý do để mà rơi nước mắt. Thế nhưng khi nào mọi sự bất thần hiện ra một cách minh bạch (nhờ vào các phương pháp thiền định đúng đắn) rằng "tôi" không phải là "tôi", và tri thức của mỗi cá thể thật ra không hề mang một tính cách cá thể nào cả, và đồng thời thì nó cũng tự nhận



Biển Đồi Phôi Pha

*Màu tan nhạt thêch lòng người
Ngày tan sóng lặng biển đời phôi pha
Thu tàn đông cũng vội qua
Xuân sang hè đến nắng mưa đôi dờ.*

Bông Hoa Mặt Trời

*Hoa nở lúc mặt trời lên
Không hoa trời cũng buồn tênh cõi lòng
Tương quan trong lẽ sinh tồn
Có hoa có cả ánh hồng ban mai.*

Hoa Cuối Mùa

*Sự đời muôn việc cho qua
Thị phi nhơn-ngã như hoa cuối mùa
Việc người lắm chuyện tranh đua
Giữ lòng thanh tịnh, hơn-thua nhẹ nhàng.*

Quê Nghèo

*Quê nghèo hết nắng lại mưa
Người quen đi mãi vẫn chưa thấy về
Gió lay trúc đổ bụi hè
Nhiều năm vắng bạn suối khe cũng cạn dòng.*

Bôn Mùa Đi Qua

*Mùa xuân hoa nở nét kiêu sa
Hạ đến âm vang cuộc gọi hè
Thu gọi lòng người theo sắc lá
Đông về se sắt mảnh hồn quê.*

thơ KHA NGUYỆT

diện được mình là một thể dạng tri thức rạng ngời, hiện hữu một cách độc lập, không đối tượng (*không mang một chủ đích nào*), và chính nó cũng chỉ là sự hiện hữu chung của toàn thể vũ trụ - không sinh, không tử, không hề được sáng tạo (*incréé / uncreated / không hề được tạo dựng, tức hàm ý là không hề được sáng tạo bởi một vị tối cao nào cả*) cũng không hề bị hủy diệt - thì khi đó cả thể ấy cũng sẽ có thể cười vào mặt ý nghĩ về cái chết, dù đấy là cái chết của mình hay của bất cứ một người nào khác. Dù sao thì cũng phải chấp nhận rằng cũng có nhiều người bám víu vào sự sống này, tất nhiên là một sự sống mang đầy những thứ bất toại nguyện, và đồng thời tin vào thực thể của "cái tôi" của chính họ, khẳng khái đến độ có thể nói rằng ý nghĩ sẽ bị biến mất vào cõi vô tận (*chết*) không đáng cho họ quan tâm bằng chính niềm tin vào sự hiện hữu mang tính cách cá thể này (*tức cái tôi*) của họ (*đang có*), và họ chỉ ước mong sao cho sự hiện hữu này (*cái tôi của họ đang có*) phải trường tồn dù là dưới hình thức này hay hình thức khác, chỉ cần một điều kiện duy nhất là phải vĩnh viễn mà thôi (*có nghĩa là họ chỉ muốn được sống mãi không bao giờ chết, dù dưới thể dạng linh hồn hay vong linh, dù trong thể giới này hay một cõi nào khác cũng được. Chỉ khi nào phải đối đầu với những trường hợp tuyệt vọng và không còn chủ động được tâm thức của mình nữa thì khi đó mới này ra ý định "muốn" tự tử cho rồi. Đối với những người luôn bám víu như thế sẽ rất khó cho họ có thể hiểu được tánh không là gì*). Hãy cứ cho rằng ngay trong lúc này [nếu] chúng ta đang hiện hữu với tư cách là những cá thể [cá biệt], thì tất nhiên chúng ta sẽ phải lo sợ vì đặc tính cá thể ấy cũng sẽ bị mất đi vào một lúc nào đó (*chết*) và vì thế cũng sẽ khó cho chúng ta tránh khỏi lo âu: thế nhưng đối với một nhà thần bí (*tức một người tu tập*) cao thâm thì người này sẽ hiểu rằng qua kinh nghiệm cảm nhận sống thực của mình (*tức là khi đã đạt được tánh không*) thì không hề có một nhân dạng mang tính cách cá thể (*individuality*) nào hiện hữu cả, do đó ý nghĩ bị mất đi đặc tính cá thể (*hay nhân dạng, hay cái tôi*) của mình cũng sẽ hoàn toàn không hàm chứa một ý nghĩa nào cả. Tất cả những gì mà chúng ta có thể bị mất đi - trong kiếp sống này hay trong kiếp sống tương lai - ấy chỉ là các thứ ảo giác vô nghĩa phát sinh từ sự mong muốn được hiện hữu dưới những hình thức cá thể ("*cái tôi*" hay cái "*của tôi*"). Nếu hiểu rằng các thứ ảo giác ấy chính là nguyên nhân tạo ra đủ mọi thứ bất toại nguyện cũng như hầu hết các nỗi khổ đau trong cuộc sống, thì còn có niềm hạnh phúc nào có thể to lớn hơn khi đánh mất nó!

Nếu tôi phải đưa bài viết ngắn này cho một trong số các vị thầy Tây Tạng hay Trung Quốc của tôi xem thì biết đâu vị này cũng sẽ có thể bảo tôi rằng: "Hãy xé bỏ nó đi! Đấy chỉ là những thứ biện luận triết học làm mất thì giờ vô ích cho mi và cho cả người khác, toàn là những thứ luận bàn vô ích về những gì mà Kinh Sách gọi là tánh không! Hàng chục pho sách bàn về chủ đề ấy cũng không giúp cho mi hay cho người khác đạt được một sự hiểu biết đúng đắn hơn. Cái tánh không ấy hiện đang nằm trong tâm thức của chính mi đấy và cả trong cùng khắp mọi nơi. Điều cần làm là phải cảm nhận được nó. Hãy chấm dứt ngay cái trò viết lách và tìm tòi trong sách vở, và phải trực tiếp tìm cách thực hiện sự cảm nhận ấy ngay đi".

Tôi nghĩ rằng khi nêu lên lời khuyên này tất sẽ

khiến cho nhiều người phải mỉm cười: bởi vì ngay cả những vị thầy uyên bác nhất cũng đều phải đi đến chỗ cần phải viết ra hay nói ra - dù chỉ vừa đủ để giúp cho các đệ tử của mình ý thức được là có một kho tàng cần phải khám phá nếu không thì tất sẽ khó để giúp cho họ tránh khỏi tình trạng đánh mất hết năm tháng của đời mình mà không hề nghĩ đến việc phải tìm kiếm cho bằng được cái kho tàng ấy.

Tuy nhiên phải nói rằng chưa bao giờ tôi được nghe thấy bất cứ một vị thầy nào của tôi tự nhận rằng mình có thể định nghĩa được tánh không là gì (*tất nhiên là như thế, bởi vì đấy chỉ là một kinh nghiệm cảm nhận trong tận cùng của tâm thức họ, cái cảm nhận ấy không thể mô tả bằng lời được*). Họ chỉ quan tâm duy nhất đến trọng trách phải làm thế nào để có thể đưa ra các phép luyện tập giúp cho bất cứ một người đệ tử nào nếu cần mãi cũng đều có thể tự mình khám phá ra tánh không bằng cách vượt thoát khỏi những ranh giới chật hẹp của sự lý luận lô-gic, luôn bị vướng mắc trong mọi thứ khái niệm và nguyên tắc nhị nguyên, hầu giúp cho họ hòa nhập vào bầu không gian vô biên của sự cảm nhận đơn thuần.

Các phương pháp luyện tập của người Tây Tạng nhằm giúp mang lại sự cảm nhận trên đây thật hết sức đa dạng. Sự đa dạng ấy là một cách thích nghi với các loại chương ngại (*ngăn chặn việc luyện tập*) cũng rất đa dạng. Các chương ngại này sở dĩ rất đa dạng là vì trí thông minh, các khả năng bẩm sinh cũng như kinh nghiệm của các người tu tập rất khác biệt nhau. Tuy nhiên hầu hết các phương pháp trên đây đều có một căn bản khá giống nhau, đấy là cách chuẩn bị cho tâm thức vươn lên nhờ vào phép thiền định dựa vào cách thường xuyên trì tụng câu kinh man-tra (*chữ man- có gốc từ chữ Phạn manas, có nghĩa là "tâm thức"; chữ -tra có gốc từ chữ Phạn traya, có nghĩa là "bảo vệ" hay "che chở". Các câu man-tra là các câu trì tụng mang tính cách thiêng liêng của Kim Cương Thừa - còn gọi là Tan-tra Thừa - nhằm che chở tâm thức của người tu tập*) mang ý nghĩa như sau: "tánh không là bản chất của tất cả mọi thứ *dharma* (tất cả mọi đối tượng, khái niệm, v.v...) (*nói một cách tổng quát hơn là tất cả mọi hiện tượng*) và chính tôi thì tôi cũng chỉ là bản chất ấy của tánh không". Cách lập đi lập lại thường xuyên câu man-tra trên đây sẽ mang lại một sức mạnh thật lớn - dù để có thể giúp loại bỏ được các chương ngại hiện ra trong cuộc sống của những ai chỉ biết nhìn vào thể giới hiện tượng qua những biểu hiện bên ngoài (*tức là những thể dạng biến động và vô thường*) của nó. Hầu hết các phương pháp trên đây còn đưa ra một phép luyện tập thiền định khác nữa, đấy là cách nhìn vào các biểu đồ để quán tưởng. Một loạt nhiều loại biểu đồ được chọn sẵn để người tu tập quán nhìn vào đấy, càng quán nhìn thường xuyên và càng quán thấy các biểu đồ ấy minh bạch hơn thì hiệu quả mang lại sẽ càng nhiều hơn. Các biểu đồ này sẽ tuần tự hòa nhập vào nhau và sau đó sẽ hòa nhập với chính người hành thiền, và người hành thiền thì cũng hướng vào các biểu đồ ấy để hòa nhập với chúng. Quá trình hòa nhập và thu hẹp tuần tự ấy (*các biểu đồ hòa nhập vào nhau và người hành thiền cũng hòa nhập vào đấy và tất cả thu nhỏ dần*) tiếp diễn cho đến khi nào chỉ còn lại một điểm bé tí xíu và sau cùng thì chính điểm này cũng sẽ tan biến vào tánh không. Tất nhiên là quá trình trên đây không phải dễ thực hiện nếu người tu tập chưa hội đủ khả năng để chủ động thật cao độ tâm thức mình. Tuy

nhien trong giai đoạn đầu khi mới luyện tập thì cũng chỉ cần đạt được một chút kết quả thật nhỏ cũng đủ để giúp người tu tập suy đoán ra những gì sẽ còn phải thực hiện thêm sau này.

Tất nhiên tất cả mọi sự nhận biết được tánh không dù bằng cách trực tiếp (*quán nhân bằng thiền định*) hay gián tiếp (*bằng cách học hỏi*) cũng đều mang lại lợi ích. Nếu một người tu tập dựa vào kinh nghiệm của chính mình (*thiền định*) quán nhận được tất cả mọi sự vật (tất nhiên trong đó gồm có cả cái tôi của chính mình) đều vô thường và chỉ có một giá trị tương đối thì người ấy cũng sẽ loại bỏ được mọi sự bám víu vào các thứ hình tướng (*bên ngoài*) và các ý nghĩ (*bên trong tâm thức*) vì chúng chỉ là trống không. Đây cũng là điều kiện sơ đẳng và tiên quyết nhất góp phần mang lại mọi sự thăng tiến tâm linh sau này. Người ấy sẽ cảm thấy mình được giải thoát khỏi những gì chi phối và trói buộc mình. Cách nhìn của người ấy về tất cả mọi sự vật trong cuộc sống cũng sẽ theo đó mà hoàn toàn thay đổi hết. Mọi sự tham lam, thèm muốn, ích kỷ, lo buồn, sợ hãi sẽ không còn có thể kiềm tỏa và trói buộc người ấy được nữa: bởi vì khi đã vượt thoát khỏi mọi chướng ngại thì người ấy sẽ thanh thản bước vào con đường hướng đến Giác Ngộ. Đề cập đến chủ đề tiếp cận với tánh không cũng chính là một cách nêu lên các kinh nghiệm cảm nhận thuộc vào một lãnh vực vô cùng thiêng liêng, chẳng qua là vì tánh không có thể ví như chất liệu (*matrice / matrix / chất liệu hay khuôn đúc*) kiến tạo ra sự hiện hữu, là khuôn mẫu của hiện thực tối hậu, nơi đó quá khứ và tương lai, những gì thật gần hay thật xa, sự Nhất Thể hay Đa Dạng..., tất cả đều bị loại bỏ, không còn bất cứ gì tồn lưu để có thể ngăn chặn những tia sáng rạng ngời của Sự Thật. Ở cấp bậc hiện tại chúng ta vẫn còn trông thấy tính cách Nhất Nguyên xuyên qua khía cạnh Đa Dạng (*nhìn thấy các hiện tượng Đa Dạng và hình dung ra hay suy ra tính cách Nhất Nguyên của chúng*), thế nhưng vào một cấp bậc cao hơn (khi tánh không đã giảm xuống) (*tức là khi đã thăng tiến trong việc luyện tập thiền định thì sẽ nhìn thấy sự biến động và ảo giác của mọi hiện tượng giảm bớt và lắng xuống*) thì chúng ta sẽ thấy được sự Đa Dạng dưới khía cạnh Nhất Nguyên (*trông thấy tất cả mọi hiện tượng đều nhất thể*). Khi nào mục đích đã hoàn toàn đạt được thì cả hai khía cạnh ấy (*tức là Đa Dạng và Nhất Nguyên*) sẽ hiện ra dưới thể dạng vô tận của chúng, một thể dạng vượt lên trên mọi sự phân biệt (*không phải là Đa Dạng mà cũng chẳng phải là Nhất Nguyên*) - một thể dạng thật kỳ diệu và thánh thiện vượt khỏi mọi ngôn từ và tư duy (*tức có nghĩa là đạt được Tánh Không Tối Thượng hay sự Giác Ngộ*).

Vài lời ghi chú của người dịch

Điểm đáng chú ý trước nhất trong bài viết của John Blofeld trên đây là ông đã xác nhận rằng chính ông cũng "chưa bao giờ tiếp cận được với tánh không" Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì khi nào chúng ta vẫn còn hướng vào tánh không như một đối tượng



để tìm hiểu nó, để tiếp cận với nó thì khi đó chúng ta cũng sẽ chẳng bao giờ thành công được, bởi vì chúng ta vẫn còn vướng mắc trong thể dạng nhị nguyên. Dù sao thì sự thú nhận trên đây của tác giả cũng đã chứng tỏ ông là một người thành thật và đồng thời cũng cho thấy một sự mâu thuẫn nào đó của ông đối với những gì ông trình bày về tánh không trong phần cuối của bài viết.

Ngoài ra ông cũng nhận thấy rằng trong số các vị tu hành thâm sâu và cả các vị thầy uyên bác của ông, không có một vị nào tự nhận mình "có thể giải thích được tánh không là gì, mà họ chỉ cố gắng tìm mọi cách để đưa ra các phép luyện tập giúp các môn đệ của họ tự thực hiện cái tánh không ấy cho chính mình". Thật thế, đối với những người đã từng thực hiện được tánh không thì họ cũng không thể nào tìm được các ngôn từ thích nghi để mô tả nó. Tánh không thật ra chỉ là một kinh nghiệm cảm nhận thật bao la và sâu kín, tỏa rộng trong tâm thức vô biên của mỗi cá thể. Do đó không thể nào có một ngôn từ quy ước, công thức và cụ thể nào có thể giúp để hình dung ra được nó.

Điểm đáng chú ý thứ hai là tác giả đã nêu lên sự khác biệt giữa hai nền giáo dục Tây Phương và Á Đông và cho rằng một người Tây Phương vì chịu ảnh hưởng nặng nề của sự suy luận lô-gic đặc thù của Phương Tây nên đã gặp nhiều khó khăn hơn khi phải vượt qua tính cách nhị nguyên - tức là phải loại bỏ được chủ thể và đối tượng - để có thể quán nhận được tính cách nhất nguyên của hiện thực. Thật ra thì giáo dục nói chung không hẳn - hay ít ra cũng không phải là nguyên nhân duy nhất - mang lại những khó khăn ấy, bởi vì khả năng quán thấy và lĩnh hội của mỗi cá thể còn tùy thuộc vào khả năng suy nghĩ trừu tượng và sự suy luận liên kết với thật nhiều dữ kiện trong cùng một lúc. Nếu nhìn xa hơn nữa thì cũng sẽ thấy rằng các khả năng này còn tùy thuộc vào nghiệp sẵn có của mỗi cá thể.

Điểm đáng chú ý thứ ba là tác giả đã nhấn mạnh đến tính cách "siêu nhiên" và "thần bí" của tánh không, và đồng thời ông cũng đã nhìn vào các vị tu hành thâm sâu và các vị thầy uyên bác của ông như là những vị "thần bí". Thật thế, từ nguyên thủy nếu Đạo Pháp của Đức Phật càng mang tính cách thực dụng, minh bạch và chính xác bao nhiêu thì sau này trên dòng tiến hóa lịch sử và song song với sự hình thành của Phật Giáo Đại Thừa, lại càng biến đổi bấy nhiêu để rồi mang thêm một vài nét "thiên thiêng liêng" và "trừu tượng" nào đó. Khái niệm về tánh không tất nhiên cũng không tránh khỏi trường hợp này, tức có nghĩa là từ nguyên thủy tánh không là một đối tượng cho việc thiền định và là một phương tiện giúp đạt được sự giải thoát, thì nay lại chuyển thành bản chất của mọi hiện tượng trong vũ trụ và trong tâm thức của mỗi con người. Hơn nữa, Đạo Pháp của Đức Phật - từ nguyên thủy được gọi là *Dharma* - cũng đã biến đổi dần để trở thành một tôn giáo.

Trong *Bài Kinh ngắn về Tánh Không (Culasunnata-sutta)* giảng về tánh không, Đức Phật đã nêu lên bày giai đoạn thiền định, từ các cấp bậc thô thiền thẳng dẫn lên thể dạng tánh không tối thượng. Bày giai đoạn này như sau:

- cảm nhận gian nhà, ngôi làng và khu rừng, tất cả đều vắng lặng và trống không
- cảm nhận mặt đất bằng phẳng, không núi đồi, sông ngòi, cây cỏ
- cảm nhận bầu không gian vô tận và trống không
- cảm nhận sự toả rộng của tri thức vô biên trong tâm thức của người hành thiền
- cảm nhận sự vắng lặng và trống không của hư vô
- cảm nhận sự kiện không cảm nhận của chính mình
- cảm-nhận-không-cảm-nhận hay thực hiện được "tánh không tối thượng không có gì vượt hơn được"

Trong giai đoạn tột cùng tức là cấp bậc thứ bảy, Đức Phật chỉ nói đây là "tánh không tối thượng" nhưng không mô tả nó là gì. Sau một đêm thiền định dưới cội Bồ-đề, Đức Phật đạt được Giác Ngộ, thế nhưng Ngài cũng không mô tả sự Giác Ngộ ấy là gì mà chỉ phân vân tự hỏi con người bình dị của thời bấy giờ có đủ sức để thấu triệt được sự khám phá ấy của Ngài hay không?

Thật vậy cái "tánh không tối thượng" ấy không thể nào có thể mô tả hay giải thích một cách trung thực bằng các ngôn từ quy ước được. Nếu như Đức Phật cứ nói ra thì biết đâu chẳng những không ai hiểu được mà còn có thể mang lại cho người nghe đủ mọi thứ nghi ngờ đưa đến sự tranh cãi. Chẳng phải là Kinh Hoa Sen đã từng thuật lại là một số đông đảo các đệ tử và thánh chúng đã bỏ ra về khi họ không hiểu được những lời giảng của Đức Phật trên đỉnh Linh Thứu hay sao? Trí thông minh và các ảnh hưởng từ giáo dục, văn hóa, cũng như các tác động của xung năng và tác ý chi phối bởi nghiệp, luôn vận hành trong tâm thức của mỗi cá thể sẽ không cho phép họ hiểu được - hay ít ra là không hiểu giống nhau - "tánh không tối thượng" mà Đức Phật đã khám phá ra. Khi thắc mắc phát sinh thì hoang mang tất sẽ chi phối, và sự tranh biện cũng sẽ khó tránh khỏi, và biết đâu do đó Đạo Pháp cũng có thể đã mai một từ lâu chẳng?

Sự yên lặng của Đức Phật và tính cách thiêng liêng trong Giáo Huấn của Ngài chính là chiều sâu và sức sống của Đạo Pháp giúp Đạo Pháp luôn trường tồn và sinh động. Nói thế không có nghĩa là phủ nhận mọi cố gắng của Đại Thừa, bởi vì các nỗ lực nhằm tìm hiểu, giải thích cũng như các phương pháp "cụ thể hóa" tánh không của các tông phái và học phái Đại Thừa qua hơn hai ngàn năm cũng đã góp phần không nhỏ giúp cho Đạo Pháp trở nên phong phú hơn.

Tuy nhiên một đôi lần Đức Phật cũng đã từng nói với các đệ tử thật thân cận của Ngài là Xá-lợi-phất và A-nan-đà rằng Ngài luôn thường trú và trải qua cuộc đời mình trong cõi tánh không. Điều này cho thấy rằng tánh không không hề hủy hoại sự hiện hữu, trí sáng suốt và nỗ lực phi thường của một con người, và nhất là không hề biến một cá thể trở thành hư vô. Tánh không chỉ xóa bỏ những gì ô nhiễm của những thứ hư cấu phát sinh từ các xung năng của một cá thể.

"Tánh không tinh khiết và tối thượng" ấy không hề thụ động mà đúng hơn rất tích cực. Nó xóa bỏ tất cả mọi hiện tượng trong thế giới, mọi xung năng thúc đẩy thế giới phải chuyển động. Nó xóa bỏ mọi hình tướng trên thân xác, dù đây là những hình tướng xinh đẹp hay thô kệch, duyên dáng hay vụng về, béo phì hay gầy gò. Nó xóa bỏ các vết thương,

bệnh tật, mùi hôi, lông tóc, đờm dãi, phèo phổi, màng nhầy, mù máu, nước mắt và cả những nụ cười bật lên hăng hắc, ngổ ngẩn, hồn nhiên hay vui tươi. Nó xóa bỏ cả những hành động hung hăng hay thân ái, những ngôn từ ti tiện, lừa phỉnh, độc ác, bịa đặt hay dịu dàng, nhân hậu, hòa nhã và tràn ngập yêu thương. Nó xóa bỏ ngũ giác và mọi cảm nhận như thích thú, ghét bỏ và mọi thứ cảm tính toại nguyện, bất toại nguyện hay trung hòa, luôn tìm cách khơi động và thúc dục sự thèm muốn và ghét bỏ của bản năng. Nó xóa bỏ mọi xung năng, tư duy và tác ý, mọi đau buồn, khổ nhọc, hận thù, vui sướng, hân hoan, yêu thương, hờn giận, tiếc nuối. Nó xóa bỏ những ý đồ đen tối, những mưu mô biển lận và cả những ý nghĩ nhân hậu, chân thật và tử bi.

Tóm lại tánh không xóa bỏ cả cái tốt lẫn cái xấu, tất cả các hình tướng và những sự chuyển động của chúng trong thế giới kể cả năm thứ ngũ uẩn của một cá thể. Nó tẩy sạch mọi thứ ô nhiễm trên dòng chảy liên tục của tri thức, không có một vết hằn nào của nghiệp có thể còn tồn lưu, không còn một tác ý nào được sinh ra, không còn một sự tạo dựng nào được hình thành. Dòng tri thức đó tuy vẫn tiếp tục luân lưu, thế nhưng thật tinh khiết, nhẹ nhàng và trong suốt, trong hơn cả không gian vô tận, nhẹ hơn cả hư vô, tinh khiết hơn cả tánh không, bởi vì cái tri thức đó đã trở thành chính "tánh-không" của "tánh-không".

Khi dòng tri thức đã trở thành "tánh-không-của-tánh-không" hay nói cách khác là đã được thay thế bởi thể dạng "tánh không tối thượng không có gì vượt hơn được" do chính Đức Phật nêu lên trong một bài kinh thật ngắn là *Culasunnata-sutta*, thì cũng sẽ không còn bất cứ một chút tồn dư nào để có thể giúp ý thức được tính cách Đa Dạng hay Nhất Nguyên của mọi hiện tượng, hay để cảm nhận được thế nào là Phật Tính, Bản Thể của Phật, Như Lai Tạng, Hiện Thực, Chân như, Thực Tại, Niết Bàn, Tánh Không... và kể cả Tánh-Không-của-Tánh-Không, bởi vì tất cả các thuật ngữ ấy cũng chỉ đơn giản là những tên gọi mà thôi.

Tuy nhiên phía sau tất cả những thứ ấy và bên trong cái "tánh-không-của-tánh-không" ấy dường như vẫn còn lưu lại một nụ cười, một nụ cười thật trầm lặng của một Vị Phật đã ngồi yên hơn hai mươi lăm thế kỷ trên dòng luân lưu của tâm thức của mỗi chúng ta để chờ đợi chính chúng ta hôm nay.

Bures-Sur-Yvette
Hoang Phong chuyển ngữ



Tặng một vàng trắng

Tác giả: **LÂM THANH HUYỀN**

Dịch giả: **PHẠM HUỆ**

Một vị thiền sư nọ cất túp lều tranh trong rừng sâu sống ẩn dật tu luyện không tranh đua với đời. Thiền sư tiếp xúc với cỏ cây nhiều hơn con người cho nên tâm hồn ông rất thanh thản vô vi. Một đêm trăng sáng vắng vạc, ông đi dạo chơi trong núi, giữa khung cảnh thanh tịnh huyền ảo đó, ông đột nhiên khai ngộ ra tự tính bất nhả đã tiềm ẩn từ lâu trong người.

Nhà sư vui mừng rảo bước ra về, không ngờ nơi ông tu hành đang có sự viếng thăm của một kẻ trộm. Tội nghiệp cho tên trộm, hẳn không tìm thấy được vật gì quý giá trong túp lều tranh đành thất thểu bước ra thì chạm mặt nhà sư. Thật ra thì nhà sư đã về đến nhà từ lâu nhưng ông ngại sẽ làm cho tên trộm giật mình, vì vậy ông đã nấn ná phía bên ngoài đợi cho tên trộm bước ra, tay ông cầm sẵn chiếc cà-sa bạc màu mà ông đã mặc nhiều năm trên người. Tên trộm hơi ngỡ ngàng chưa biết phải làm sao thì nhà sư đã lên tiếng:

- Con lặn lội đường xa đến thăm, ta không nỡ để con ra về tay không. Trời về khuya gió lạnh, con hãy cầm đỡ tấm cà sa này xem đó như một món quà nhỏ của ta tặng.

Nói xong ông khoác chiếc cà-sa cũ lên người tên trộm, con người đáng thương cảm thấy ngỡ ngàng, hẳn lẩm lõi ra đi mà không nói được một lời.

Nhìn theo kẻ trộm dần dần khuất vào bóng đêm, nhà sư thở dài lẩm bẩm:

- Hỡi kẻ đáng thương, ta ước gì có thể tặng cho con một vàng trắng sáng vắng vạc của đêm nay.

Nhà sư không tặng được vàng trắng cho tên trộm cho nên ông cảm thấy xốn xang. Trong đêm sáng trăng thanh tịnh này, không có gì đẹp và thanh khiết cho bằng ánh trăng. Khi ông muốn mang ánh trăng tặng cho người khác, ngoài cái đẹp của sự vật, còn có một ý nghĩa trong sạch và thanh thoát cho tâm hồn. Từ ngàn xưa, những vị Đại Đức của Thiền Tông thường dùng ánh trăng để tượng



trưng cho tự tính của con người, lý do là vắng trăng đêm mang ánh sáng dịu dàng, bình đẳng chiếu sáng khắp nơi. Làm thế nào để tìm cho được một ánh trăng sáng trong tâm hồn thường là mục tiêu của người theo đạo Thiền. Dưới mắt của nhà sư, kẻ trộm kia bị dục vọng làm mờ đôi mắt, cũng như vàng trắng sáng bị mây đen che phủ. Một con người không tìm được hướng đi, không tự chiếu sáng lấy mình, chính là một điều vô cùng bất hạnh.

Sáng hôm sau, khi ánh bình minh đánh thức ông dậy, nhà sư mở mắt ra thì thấy tấm áo cà sa đã được xếp ngay ngắn đặt bên cạnh từ lúc nào. Nhà sư cảm thấy vui mừng hơn bao giờ hết, ông lẩm bẩm nói rằng:

- Cuối cùng thì ta cũng tặng được cho con người đáng thương kia một vàng trắng sáng rồi.

Chắc là bạn không thể ngờ là vàng trắng cũng có thể trở thành một món quà tặng. Điều này kể ra cũng lý thú lắm nhỉ. Trong cuộc sống thực tế của chúng ta, có những sự vật vô hình không thể nào làm quà tặng được. Dĩ nhiên là bạn không thể nào nói với người ăn mày ngoài đường như thế này: "Tôi tặng cho ông một chút tử bi". Chúng ta chỉ có thể dùng số lượng tiền

bạc hoặc hiện vật nhiều hay ít để đo lường tấm lòng tử bi đó. Cũng như bạn không thể nào nói với người yêu của bạn rằng: "Anh tặng cho em 100 cái tình yêu", bạn chỉ có thể tặng cho nàng 100 đóa hoa hồng. Cũng từ số lượng hoa hồng, người ta có thể đo lường được mức độ say đắm và tấm lòng trung kiên với người yêu. Tuy rằng lỗi tính toán và đo lường này không phải lúc nào cũng chính xác. Đôi khi người tặng hoa hồng có thể lại là người thật lòng thương yêu và tình yêu của họ lại còn nồng nàn và chín chắn hơn cả những người tặng hột xoàn cho người đẹp nữa, bạn ạ.

Thế nhưng trên cõi đời này, có nhiều sự việc như tình bạn, tình yêu, chính nghĩa, hạnh phúc, bình an, trí tuệ đều là những thứ vô giá mà chúng ta không thể nào dùng những sự vật hữu hình để đo lường. Đây cũng là một điều làm cho giữa con người và con người có những sự hiểu lầm nhau trên giá trị của những sự việc vô hình trừu tượng. Con người thường dùng những vật hữu hình để diễn đạt những tín hiệu của tâm linh, như là tình yêu thương, lòng hiếu thảo, sự biết ơn chẳng hạn. Thế nhưng trong quá trình để đo lường những sự việc vô hình đó chắc chắn thế nào cũng có những chênh lệch, mà sự chênh lệch này thường khiến cho bạn bè hiểu lầm, tình ruột thịt trở thành thù nghịch, kẻ yêu nhau trở thành nghi kỵ, thù ghét nhau.

Những tình cảm vô hình giá trị đó có một sự tiếp cận với triết lý của Phật Học: "*chỉ có thể lãnh hội mà không thể nào truyền đạt.*" Thí dụ như một cái siết tay thân mật giữa đôi bạn thân, một nụ hôn nồng cháy của đôi tình nhân, một nụ cười âu yếm giữa vợ và chồng, một tiếng kêu mẹ thân yêu thăm thiết, hoặc một lời cầu chúc đẹp đều là những món quà tặng cho nhau quý giá nhất mà không có một khối lượng tiền của nào có thể mua được (*hay một sự quan tâm đặc biệt xuất phát từ đáy lòng cũng là một món quà quý giá*



hơn cả mọi hiện vật)

Trên thế gian không có một phương thức cố định nào có thể huấn luyện cho con người biểu lộ những tình cảm vô hình đó. Thế nhưng theo tôi nghĩ, phương pháp duy nhất để huấn luyện cho bản ngã có thể diễn đạt được những tình cảm này là chúng ta hãy quay lại phân xét về chính bản thân, tìm nhiều phương thức để làm giàu nhân cách, khiến cho bản thân chúng ta trở thành thuần thiện, nhiệt tình, vô tư thì tự nhiên những tình cảm vô hình bạn dành cho kẻ khác sẽ biểu hiện một cách rõ ràng trên sắc diện.

Khi sự chân thành (lòng từ bi) của bạn có thể lộ ra trên sắc diện thì lúc đó bạn có thể tặng một vầng trăng cho kẻ khác mà chắc chắn đối phương sẽ dễ dàng nhận được món quà quý giá này. Nếu lúc nào chúng ta cũng giữ được tấm lòng trong sạch, tinh tình khoan dung, tự tâm yên tĩnh, lục căn thanh tịnh thì đừng nói một ánh trăng mà nhiều ánh trăng cũng có thể làm quà tặng cho kẻ khác được. ánh trăng không chỉ đơn thuần dùng để tặng cho nhau mà còn có thể chiếu sáng lẫn nhau, soi đường cho nhau, hồi hướng cho nhau.

Vì vậy khi nhà sư nói với tên trộm: "Ước gì ta có thể tặng cho con một vầng trăng sáng," đó chính là tiếng nói của một tấm lòng từ bi, trong sạch. Tấm lòng từ bi đã khiến cho kẻ trộm cảm nhận được và xấu hổ vì hành động bất lương. Hắn đã ngộ đạo và quay lại con đường phúc thiện tràn đầy ánh sáng.

Chùm thơ CUỐI THU

1. *Có thu nào?*
Không cánh chim vời vợi
Không mây trắng qua thêm
Tình sen thu khẽ gọi
Vàng trắng mẹ điệu huyền!
2. *Có hương nào?*
Dù mãi ngàn năm nữa
Dâng đời bao ý thơm
Từng giọt cam lồ - sữa...
Tịnh hóa một tâm hồn.
3. *Cuộc tình nào?*
Giữa ngàn phương ảo hóa
Vi diệu lời bình yên
Mây trắng về muôn ngã
Thắp sáng trời Hoa Nghiêm.
4. *Con sông nào?*
Tháng ngày xuôi dòng chảy
Chở bao nỗi đời đau!
Ám thầm trôi đi mãi
Từ vạt cỏ xưa sau!

Chở bao mùa sương gió
Về bên trời viễn phương
Để ngàn mây từ đó
Vỗ khúc đoạn vô thường!
5. *Con thuyền nào?*
Ngàn phương về bến đỗ
Ngừng nhịp sống thời gian
Vầng trăng tròn gương cổ
Mưa gió tạnh tràng giang.
6. *Chim về tắm suối biếc*
Lạnh lớt bên dòng trong
Phơi cánh nắng mai hồng
Hỏi chim rằng: có biết?
Tình mây trắng hư không.



Cuối thu 2013

thơ MẶC PHƯƠNG TỬ

NẮNG, GIÓ, VÀ CỬA-KHÔNG-CÁNH-CỬA

Huệ Trân

Đọc bài báo về một thiền tự, rồi cũng quên đi.

Quanh vùng, biết bao chùa lớn nhỏ, mới cũ, bao tịnh xá, niệm Phật đường, bao tu viện, thiền viện ... nhiều quá, chắc khó có Phật tử nào dám đoán chắc là mình đã viếng thăm hết!

Người con Phật hay dùng chữ "duyên". Mình đủ duyên với nơi này nên đã có mặt nơi này, mình chưa đủ duyên với nơi kia nên chưa từng biết đến nơi kia ...

Nắng và gió sáng nay chắc là cái duyên đưa tôi đến Vô Môn thiền tự.

Cách đây khá lâu, do một cảm xúc bất chợt nhận được từ ánh mắt rực lửa của Tổ Đạt Ma, tôi đã viết mấy dòng thơ thế này:

*"Vô Môn Quan, cửa-không-cánh-cửa,
Chưa bước vào mà như đã ra
Ngoài hay trong?
Ngẩn ngơ tâm động!..."*

Tâm còn động thì làm sao bước vào được cánh cửa này nên "chưa bước vào mà như đã ra" là đúng rồi!

Năm nay, nắng và gió của đầu Tháng Mười Một dường như hơi bất thường. Cái nắng rất nhạt mà lung linh. Cái gió rất nhẹ mà se lạnh. Nắng và gió này là của Tháng Hai, miền Bắc.

Sau thời công phu sáng, bước ra hiện thăm đăm cây kiểng, lòng tôi bỗng rưng rưng chanh nhớ quê nhà. Đã thế, tôi lại chấp nhận tiếp hai người bạn đạo, xin ghé Thất, hai mươi phút thôi, để hỏi ý về một buổi thiền-ca.

Trách chi mà khi tiễn họ ra về, dòng suối róc rách trên lối vào Thất chẳng nhắc tôi về ngôi thiền tự vừa đọc được trên báo.

Theo lời chỉ dẫn của tác giả bài viết, tôi lái chậm, khi rẽ vào con đường mang tên Cây Song Sinh (Twintree Lane) thuộc thành phố Garden Grove.

Khi tôi hỏi:

- Bao xa, sau khi rẽ vào đường nhỏ?

Thì được trả lời:



- Cứ tới là biết, vì Tổ Đạt Ma đứng chờ ngay sân trước.

Quả thật, tôi đã dễ dàng nhìn thấy Tổ, giữa rừng trúc.

Tôi xuống xe, bước thật chậm, đứng trước Tổ, lạy Tổ, mà nghe lòng mình tỉnh quái cười thầm "Tổ không điện bích nữa, mà ... điện lộ!"

Nếu ngay khi ấy, tôi có nghe tiếng quát: "Đưa cái tâm hay đùa rỡ của mi ra đây, ta nghiêm túc cho!" thì tôi cũng không ngạc nhiên gì, vì với tôi, Tổ luôn là điểm tựa những khi tôi thất niệm.

Ồi, vô ngôn mà ngàn lời!

Thiền tự vắng lặng. Không phải cái vắng của cô đơn mà là cái tĩnh lặng thanh tịnh của chốn thiền môn.

Lạ thay, sao tôi cảm nhận rõ như thế!

Đồng thời, cái tâm hay đùa rỡ như đã được Tổ nghiêm túc cho rồi. Kỳ diệu biết bao!

Tôi bước chậm vào hành lang.

Bây giờ thì tôi nghe tiếng gió lao xao qua lá trúc. Nương theo tiếng gió ấy, tôi thấy ban thờ Phật đơn sơ bên hiên nhà. Bỏ nón và áo lạnh xuống đất, tôi quỳ trước tôn tượng, dăm dăm chiêm ngưỡng dung nhan Đức Thế Tôn.

Ồi, Người đã thị hiện vì chúng sanh, vì muôn loài. Người đã thương xót, không bỏ một sinh linh nào, từ con sâu cái kiến nhỏ nhoi. Tình thương ấy dẫn mênh mông trời biển vẫn không hoán chuyển hết bao nghiệp nặng chúng sanh, bởi vô minh sâu dày huân tập, nên thế giới ta -bà vẫn còn nhiều quẩn quại khổ đau.

Đáng sợ thay, nếu không có sự thị hiện của Chư Phật, Chư Bồ Tát mười phương thì thảm họa

chập chùng do nhân loại gây ra còn kinh hoàng đến đâu! Nên dầu phải chứng kiến bao khổ đau hôm nay, tôi vẫn nhận thức rằng khổ đau này sẽ vô vàn gấp bội nếu không có Chư Phật nhìn xuống, gia hộ, che chở, cứu vớt và độ cho những kẻ độ được!

Khi tôi đứng lên, không gian quanh tôi vẫn hoàn toàn tĩnh lặng. Cánh cửa bên hiên vẫn đóng, nhưng nhìn kỹ thì thấy dòng chữ nhỏ "Số của Sư:"

Đó là những con số điện thoại.

Nếu không muốn tiếp khách, Sư đã không để số phone nơi cánh cửa như thế. Và nếu không nhận được thông điệp này, chắc chắn tôi không đủ can đảm bấm chuông trong không gian tĩnh lặng đầy thiền vị như vậy.

Đã vững tin, tôi lấy điện thoại di động và bấm số. Giọng nói trầm và nhẹ cất lên:

- Mô Phật!

- Mô Phật! Con đọc bài báo, về thiền viện, nên xin được viếng thăm.

- Mô Phật! Cô đang ở đâu?

- Thưa, con đã đứng bên khóm trúc.

- Thế ư? Chờ một phút, Sư ra ngay.

Tôi chấp tay, cúi đầu, lòng tràn đầy an lạc và thanh thần khi vị sư đấp y theo phái Nam Tông, mở nhẹ cánh cửa Vô Môn.

Tôi lặng lẽ theo bước chân trần của Sư, vào Chánh Điện, đánh lễ Tam Bảo. Không chuông. Không mõ. Không một tiếng động. Chỉ thấy nụ cười Đức Thế Tôn chan hòa.

Không gian tràn đầy an lạc, thanh thần.

Lòng tôi tràn đầy an lạc, thanh thần.

Những gì được nghe, được chia sẻ khi Sư cho phép ngồi đối diện nơi Chánh Điện, cũng tràn đầy an lạc, thanh thần.

Chỉ thế. Và chỉ thế thôi.

Dầu dùng từ ngữ nào, nhìn dưới lăng kính nào, thì đây chẳng phải là điều cuối cùng mà muôn loài nhọc lòng tìm cầu sao?

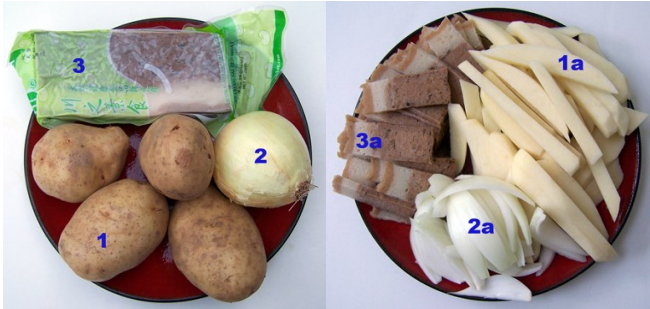
*"Đạo như trời đất,
Vận hành mang mang,
Lặng thinh dững mãi,
Rạt rào thớm ngát Kim Cang"*

Cảm ơn nắng và gió, trong một sát na kỳ diệu đã đưa tôi đến Cửa Không.

Huệ Trân
(Tào-Kê tịnh thất)

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

KHOAI TÂY XÀO



Vật Liệu:

1. 4 hoặc 5 củ khoai tây
2. 1 củ hành lớn
3. 1/2 hay 1 gói ba rọi chay
4. Nước tương
5. Đường
6. Tiêu

Cách Làm:

Khoai tây bào vỏ và cắt ra khoảng 1/2 inch chiều ngang và khoảng chiều dài của củ khoai. Rửa khoai đã cắt và để cho ráo nước. Bắc nồi lên lò và cho nhiều dầu ăn vào nồi. Khi dầu bắt đầu nóng thì cho khoai tây cắt (1a) vào chiên lên. Chiên đến khi khoai tây vàng và giòn thì vớt ra cho vào rổ có lót khăn giấy để thấm bớt dầu trong khoai tây ra.

Khi chiên khoai tây xong, đổ hết tất cả dầu trong nồi ra và cho nồi lên lò trở lại. Bắt đầu cho hành củ (2a) và ba rọi chay (3a) đã được cắt ra thành miếng vào trong nồi. Xào sơ hoặc khi ba rọi chay hơi vàng và mềm thì cho khoai tây đã được chiên trước vào. Sau đó cho nước tương và đường vào nồi, trộn lên cho đều rồi cho vào đĩa. Rắc chút tiêu trên mặt và bạn sẽ có một đĩa khoai tây xào rất ngon. Các cháu nhỏ thường rất thích món ăn chay này.

Xin ghi chú: Nếu các bạn thích ăn củ hành hơi giòn thì có thể cho củ hành vào cùng một lượt với khoai tây. Phần ba rọi chay các bạn có thể tìm mua tại các tiệm thực phẩm Á Châu. Nếu nơi bạn cư ngụ không có món ba rọi chay thì cũng có thể thay thế vào bằng một món khác mà bạn thích. Có lần Diệu An dùng một chút bắp cải cắt vuông thay món ba rọi chay và ăn cũng rất là ngon.



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

Chuyện hai người quét rác

ĐÀO VĂN BÌNH

Vào sáng Chủ Nhật, có thể là do ngày nghỉ rảnh rỗi, một người đàn ông trung niên lúi húi quét dọn trước cửa nhà. Ông cầm chiếc chổi và đồ hốt rác quét sạch vỉa hè rồi quét dọc theo lề đường, cẩn thận gom tất cả đám cát, bao ny-lông, mẫu thuốc lá, ly giấy, lá khô và đủ thứ rác rưởi của xã hội văn minh vào thùng, đặt nằm cạnh thận, đặt ngay ngắn xuống lòng đường, để ngày mai xe rác của thành phố lấy đi. Hình như ông là người duy nhất ở khu phố này cầm chổi quét lòng đường và vỉa hè. Thói thường đều cho rằng chuyện đường phố sạch dơ để thành phố lo. Hơi đâu "bao đồng" chuyện nhà nước? Thế nhưng cứ mỗi lần qua khu Japan Town, ông lại cảm phục người Nhật về tinh thần tự trọng và yêu mến thành phố của họ. Lúc nào ông cũng thấy những ông, bà Nhật lúi húi quét dọn vỉa hè và lòng đường. Chính vì thế mà cả khu Japan Town lúc nào cũng sạch trơn. Chỉ cần bước qua ranh giới của Japan Town là một hình ảnh thật tương phản. Sự sạch sẽ, khang trang chỉ cách nhau một sợi chỉ. Có lần ông dừng xe lại hỏi thăm thì được các ông bà Nhật nói:

"Chúng tôi quan niệm rằng đường phố thuộc về người dân, không hoàn toàn thuộc về chính phủ. Do đó giữ gìn đường phố sạch sẽ cũng là trách nhiệm của người dân. Động ý là chúng tôi có đóng thuế để thành phố lo chuyện vệ sinh nhưng giờ đây thành phố có quá nhiều việc phải lo hoặc lo không xuể. Chúng tôi không ngồi đó than trời trách đất. Nếu muốn sở rác phục vụ tốt hơn thì chúng tôi lại phải đóng thêm thuế. Thôi thì chúng tôi chia xẻ trách nhiệm với nhà nước mà cũng là để giữ gìn đường phố của chính mình. Chẳng mất mát gì cả. Tới một thành phố khang trang sạch sẽ người ta cảm phục cả đất nước lẫn con người ở đó. Chúng tôi yêu khu phố của chúng tôi và cũng muốn khách vãng lai yêu mến nó."

Chính vì cảm phục người Nhật mà tuần nào ông cũng làm công việc



này mà chẳng than phiền chi cả. Khi nhận thấy vỉa hè và lòng đường đã khá sạch, ông toan thu dọn để bước vào nhà thì một thanh niên từ xa bước tới, miệng phì phèo điếu thuốc. Chỉ cần nhìn cách ăn mặc và đi đứng người ta có thể nhận ra đây là một chàng thanh niên ngang tàng. Khi tới chỗ ông đang đứng, người thanh niên rít hơi cuối cùng rồi coi như không có ai, thần nhiên quăng mẫu thuốc lá xuống đường. Nhìn mẫu thuốc lá nằm tênh hênh trên mặt vỉa hè sạch trơn, dường như nó có vẻ "phá hoại" và trêu người, cho nên người đàn ông tức giận, lớn tiếng gọi người thanh niên:

- Này, yêu cầu quay lại nhặt tàn thuốc lá lên nghe!

Người thanh niên đã đi cách xa ông khoảng năm, sáu bước, nghe gọi thể quay đầu lại nhìn với vẻ hết sức ngạc nhiên. Anh ta ngạc nhiên vì có thể cả trăm lần quăng mẫu thuốc lá như thế này mà chẳng ai phản ứng gì, nay có một "gã điên" làm chuyện không giống ai. Anh ta quay lại, sáng giọng hỏi:

- Ông nói gì?
- Yêu cầu cậu nhặt mẫu thuốc lá lên!

Mặt chàng thanh niên đỏ gay:

- Bộ đường phố này của ông hả?

Người đàn ông trả lời ngay:
- Không phải của tôi nhưng tôi quét dọn sạch sẽ. Người trẻ trọng không bao giờ xả rác bừa bãi. Cậu hiểu điều đó không? Tôi yêu cầu cậu nhặt lên!

Tự ái bị tổn thương, người thanh niên không cần phân biệt đúng-sai, nói như gây sự:

- Không nhặt thì sao?

Sự lớn tiếng qua lại giữa hai bên làm người trong nhà chạy ra, người qua lại trên hè phố tò mò đứng lại. Cuối cùng tất cả đều thấy đây không phải chuyện đại sự cho nên xúm vào can gián. Cuối cùng người thanh niên hậm hực bỏ đi còn người đàn ông đứng phân bua một hồi rồi bực bội bước vào nhà.

Ba ngày sau, tại một khu phố khác cách đó khoảng năm, sáu con đường người ta thấy một vị sư đang quét rác tại cổng một ngôi chùa. Hôm nay là Thứ Hai chùa vắng, Phật tử đi làm hết, sau hai ngày cuối tuần bận rộn với sinh hoạt và lễ lạc, rác đã thấy lai rai trên sân. Ngoài ra, còn lá trên cây rụng xuống cho nên thầy trụ trì ra cổng quét dọn, vừa vận động vừa làm sạch trong ngoài. Đối với người xuất gia, quét rác cũng là "công phu". Sau khi cổng chùa đã sạch sẽ, sư toan đẩy thùng rác trở vào thì một chàng thanh niên tà tà bước tới. Đây chính là anh chàng đã gây sự với người đàn ông quét rác ba ngày trước. Khi đi tới cổng chùa, có thể do vô tình, do quán tính, cố tật, hoặc đăng trí, sau khi mở bao thuốc lá, chàng ta rút ra một điếu, châm lửa. Thấy bao thuốc đã hết, chàng ta quăng cả chiếc bao trống không dưới chân bức tường cạnh cổng chùa rồi thần nhiên bước đi. Thế nhưng khi bước đi khoảng năm, sáu bước, có thể do nhớ lại cuộc "đụng độ" với người đàn ông trước đây, chàng ta quay đầu lại xem sự thể như thế nào. Trái với phỏng đoán của mình, vị sư bình thần bước tới chân bức tường, cúi xuống nhặt bao thuốc lá lên, quay lại thùng rác, mở một bao rác nhỏ, bỏ bao thuốc lá trống vào bên trong, cột trở lại, bỏ vào thùng rác rồi lặng lẽ đẩy thùng rác vào bên trong sân chùa, không hề quay nhìn chàng thanh niên ...đang ngạc nhiên đứng đó.

Ngày hôm sau, chàng thanh

niên tới thăm vị sư. Sau khi giới thiệu mình chính là người xả rác trước cổng chùa. Chàng ta kể lại chuyện “đụng độ” với người đàn ông rồi hỏi:

- Thưa thầy, tại sao cùng một chuyện mà thầy lại có lỗi cư xử nhẹ nhàng hơn người đàn ông kia?

Sư hiền từ đáp:

- Người đàn ông đó là một công dân tốt. Một công dân tốt do làm tròn bổn phận của mình cho nên thường thẳng thắn nói lên cái sai của người khác để cùng nhau sửa chữa trong tinh thần ôn hòa. Tuy nhiên cách hành xử giữa một người thường và một người xuất gia có khác nhau. **Người xuất gia không nói về cái lỗi của kẻ khác** mà kham nhẫn để kẻ phạm lỗi giác ngộ mà tu sửa. Hai lỗi hành xử đó không cái nào hơn cái nào, “*vạn pháp đều bình đẳng*”, chỉ tùy duyên ứng xử mà thôi. Một căn nhà, một ngôi chùa, một khu phố hoặc nơi làm việc cần phải sạch sẽ. Sự sạch sẽ làm trang nghiêm cuộc sống và thể giới. Ngay đầu óc chúng ta cũng cần sạch sẽ. Muốn sạch sẽ thì phải quét rác. Một chiếc máy điện tử muốn tốt cũng phải “*đổ rác*”. Đầu óc con người muốn thanh tịnh, sạch sẽ cũng phải “*đổ rác*”- **đổ bớt rác rưởi của tâm hồn**. Những ý nghĩ bất tịnh, tương tranh, thù hận, đố kỵ, tị hiềm, những tư tưởng loại trừ, kỳ thị, ghét bỏ đều là rác rưởi của tâm hồn. “*Quét rác*” và “*đổ rác*” là việc làm thường xuyên của người nào muốn tâm hồn thanh tịnh. Từ thanh tịnh mà có thanh thản. Vì thanh thản cho nên không động tâm. Vì tâm không động cho nên ít gây đổ vỡ.

Ba ngày sau, chàng thanh niên tìm tới nhà người đàn ông, nói lời xin lỗi. Chàng học được một bài học nơi sư, “*Thầy vì xả rác xuống đường hoặc nơi công cộng thì nên xả bớt rác trong tâm hồn mình.*”

Lời người kể chuyện: Ngoài đức tính kham nhẫn, có thể sư đã đạt tới mức “**vô phân biệt**”. Sư cứ thấy rác thì quét mà không hề phân biệt rác từ cây đổ xuống, Phật tử xả ra, nam hay nữ, lạ hay quen cho nên rác của chàng thanh niên cũng thể thôi. Chính vì “**vô phân biệt**” cho nên sư không động tâm. Không động tâm cho nên sư đã quét rác trong trạng thái “**vô tâm**”. Mà vô tâm thì an lành.

giòng sông

*có đôi khi mơ làm giòng sông
hứa đưa người cùng xuôi ra biển
quay lưng nhà nổi buồn mênh mông
nhặt môi cười chìa lời đưa tiễn*

*lăn đóc mơ rướn mình con sóng
vạ mảnh tình hóa đá trăm năm
tâu khúc xưa trở mình nghe ngóng
ru mùa thu lót lá người nằm*

*gỡ tóc rối quấn êm giòng chảy
đưa người về duyên áo tạ ơn
tình lừng lơngờ ngàng _chấm, phây!?
hạnh phúc còn hơi thở đã thom*

nhưng...

*giòng sông chưa một lần dậy sóng
lắng điệu buồn trăm mãi nhánh xưa...*

cánh thiên thân

*em mang đôi cánh thiên thân
làm nền vẽ trắng giấc mơ
như xưa áo em một lần
ngây ngô soi cuối lời thơ
ta vò theo em rất lạ
thom thảo từ cõi hồng hoang
đường hoa sáng trời cao cả
niềm vui tái tạo . tuần hoàn*

*ơn em mang về đôi cánh
chênh vênh những bước thăng trầm
rải xuống đời ta trở nhánh
hạt giống tin yêu nảy mầm
thánh ca nửa đêm lễ trọn
gác chuông không đổ tiếng chuông
thiên thân ngàn cánh thấp ngọn
giác ta đôi mộng hình dung
trong ta nửa đời sám hối
từ em lần hạt mân cô
lời kinh trắng giấc mở lối
thiên thân cánh . ngụ . hồn tôi*

thơ

YÊN CHI



NGÀY VỀ NGUỒN - LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ LẦN THỨ VII

Thích Minh Tuệ

Tiếp nối sinh hoạt “Ngày Về Nguồn” của 6 lần trước kể từ năm 2007, phụng hành quyết nghị của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại trong Lễ Bế Mạc Ngày Về Nguồn Lần Thứ VI, tổ chức tại Chùa Pháp Hoa, Adelaide, Úc Châu, ngày 18 tháng 11 năm 2012, Hòa Thượng Thích Nguyên An, Phó Chủ Tịch Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTNHK) gửi Thông Bạch vào 04/2013: “Ngày lễ Hiệp kỷ lịch đại Tổ sư, ngày Chư Tăng Ni ở khắp các Châu lục, không phân biệt Tông môn, Pháp phái, Giáo hội... cùng quy tụ về một nơi để tưởng niệm công hạnh của lịch đại Tổ sư, tuyên đọc lại “Bảy pháp bất thoái” của Phật dạy... đồng thời cũng học hỏi những hạnh nguyện xả thân vì Đạo của quý Ngài, để xây dựng hành trang cho cá nhân và tập thể Tăng đoàn, nói khác đi, làm sao trọn vẹn được hạnh nguyện xuất gia, hạnh nguyện Bồ tát đạo. Vì lễ đó, Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư – Ngày Về Nguồn rất cần thiết cho đoàn thể Tăng già...”



Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Chùa Cổ Lâm chúng tôi thông báo, kính mời quý thiện nam tín nữ đồng hương Phật tử và kính cung thỉnh Chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, ni hoan hỷ quang lâm về Chùa Cổ Lâm tham dự Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư – Ngày Về Nguồn lần thứ VII và Lễ Kỷ Niệm Ba Mươi Năm thành lập Chùa Cổ Lâm, được tổ chức vào các ngày 27, 28 và 29 tháng 9 năm 2013. Nhân thắng duyên quý báu chư Trưởng Lão Tăng Già cao hội này, Chùa Cổ Lâm có tổ chức **Đại Giới Đàn Huyền Quang**, truyền trao giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni, Thập Thiện và Bồ Tát Giới cho đàn hậu học nối tiếp ngọn đèn **Cháp Pháp của Như Lai...**

Đáp ứng lời thỉnh mời đó, hàng trăm Chư Tôn Đức Tăng Ni khắp 4 châu và quần chúng Phật tử đồng câu hội về Chùa Cổ Lâm cho Lễ Hội trọng đại này vào những ngày cuối tháng 09/2013. Chùa Cổ Lâm, Seattle, Washington State, Hoa Kỳ vào thời điểm này là điểm đến lý tưởng, không khí trong lành mát mẻ, đôi khi se se lạnh, khuôn viên Già lam rộng rãi, thanh tịnh, hòa lẫn với thiên nhiên núi đồi, cỏ đủ không gian và tiện nghi cho các sinh hoạt Lễ Hội diễn ra.

Vào lúc 2 giờ 30 phút chiều thứ Sáu, 27/09.2013 (nhằm ngày 23 tháng Tám, Quý Tỵ, PL. 2557), thừa ủy nhiệm của HT. Thích Nguyên An, Trưởng Ban Tổ Chức, TT. Thích Nhật Trí, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Nghi Lễ, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTNHK) cùng với những nhân sự đại diện cho Ban Tổ Chức và tứ chúng Chùa Cổ Lâm tác bạch trước Đại Tăng, **Cung An Chúc Sự** cho: Đại Giới Đàn Huyền Quang, Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư – Ngày Về Nguồn VII, Lễ Truy Tán Công Hạnh Cổ Đại Lão HT. Thích Chí Tín và Lễ Chung Thất Cổ ĐLHT. Thích Minh Tâm. Mở đầu lời tác bạch, TT. Thích Nhật Trí thưa lại câu chuyện Đức Phật hoan hỷ tán thán về một hội chúng đáng được cung kính, cúng dường, hội họp, hòa hợp, an trú trong

thanh tịnh, cho sự tồn tại và hưng long của Tăng Đoàn và Phật Pháp, rồi cung thỉnh những bậc Tôn Đức vào các vai trò cho Phật Sự, Pháp Sự và Tăng Sự trong 3 ngày Lễ Hội này. Chư Tăng hoan hỷ chấp thuận.

Buổi chiều thứ Sáu 27/09/2013 vào lúc 3 giờ, HT. Thích Nguyên Trí (Hoa Kỳ) và HT. Thích Quảng Ba (Úc Châu) khởi sự bước vào chương trình Hội Luận. HT. Nguyên Trí với vai trò Phó Ban Tổ Chức mở đầu với việc tán thán ý nghĩa lớn lao của Ngày Về Nguồn, ngày trở về nguồn cội Phật Tử, ngày hội họp, thăm hỏi, chia sẻ, hỗ tương cho nhau. Cho dù có các thế lực tà ma vô minh họ gán đặt, diễn dịch, xuyên tạc nhằm làm tan rã Tăng Đoàn với những dụng ý không tốt đẹp của họ nhưng Tăng Ni Phật Tử vẫn giữ vững sinh hoạt Hiệp Kỷ Tổ Sư, hội họp của chúng ta.

HT. Thích Quảng Ba trình bày về: “Truyền Đăng Tục Diêm,” “Ôn Cổ Tri Tân,” ôn lại công hạnh, noi gương chư Tổ và bàn thảo về những công việc mà chư Tăng có thể chung lo. HT. Quảng Ba kiến nghị một số đề tài mà đại chúng có thể cùng nhau thảo luận liên quan vận mệnh Tăng đoàn như là: **Định hướng khả thi cho những nỗ lực hành Đạo, hoằng Pháp hải ngoại, Tìm hiểu những khó khăn thử thách, giai đoạn phát triển của Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại.**

HT. Nguyên Trí khuyến khích Tăng Ni trẻ có duyên đến Hoa Kỳ nên dốc sức giai đoạn đầu cho

việc học, nhất là ngôn ngữ và văn hóa bản xứ, chớ nên vướng vào lo việc xây dựng cơ sở chùa chiền sớm, vì như vậy sẽ bận rộn mà không học hành phát triển vững vàng về lâu về dài được.

HT. Nguyễn Siêu, Phó Ban Tổ Chức Lễ Hội Về Nguồn lần VII, khuyến khích Tăng Ni trẻ nêu ý kiến thảo luận với những tình hình thực tế cuộc sống để được chư Tôn Đức chia sẻ kinh nghiệm chỉ giáo cho. Đáp ứng lời kêu gọi chư Tôn Đức, phần thảo luận buổi Hội Thảo I diễn ra sôi nổi, phong phú. Thầy Quảng Định được chỉ định để đại diện Tăng Ni trẻ chia sẻ đầu tiên. Thầy Quảng Định bày tỏ ưu tư về việc duyên các Tăng Ni trẻ được bảo lãnh đến Hoa Kỳ không biết phải làm gì đáp ứng nguyện vọng những người bảo lãnh và hội nhập được với cuộc sống mới. Tự bản thân mỗi tu sỹ trẻ hãy nỗ lực hết mình để tiến triển trong tu tập và cống hiến.

HT. Bốn Điền (Úc Châu) lưu ý cách làm sao để nổi được nhịp cầu cảm thông hòa nhịp giữa thế hệ Tăng đi trước và Tăng Ni trẻ để bổ khuyết, phối hợp nhịp nhàng nhau trong hoạt động Phật sự. Mỗi người phải luôn tự biết: mình là ai và đến hải ngoại để làm gì?

TT. Thích Tâm Thành chia sẻ tâm sự về con đường Thầy đã và đang đi. Thầy đã rất nỗ lực học các trường lớp Hoa Kỳ, vay tiền chính phủ và đi làm thêm để có thể hoàn thành các chương trình học Cử Nhân, Cao Học, Tiến Sỹ trong thời gian ngắn nhất. Đó là tấm gương chủ động, tự lực dẫn thân. Hiện nay, Thượng Tọa Tâm Thành thường đi khắp nơi tổ chức khoá tu học, đặc biệt cho các thanh thiếu niên tại Hoa Kỳ và các nước.

HT. Quảng Bình ý kiến nhắc nhở về thế hệ kế thừa cho các thế hệ đi trước, ngay cả việc kế thừa các tự viện và hình thành nên Phật Học Viện hun đúc cho nên những tu sỹ vững vàng để tiếp tục đảm đương Phật sự.

Thầy Minh Tuệ nêu lên các vấn đề cho cuộc Hội Thảo: 1) Giáo Hội có đường hướng nào để bồi dưỡng thêm công lực cho Tăng Ni trẻ, đồng thời làm sao phân công, sử dụng năng lực, nguồn nhân lực Tăng Ni trẻ thích hợp, 2) Không phải ai cũng để học lại chương trình Cử Nhân, Cao Học,... của Hoa Kỳ... Nếu không đạt điểm xuất sắc, không có học bổng, họ học chỉ đạt điểm đủ đậu, vậy ai lo giúp tài chánh cho họ học? 3) Nếu một tu sỹ nào đó gặp những khó khăn về trú xứ, giấy tờ bảo lãnh thì họ nên đi về đâu, đến với ai và ai sẽ sẵn sàng giúp họ.

HT. Quảng Ba giải đáp là nếu có tâm nguyện ý chí tốt, phấn đấu vượt khó rồi cuối cùng sẽ thành tựu, sẽ có Long Thần Hộ Pháp, những người cảm thông, các thế hệ đi trước và Phật tử sẽ ủng hộ, miễn là nỗ lực cho việc chung Đạo Pháp chứ không phải cho danh lợi riêng cá nhân.

Ni Sư Diệu Trạm từ Chùa Khánh Anh, Pháp quốc chia sẻ kinh nghiệm làm sao hướng dẫn thế hệ thanh thiếu nhi Phật tử, sinh ở Hải Ngoại làm sao học hỏi biết về Đạo Pháp, tăng trưởng lòng tin và trưởng thành trở thành Phật tử thực sự. Người hướng dẫn nên đóng vai trò gần gũi như người Bạn, kêu gọi tinh tò mò học hỏi từ các em để chia sẻ và hướng dẫn từng bước. Cuối giờ Hội Thảo, HT. Quảng Ba đúc kết: thông qua Ngày Về Nguồn, chư Tăng có dịp gặp gỡ chia sẻ với nhau, nối kết tình Huynh Đệ, Tăng Lữ, không phân biệt Giáo Hội, quốc gia, hệ phái... dần dần chắc mọi người cũng hiểu và không ai nghe những luận điệu xuyên tạc, chụp mũ từ bên ngoài. Hội Thảo giúp chúng ta hoàn thiện nhân cách, phẩm giá và sứ mệnh của người tu sỹ.



Cuộc Hội Luận thứ 2 trong Thứ Sáu (27/09/2013) được tiến hành với hai thuyết trình viên TT. Tâm Hòa (Canada) và TT. Tâm Phương (Úc Châu). TT. Tâm Hòa lược qua lịch sử hình thành và diễn tiến của Ngày Về Nguồn. Xuất phát từ năm 2007, Cố HT. Thích Minh Tâm trong giỗ Tổ Liễu Quán đã nêu lên ý tưởng làm sao nhân rộng giỗ Tổ này ra, không chỉ Tổ Liễu Quán mà Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư, không hạn chế quốc gia, tông phái, pháp môn, nguồn gốc nào và chính TT. Tâm Hòa là Trưởng Ban Tổ Chức Ngày Về Nguồn lần thứ I vào các ngày 21, 22 & 23-9-2007 tại Chùa Pháp Vân, Canada.

Những luận điệu đánh phá từ bên ngoài thường xuyên rằng: Về Nguồn là về với thế lực chính trị nào đó Hà Nội, Việt Nam là không có cơ sở, họ cố tình thế tục hóa và làm sai lệch ý nghĩa cao đẹp thiêng liêng của Về Nguồn mà 4 đời Tăng Thống của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất và Cố Hòa Thượng Trí Thủ đã khai thị khuyến khích.

Thượng Tọa cũng giải thích Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại đã hình thành thế nào và vai trò của Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Hải Ngoại làm gì? Qua đó, 6 Ngày Về Nguồn vừa qua đã diễn tiến ra sao và có những kết quả gì? TT. Thích Tâm Hòa nhân dịp này cũng điểm lại những nét son trong cuộc đời và hành hoạt của các bậc Long Tượng Phật Pháp trong thời cận đại: Ngài Thiện Minh, Ngài Trí Thủ, Ngài Huyền Quang.

Tiếp theo HT. Thích Tín Nghĩa và TT. Thích Nhật Tân bổ sung thêm các ý kiến về ý nghĩa và nội dung các Ngày về Nguồn mà Tăng Ni Hải Ngoại đã và đang cử hành.

TT. Thích Tâm Phương tìm hiểu về số lượng các Tông Phái, Giáo Hội đồng tham dự trong Về Nguồn lần thứ VII này và hoan hỷ tán thán ngày càng nhiều hơn nữa số lượng Tu Sỹ và các Giáo phái khác nhau đồng tham dự. Đặc biệt, Tăng Ni thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất 4 Châu tích cực đến tham dự nhiều nhất, thường xuyên nhất, đồng cam cộng khổ và sẻ chia cho nhau trong suốt các giai đoạn vừa qua. Kết thúc buổi thảo luận, TT. Tâm Hòa đọc lại lời Minh của Tổ Đạo An để nhắc nhở cho hàng xuất gia trong chí nguyện phụng sự của mình.

Cũng trong ngày thứ 6 (27/09/2013) song song với sinh hoạt Chư Tăng trong các cuộc Hội Thảo là Tuyển Phật Trường, ngày thiêng liêng quan trọng nhất đánh dấu được tham dự vào Chúng Trung Tôn hàng ngũ Tăng Già thông qua các tiến trình: Khảo Hạch Giới Tử do HT. Thích Tín Nghĩa Chánh Chủ Khảo và TT. Thích Minh Dung Phó Chủ Khảo đảm



trách. Ban Giám Khảo khảo hạch về quá trình tu học, rèn luyện, đời mai kinh luật công phu, chí nguyện xuất gia hành đạo.

Chúng tôi lấy làm tiếc để an ủi những giới tử chưa đủ điều kiện thọ lãnh giới pháp mà mình mong muốn. Hi vọng là quý vị tiếp tục tu học, phấn đấu để các giới đàn năm sau hội đủ điều kiện thọ nhận giới pháp. Dù rất muốn đáp ứng nguyện vọng cao cả của Quý Vị nhưng Ban Tổ Chức không thể nào làm khác hơn được vì cần hội đủ những điều kiện cần thiết tôn trọng giới pháp của Như Lai.

Chúng tôi xin chúc mừng những giới tử đã thông qua được cuộc Khảo Hạch và được tuyển chọn để đăng đàn thọ giới. Kể từ nay quý vị đã xác định chỗ đứng trong Tăng Đoàn và thừa hưởng sứ mệnh Phật Tổ giao phó, thượng cầu Phật Đạo, hạ hóa chúng sanh.

Để chuẩn bị cho việc tấn đàn truyền trao giới pháp, HT. Thích Thái Siêu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục GHPGVNTNKH khuyến phát Bồ Đề Tâm, nói lên ý nghĩa cao quý của việc xuất gia và hành Bồ Tát Đạo. Chư giới tử tiếp thu pháp nhũ của Hòa Thượng trong giờ phút thiêng liêng nhất, dọn sửa thân tâm chuẩn bị thọ nhận Giáo Pháp, vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự...

Vào lúc 8 giờ đêm thứ 6 (27/09/2013): Lễ Tấn Đàn truyền trao giới pháp được long trọng cử hành với Hòa thượng Đàn Đầu, Tam Sư, Thất Chứng là Chư Tôn Thạc Đức ưu việt từ 4 Châu Lục. Thật là thắng duyên hy hữu cho các giới tử thành tựu giới pháp, hội nhập Tăng thân trong ngày Về Nguồn sum họp và noi dấu Tổ sư.

Ngày thứ Hai chương trình là ngày thứ 7 (28/09/13) được bắt đầu bằng thời công phu khuya và tụng Bồ Tát Giới. Giới Pháp và sự thanh tịnh là điều kiện tiên quyết cho bản thể, tồn tại và lớn mạnh của Tăng già. Đại chúng vân tập và hành hoạt trong tinh thần **tương thân, tương giáo, tương ái, tương sám** như lời dạy của chư Phật Tổ, đặc biệt trùng tụng Bồ Tát Giới là kết tinh đại nguyện vững vàng, hành trạng cao vời của bậc xuất Trần thượng Sĩ trên bước đường cứu khổ độ sanh.

Vào lúc 10 am sáng thứ Bảy (28/09/13) Lễ Khai Mạc Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư - Ngày Về Nguồn 7 chính thức được cử hành.

Sau 3 phút mặc niệm, niệm tưởng ân đức Phật tổ, Giác Linh Cổ HT. Minh Tâm, Chư Thánh Tử Đạo, rải tâm từ đến pháp giới chúng sinh, TT. Thích Minh Dung giới thiệu các phái đoàn Tăng Ni Phật Tử khắp

4 châu đồng câu hội về tham dự Hội Lễ.

HT. Thích Nguyên An và HT. Thích Nguyên Trí thay mặt Ban Tổ Chức đọc diễn văn khai mạc bày tỏ ý nghĩa tri ân báo ân Tổ Sư, gặp nhau tình huynh đệ không phân biệt môn phái, quốc gia, giáo hội, đặc biệt có ý nghĩa:

"Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư không phải là một tổ chức Giáo Hội, mà chỉ là một tập hợp của cộng đồng Tăng già cùng nhau ngồi lại để tri ân và báo ân Đức Phật và lịch đại Tổ Sư, để nhắc nhở hàng Chúng Trung Tôn quay về với bản thể thanh tịnh hòa hòa của Tăng Bảo, với nguồn cội của Chánh Pháp, để tạo cơ hội cho Chư Tăng Ni các thể hệ, không phân biệt hệ phái, giáo phái, Giáo Hội tụ họp trong tinh thần thanh tịnh hòa hợp, cùng nhau trao đổi kinh nghiệm hành Đạo, củng cố đạo tình và làm chỗ nương tựa vững chắc cho tín tâm của quần chúng Phật tử các giới quy hướng trên con đường tu học và phụng sự Phật Pháp..."

Hôm nay, cộng đồng Tăng già Việt Nam Hải Ngoại từ các châu lục vân tập về đây trong Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ 7 không ngoài mục đích **sáng bản thể thanh tịnh hòa hợp của Tăng già, cùng nhau thực hành sứ mệnh thiêng liêng cao cả là hoằng dương Chánh Pháp, góp phần xây dựng và phát triển con người và xã hội giữa thời đại nhiều nhương, thù hận và pháp nhược ma cường..."**

Ban Tổ Chức hân hoan chào đón Chư Khách Tăng, quan khách và mong nguyện mọi diễn biến tốt đẹp trong sứ mệnh chung hoằng pháp độ sanh.

Sau phần dâng hoa cúng dường Tam Bảo của thiếu nhi gia đình Phật Tử chùa Cổ Lâm là Diễn Văn Khai Mạc của HT. Thích Thăng Hoan, Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại. Trưởng Lão Hòa Thượng tán thán sự có mặt của Đại Tăng và Đại Chúng đánh dấu sự kiện trọng đại trong lịch sử Phật Giáo VN Hải Ngoại:

"Chúng ta cùng câu hội suy niệm ân đức chư Tổ Sư, đồng lòng chung sức, bồi dưỡng công lực gìn giữ phát huy, hoằng truyền Chánh Pháp, tiếp nối mạng mạch Tăng già, quang huy Phật Giáo

Có 2 hình ảnh đẹp đó là Chư Tổ Sư mang Phật Giáo vào Việt Nam

Chư Tổ Sư và Chư Tăng Việt Nam mang Phật Giáo đến các nước ngoài. Tất cả đều với số không, nhưng với đại nguyện, nỗ lực sẽ hiện diện Đạo tràng Phật Pháp nơi nơi.

Hôm nay chúng Tăng gặp nhau, ôn lại gìn giữ truyền thống thiêng liêng, cầu nguyện chư Tổ Sư chúng giám gia hộ Tăng Ni Phật Tử vững tay chèo



con thuyền Phật Pháp trong hiện tại và tương lai."

Tiếp theo, HT. Thích Tánh Thiết (Au Châu) tuyên đọc **Bày Pháp Bất Thời** trong Kinh Du hành, Trường A Hàm để đại chúng đều vâng hành cho sự thanh tịnh hòa hợp hưng thịnh cho chúng xuất gia trong mọi thời đại.

HT. Thích Bảo Lạc nêu cảm tử về những tấm gương sáng chói cống hiến xưa và nay để Đạo Phật lưu xuất trên 2600 năm. HT. Bảo Lạc cũng tán thán công lao khó nhọc của Ban Tổ Chức để đại chúng có được trong các Hội Lễ hôm nay và mong đại chúng cùng sinh hoạt có hiệu quả thiết thực nhất để báo đáp trùng trùng ân duyên đó.

Cuối Lễ Khai Mạc là nghi lễ cầu nguyện của Chư Tăng với Chủ Sám HT. Phước Thuận cho thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc, âm siêu dương thịnh, Bồ Đề tâm tăng trưởng, Phước Trí trang nghiêm, Anh Đạo huy hoàng nơi đời.

Buổi chiều thứ 7 diễn ra với cuộc hội luận sôi nổi về **Hành Trạng Bồ Tát Quảng Đức** với thuyết trình viên HT. Nguyễn siêu, đầy cảm xúc, chân tình, sâu sắc, đại chúng tích cực đặt câu hỏi và tham gia thảo luận, tranh th ử trong thời gian giới hạn cho phép, trải qua 50 năm một chặng đường nhìn lại rút ra nhiều bài học thiết thực cho Phật giáo ngày nay.

HT. Bảo Lạc thuyết trình về Cố HT. Khánh Anh (1895-1961), đại thọ Bồ Đề dựng xây nền tảng Phật học Việt Nam, chấn hưng Phật Pháp trong thời cận đại. Đại nguyện, công hạnh cao với của Ngài là tấm gương chói sáng cho mỗi chúng ta trên bước đường dẫn thân Phật sự. Lời trình bày dí dỏm, chân tình, sâu sắc của HT. Bảo Lạc rất có ấn tượng và thu hút thính chúng.

Cuộc Hội Thảo cuối cùng là vào đêm thứ 7 (28/09/2013) về **Tâm Tinh Hội Ngộ định hướng bước đi Tăng Ni nơi Hải Ngoại**. Đây là buổi hội thảo thật sôi nổi về các đề tài: trú xứ hải ngoại, học và tu, phương pháp hành Đạo, lá cờ Tổ Quốc và chào cờ trong các Lễ Hội Phật Giáo, đặc biệt sôi nổi để lại nhiều ấn tượng là những thuận lợi khó khăn cho những vị Tăng Ni trẻ trong bước đường hội nhập, tu nhập và hành Đạo nơi hải ngoại cũng như thành lập Phật Học Viện cho Tăng Ni... Những đề tài này rất thiết thực cho sinh hoạt Tăng Ni trong cuộc sống và hành Đạo hàng ngày.

Song song với cuộc Hội Thảo II là phần thuyết pháp của HT. Thích Đồng Tuyên cho các Giới Tử chuẩn bị thọ lãnh Bồ Tát giới và thập thiện, tiến lên những bước cao xa hơn nữa cho hàng tại gia. Hòa Thượng đã khuyến tấn chí nguyện cao xa, phật tử với Bồ Tát Hạnh sẽ thừa đương được nhiều trách nhiệm lớn lao, cùng với chư Tăng, hộ trì, hộ pháp, hoàn thiện mình và góp phần hoằng dương chánh pháp cứu độ chúng sanh, diu dắt quần mê và những kẻ sơ cơ.

Vào lúc 8 giờ đêm thứ 7 (28/09/2013), Lễ truyền trao Bồ Tát Giới và Thập Thiện được cử hành rất trang nghiêm trọng thể tại chánh điện kéo dài đến 3 giờ. Xin chúc mừng cho chư Giới Tử đắc giới Pháp, chúng tôi rất an tâm khi có quý vị bên cạnh chúng tôi trong mọi phật sự như chim có 2 cánh, quý vị thẳng hoa hơn nữa trong những phương trời cao rộng.

Chương trình sinh hoạt đặc biệt nhất vẫn là sinh hoạt trong ngày cuối Chủ Nhật 29/09/2013 với lịch sinh hoạt dày và liên tục từ 5 giờ sáng đến tối.

Bắt đầu ngày, Chủ Nhật này là thời Công Phu Sáng và Lạy Thủ Ân để tưởng nhớ ân thâm cao dày



chư Tổ Sư, Tứ Trọng Ân. Thời Khóa này vẫn thường thực hành mỗi tháng 2 lần trong Thiền Môn thể nhưng thực sự có ý nghĩa và ấn tượng lớn lao khi cử hành trong Ngày Về Nguồn - Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư để niệm tưởng thâm ân và phụng hành theo gương sáng quý Ngài.

Vì trời mưa không thực hiện được Khất Thực ngoài đường như chương trình nhưng Lễ Cúng Đường Trai Tăng trong trai đường diễn ra rất trang nghiêm hoan hỷ. Đây là cơ hội hy hữu quý báu là ruộng phước điền lớn mà chư Phật Tử vùng Seattle, Washington có cơ hội đánh lễ, diện kiến và cúng dường chư Tăng bốn châu lục với tấm lòng chí thành chí kính.

Chiều Chủ Nhật 29/09/2013 diễn ra các Lễ: Hiệp Cúng Lịch Đại Tổ Sư, Chung Thất Cố HT. Thích Minh Tâm, nguyên Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại, Lễ Tưởng Niệm và Truy Tán Công Đức Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Chí Tín, Trụ Trì Chùa Long Sơn, Nha Trang, Lễ Bế Mạc Ngày Về Nguồn lần thứ VII.

HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ GHPGVNTNHHK, Phó Ban Tổ Chức đọc Diễn Văn Bế Mạc, trong đó Hòa Thượng tán thán công hạnh chư Tôn Đức vì sứ mệnh thiêng liêng cao cả truyền thừa mạng mạch Đạo Pháp mà vẫn tập về Chùa Cổ Lâm cho Hội Lễ, khiến cho Chánh Pháp lan xa, tứ chúng thấm nhuần ân phước. Mặc dù trời mưa lạnh nhưng lòng mọi người ấm áp trong tình Đạo bên nhau. Hòa Thượng bày tỏ tấm lòng thành kính tri ân sâu sắc cũng như mong mỏi lòng hoan hỷ cho những thiếu sót trong tiếp đón và những điều chưa hoàn hảo trong diễn trình Hội Lễ.

Lời tụng niệm trầm bổng thanh thoát của Chủ Sám HT. Thích Phước Thuận, Ban Kinh Sư, Nhạc Lễ và Đại Chúng hòa âm trong niềm kính tưởng thiết tha, ân tình lắng đọng, tâm nguyện thành khẩn tiếp nối Tông Phong, Truyền Đăng Tục Diệm.TT. Thích Tâm Hòa diễn ngâm lời tưởng niệm Chư Tổ Sư. HT. Thích Nguyên Siêu, đại diện Môn Đồ Pháp Quyền bày tỏ lòng tri ân sâu sắc, đánh lễ thâm tạ Đại Tăng cử hành Khóa Lễ.

Trưởng Lão Hòa Thượng Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại, HT. Thích Thăng Hoan nói đôi lời tưởng niệm tán thán công hạnh của Cố HT. Thích Minh Tâm dày công hoằng dương, xây dựng Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại và Cổ TLHT. Thích Chí Tín đã che chở cứu mang bao thế hệ Tăng Sinh đến tu học tại Chùa Long Sơn, nguyện tiếp bước theo Quý Ngài và mong mỏi Đại Chúng đồng



hỗ trợ Ngài Kế Vãng Khai Lai báo chư Tổ Ân Đức.

Đại chúng xúc động lặng yên thưởng thức trong hồi tưởng trong khi Sư Cô Lệ Y ngâm bài thơ Lửa Từ Bi của nhà thơ Vũ Hoàng Chương xướng tụng công hạnh Bồ Tát Thích Quảng Đức cũng như chư Tổ Sư đã: "dốc lòng vì Đạo hi sinh" dẫn thân phụng sự, để Chánh Pháp được bảo tồn và trao truyền đến ngày hôm nay.

HT. Thích Bốn Điền (Úc Châu) đọc Lời Tâm Nguyên của Chư Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại đúc kết sau 3 ngày sinh hoạt và Hội Luận trong hòa hợp thanh tịnh vừa qua: nguyện giữ gìn giới thanh tịnh, nuôi dưỡng chí xuất trần, đặt Tăng Đoàn trên cá thể, tu học trong hòa hợp nguyện vượt qua mọi gian truân thử thách, kế thừa sứ mệnh thiêng liêng hoằng Pháp độ sanh.

Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKHK với Cảm Từ đức kết, hoan hỷ tán thán công đức HT. Thích Nguyên An và Tứ Chúng Chùa Cổ Lâm, tất cả các Ban Ngành đã hỗ trợ mọi phương tiện cần thiết cho Lễ Hội Về Nguồn lần này. Hòa Thượng xúc động rơi lệ khi kể lại kỷ niệm với Cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm khi hai vị bàn và chọn ngày hôm nay làm Lễ Hội nhưng Ngài đã về Tây không đến đây tham dự như chương trình đã định. Hòa Thượng nhắc lại về tâm nguyện và đường hướng sinh hoạt Tăng Ni và Về Nguồn. Hòa Thượng nhấn mạnh 2 hàng xuất gia và tại gia cùng nhau hỗ trợ cho nhau trong tu tập và sinh hoạt như 2 cánh giúp chim đại bàng bay cao.

HT. Thích Nguyên Siêu, Phó Ban Tổ Chức Lễ Hội Về Nguồn, đúc kết những thành quả lớn lao đã đạt được xuyên suốt 3 ngày sinh hoạt (27-29/09/2013): a) biểu tỏ những hình ảnh đẹp, y vàng thanh thoát cho Phật tử thân cận, chiêm cung, đánh lễ, lãnh thọ Thân, Khẩu, Ý Giáo từ chư Tăng 4 châu lục, qua đó

cảm thông nhau, thương nhau, quý nhau, hỗ trợ cho nhau, b) Pháp Thoại và Hội Luận là những mưa Pháp thấm nhuần lợi lạc, chia sẻ kinh nghiệm và hành trang tu học, hành Đạo, c) Tuyển Phật Trường, Các Giới Đoàn truyền giới thành tựu viên mãn, bắt từ bị quỵen suốt nhiều giờ truyền giới của Chư Tôn Đức để đáp ứng khát ngưỡng lớn lao của hàng hậu học, d) Hiệp Kỳ Chư Đại Tổ Sư, Chư Tôn Thạc Đức vừa viên tịch diễn ra trang nghiêm thành kính, báo đáp ân tình, đ) Có những bài học về gương sáng chư Tổ Sư để tiếp nối công hạnh Quý Ngài, e) Thành tựu trú xứ Chùa Cổ Lâm nhờ công đức hàng đầu của HT. Thích Nguyên An suốt 30 năm xây dựng, hiến dâng con tim còn lại của Ngài (sau khi mổ tim) và hiến cúng cơ sở này cho GHPGVNTNKHK, cầu nguyện gia bị của Chư Tăng, Phật tử gần xa, cùng với tứ chúng luôn kề vai sát cánh với Ngài trong mọi Phật sự.

Nghi Thức Truyền Trao Trách Nhiệm tổ chức Lễ Hội Về Nguồn lần thứ VIII diễn ra với sự khuyến tấn của HT. Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại ý nghĩa truyền trao Y Bát từ xưa cho đến nay trong sứ mệnh hoằng dương Phật Pháp khắp hoàn cầu. Đại diện chư Tôn Đức Hoa Kỳ: HT. Thích Phước Thuận, HT. Thích Tín Nghĩa, HT. Thích Nguyên An, HT. Thích Nguyên Trí, HT. Thích Nguyên Siêu trao Y Bát và ủy thác trách nhiệm tổ chức Lễ Hội Về Nguồn tiếp theo. HT. Thích Bảo Lạc phát biểu với những nỗi lo làm sao cho chu toàn trách nhiệm trọng đại này, đây là trách nhiệm chung của GHPGVNTN Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan cùng với Trưởng Ban Tổ Chức là Thầy Trụ Trì Chùa Pháp Bảo, Sydney, Úc Châu và cung thỉnh Chư Tăng Đại Chúng quang lâm tham dự và đồng hỗ trợ cho Phật sự này thành tựu.

TT. Thích Nhật Tân (Úc Châu) thay mặt Ban Tổ Chức tán thán công đức Hòa Thượng Viện Chủ Chùa Cổ Lâm và tứ chúng tạo mọi duyên lành cho Lễ Hội thành tựu. Thượng Toạ đồng thời tri ân đến Chư Tôn Đức Tăng Ni Phật Tử gần xa thân lâm phó hội, các hội đoàn thông tin báo chí, ban ngành đã đóng góp hết sức mình. Thượng Toạ cũng xin Chư Tôn Đức và Đại chúng hoan hỷ cho những thiếu sót trong cung đón và tổ chức Lễ. Thượng Toạ cầu nguyện và chúc lành đến toàn thể chư Tôn Đức và Đại Chúng.

Đêm chủ nhật 29/09/2013 là đêm Hội của những niềm vui: Lễ Hội Về Nguồn thành tựu, mừng Chùa Cổ Lâm 30 năm phát triển, mừng Thọ 71 tuổi Hòa Thượng Viện Chủ Chùa Cổ Lâm. Chư Tăng cũng tham gia văn nghệ đọc thơ tặng, đặc biệt là chương trình văn nghệ phong phú với sự tham gia của GDPT Liễu Quán, các ca sĩ địa phương, với sự góp mặt của hai danh ca: Giang Tử và Hồ Hoàng Yến. Trời mưa lạnh nhưng mọi người vẫn hào hứng tham dự đến hơn 10 giờ đêm. Có lẽ đây là đêm hoan hỷ nhất của Chùa Cổ Lâm trong suốt 30 năm qua.



**NGÀY VỀ NGUỒN—HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ LẦN THỨ 7
TẠI CHÙA CỔ LÂM, THÀNH PHỐ SEATTLE, WASHINGTON, TỪ 27—29 THÁNG 9 NĂM 2013**

Thời gian trôi qua nhanh, 3 ngày Lễ Hội hoàn mãn và mọi người ra về trong hoan hỷ. Trong suốt thời gian Lễ Hội tại Chùa Cổ Lâm, mọi người sinh hoạt với tâm niệm:

"Khắp nơi Phật tử hướng về, quyết tâm xây nhà Giáo hội, báo đền quốc tổ ân sư.

Mười phương tăng ni câu hội, kết thành những đóa tường vân, sáng thêm con đường phụng sự.

Hội hợp trong thanh tịnh, Bàn luận trong tương kính

Thành tựu trong hòa hợp, Ra về trong hoan hỷ."

Có đến rồi có đi, có sum họp rồi có chia tay thế nhưng tất cả những ân tình, kỷ niệm, giọng nói, nụ cười, câu chuyện lúc uống trà, lúc dạo sân chùa, chuông mõ công phu Chùa Cổ Lâm vẫn còn vang vọng trong tâm thức mọi người và thêm hành trang tâm linh cho cuộc sống và hành Đạo. Bạc Xuất Trần Thượng Sỹ là người vừa biết sống một mình, vừa biết khép mình, hài hòa trong Tăng Thân, bởi vì ý nghĩa của Tăng là đoàn thể hòa hợp thanh tịnh cùng tu hành. Đến với nhau, sống với nhau, chia sẻ với nhau, hiểu, thương và hỗ trợ cho nhau, nổi kết Tinh Pháp Duyên Tăng, "đức chúng như hải" là nguồn tựa vững chắc cho mỗi hành giả trước những khó khăn, thử thách trên hành trình, cho dù mỗi người trên những đoạn đường khác nhau nhưng cùng chí hướng và luôn có sự hộ trì Tam Bảo. Gương sáng người xưa và tâm nguyện chung của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại là nguồn động lực vô biên nâng bước chân hành giả thẳng hoa trên mỗi bước đường. Nước rời khỏi đại dương chu du khắp nơi trên mọi kênh lạch, sông ngòi, tưới tắm cho sự sống nhưng rồi cuối cùng cũng hòa nhập về đại dương.

Nguyện cầu cho tất cả thành tựu hành hoạt, năng lực này mang đến cho đời nhiều nội dung Phật chất và những sứ giả Như Lai đi khắp muôn nơi làm tốt Đạo, đẹp Đời để hàn gắn những đổ vỡ, để kết tình anh em, làm vơi những nỗi khổ niềm đau, xóa bỏ chiến tranh, thù hận, xây đắp cho đời thêm chân thiện mỹ, cho Việt Nam với nhân quyền, dân chủ, độc lập, hòa bình, hưng vượng, hạnh phúc, cho thế giới hòa bình, nhơn sinh an lạc. Xa mặt nhưng không cách lòng, chúng ta gặp nhau trong chí hướng chung: phụng sự Đạo Pháp và chúng sanh và chúng ta sẽ gặp nhau trong Ngày Về Nguồn lần thứ VIII tại Chùa Pháp Bảo, Sydney, Úc Châu vào 10/2014.

Nguyện cầu uy linh Lịch Đại Tổ Sư chứng minh và gia bị cho tâm nguyện và hành trình mỗi hành giả thẳng hoa và thành tựu.

Calif, Chùa Đại Bi Quan Âm, mùa Thu 2013, PL 2557
Thích Minh Tuệ



DỊ ỨNG THỰC PHẨM

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức



Mấy phút sau khi ăn món tráng kem miệng với dâu tươi, bà Cúc thấy trong người bần thần, mặt nóng bừng, lưng ngứa và đổ mồ hôi. Sau đó ruột bà cồn cào như muốn ói. Chạy vội vào nhà vệ sinh, bà tổng xuất hết những thức ăn vừa ăn vào. Đây không phải là lần đầu tiên bà bị như thế này. Bà nhớ lại là mình không ăn được món dâu tươi!

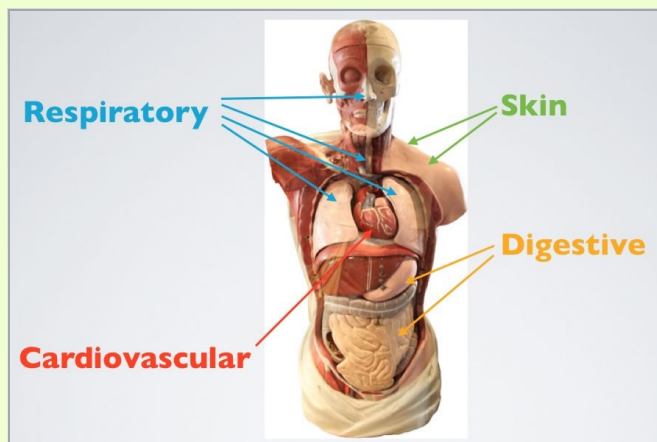
...Đang vui vẻ quanh bàn nhậu với mấy chai bia, vài con cua rang muối, anh Vinh bỗng thấy môi ngứa, mắt chảy nước cay sè, mũi nghẹt và khó thở. Anh phải ngưng ăn chạy vào trong phòng nằm nghỉ và nhờ vợ lấy cho mấy viên Bénadryl, vì anh tự biết mình đã bị dị ứng với thức ăn...

Những trường hợp vừa nêu trên không phải là cá biệt, mà là rất thường gặp. Nhiều người luôn luôn có cùng những phản ứng với một vài thức ăn, những thứ mà thường ra có công dụng nuôi dưỡng cơ thể. Họ đã bị dị ứng đối với các loại thực phẩm này.

Theo thống kê, trên thế giới cứ 100 người thì có khoảng 2 người bị dị ứng với thực phẩm và thường gặp nhất là ở trẻ em. Riêng tại Hoa Kỳ thì tỷ lệ người bị dị ứng nói chung lên đến 19% dân số. Tuy nhiên, các quan sát mới đây cho thấy là trong một số trường hợp người ta đã sai lầm khi ta gán cho thực phẩm những điều bất lợi mà thực sự chúng không gây ra. Do nhận xét sai lầm này, có nhiều người đã tránh không ăn một số thực phẩm cần thiết cho cơ thể chỉ vì sợ phản ứng, và điều này dẫn đến tình trạng kém dinh dưỡng. Những lo ngại không chính đáng chỉ là do sự thiếu hiểu biết đầy đủ và không nắm vững được vấn đề.

Dị ứng thực phẩm

Dị ứng thực phẩm đã được dùng để giải thích nhiều triệu chứng đôi khi có liên hệ hoặc không có liên hệ tới thực phẩm mà ta ăn vào. Nhiều người dễ dàng gán cho thực phẩm là thủ phạm của sự mệt mỏi, nhức đầu, kinh nguyệt không đều nhưng thực ra lại do căng thẳng tâm thần; có nhiều người cứ tưởng mình dị ứng với một món ăn mà thực ra họ không bị.



Dị ứng thực phẩm liên can tới hiện tượng miễn dịch với chất trung gian Histamin. Dị ứng khác với hiện tượng không dung nạp (intolerance) thực phẩm trong đó không có Histamine.

Dị ứng có thể gây tổn thương cho da, miệng, bao tử-ruột và hệ thống hô hấp.

Da là bộ phận chính mà mà dị ứng thực phẩm thường tấn công. Một giờ sau khi ăn phải món ăn gây dị ứng là da đã nổi đỏ, ngứa, thậm chí sưng tấy. Trẻ con bị dị ứng thực phẩm thường nổi ngứa phần da trên mặt, chân tay và đầu.

Người bị dị ứng thường nôn mửa, đau bụng đi tiêu chảy. Niêm mạc miệng sưng và ngứa. Hô hấp rối loạn như nghẹt mũi hoặc chảy nước mũi, hắt hơi, ngứa lỗ mũi, khó thở... Dị ứng thực phẩm nhiều khi cũng gây ra cơn suyễn ở người có sẵn căn bệnh này.

Bình thường, các triệu chứng trên chỉ thoáng qua, nhưng đôi khi có thể kéo dài và trầm trọng hơn. Nạn nhân có thể bị nghẹt thở, tim đập nhanh, huyết áp xuống thấp, đưa tới hôn mê, đôi khi tử vong. Đó là những trường hợp phản ứng quá mẫn cảm.

Dị ứng thực phẩm gây ra do chất đạm của thực phẩm. Bất cứ chất đạm nào cũng có thể gây ra phản ứng này, nhưng thường thường ta chỉ có vấn đề với vài ba món ăn mà thôi.

Trẻ em hay bị dị ứng với sữa, trứng, đậu phộng, đậu nành, lúa mì, cá. Người lớn thì thường dị ứng với tôm cua, đậu phộng, cá, trái dâu. Trước đây sô-cô-la cũng được gán cho là gây dị ứng. Nhiều người bị dị ứng vì ảnh hưởng tâm lý chứ thực phẩm đó thực ra không gây dị ứng.

Vài điều cần lưu ý về dị ứng với thực phẩm:

- Dị ứng có thể xảy ra tức thì hoặc vài giờ sau khi ăn;
- Dị ứng thường xảy ra vào những lúc có nhiều căng thẳng, xúc động;
- Với một số người, dị ứng chỉ xảy ra khi ăn với một số lượng khá nhiều, nhưng với người khác thì chỉ cần một chút thức ăn là đã có thể gây khó chịu;
- Thực phẩm cùng họ có thể gây ra dị ứng như nhau. Chẳng hạn như, người bị dị ứng với hành thì cũng có thể dị ứng với tỏi;
- Cùng một loại thực phẩm có thể gây ra các triệu chứng khác nhau ở mỗi người;
- Dị ứng có thể xảy ra giống nhau ở nhiều người trong cùng một gia đình vì hiện tượng miễn dịch là do di truyền kiểm soát.
- Dị ứng có thể đưa tới tình trạng kém dinh dưỡng, vì người bị dị ứng tránh không ăn hoặc không hấp thụ được món đó nhưng không biết tìm những món tương đương để thay thế;
- Dị ứng thường thấy ở trẻ em nhiều hơn người lớn.

Xác định và điều trị dị ứng thực phẩm

Chưa có thử nghiệm nào để xác định là một người có dị ứng đối với một thực phẩm nào đó hay

không. Vì thế, để có thể xác định thì đơn giản nhất là dùng phương pháp loại trừ. Nếu sau khi ăn một loại thực phẩm nghi là gây dị ứng mà không có triệu chứng gì thì loại trừ khả năng dị ứng với loại thực phẩm đó, còn nếu có những phản ứng khó chịu thì đúng là dị ứng rồi.

Có thể dùng phương pháp thử nghiệm trên da với một số lượng nhỏ thức ăn để xem thức ăn đó có gây dị ứng hay không. Đôi khi cũng có thể thử máu để xem có sự hiện diện kháng thể của một thực phẩm đáng nghi nào đó.

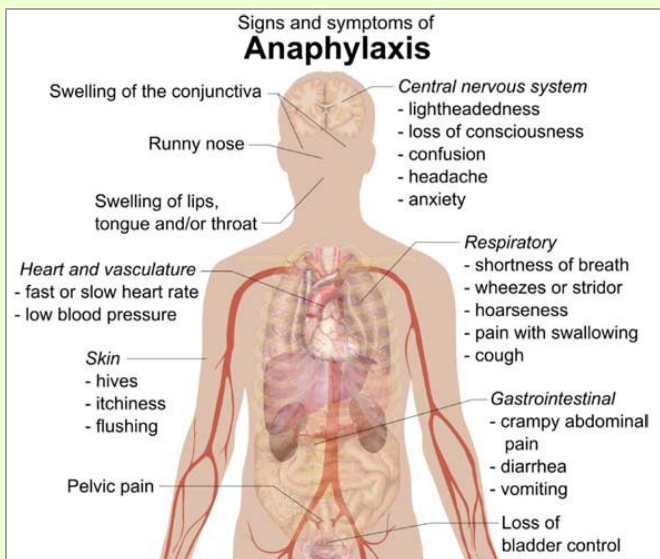
Hiện nay không có thuốc gì để điều trị cho khỏi bị dị ứng với thực phẩm, nên chỉ có cách tốt nhất là dù thèm muốn đến đâu cũng phải tránh xa loại thực phẩm đã gây ra dị ứng cho mình.. Với thời gian, sự miễn cảm ở trẻ em có thể mất dần đi, nhưng với người lớn thì hầu như sẽ tồn tại suốt đời.

Dị ứng thường không gây ra hậu quả trầm trọng, ngoại trừ những hiện tượng thông thường như ngứa đỏ ngoài da, nghẹt mũi, chảy nước mắt... Trong những trường hợp này, chỉ cần dùng thuốc kháng histamin để giảm các triệu chứng do chất này gây ra hoặc thoa thuốc trị ngứa trên da. Những thuốc kháng histamin thường dùng là Benadryl, loratadine (Claritin), Tavist...

Nhưng nếu có các triệu chứng như nghẹt thở, tim đập nhanh, huyết áp giảm, da mặt tái xanh, đau đầu như búa bổ, đau bụng, đi tiêu chảy, sưng lưỡi, sưng cuống họng, sưng môi, ngứa toàn thân...thì đó là trường hợp phản ứng quá mẫn cảm (anaphylactic reaction), hay còn gọi là sốc phản vệ (anaphylactic shock), có thể dẫn đến tử vong và cần được điều trị tức thì tại phòng cấp cứu.

Có nhiều ý kiến khuyên người hay bị phản ứng quá mẫn cảm cần biết sử dụng thuốc Epinephrine để tự cấp cứu trong khi chờ đợi được đưa đến bệnh viện. Tuy nhiên trong thực tế có nên làm như thế hay không cần phải có ý kiến và hướng dẫn cụ thể của bác sĩ điều trị. Để việc tự cứu chữa được an toàn.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com



TRÊN ĐÓA SEN HỒNG

Kỷ niệm Khóa Tu Học Phật Pháp lần thứ I,
ại Chùa Phật Ân, Mùa Thu Minnesota 2013

Trên đóa sen hồng Phật ngự

Nhiệm màu một cõi chân như

Vượt thoát nhiễm ô trần cấu

Tỏa hương thơm ngát thái hư.

Trong cõi trầm luân uế trược

Bao người ganh ghét lẫn nhau

Được mát, hơn thua, tốt xấu

Bủa giăng vạn nẻo u sầu.

Con nguyện sống đời biết đủ

Vị tha chia sẻ cùng nhau

Đẹp bỏ tự cao tự đại

Đề tâm an trú nhiệm màu.

Mỗi bước chân vào thiên quán

Duyên sinh vô ngã vận hành

Các pháp không rời tự tánh

Lấy gì chia sẻ, phân tranh.

Địa Tạng sáng soi hạnh quý

Tâm lành như đất mênh mông

Nhờ sạch nào tâm phân biệt

Như như bất động tuyệt trần.

Thường Bất Khinh bỏ tất ấy

Ngàn năm lồng lộng trời mây

Cung kính lễ, Người Là Phật

Chân dung tuyệt bích còn đây.

Tất cả phù sinh huyền mộng

Sớm còn tối mất, bèn đâu?

Con chấp tay hoa lay Phật

Ngày đêm tỉnh giác thật sâu.

Con nguyện quay về nương tựa

Thực hành giáo pháp cao thâm

Quán chiếu trong từng hơi thở

Đây vui không chút mê lầm.

Hạnh Phật ngày xưa còn đó

Xả thân cầu Pháp chẳng nề

Muôn kiếp vững vàng chí nguyện

Công viên quả mãn bồ đề.

thơ THÍCH HẠNH TUỆ

TÁNH KHÔNG

Nguyễn Trung Hiếu

Theo khoa học, “không” là rỗng, trống rỗng, không có không khí, không còn nguyên tử ở bên trong, hoàn toàn là chân không. Thế nhưng chữ “không” của đạo Phật có nghĩa lý khác hẳn. “Tánh không” có nghĩa là thực tánh của vạn vật là “không”, “không” là không thật. Thế giới vật chất mà chúng ta nhận thấy bằng mắt không phải là thực tướng của chúng. Chữ “không” của đạo Phật có những ý nghĩa như sau:

A) “Không” là vì không thật, chỗ không phải là không có.

“Tánh không” là một trong những điểm cương yếu trong giáo lý đạo Phật. Huệ Năng, vị tổ sư thứ sáu của môn phái Thiền tông có sáng tác bốn câu thơ bất hủ như sau:

*Bồ đề bốn vô thọ
Mình cảnh diệc phi đài
Bốn lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai*

Hai câu đầu nói rằng: không có cây Bồ đề, cũng không có đài gương nào cả. **Cây Bồ đề và đài gương mà ta nhìn thấy chỉ là hư ảo, do nhiều thành tố như Tứ đại giả hợp, chỗ không có thật, không phải là thực tướng của chúng. Lục tổ muốn chỉ cho chúng ta thấy cái bản chất “Tánh không” của vạn vật. Sắc tức thị không, không tức thị sắc. (form is emptiness, emptiness is form)**

B) “Không” là vì không phải tự nhiên mà có.

Vạn vật là quả của nhân và duyên nào đó đã tạo thành. Chẳng hạn như hạt giống khi hội đủ điều kiện về nước thì sẽ tăng trưởng thành cây. Cây không tự nhiên mà có, mà là quả của cái nhân là hạt giống và của cái duyên là nước. Vật lý gia **Lavoisier** cũng nhận thấy như vậy nên đã nói: Rien ne se perd, rien ne se crée, có nghĩa là **không có gì tự biến mất và cũng không có gì tự tạo ra cả.**

Tất cả chỉ là sự biến dạng, thay đổi trạng thái vật lý mà thôi.

Chẳng hạn lửa đun nước thành hơi. Hơi nóng này là nhiệt năng. Nước tương chừng như đã biến mất, nhưng thực sự thì nước chỉ biến dạng thành hơi. Như vậy nước là nhân còn hơi là quả. Đến khi hơi gặp lạnh sẽ ngưng đọng lại thành nước. Hơi thay đổi trạng thái vật lý và trở lại thể lỏng. Trường hợp này thì ngược lại. Nước là quả và có được là nhờ cái nhân là hơi và các phụ duyên đã tạo ra.

C) “Không” là vì không có tự thể độc lập.

Vạn vật hiện hữu, là nhờ liên kết, liên hợp với các vật khác (interdependent). Thí dụ: Đất bụi, cát đá là do các hạt điện tử (electron, proton, neutron) liên kết tạo thành, giống như các hành tinh: kim tinh, mộc tinh vân vân của Thái dương hệ. Chúng không phải là một khối rắn chắc, một thực thể độc lập thuần nhất. Vật này chỉ khác vật kia ở số lượng điện tử và ở phương cách liên kết của chúng mà thôi. Với thị giác yếu kém của con người, chúng ta có ảo tưởng chúng là một khối rắn chắc và lầm tưởng là chúng có bản thể khác nhau. Thực sự thì bản thể của vạn vật đều giống như nhau. **Tất cả vạn vật đều do những hạt điện tử li ti tạo thành.** Vì thế từ hơn 2500 năm trước đây, đức Phật đã thấy được bản thể của vạn vật là giống nhau, là thuần nhất, cho nên đức Phật đã dạy: **“Vạn vật đồng nhất thể”** và mãi đến ngày nay, con người mới kiểm chứng được và nhận thấy đúng.

D) “Không” là vì vạn vật chỉ là những dạng khác nhau của năng lượng mà thôi.

Nghiên cứu sâu xa hơn nữa về bản thể của các hạt điện tử trên, khoa học gia nhận thấy chúng chứa đựng bên trong điện tích (electric charge) và năng lượng mà thôi. Vì thế nhà bác học **Roger Godel** viết trong quyển sách: **Expérience libérale** như sau: La vision de l’homme de science parvenu à la

position extrême de sa recherche se résout en un monde étrange: C’est un pur système d’énergie. La notion commune de substance est perdue, évaporée, có nghĩa là **nhân quan của nhà khoa học khi nghiêm cứu đến chỗ cùng tột, tìm thấy một thế giới lạ lùng: Tất cả chỉ còn là một hệ thống năng lượng. Quan niệm thông thường về vật chất đã mất đi, tan ra mây khói.** Thực vậy bản thể của hơi nóng là nhiệt năng; bản thể của khối plutonium là nguyên tử năng; bản thể của tia Laser là quang năng; bản thể của dung dịch a-xít là hoá năng, vân vân.

Hơn thế nữa nhà bác học nổi tiếng của thế kỷ thứ 20, ông **Albert Einstein** không những chỉ nhận định mối tương quan: **Vật thể là năng lượng, năng lượng là vật thể**, trên lý thuyết như ông Roger Godel, mà ông A. Einstein còn xác định rõ ràng bằng một công thức thực nghiệm: **E = m c 2.**

Tóm lại tất cả vật thể dù ở thể lỏng, đặc hay thể hơi đều được cấu tạo bởi những hạt điện tử xoay vòng và cách xa nhau một khoảng rất xa, giống như các hành tinh của Thái dương hệ. Các nguyên tử này chứa đựng năng lượng ở bên trong. Khi phá vỡ các nguyên tử này thì sẽ làm phát sinh năng lượng nguyên tử theo công thức nói trên: **E = m c 2.** Do đó nếu có huệ nhãn (clairvoyant power), thì chúng ta sẽ thấy: **Vạn vật chỉ là những dạng khác nhau của năng lượng mà thôi, chỗ không có thật, không phải là thực tướng của chúng như ta đã nhìn thấy bằng ảo giác của mắt và đó là ý nghĩa của “Tánh không.”**



CẦU ĐƯỢC ƯỚC THẤY VỖN XƯA NAY PHÓNG TÂM LỘNG NGŨ ẮT CÓ NGÀY

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Khi Đức Thế Tôn an trú tại Xá-vê, có người con trai của một trưởng ty ngân khố tên là Xô-ray-da (Soreyya) cùng bạn bè thân tộc đồng xe ra ngoài thành để tắm sông. Bấy giờ Trưởng lão Ma-ha Ka-cha-da-na (Maha Kaccàyana) đang thiển hành khổ thực với y bát vàng rực ngoài thành Xô-ray-da. Nhìn thấy sắc thân vàng óng của Trưởng lão, Xô-ray-da thăm nghĩ:

- Ô, ước gì Trưởng lão là vợ của ta! Hoặc vợ ta có sắc thân vàng óng như Trưởng lão!

Ý nghĩ vừa thoáng qua đầu óc Xô-ray-da thì chàng liền biến thành một phụ nữ. Chàng xuống xe với tâm trạng bối rối và cầm đầu chạy. Không biết chuyện gì xảy ra, đám tùy tùng thắc mắc:

- Thế là thế nào? Tại sao vậy?

Sau khi biến nam thành nữ, Xô-ray-da hoảng quá, lồm lũi đi thẳng về hướng Ta-ka-xi-la (Takkasila). Các bạn đồng hành tìm chàng khắp nơi nhưng không gặp. Số người đang tắm vội lên bờ, thay đồ và về gấp. Họ bị chất vấn:

- Xô-ray-da đâu?

- Chúng tôi nghĩ tắm xong cậu ấy đã về rồi.

Cha mẹ Xô-ray-da thất kinh, chạy tìm cùng khắp, nhưng không gặp chàng. Họ vô đầu bứt tóc, than khóc nghe não nuột. Cuối cùng họ cho rằng Xô-ray-da đã chết đuối, và thiết lễ ma chay giải oan.

Thấy đoàn người đang đi về hướng Ta-ka-xi-la, Xô-ray-da, một thiếu nữ kiều diễm, lững thững theo sau xe ngựa của viên trưởng đoàn. Thấy vậy, một thanh niên trong đoàn hỏi:

- Xin lỗi, cô là ai? Sao cô theo hoài xe chúng tôi vậy? Hay là mời cô lên xe cho đỡ mệt.

- Cảm ơn! Tôi đi bộ được rồi. Các ông cứ tự nhiên.

Đi được một đoạn khá xa, Xô-ray-da thăm mệt. Không thể tiếp tục từng bước bộ hành, nàng đành phải hối lộ cho người trưởng đoàn một viên ngọc quý để có chỗ trên

xe. Đoàn lữ hành liền nghỉ:

- Con trai của trưởng ty ngân khố ở Xá-vê chưa vợ. Chúng ta sẽ cho cậu ấy biết về cô phụ nữ xinh đẹp này, và chúng ta chắc sẽ có quà hậu hỷ.

Khi đến Ta-ka-xi-la, họ báo tin cho cậu ngay:

- Cậu hai, chúng tôi đã mang về cho cậu một viên ngọc quý của người phụ nữ kiều diễm.

Được tin vui, chàng liền cho mời Xô-ray-da đến. Thấy cô xinh đẹp và trạc tuổi với mình, chàng yêu nàng và lấy nàng làm vợ tức khắc.

Xô-ray-da lấy con trai của trưởng ty ngân khố thành Ta-ka-xi

rất nòng hậu. Ngạc nhiên trước sự đón tiếp trọng vọng, khách hỏi:

- Thưa bà, tôi chưa bao giờ gặp bà, nhưng bà tiếp tôi tử tế quá. Bà biết tôi?

- Vâng, tôi biết rất rõ. Ngài sanh ra và lớn lên tại thành Xô-ray-da, phải không?

- Vâng, đúng thế, thưa bà.

Sau đó Xô-ray-da hỏi thăm sức khỏe cha mẹ, vợ con và được khách cho biết tất cả đều khỏe mạnh. Nhưng khách thắc mắc hỏi:

- Sao bà biết họ?

- Vâng, tôi biết họ rõ lắm. Họ có một người con trai duy nhất. Bấy giờ anh ấy ở đâu, thưa ngài?

- Xin bà đừng nhắc đến anh ấy. Một hôm, chúng tôi cùng đánh xe ra ngoài thành để tắm, thỉnh linh anh ấy biến mất. Chúng tôi không ai biết anh ấy đi đâu, và việc gì đã xảy ra. Chúng tôi tìm khắp mọi nơi, nhưng không thấy tăm hơi gì cả. Cuối cùng, chúng tôi báo tin buồn cho cha mẹ anh ấy. Họ khóc than ai oán và lập đàn giải oan cho vong linh của người xấu số.

- Trời ơi, anh ấy là tôi đây nè!

- Thưa bà, không phải chuyện đùa! Anh ấy là bạn chí thân của tôi. Anh ấy thông minh, tài trí và rạng rỡ như một thiên thần.

- Khôi lo, này ông bạn quý của ta! Ta chính là con trai của trưởng ty ngân khố thành Xô-ray-da.

- Sao có chuyện lạ vậy!

- Thế ông bạn còn nhớ gặp Trưởng lão Ma-ha Ka-cha-da-na ngày hôm đó không.

- Có chứ, làm sao quên được!

Người trông vàng rực như ông Phật ấy mà!

- Ô, khi nhìn Trưởng lão, ta đây tâm tham luyến: Ước gì Trưởng lão là vợ ta, hoặc vợ ta có sắc thân vàng óng như Trưởng lão. Và ngay lúc khởi niệm như thế, ta liền biến nam thành nữ. Bối rối và xấu hổ quá, không dám cho ai biết, đành phải trôi giạt đến đây.

- Thế là sai lầm! Tại sao không cho tôi biết? Và anh đã sám hối



-la, và sau ba năm, nàng sanh được hai bé trai nữa. Thế là Xô-ray-da làm cha của hai bé trai tại thành Xô-ray-da, và làm mẹ của hai bé trai ở thành Ta-ka-xi-la, tổng cộng là bốn trai.

Bấy giờ có bạn đồng hành của Xô-ray-da đem 500 thương xa từ Xô-ray-da đến thành Ta-ka-xi-la buồn bán. Xô-ray-da đứng tại cửa sổ trên lầu nhìn xuống đoàn xe, và nhận ra ngay người bạn thân của mình. Nàng sai thị nữ đi mời khách quý đến tư dinh và tiếp đãi

Trường lão chưa?

- Chưa! Tôi không dám. Làm sao mở miệng nên lời. Nhưng cậu có biết hiện giờ Trường lão ở đâu không?

- Ngài ở gần đây, ngay trong thành này.

- Già mà ngài an trú nơi đây, ta sẽ cúng dường vật thực và giúp đỡ ngài.

- Thế thì tốt! Hãy chuẩn bị lễ vật. Tôi sẽ đi xin ngài hỷ xả cho anh.

Người bạn năm xưa của Xô-ray-da đến gặp Trường lão, cung kính đánh lễ ngài, ngồi sang một bên và thưa:

- Bạch Trường lão, ngày mai thỉnh ngài đến nhà con thọ nhận lễ vật cúng dường.

- Xin lỗi, cậu không phải là du khách?

- Xin Trường lão đừng bận tâm về việc con là du khách hay không du khách. Thỉnh Trường lão ngày mai đến nhà con.

Ngày hôm sau, theo bước thiền hành, Trường lão đến đứng trước cửa nhà thí chủ. Ngài được mời ngồi trên một chiếc ghế sang trọng với nhiều lễ vật quý hiếm bày ra trên bàn trước mặt. Sau đó thí chủ dẫn người phụ nữ ra quỳ dưới chân ngài, đoạn cậu đánh lễ và thưa:

- Bạch Trường lão, xin Trường lão từ bi hỷ xả cho cái tội tạp niệm của bạn con đây.

- Thế là thế nào? Ta chưa hiểu!

- Bạch Trường lão, người phụ nữ này vốn là bạn trai của con. Một hôm ngắm sắc tướng kỳ diệu của ngài, bỗng khởi tâm tham luyến, và liền biến nam thành nữ. Xin ngài xót thương hỷ xả cho cái tội vô minh của chúng sanh.

- Thôi được rồi! Hãy đứng lên. Ta không biết việc này, nhưng nguyện hỷ xả tất cả.

Sau đó ngài tán dương sắc diện của Đức Bổn Sư:

Dung nhan Phật tổ tợ trắng rằm,

Như vầng hồng nhựt tỏa nắng trong,

Lung linh chiếu khắp vòng trời đất,

Hỷ xả từ bi khởi tận lòng.

Trường lão vừa dứt lời thì Xô-ray-da liền biến nữ thành nam. Quý tử của trường ty ngân khố thành Ta-ka-xi-la nói với vợ:

- Em yêu quý, chúng ta là cha là mẹ của hai con thơ. Chúng ta phải có bốn phận chăm sóc chúng nên người. Em đừng buồn, và không nên đi đâu.

- Anh yêu, em đã trải qua hai lần biến đổi thân tướng trong một

SAY THƠ MÙA ĐÔNG

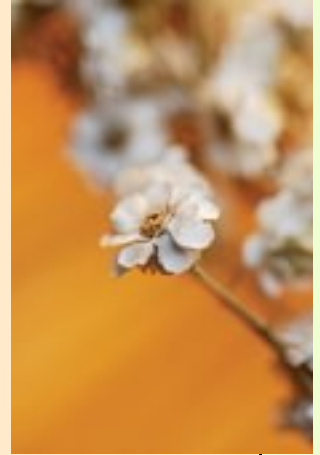
*chân bước thưa dần-nắng vươn vai
hồn ai chênh mảng dáng thu phai
dung nhan xô lệch khoang thuyền rỗng
kín cửa mùa đông hát thánh bài*

*đạo đỉnh non bông niu áng mây
tay vin áo chúa xoè cánh bay
đầy túi tâm như sương rượu ảo
sẽ uống cùng ai cho thật say*

*ngiêng ngã cháy lòng quỳn hương thơ
thơ từ cổ thụ chia cành khô
thời gian tóc lở bồi vô hạn
hoá thân vậy, cánh cũng chào thua*

*bật dậy truy tìm cơn mộng du
vòng lẩn âm i khói ngàn thu
ngoài cửa xuyên trùm cơn địa chấn
ú ó - gặt gù - tiếng chó tru!!!*

thơ LÊ PHƯƠNG CHÂU



kiếp người: từ nam qua nữ, rồi từ nữ trở lại nam. Trước kia em là cha của hai con trai, gần đây là mẹ của hai con trai. Vậy là quá đủ rồi. Em không thể vào ra căn nhà thế tục nữa. Em sẽ là Sa-môn, là đệ tử của Trường lão. Anh chăm sóc hai con cẩn thận, đừng để chúng tủi thân.

Nói xong, Xô-ray-da ôm con vào lòng, hôn chúng, xong trả con lại cho cha chúng, và ra khỏi nhà với chí nguyện xuất gia, hành đạo.

Trường lão chấp thuận Xô-ray-da vào Tăng đoàn với nguyên danh hiệu và lên đường về Xá-vệ.

Được tin kỳ lạ, dân chúng trong thành rất hân hoan, phấn khởi. Họ đến gần Sa-môn Xô-ray-da, hỏi:

- Tin đồn Trường lão là cha của hai bé trai, rồi là mẹ của hai bé trai nữa, có đúng vậy không? Nếu đúng thì Trường lão thương cặp trai nào hơn?

- Cặp trai mà ta là mẹ! Ta khẳng định như thế.

Sau khi từ giã đám đông, Trường lão Xô-ray-da thường đi đứng nằm ngồi một mình, lúc nào cũng trầm tư quán tưởng về

lẽ sinh diệt, biến hoại và cuối cùng chúng quả A-la-hán với phép màu vi diệu.

Sau đó nhiều người đến thăm Trường lão và hỏi:

- Sự thế như vậy sao? Sư thương yêu hai cháu nào nhất?

- Sự thật là như vậy, này các huynh đệ, và ta không còn luyến ái với cháu nào nữa cả.

Nghe thế, các Sa-môn đến gặp Đức Thế Tôn, thưa:

- Bạch Thế Tôn, Sa-môn Xô-ray-da nói năng e chưa thật. Trước kia sư nói sư thương hai cháu mà sư làm mẹ nhất. Nay sư nói không luyến lưu thương cảm ai cả. Như vậy phải chăng là vọng ngôn, bạch Thế Tôn!

- Này các thầy Tỳ-kheo, tâm tư ngôn hạnh của Xô-ray-da đã quang minh chính đại từ khi thầy ấy chứng thành đạo quả. Không mẹ cha hay con cái nào mang lại phước điền cho nhau, trừ tự tâm thanh tịnh và sở nguyện chân thành.

*Nói xong, Ngài đọc kệ:
Mẹ cha hay bà con,
Không làm gì được cả,
Chính nhờ tâm nguyện lành,
Đưa ta lên cao cả.*

(PC. 43)

The Story of Soreyya

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (43) of this book, with reference to Soreyya, the son of a rich man of Soreyya city.

On one occasion, Soreyya accompanied by a friend and some attendants was going out in a luxurious carriage for a bath. At that moment, Thera Mahakaccayana was adjusting his robes outside the city, as he was going into the city of Soreyya for alms-food. The youth Soreyya, seeing the golden complexion of the thera, thought, "How I wish the thera were my wife, or else that the complexion of my wife were like that of his." As the wish arose in him, his sex changed and he became a woman. Very much ashamed, he got down from the carriage and ran away, taking the road to Taxila. His companions missing him, looked for him, but could not find him.

Soreyya, now a woman, offered her signet ring to some people going to Taxila, to allow her to go along with them in their carriage. On arrival at Taxila, her companions told a young rich man of Taxila about the lady who came along with them. The young rich man, finding her to be very beautiful and of a suitable age for him, married her. As a result of this marriage two sons were born; there were also two sons from the previous marriage of Soreyya as a man.

One day, a rich man's son from the city of Soreyya came to Taxila with five hundred carts. Lady-Soreyya recognizing him to be an old friend sent for him. The man from Soreyya city was surprised that he was invited, because he did not know the lady who invited him. He told the lady-Soreyya that he did not know her, and asked her whether she knew him. She answered that she knew him and also enquired after the health of her family and other people in Soreyya city. The man from Soreyya city next told her about the rich man's son who disappeared mysteriously while going out for a bath. Then the Lady-Soreyya revealed her identity and related all that had happened, about the wrongful thoughts with regard to Thera Mahakaccayana, about the change of sex, and her marriage to the young rich man of Taxila. The man from the city of Soreyya then advised the lady-Soreyya to ask pardon of the thera. Thera Mahakaccayana was accordingly invited to the home of Soreyya and alms-food was offered to him. After the meal, the lady-Soreyya was brought to the presence of the thera, and the man from Soreyya told the thera that the lady was at one time the son of a rich man from Soreyya city. He then explained to the thera how Soreyya was turned into a female on account of his wrongful thoughts towards the respected thera. Lady-Soreyya then respectfully asked pardon of Thera Mahakaccayana. The thera then said, "Get up, I forgive you."

As soon as these words were spoken, the woman was changed back to a man. Soreyya then pondered how within a single existence and with a single body he had undergone change of sex and how sons were born to him, etc. And feeling very weary and repulsive of all these things, he decided to leave the household life and joined the Order under the thera.

After that, he was often asked, "Whom do you love more, the two sons you had as a man or the other two you had as a wife?" To them, he would answer that his love for those born of the womb was greater. This question was put to him so often, he felt very much annoyed and ashamed. So he stayed by himself and with diligence, contemplated the decay and dissolution of the body. He soon attained Arahathship together with the Analytical Insight. When the old question was next put to him he replied that he had no affection for any one in particular. Other Bhikkhus hearing him thought he must be telling a lie. When reported about Soreyya giving a different answer, the Buddha said, "My son is not telling lies, he is speaking the truth. His answer now is different because he has now realized Arahathship and so has no more affection for anyone in particular. By his well-directed mind my son has brought about in himself a well-being which neither the father nor the mother can bestow on him."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 43:

Not a mother, nor a father, nor any other relative can do more for the well-being of one than a rightly-directed mind can.

At the end of the discourse many attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**

Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma 1986.

A BIGGER BUDDHIST CENTER FOR MORE PEACE OF MIND

The Bat Nha Meditation Center has broken ground on its new home on South Sullivan Street in Santa Ana.

By MACKENZIE REISS / ORANGE COUNTY REGISTER

SANTA ANA – It will be a place of tranquility, where young and old can gather, and where adherents to one of the world's oldest religions can seek the Middle Way.

The Bat Nha Buddhist Meditation Center has broken ground on its new home on South Sullivan Street, in a neighborhood west of Jerome Park.

About Buddhism

Buddhism: Founded in India about 500 B.C. by Buddha

Founder: Buddha, which means "enlightened one," was the name given to Gautama Siddhartha by his followers.

Followers: Estimated at about 350 million, mostly in India, Tibet, China, Japan, Korea and South-east Asia, with about 1 million in the United States.

Beliefs: Correct thinking and self-denial will enable the soul to reach nirvana, a state of release into ultimate enlightenment and peace. Until nirvana is reached, believers cannot be freed from the cycle of death and rebirth.

"Buddhism is a path of practice and spiritual development leading to insight into the true nature of reality," says The Buddhist Centre. "Buddhist practices like meditation are means of changing yourself in order to develop the qualities of awareness, kindness, and wisdom."

Sources: The Associated Press, religion-facts.com, about.com, thebuddhistcentre.com
Master Thich Nguyen Tri hopes the new temple for

The Bat Nha Buddhist Meditation Center

Established: 1996

President: Master Thich Nguyen Tri

Members: About 2,000

Address: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704

Phone: 714-571-0473

Form of Buddhism practiced: Mahayana. "The most distinctive teaching of the Mahayana is that the great compassion that is an inherent component of enlightenment is manifest in bodhisattvas (enlightenment beings)," says patheos.com. "These beings postpone nirvana (final enlightenment) in order to assist and guide those beings still suffering in the cycle of rebirths."

Behind the name: "Bat Nha is the name of a type of sutra, the Bat Nha Tam Kinh or Heart Sutra," said Steven Letran, a member. "Bat Nha Tam Kinh is the apex of the Mahayana Buddhism thought. It is mostly recited daily by monks and nuns. Studying Bat Nha Tam Kinh gives an insightful understanding about the whole Buddhism."



Bat Nha Buddhist Meditation Center will draw more local youth to the center and serve as a meeting place for the community.



Master Thich Nguyen Tri, observes the early stages of construction of the new temple for the Bat Nha Buddhist Meditation Center.





Bat Nha Buddhist Meditation Center, at 803 S. Sullivan St. in Santa Ana, is planning to replace its old buildings with a 8,551 square foot meditation center on its 1.46-acre site.



The Bat Nha Buddhist Meditation Center has broken ground on its new home at 803 S. Sullivan St. in Santa Ana. This is an architectural rendering of the new center.



Master Thich Nguyen Tri, who is holding a certificate of recognition from the city of Santa Ana in honor of the Oct. 6, 2013 groundbreaking.



Remnants of construction to improve the railing surrounding the Bat Nha Buddhist Meditation Center sits in front of a statue of Buddha.



Members of the Bat Nha Buddhist Meditation Center prepare food for meditation and language classes that are held over the weekend.

Trên đây là bản TIN ẢNH ngắn gọn do phóng viên Mackenzie Reiss thực hiện và đăng trên nhật báo Orange County Register số ra ngày Nov. 7, 2013. Phóng viên đã đến chùa Bát Nhã làm tin, phỏng vấn HT. Thích Nguyên Trí và một vài Tăng Ni nhân Lễ Khởi Công Xây Cất Chùa Bát Nhã. Thành phố Santa Ana đã cấp giấy phép và chùa Bát Nhã tiến hành đào móng, xây cất là một trong những công trình lớn có ảnh hưởng về kiến trúc và văn hóa cho Quận Cam nổi riêng, cho tiểu bang nói chung; đồng thời cũng là niềm hãnh diện của cộng đồng Phật tử Việt Nam sinh hoạt trên đất Hoa Kỳ. (Chánh Pháp)

Kẻ ở người đi

H.A.

Chàng thanh niên và người thiếu nữ đã cùng nhau trải qua thời niên thiếu thật đẹp ở ngôi làng bình yên dưới chân núi. Buổi sáng ai làm việc người nấy, buổi chiều rảnh rỗi họ cùng nhau đi tụng kinh nơi mái chùa làng. Thành thạo dân làng tụ tập ở chùa nghe các sư thuyết pháp, họ cũng đi theo. Phật pháp ngấm vào người đôi bạn trẻ một cách tự nhiên và vững chắc.

Một ngày nọ, chàng trai muốn đi xuất gia. Chàng nói ý định này với người bạn thanh mai trúc mã của mình. Nàng thiếu nữ nghe xong thoáng buồn và hỏi lại:

- Nhất định phải như vậy à?
- Anh muốn như vậy.
- Làm cư sĩ tại gia cũng được

mà.

- Em muốn như vậy sao?

Im lặng. Nàng không biết phải trả lời như thế nào. Phải chi nàng không hề hiểu gì về Phật pháp, không biết rằng "Ái dục là nguồn gốc của sanh tử luân hồi", thì có thể theo thói nữ thường tình rơi nước mắt tiếc nuối khi người bạn thân quen sắp bỏ mình đi. Đấng này cả nàng và chàng trai đều hiểu rõ điều ấy. Có điều, đâu phải hiểu rõ thì một sớm một chiều có thể dứt bỏ ngay nghiệp ái sâu nặng đeo bám chúng sinh đời đời kiếp kiếp.

Không thấy bạn mình nói gì, chàng trai cũng im lặng. Vài tuần sau, chàng qua từ biệt nàng thiếu nữ.

- Anh đã thưa với các sư. Đầu tháng tới anh sẽ được gửi lên ngôi chùa nhỏ trên núi để tập sự xuất gia. Em ở lại mạnh khỏe nhé.

- Không phải ở chùa này sao? Mạ là chùa trên núi sao?

- Ừ. Các sư nói như vậy.
- Ừ. Như vậy thì tốt hơn.

Im lặng. Mỗi người đều có những suy nghĩ riêng của mình, nhưng sâu thẳm trong lòng họ thì nghĩ rằng quả thật như vậy sẽ tốt hơn.

Nàng khẽ hỏi:

- Anh đi thật hả?
- Không. Anh bắt đầu dừng lại.

Em mới là người còn đi đó chứ.

Chàng trai cười khi nói với nàng câu ấy, để xua đi bầu không khí trầm lắng bấy giờ. Nàng mỉm cười. Chắc chàng lại lấy tích truyện Phật và tướng cướp Vô Nãi để nói với nàng đây. Truyện kể rằng khi Vô Nãi không tài nào đuổi theo kịp để giết Đức Phật, hắn mới bảo Phật dừng lại. Phật nói Như Lai đã dừng lại rồi. Hắn bảo Ngài nói dối, Ngài vẫn đi mà nói là dừng lại. Lúc đó Thế Tôn mới bảo hắn rằng Như Lai đã dừng lại từ lâu sự làm tội lỗi đưa đến đau khổ trong luân hồi, còn hắn thì vẫn chưa dừng sự sát hại sinh mạng có thể dẫn đến đọa chìm trong biển khổ luân hồi không biết ngày ra khỏi. Vô Nãi nghe đến đó liền tỉnh ngộ. Hắn lúc này đây, người bạn thân thương muốn trách nàng thiếu nữ rằng nàng đã biết được nghiệp ái là nguyên nhân dẫn đến sinh tử luân hồi mà vẫn còn mãi miết chưa chịu dừng lại.

Bắt gặp được nụ cười mỉm của nàng, chàng trai biết nàng đã hiểu ý mình. Nàng vốn rất chú tâm khi nghe pháp, lại thuộc nhiều câu chuyện cổ Phật giáo. Và lại họ chơi thân với nhau từ



nhỏ đến lớn nên chỉ cần liếc qua một cử chỉ, một cái nhíu mày hay nheo mắt cũng biết ngay trong lòng người kia đang nghĩ gì. Nhân duyên của chàng và nàng thật kỳ lạ và tốt đẹp. Hiếm có người con gái nào vững vàng và thấu hiểu như vậy. Bằng chứng là nàng bắt đầu giả vờ tị nạnh để trừ chàng:

- Đang là bạn bè như vậy mà sau này phải gọi anh là thầy, còn em xưng là con sao?

- Hay em xuất gia luôn đi.

- Không cần, vậy lại mang tiếng bắt chước anh hả? Cư sĩ Duy Ma Cật hiện thân cư sĩ tại gia mà các hàng đệ tử Phật cũng rất kính nể kia.

Nàng cười cười ra vẻ bướng bỉnh. Chẳng ai biết trong lòng nàng nghĩ gì. Nhưng chàng trai thì đã quyết chí cắt ái ly gia, một lòng cầu giải thoát sinh tử và nguyện đem tình thương trải rộng khắp chúng sinh.

Chàng biết rằng tình cảm của nàng đối với chàng vừa lo lắng vừa thương mến như một người em gái đối với anh trai. Ngày nào còn vui đùa hồn nhiên bên nhau, giờ phải tạm xa nhau, phàm phu ai không khỏi có chút quyến luyến ngậm ngùi. Rõ là cái cõi này có hợp thì có tan, vạn vật xoay vần biến chuyển còn đó mất đó. Vẫn vương hoài trong những thứ hư ảo thì không thể làm nên nghiệp lớn. Chàng hỏi nàng một câu, vừa có ý thử nàng nhưng cũng là thực tâm chàng thắc mắc:

- Anh hỏi thiệt, từ hôm anh nói sẽ đi xuất gia, em không muốn giữ anh lại sao? Mọi lần em sẽ mà nheo dữ lắm mà.

Nàng nhìn thẳng vào mắt chàng và chân thành đáp lại:

- Lúc đầu thì em muốn giữ anh lại. Nhưng sau đó về nhà suy nghĩ, em thấy anh đi xuất gia như vậy tốt hơn. Sống gần em đâu có tốt như sống gần Phật.

Nghe những lời trong sáng và thành thật như vậy, chàng trai rất cảm động. Chàng thầm nguyện cho cả chàng và nàng đều sẽ mau chóng thoát khỏi vòng quay luân hồi khổ não vô biên này.

Họ chia tay nhau, đường ai nấy đi. Mặt trời cũng sắp lặn. Từ xa vắng lại thanh âm lay động lòng người của tiếng chuông chùa ngân vang, như thức tỉnh khách trần mau tìm về với bốn tâm.



Không ân hận

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

Tàu vào ga, đỗ lại hơn nửa giờ, rồi lại tiếp tục hụ còi lẩn bánh. Thăng Sấm nhảy xuống tàu, băng đến ghé đá ngồi đếm tiền vừa bán được thuốc lá, kẹo chewinggum... Suốt từ sáng tới tối, nó đã bán được nhiều hàng, lời khoảng ba mươi nghìn đồng, mừng lắm, phải nhanh chân đem về cho mẹ thôi. Bất chợt, nó giật mình khi nhìn thấy bên cạnh đường ray phía trước mặt, cách chỗ nó ngồi chừng mười thước, có một túi xách bằng da của ai đánh rơi. Nó quét mắt nhìn quanh, chưa ai nhìn thấy, vội phóng đến nhặt ngay chiếc túi, cầm đầu bước như chạy về phía dãy tường nhà ga vắng vẻ. Ngoái đầu nhìn thử, không thấy có ai đuổi theo hay nhìn thấy nó đứng nơi đây, Sấm mới yên tâm mở thử túi xách. Một cục tiền. Quá khổng lồ. Chưa bao giờ thăng Sấm sờ nắm được một cục tiền to khủng khiếp như vậy. Nó run lên, không dám lục lợi tiếp, ngồi xồm xuống bần thần và mừng vui.

Tiền này mà đem về nhà, trao hết cho mẹ, chẵn chẵn nợ nần sẽ được trả sạch, và bệnh của mẹ sẽ được chạy chữa tới nơi. Mẹ đang thèm khát tiền, cần tiền, chờ ngóng tiền từng phút từng giờ, dù ít mẹ cũng mừng, dù chậm mẹ cũng vui... Mẹ đã viết hàng chục lá thư cầu cứu bạn bè, chị em, bà con thân tộc ở khắp xa gần trong nửa tháng qua, nhưng chẳng hề nhận được hồi âm. Mẹ đi chùa hàng ngày, lạy Phật lạy Tổ, lạy chư long thần hộ pháp, lạy tứ phương tám hướng, vậy mà không hề thấy một chút gì thay đổi. Hồi

mẹ, mẹ cười nói là “do cái nghiệp của mẹ còn nặng nề lắm”. Nghiệp là cái quái gì vậy ta? Vậy là mẹ cứ tiếp tục sống với vô vọng và tủi nhục. Bây giờ, nó phải đem số tiền khổng lồ này về cho mẹ ngồi bật dậy quên hết ưu phiền, và đuổi cái nghiệp đi cho khuất để nhẹ nhàng cho rồi...

Thăng Sấm đứng dậy, rồi đứng im với vàng trán nhần nhúm. Nó bần thần khi vừa nhớ đến lời mẹ dạy dỗ: “Đói cho sạch, rách cho thơm”. Không được tiêu xài của phù vân. “Của phù vân” có phải là cái cục tiền to khủng khiếp này không vậy? Nó ôm túi xách vào lòng, xiết chặt với tiết ruột. Nếu nghe lời mẹ, ngay bây giờ nó phải đem túi xách vào đồn công an ga, hoặc đến phòng bảo vệ, để giao trả. Nhặt được của rơi đem trả, chắc chắn nó sẽ được khen, được đưa lên báo đài, mẹ sẽ vui, sẽ hãnh diện tự hào vì có một đứa con ngoan. Nhưng không, lúc khác thì được, còn trong lúc ngặt nghèo nguy cấp này thì nó không thể đem trao trả cục tiền Trời ban tặng cho mình. Trời cho nó, chứ không phải Phật nào, hay thần thánh nào cho, vậy thì nó cứ việc “thọ hưởng”. Quyết định rồi, thăng Sấm băng băng về thẳng nhà đến nhà... Chân chạm đến trước cửa rồi, nó lại rùng mình chùn chân, đứng bất động suy tư. Rồi bằng những bước chân quả cảm đầy quyết tâm, nó chạy trở lại nhà ga, vào thẳng đồn công an, giao nộp chiếc túi xách còn nguyên vẹn từ ngoài vào trong. Nó tung tăng về nhà với mẹ, lòng

nhẹ tênh và sáng khoái. Không bao giờ ân hận. Thăng Sấm nói thầm như vậy. Biết đâu, khi nó kể chuyện này, mẹ nó sẽ vui mừng mà khỏi bệnh. Và biết đâu, ngày mai, hay ngày mốt, công an nhà ga sẽ tìm đến nhà thưởng nó vài trăm nghìn đồng, rồi người chủ của chiếc túi xách cũng sẽ thưởng cho nó vài trăm nghìn, chưa kể đến cái tiếng thơm mà mẹ nó thường cho là vô giá sẽ còn vương bám theo nó như vàng hào quang rực rỡ...

Thăng Sấm bước vào nhà, nhìn thấy mẹ nó đang ôm một người phụ nữ, hai người đều đang khóc nức nở. Người phụ nữ quay lại nhìn, nó nhận ra ngay đó là Di Ba, em ruột của mẹ, ở Sài-gòn mới ra. Di Ba ôm nó vào lòng, khóc:

– Cháu ơi... mắt hết rồi! Di ôm tiền ra cứu mẹ cháu... vậy mà đánh rơi mất ở sân ga rồi...

Thăng Sấm trở mắt lên, kinh hoàng:

– Di... để tiền ở đâu... mà mất?

– Trong một túi xách... Vì còn xách hai giỏ quần áo với quà... lúc xuống tàu... đánh rơi lúc nào không hay...

– Túi xách bằng da, màu... cà phê sữa... bên trong có một cục tiền... với gương lược...

– Sao? – Di Ba thăng Sấm giành hết phần kinh ngạc – Sao cháu lại biết rõ vậy?

Thăng Sấm thở phào, sung sướng gào to lên:

– Cháu nhặt được nó, cháu nộp cho công an nhà ga rồi!

Rồi nước mắt nó trào ra, trào ra...